BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

*****

TRỊNH NGỌC TÙNG

QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 9 14 01 14

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học
1. PGS.TS. PHÓ ĐỨC HÒA
2. PGS.TS. NGUYỄN THANH BÌNH

HÀ NỘI - 2018

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và lời cảm ơn chân thành đến:

PGS.TS. Phó Đức Hoà, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

PGS.TS. Nguyễn Thanh Bình, Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

PGS.TS. Nguyễn Vũ Bích Hiền, Trưởng Khoa Quản lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Xin chân thành cảm ơn Quý Thầy Cô, các đồng nghiệp, bạn bè thân hữu đã hỗ trợ, tạo điều kiện, động viên tôi trong quá trình thực hiện luận án.

Tác giả luận án

Trịnh Ngọc Tùng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng bản thân. Các số liệu trong luận án là trung thực.

Kết quả của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nào.

Tác giả luận án

Trịnh Ngọc Tùng

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN i
LỜI CAM ĐOAN ii
MỤC LỤC iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT viii
DANH MỤC BẢNG ix
DANH MỤC BIỂU ĐỒ xi
MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Mục đích nghiên cứu 3
3. Khách thể và Đối tượng nghiên cứu 3
4. Giả thuyết khoa học 3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu 4
6. Phạm vi nghiên cứu 4
7. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu 5
8. Đóng góp mới của luận án 7
9. Những luận điểm cần bảo vệ 8
10. Cấu trúc của luận án 8
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 9
1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ 9
1.1.1. Các nghiên cứu về đảm bảo chất lượng 9
1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý dạy học và quản lý dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng 11
1.1.3. Các nghiên cứu về quản lý dạy học ở trường trung học phổ thông chuyên 15
1.1.4. Đánh giá về các công trình nghiên cứu đi trước và các vấn đề đặt ra cần giải quyết của luận án 17

1.2. QUAN NIỆM VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRONG QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN.....19
1.2.1. Quan niệm về đảm bảo chất lượng.....19
1.2.2. Đảm bảo chất lượng trong quản lý dạy học môn chuyên.....24
1.3. DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG.....27
1.3.1. Trường trung học phổ thông chuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân 27
1.3.2. Dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên 31
1.4. QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 35
1.4.1. Tiếp cận CIPO trong quá trình đào tạo 35
1.4.2. Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.....37
Chương 2: THỰC TIỄN QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG..... 48
2.1. TỔ CHỨC KHẢO SÁT THỰC TIỄN.....48
2.1.1. Mục đích khảo sát.....48
2.1.2. Nội dung khảo sát.....48
2.1.3. Phương pháp khảo sát.....48
2.1.4. Tiêu chí và cách cho điểm 49
2.1.5. Địa bàn khảo sát và mẫu khảo sát.....50
2.2. THỰC TRẠNG DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 50
2.2.1. Thực trạng mức độ đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.....50
2.2.2. Thực trạng mức độ thực hiện nội dung dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.....52
2.2.3. Thực trạng mức độ thực hiện hình thức dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng 54

2.2.4. Thực trạng mức độ thực hiện phương pháp dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.....56
2.2.5. Thực trạng mức độ sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.....58
2.2.6. Thuận lợi, khó khăn khi tổ chức dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên.....60
2.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG.....63
2.3.1. Thực trạng quản lý các yếu tố đầu vào theo hướng đảm bảo chất lượng....63
2.3.2. Thực trạng quản lý các yếu tố quá trình dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng.....72
2.3.3. Thực trạng quản lý các yếu tố đầu ra theo hướng đảm bảo chất lượng.....83
2.3.4. Đánh giá tác động của các yếu tố thuộc về bối cảnh dạy học.....89
2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG.....95
2.4.1. Mặt tích cực.....95
2.4.2. Mặt hạn chế.....96
2.4.3. Nguyên nhân.....98
Chương 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG.....100
3.1. NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP.....100
3.1.1 Quán triệt triết lý của đảm bảo chất lượng.....100
3.1.2. Tuân theo quy trình đảm bảo chất lượng.....100
3.1.3. Đảm bảo phù hợp với thực tiễn quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên.....100
3.1.4. Đảm bảo tính mục tiêu và hiệu quả.....101

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện và tính hệ thống 101
3.2. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 102
3.2.1. Nhóm biện pháp quản lý các yếu tố đầu vào dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng 102
3.2.2. Nhóm biện pháp quản lý quá trình dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng 106
3.2.3. Nhóm biện pháp quản lý đầu ra dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng 113
3.2.4. Biện pháp điều tiết các tác động của bối cảnh đến quản lý dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng 115
3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP 118
3.4. KHẢO NGHIỆM NHẬN THỨC SỰ CẦN THIẾT VÀ MỨC ĐỘ KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG 121
3.4.1. Mục đích và đối tượng trưng cầu ý kiến 121
3.4.2. Nội dung và quá trình trưng cầu ý kiến 121
3.4.3. Kết quả khảo sát 121
3.4.4. Đánh giá chung về các biện pháp được khảo nghiệm 127
3.5. THỰC NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN NGUYỄN TRÃI - HẢI DƯƠNG 128
3.5.1. Mục đích thực nghiệm 128
3.5.2. Giả thuyết thực nghiệm 128
3.5.3. Mẫu và địa bàn thực nghiệm 128
3.5.4. Tiêu chí và cách cho điểm thực nghiệm 129
3.5.5. Các giai đoạn thực nghiệm 129
3.5.6. Phương pháp đánh giá thực nghiệm 129
3.5.7. Kết quả thực nghiệm 129

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 146
I. KẾT LUẬN 146
II. KHUYẾN NGHỊ 147
CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ 149
TÀI LIỆU THAM KHẢO 150
PHỤ LỤC 161

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
CBQL	Cán bộ quản lý
CSVC	Cơ sở vật chất
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
HSG	Học sinh giỏi
QLCL	Quản lý chất lượng
QLDH	Quản lý dạy học
THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 51
Bảng 2.2: Thực hiện dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 52
Bảng 2.3: Mức độ thực hiện Hình thức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 54
Bảng 2.4: Mức độ thực hiện Phương pháp dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL....56
Bảng 2.5: Mức độ sử dụng nguồn lực CSVC cho dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 58
Bảng 2.6: Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng ĐBCL 63
Bảng 2.7: Quản lý người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để ĐBCL dạy học cao. 65
Bảng 2.8: Quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 68
Bảng 2.9: Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL. 70
Bảng 2.10: Quản lý thực hiện dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL. 72
Bảng 2.11: Quản lý học tập môn chuyên của học sinh theo hướng ĐBCL. 74
Bảng 2.12: Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL. 76
Bảng 2.13: Mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên". 78
Bảng 2.14: Quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 80
Bảng 2.15: Quản lý công tác theo dõi việc học tập của các cựu học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên. 83
Bảng 2.16: Mức độ thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên trong học tập ở các trường đại học. 85

Bảng 2.17: Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 86
Bảng 2.18: Thực trạng tác động của yếu tố ảnh hưởng Đổi mới giáo dục hiện nay và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 89
Bảng 2.19: Thực trạng tác động của yếu tố Môi trường sư phạm ở trường THPT chuyên tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 91
Bảng 2.20: Thực trạng tác động của yếu tố Trình độ quản lý của cán bộ quản lý nhà trường tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 92
Bảng 2.21: Thực trạng tác động của yếu tố Bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương tới công tác quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. 93
Bảng 3.1: Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp QLDH theo hướng ĐBCL.....122

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Biểu đồ tổng hợp thực trạng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên ..60
Biểu đồ 2: Tổng hợp thực trạng quản lý các yếu tố đầu vào theo hướng ĐBCL.....71
Biểu đồ 3: Bảng tổng hợp Thực trạng quản lý các yếu tố quá trình dạy học theo hướng ĐBCL 81
Biểu đồ 4: Bảng tổng hợp Thực trạng quản lý các yếu tố đầu ra theo hướng ĐBCL.....88
Biểu đồ 5: Bảng tổng hợp đánh giá tác động các yếu tố thuộc về bối cảnh dạy học.....94
Biểu đồ 6: Thống kê điểm trung bình từng môn chuyên năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017. 245
Biểu đồ 7: Thống kê phổ điểm Điểm thi Tốt nghiệp THPT Quốc gia năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017. 245
Biểu đồ 8: Thống kê điểm TB thi THPT Quốc gia năm 2016 và năm 2017 246
Biểu đồ 9: Thống kê giải Quốc gia năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017 246
Biểu đồ 10: Tỷ lệ đỗ đại học năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017.....247

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Yêu cầu đổi mới giáo dục

Đảng, Nhà nước ta luôn nhận thức, đánh giá đúng tầm quan trọng của giáo dục trong phát triển con người, phát triển đất nước. Đại hội Đảng lần thứ XII đã xác định cần phải "Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo" với mục tiêu tổng quát là "Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực" [31, tr. 115].

Trong Đề án Phát triển hệ thống trường THPT chuyên giai đoạn 2010 - 2020, có nêu mục tiêu chung "Xây dựng và phát triển các trường THPT chuyên thành một hệ thống cơ sở giáo dục trung học có chất lượng giáo dục cao, đạt chuẩn quốc gia, có trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phát hiện các học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập để bồi dưỡng thành những người có lòng yêu đất nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc; có ý thức tự học; có nền tảng kiến thức vững vàng; có phương pháp tự học, tự nghiên cứu và sáng tạo; có sức khoẻ tốt để tạo nguồn tiếp tục đào tạo thành nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế. Các trường THPT chuyên là hình mẫu của các trường THPT về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo và tổ chức các hoạt động giáo dục" [22].

Sự nghiệp đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới giáo dục phổ thông nói riêng đã đạt được những thành tựu nhất định những cũng đang đặt ra nhiều thách thức về chất lượng và hiệu quả giáo dục, đòi hỏi phải có các giải pháp cấp bách. Trong đó, khâu đột phá là đổi mới QLGD ở phạm vi toàn bộ hệ thống giáo dục, cũng như ở phạm vi nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường đặc biệt là loại hình trường THPT chuyên.

1.2. Thực trạng QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên còn có một số hạn chế, bất cập, đây chính là nguyên nhân làm cho chất lượng đào tạo ở các trường chuyên chưa được như mong đợi. Hiện nay, có không ít quan niệm sai lệch về vấn đề phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài; Dạy và học các môn chuyên nặng về lý thuyết,

lĩnh vực chuyên chưa được xác định, chưa quan tâm phát triển toàn diện, khiến cho học sinh các trường chuyên thiếu về kỹ năng sống, yếu về thể lực.

Các trường THPT chuyên hiện nay chưa có sách giáo khoa thống nhất, đang giảng dạy theo các nội dung của môn chuyên theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về khung chương trình. Chương trình được nâng cao thêm những kiến thức sâu hơn về môn chuyên là tùy trình độ và năng lực của giáo viên chuyên và tiêu chí tuyển lựa học sinh của các trường chuyên hiện nay không giống nhau.

Về tuyển sinh, các trường chuyên trong cả nước về cơ bản vẫn tuyển học sinh bằng một phương thức, đó là kỳ thi tuyển, bằng các đề thi khó nên việc tuyển lựa chưa thực sự khách quan và còn bỏ sót nhiều học sinh có năng khiếu cao thực sự. Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó, có việc QLDH ở trường THPT chuyên còn một số hạn chế và bất cập.

QLDH theo hướng ĐBCL là một cách tiếp cận đang được vận dụng trong giáo dục, đào tạo nhằm chuẩn hóa trong giáo dục, Bộ GD&ĐT đã ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung học (Thông tư số: 13/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), nhưng chưa có tiêu chuẩn, tiêu chí nào cho quản lý chất lượng dạy học các môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Sứ mệnh của trường THPT chuyên là đào tạo đội ngũ nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, các trường đã làm đúng sứ mệnh của mình. Nhưng thực tế, trong quá trình QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên lại chưa có những quy định cụ thể để đánh giá. Những khó khăn trong quá trình giảng dạy, QLDH môn chuyên đặt ra yêu cầu phải có các biện pháp để QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

Xuất phát từ nghiên cứu QLGD và những vấn đề thực tiễn đặt ra cần QLDH môn chuyên ở trường chuyên theo hướng ĐBCL, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về quản lý hoạt động dạy học ở loại hình trường THPT thường, hoặc theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo. Song chưa có công trình nghiên cứu, luận án nào đi sâu nghiên cứu và vận dụng QLDH môn chuyên ở loại hình trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

1.3. Hiện nay, có nhiều mô hình quản lý chất lượng như ISO, EFQM, SEAMEO, AUN… nhưng chủ yếu hướng vào quản lý đào tạo ở bậc đại học, trong đó, thì mô hình CIPO theo quan điểm quá trình (từ đầu vào, quá trình đến đầu ra) trong bối cảnh cụ thể của môi trường kinh tế - xã hội địa phương với 10 yếu tố lại tỏ ra phù hợp với quản lý chất lượng của một nhà trường.

Chính vì những lý do như trên, tác giả quyết định chọn "*Quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*" là đề tài tiến sĩ, chuyên ngành quản lý giáo dục của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các biện pháp QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL trên cơ sở phân tích lý luận và khảo sát thực tiễn về công tác QLDH môn chuyên ở một số trường THPT chuyên cấp tỉnh.

3. Khách thể và Đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình dạy học ở trường THPT chuyên.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý quá trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.

4. Giả thuyết khoa học

QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên hiện nay chủ yếu đánh giá kết quả đầu vào (bằng điểm thi) và quá trình, đầu ra (số lượng giải HSG tỉnh, quốc gia, quốc tế và tỷ lệ học sinh thi đỗ đại học) của một số môn học chuyên làm cơ sở, nên chất lượng dạy học môn chuyên chưa phản ánh toàn diện kết quả quá trình dạy học của giáo viên và khả năng của học sinh.

Nếu thực hiện các biện pháp QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên gồm: quản lý đầu vào, quá trình dạy học, đầu ra, bối cảnh dạy học theo hướng ĐBCL thì sẽ đảm bảo được chất lượng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên, đáp ứng mục tiêu giáo dục THPT chuyên nói chung và HSG nói riêng.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Xây dựng cơ sở lý luận về QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

- Khảo sát đánh giá thực trạng QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL ở trường THPT chuyên trên địa bàn một số tỉnh khu vực đồng bằng sông Hồng.

- Đề xuất và khảo nghiệm các biện pháp QLDH môn chuyên ở các trường THPT chuyên cấp Tỉnh theo hướng ĐBCL.

- Thực nghiệm, đánh giá hiệu quả một số biện pháp QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL tại trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, Hải Dương.

6. Phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn về nội dung

- Dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên gồm một số môn trong chương trình giáo dục THPT, được nhà trường chọn trên cơ sở là môn khoa học cơ bản, có chương trình chuyên sâu và đội ngũ giáo viên chuyên. Môn chuyên được xem xét như là một hệ thống có tính độc lập tương đối, cho nên luận án chỉ nghiên cứu vấn đề QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên.

- Xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí phản ánh yêu cầu chung về dạy học các môn chuyên, không đi sâu vào từng môn chuyên cụ thể.

- Chủ thể QLDH môn chuyên gồm chủ thể chính là hiệu trưởng nhà trường và các chủ thể phối hợp là cán bộ lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng các môn chuyên và giáo viên dạy môn chuyên.

- Thực nghiệm biện pháp "Tổ chức bồi dưỡng giáo viên" và "Đổi mới phương pháp dạy học" vào QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL.

6.2. Giới hạn về địa bàn

- Nghiên cứu, khảo sát thực tiễn tại một số trường THPT chuyên khu vực đồng bằng sông Hồng, bao gồm: Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi - Hải Dương; Trường THPT chuyên Hưng Yên - Hưng Yên; Trường THPT chuyên Thái Bình - Thái Bình; Trường THPT chuyên Biên Hoà - Hà Nam; Trường THPT chuyên Lương Văn Tuỵ - Ninh Bình.

7. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Cách tiếp cận về mặt phương pháp luận

7.1.1. Tiếp cận đảm bảo chất lượng

Dựa trên các yêu cầu ĐBCL đối với dạy học các môn chuyên để xây dựng được các tiêu chuẩn, tiêu chí mang tính hệ thống để làm điểm tựa cho việc xây dựng và đánh giá hoạt động dạy của giáo viên, hoạt động học của học sinh và hoạt động quản lý của Hiệu trưởng.

7.1.2. Tiếp cận hệ thống cấu trúc, chức năng

Vận dụng tiếp cận hệ thống cấu trúc giúp:

- Xác định các lĩnh vực cần quản lý của hệ thống (theo tiếp cận ĐBCL).

- Xác định yêu cầu đối với từng thành tố này làm cơ sở cho việc xây dựng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đảm bảo và đánh giá chất lượng dạy học môn chuyên.

Tiếp cận chức năng là tiếp cận theo hướng ổn định, duy trì và có sự phát triển. Tiếp cận chức năng của QLDH môn chuyên là vận dụng các chức năng quản lý vào QLDH môn chuyên trong quản lý của nhà trường.

7.1.3. Tiếp cận CIPO

QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL được tiếp cận theo Mô hình CIPO của Unesco, gồm 4 quá trình cơ bản (đầu vào, quá trình, đầu ra, bối cảnh) là một hướng tiếp cận khoa học, dễ thực hiện và phù hợp với thực tiễn QLDH môn chuyên hiện nay.

7.1.4. Tiếp cận liên ngành

- Tiếp cận tâm lý - giáo dục: Thể hiện khi phân tích về bồi dưỡng và phát triển năng khiếu từ đó xác định yêu cầu ĐBCL bồi dưỡng, phát triển năng khiếu.

- Tiếp cận giáo dục học và quản lý giáo dục: Thể hiện khi xác định cấu trúc quá trình dạy học môn chuyên để xác định các lĩnh vực cần ĐBCL.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

- Phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa các kết quả trong các công trình nghiên cứu đã có trong và ngoài nước, các văn kiện của Đảng

và Nhà nước liên quan đến mục tiêu và chất lượng dạy học ở trường chuyên, ĐBCL giáo dục để xác định cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu.

7.2.2. Tổng kết kinh nghiệm quốc tế

Tổng kết các kinh nghiệm quốc tế về hệ thống ĐBCL ở đại học và ở trường phổ thông để tham khảo trong xây dựng và vận hành hệ thống ĐBCL dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.

7.2.3. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.3.1. Điều tra khảo sát

- Dựa trên bộ khung lý thuyết được xây dựng ở chương 1, thiết kế bảng hỏi để các đối tượng được khảo sát (CBQL, giáo viên dạy môn chuyên) tự đánh giá về thực trạng QLDH dạy các môn chuyên ở một số trường THPT chuyên cấp tỉnh.

7.2.3.2. Phương pháp quan sát

Tham quan các trường trong phạm vi nghiên cứu, quan sát hoạt động của giáo viên và học sinh, dự giờ môn chuyên.

7.2.3.3. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Nghiên cứu các Nghị quyết, chiến lược phát triển, báo cáo tổng kết và phương hướng năm học trong các năm 2013 - 2016, báo cáo tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của các trường THPT chuyên để có cơ sở đối sánh với thực trạng thông qua kết quả khảo sát. Đồng thời nghiên cứu khung chương trình các môn chuyên của Bộ GD&ĐT, danh mục tài liệu dạy các môn chuyên, danh mục tài liệu tham khảo, biên bản sinh hoạt chuyên đề, kế hoạch dạy học của GV, đề cương môn học, kế hoạch bài dạy của GV, bài kiểm tra của HS…

7.2.3.4. Phương pháp phỏng vấn

- Tiến hành trao đổi với các GV, HS các trường THPT chuyên để tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn của họ khi thực hiện dạy học các môn chuyên, đồng thời những đánh giá của họ về thực trạng QLDH các môn chuyên ở các trường THPT chuyên hiện nay nhằm thu thập những thông tin cần thiết bổ sung cho phương pháp điều tra khảo sát.

7.2.3.5. Phương pháp chuyên gia

- Phương pháp này được sử dụng để thẩm định các yêu cầu và các tiêu chuẩn, tiêu chí ĐBCL dạy học môn chuyên. Đồng thời, phương pháp này cũng

được sử dụng khi thẩm định các biện pháp quản lý chất lượng dạy học môn chuyên dựa trên hướng ĐBCL được đề xuất.

7.2.4. Nhóm các phương pháp xử lý thông tin

- Sử dụng một số công thức toán học áp dụng trong nghiên cứu giáo dục. Phương pháp này được sử dụng với mục đích xử lý các kết quả điều tra, phân tích kết quả nghiên cứu, đồng thời để đánh giá mức độ tin cậy của phương pháp điều tra, phương pháp thử nghiệm.

- Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý số liệu.

- Sử dụng mô hình, sơ đồ, đồ thị...

8. Đóng góp mới của luận án

8.1. Về lý luận

- Hệ thống hoá và xây dựng cơ sở lý luận QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL (xây dựng các khái niệm về dạy học môn chuyên và QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL).

- Xây dựng được các biện pháp QLDH dạy học môn chuyên ở các trường THPT chuyên cấp Tỉnh theo hướng ĐBCL.

8.2. Về thực tiễn

- Phát hiện trong QLDH môn chuyên còn có một số vấn đề hạn chế, từ đó bước đầu khẳng định QLDH chuyên theo ĐBCL (vận dụng mô hình CIPO) sẽ nâng cao hiệu quả QLDH môn chuyên.

- Áp dụng bước đầu các biện pháp quản lý của CIPO vào QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

- Đề xuất và khẳng định hiệu quả các nhóm giải pháp QLDH theo mô hình CIPO trong việc nâng cao chất lượng.

- Bước đầu đã áp dụng thành công các biện pháp vào QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, Hải Dương đã cho những kết quả tích cực.

- Ở một số trường THPT có thể áp dụng cả quá trình hoặc từng bước, từng biện pháp cụ thể vào QLDH theo hướng ĐBCL.

- Là tài liệu tham khảo cho những người cho những người nghiên cứu, giảng dạy nói chung và áp dụng mô hình CIPO vào QLDH môn chuyên ở trường THPT nói riêng.

8.3. Đề xuất

- Đề xuất áp dụng mô hình CIPO trong QLDH ở trường THPT chuyên và các trường THPT thường.

- Các biện pháp QLDH môn chuyên là cơ sở để xây dựng khung tham chiếu để các trường căn cứ vào đó để xây dựng các biện pháp QLDH phù hợp với thực tế từng trường THPT theo hướng ĐBCL.

9. Những luận điểm cần bảo vệ

- QLDH môn chuyên còn hạn chế, bất cập như: chưa có quy định cụ thể nào cho quản lý chất lượng dạy học các môn chuyên ở trường THPT chuyên; mới chỉ có khung chương trình chuyên, chưa sách giáo khoa môn chuyên…

- QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL: quản lý toàn bộ đầu vào, quá trình, đầu ra và bối cảnh; xây dựng khung tham chiếu; bộ thủ tục đánh giá… sẽ nâng cao được chất lượng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.

- QLDH môn chuyên theo CIPO là một cách QLDH môn chuyên sẽ đáp ứng được yêu cầu mục tiêu đào tạo học sinh một cách toàn diện.

10. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.

Chương 2: Thực tiễn về quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.

Chương 3: Biện pháp quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1.1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1.1. Các nghiên cứu về đảm bảo chất lượng

Harvey, L., & Green, D., (1993), *Defining quality, Assessment and Evaluation in Higher Education (Xác định chất lượng, Thẩm định và Đánh giá trong Giáo dục Đại học)*, Vol.18, No.1, 9. Các tác giả đã đưa ra 5 quan niệm về chất lượng. Cụ thể là: (1) chất lượng là sự xuất sắc, (2) chất lượng là sự hoàn hảo, (3) chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu, (4) chất lượng là sự đáng giá đồng tiền, và (5) chất lượng là giá trị chuyển đổi.

Theo Freeman R (1994), trong tác phẩm "*Đảm bảo chất lượng trong giáo dục và đào tạo*" [101], tác giả nhấn mạnh: ĐBCL là một cách tiếp cận mà công nghiệp sản xuất sử dụng nhằm đạt được chất lượng tốt nhất…; ĐBCL là một cách tiếp cận có hệ thống nhằm xác định nhu cầu thị trường và điều chỉnh các phương thức làm việc nhằm đáp ứng được các nhu cầu đó.

Wilger, A., (1997), *Quality assurance in higher education: a literature review (Bảo đảm chất lượng trong giáo dục đại học: đánh giá tài liệu)*, Stanford University, Stanford, CA. Theo Wilger thì đảm bảo chất lượng là một quá trình phức hợp mà qua đó trường đại học đảm bảo rằng chất lượng của các quy trình giáo dục được duy trì theo những tiêu chuẩn đã đề ra. Thông qua các hoạt động đảm bảo chất lượng, trường đại học có thể làm hài lòng chính nhà trường, sinh viên và những đối tượng khác ngoài nhà trường [126].

Woodhouse, D., (1999), *Quality and quality assurance, Quality and Internationalisation in Higher Education (Chất lượng và đảm bảo chất lượng, Chất lượng và Quốc tế hóa trong Giáo dục Đại học)*, OECD-IMHE, Paris, 29. Woodhouse cho rằng đảm bảo chất lượng là "các hệ thống, chính sách, thủ tục, quy trình, hành động và thái độ được cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ sở giáo

dục xác định, xây dựng và triển khai nhằm đạt được, duy trì, giám sát và củng cố chất lượng" [126].

Theo Paul Watson (2002), *Mô hình quản lý chất lượng Châu Âu (EFQM)*[109]. (Method for improving the quality of higher education based on the EFQM) là cơ cấu tổ chức không theo một quy tắc nhất định dựa trên 9 tiêu chí: 5 tiêu chí "Vận hành", 4 tiêu chí "Kết quả". Tiêu chí "vận hành" là tiêu chí được thực hiện, "kết quả" là tiêu chí đạt được.

Tổ chức các Bộ trưởng giáo dục Đông Nam Á (2003), trong công trình "*Khung đảm bảo chất lượng trong khu vực*" [117] đã chỉ ra: Hệ thống ĐBCL đào tạo bao gồm: cơ cấu tổ chức, các thủ tục, các quá trình và các nguồn lực cần thiết của các cơ sở đào tạo.

Theo Petros Kefalas và các cộng sự (2003) [110], một hệ thống ĐBCL (QAS) bao gồm các tiêu chuẩn chất lượng: (1) chương trình học tập hiệu quả; (2) đội ngũ giáo viên; (3) khả năng sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có; (4) phản hồi tích cực từ học viên; (5) sự hỗ trợ từ các bên liên quan và thị trường lao động.

UNESCO-IIEP, (2006), *External quality assurance: options for higher education managers (Bảo đảm chất lượng bên ngoài: lựa chọn cho các nhà quản lý giáo dục bậc cao)*, UNESCO-IIEP, Paris. Trong đó, đảm bảo chất lượng bên trong liên quan đến các chính sách và cơ chế của mỗi cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo để đảm bảo rằng cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đó thực hiện được các mục tiêu cũng như là các tiêu chuẩn áp dụng cho giáo dục đại học nói chung hoặc cho cho từng lĩnh vực nghề nghiệp nói riêng. Đảm bảo chất lượng bên ngoài liên quan đến các hoạt động của một đơn vị bên ngoài nhà trường, đó có thể là một tổ chức kiểm định chất lượng, đánh giá hoạt động của trường hoặc các chương trình đào tạo để quyết định liệu trường hoặc các chương trình đào tạo có đáp ứng các tiêu chuẩn đã thống nhất từ trước hay không.

Mô hình EFQM nhấn mạnh bản chất linh hoạt chúng chỉ ra những cách thức mới giúp cải thiện việc "vận hành" cũng như cải thiện "kết quả". Tác giả cho rằng một khung tự đánh giá những điểm mạnh và điểm yếu trong lĩnh vực

QLCL để cải thiện hoạt động của một tổ chức, nhằm cung cấp một dịch vụ hoặc sản phẩm xuất sắc cho khách hàng, hoặc các bên liên quan. Mỗi tổ chức có thể sử dụng nó theo cách riêng của mình để quản lý, cải tiến và phát triển.

Đào Văn Khanh, trong bài viết "*Quản lý chất lượng ở trường đại học, ISO hay EFQM*"*?* [53], đã giới thiệu một số nét chính về hai mô hình ISO (International Organization for Standardization) và EFQM (European Foundation for Quality Management), phân tích và so sánh sự khác biệt của hai mô hình; đồng thời chỉ ra những ưu điểm và phương thức đánh giá của mô hình EFQM. Cả hai phương pháp ISO và EFQM đều nhấn mạnh khả năng đo lường, phân tích và cải tiến.

Trần Khánh Đức (2000) với đề tài cấp Bộ (B2000-52- TĐ44) *"Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn đảm bảo chất lượng đào tạo đại học và trung học chuyên nghiệp".* Xây dựng cơ sở lý luận về ĐBCL đào tạo đại học và trung học chuyên nghiệp, xây dựng cơ sở lý luận về ĐBCL đối tượng đào tạo, đề xuất mô hình tổng thể quá trình đào tạo và bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn ISO và TQM [33].

Sái Công Hồng (2014), *Quản lý chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh ở Đại học Quốc gia Hà Nội theo tiếp cận đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học khu vực Đông Nam Á (AUN):* Xây dựng khung lý luận QLCL đào tạo theo tiếp cận IQA, đề xuất triển khai một số nhóm giải pháp theo tiếp cận ĐBCL của AUN để quản lý hiệu quả chương trình đào tạo [47].

Trần Linh Quân (2013), *Nghiên cứu xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng*. Luận án xác định nội dung, điều kiện ĐBCL và đề xuất hệ thống các giải pháp ĐBCL đào tạo ở các trường chuyên nghiệp [83].

1.1.2. Các nghiên cứu về quản lý dạy học và quản lý dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng

1.1.2.1. Các nghiên cứu về quản lý dạy học

Nghiên cứu tiêu biểu về xu hướng QLDH và quản lý lớp học của các tác giả Dr. Ali Murtaza, Dr.Abdul Majeed Khan, trong công trình "Vai trò của giáo viên trong quản lý tình huống dạy và học" - "Role of Teachers in Managing Teaching

Learning Situation" [98]. Nghiên cứu này xem xét lại vai trò của giáo viên trong các tình huống dạy và học; Đánh giá vai trò của giáo viên trong quản lý tính huống giảng dạy; Xác định các vấn đề liên quan đến tình huống dạy, học mà giáo viên thường gặp phải; Đề xuất các giải pháp cho các vấn đề và tình huống liên quan đến việc quản lý dạy và học.

Trong nghiên cứu về *Phong cách giảng dạy tích cực và thụ động: nghiên cứu thực nghiệm về kết quả học tập của học sinh (Active versus passive teaching styles: an empirical study of student learning outcomes)* của các tác giả Norbert Michel [108]. Nghiên cứu này tập trung chỉ ra ý nghĩa các nguyên tắc học tập và giảng dạy tích cực có thể đem lại thành tích học tập cao và nhận định rằng, để có được những tác động tích cực đến học sinh thì quản lý hoạt động giảng dạy phải áp dụng các nguyên tắc tích cực khi thực hiện các hoạt động sư phạm trong lớp học. Cụ thể qua bốn khía cạnh: bối cảnh học tập (tạo không khí cởi mở và thoải mái của lớp học), chuẩn bị bài (tư duy, kế hoạch bài học cụ thể, và sáng tạo trước mỗi giờ dạy), thể hiện trong khi giảng (thực hiện tốt nhất bài học theo kế hoạch), và nâng cao dần (tìm kiếm và sử dụng các ý kiến phản hồi). Nghiên cứu cũng chỉ ra, mặc dù các phương pháp giảng dạy tích cực được phát triển chi tiết nhằm thuận tiện hơn cho quản lý và nâng cao chất lượng giảng dạy

Công trình nghiên cứu *"Quản lý dạy và học - Managing teaching and learning" - Education (School Management and Leadership), Department of Education South Africa, 2008* [107]. Trong đó chỉ ra quản lý dạy và học là chức năng quan trọng của lãnh đạo nhà trường, đó là tạo ra điều kiện và môi trường hỗ trợ tốt nhất cho việc dạy và học.

Một số giải pháp thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phân hoá - Đề tài cấp Bộ, mã số B2004-80-03- Chủ nhiệm đề tài: Tôn Thân, Hà Nội 2005. Đề tài đã nghiên cứu quá trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phân hoá các môn học để từ đó đề ra một số giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông. [73]

Tác giả Nguyễn Ngọc Hùng (2006) với Luận án Tiến sĩ QLGD *"Các giải*

pháp đổi mới QLDH thực hành theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kỹ thuật". Nội dung nghiên cứu cơ bản là: Xác định cơ sở lý luận của QLDH thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kỹ thuật; khảo sát đánh giá thực trạng QLDH thực hành tại các trường sư phạm kỹ thuật; đề xuất các giải pháp đổi QLDH thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kỹ thuật [49].

Tác giả Ninh Văn Bình (2008) với Luận án Tiến sĩ Giáo dục học *"Biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng dạy học"*. Nội dung nghiên cứu cơ bản là: Nghiên cứu cơ sở lý luận của đề tái; đánh giá thực trạng về các biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở Trung tâm Giáo dục thường xuyên; đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở Trung tâm Giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng dạy học [6].

Tác giả Mai Công Khanh (2009) với Luận án Tiến sĩ QLGD *"Quản lý dạy học ở trường dự bị đại học dân tộc theo yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi hiện nay"*. Nội dung nghiên cứu cơ bản là: Xây dựng cơ sở lý luận về QLDH ở trường dự bị Đại học dân tộc; phân tích đánh giá thực trạng QLDH ở trường dự bị đại học dân tộc; đề xuất các giải pháp quản lý của hiệu trưởng trường dự bị đại học dân tộc đối với hoạt động dạy học theo yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi hiện nay [54].

Tác giả Lê Hoàng Hà (2012) trong Luận án Tiến sĩ QLGD *"Quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hoá ở trường trung học phổ thông Việt Nam hiện nay"*. Nội dung nghiên cứu cơ bản là: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về QLDH theo quan điểm dạy học phân hoá ở trường THPT; trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp có tính khoa học và tính thực tiễn về QLDH theo quan điểm dạy học phân hoá ở trường THPT Việt Nam hiện nay (ở cấp vi mô), góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở trường THPT hiện nay [37].

1.1.2.2. Các nghiên cứu về quản lý dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng

Quản lý chất lượng ở các trường trung học Hoa Kỳ [104] - Tạp chí Lãnh đạo trường (James R. Detert, Michelle E. Bauerly Kopel: *Quality Management in US*

High Schools: Evidence from the Field 1, 2 Journal of school leadership). Bài viết này báo cáo về các giai đoạn đầu của nghiên cứu theo chiều dọc kiểm tra việc thực hiện nỗ lực cải cách trong các trường trung học ở Hoa Kỳ về chất lượng quản lý. QLCL được định nghĩa là việc sử dụng bảy phương pháp sau: cải tiến liên tục, tập trung vào khách hàng, tư duy hệ thống, lãnh đạo, nghiên cứu và đánh giá quy trình, ra quyết định dựa trên dữ liệu và đào tạo. Phỏng vấn và khảo sát dữ liệu từ các trường cao đẳng được lựa chọn một cách có chủ ý. Báo cáo cho thấy có hạn chế về việc sử dụng có hiệu quả và thể chế hoá bảy thực hành chất lượng của giáo viên lớp học. Mặc dù các bài học kinh nghiệm và các ví dụ về các thực tiễn tốt nhất là có tính hướng dẫn. Các yếu tố theo ngữ cảnh hỗ trợ hoặc hạn chế thực việc hiện quản lý tài chính (tiền bạc) được xác định và giải thích. Cung cấp cái nhìn sâu sắc về việc thực hiện các cải cách hệ thống trường học, đặc biệt chú trọng đến vai trò lãnh đạo quan trọng của hiệu trưởng.

Trong Dự án hỗ trợ đổi mới quản lý giáo dục, Điều hành các hoạt động trong trường học (SREM) (2009) đề xuất việc quản lý dạy và học ở trường phổ thông cần bao gồm quản lý hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động của học sinh. Quản lý hoạt động của giáo viên cần đảm bảo thực hiện việc: xếp và quản lý thời khóa biểu dạy học; tổ chức hội giảng và thi giáo viên dạy giỏi; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn; hội thảo chuyên đề chuyên môn; sinh hoạt tổ chuyên môn; theo dõi thực hiện quy chế, nhiệm vụ chuyên môn; theo dõi nghỉ dạy học của toàn trường; xây dựng kế hoạch chuyên môn; dự giờ hoạt động sư phạm giáo viên.

Khi nghiên cứu về xu thế phát triển của QLGD, tác giả Nguyễn Lộc (2010) trong bài viết "*TQM hay là quản lý chất lượng toàn thể trong giáo dục*", đề xuất ba giai đoạn phát triển của QLCL đó là: "Kiểm tra chất lượng, đảm bảo chất lượng và cải tiến liên tục". Tác giả nhận định: "Nếu như giáo dục đã áp dụng thành công các giai đoạn đầu của quản lý giáo dục là kiểm tra và đảm bảo chất lượng thì trong giai đoạn sắp tới cần nghiêm túc xem xét việc triển khai TQM nhằm đưa quản lý chất lượng giáo dục lên tầm cao mới, đáp ứng đòi hỏi mới của thời đại" [59].

Vũ Duy Hiển (2013), *Quản lý quá trình đào tạo đại học vừa làm vừa học theo tiếp cận đảm bảo chất lượng*. Tác giả nghiên cứu và đề xuất các giải pháp quản lý quá trình đào tạo đại học vừa làm vừa học theo tiếp cận ĐBCL, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đại học [45].

Nghiên cứu về QLCL quá trình dạy học ở trường phổ thông theo tiếp cận TQM, tác giả Phạm Quang Huân (2007) đề xuất mô hình bốn bước (PDCA): (1) Hoạch định, định hướng chất lượng của nhà trường; (2) Thực hiện chất lượng dạy học thông qua tổ, nhóm chuyên môn trong nhà trường; (3) Kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy học của giáo viên; (4) Hoạt động cải tiến chất lượng. QLCL quá trình dạy học trên lớp của giáo viên. QLCL quá trình học tập của học sinh [48].

1.1.3. Các nghiên cứu về quản lý dạy học ở trường trung học phổ thông chuyên

Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Chủ nhiệm đề tài): *"Nghiên cứu xây dựng một quy trình đào tạo giáo viên phổ thông chất lượng cao trong trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực"* [60, tr. 29]. Đề tài với mục đích nghiên cứu xây dựng mô hình và quy trình đào tạo giáo viên THPT chất lượng cao trong đại học đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó thực hiện xây dựng cơ sở lý luận về giáo viên chất lượng cao; Xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hình thành mô hình và quy trình đào tạo giáo viên chất lượng cao trong đại học đa lĩnh vực; Đánh giá kết quả triển khai bước đầu mô hình và quy trình đào tạo giáo viên chất lượng cao ở Đại học Quốc gia Hà Nội. Đề tài đã đi sâu nghiên cứu đào tạo đội ngũ giáo viên sẽ giảng dạy ở các trường THPT trong đó có đội ngũ giáo viên sẽ dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Tác giả Đặng Thị Thuỳ Linh (2014), trong công trình nghiên cứu "*Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh*" [58], đã trình bày cơ sở lý luận về quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường THPT; nghiên cứu thực trạng và đưa ra một số giải pháp về kiểm định chất lượng giáo dục và quản lý kiểm định chất lượng giáo dục các trường THPT tại thành phố Hồ Chí Minh; tuy nhiên luận án chưa đề cập nhiều đến việc xây dựng cơ chế, mô hình quản lý, kiểm định chất lượng giáo dục.

"*Phát triển thể chất của học sinh trung học phổ thông chuyên*" do Đồng Hương Lan (chủ biên, 2016). Các tác giả đã trình bày một số vấn đề về phát triển thể chất và các yếu tố chính tác động trực tiếp tới sự phát triển thể chất của học sinh THPT (15 - 17 tuổi); một số đặc điểm về các trường THPT chuyên và định hướng các giải pháp phát triển thể chất cho học sinh THPT chuyên [57].

Phan Khắc Nghệ (2016) trong Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục "*Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học phần di truyền học ở trường THPT chuyên*" [63]. Tác giả đề xuất cấu trúc năng lực giải quyết vấn đề; thiết kế quy trình và các công cụ để rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học phần di truyền học ở các trường THPT chuyên.

Trần Thị Thanh Xuân (2016) trong Luận án Tiến sĩ Giáo dục học "*Dạy học khám phá phần cơ sở di truyền học ở lớp chuyên sinh trung học phổ thông*" [88]. Tác giả trình bày thực trạng nhận thức về dạy học khám phá, tổ chức dạy học khám phá và rèn năng lực nghiên cứu khoa học ở trường chuyên. Phân tích nội dung phần cơ sở di truyền học của học sinh lớp chuyên sinh, xác định cấu trúc của năng lực nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, đề xuất quy trình thiết kế các đề tài khoa học và vận dụng vào phần cơ sở di truyền học...

Bùi Thị Tuyết Hồng (2004), trong bài viết "*Tăng cường quản lý hoạt động dạy học ở trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương - Phú Thọ*", đăng trên Tạp chí Giáo dục nêu một số vấn đề về dạy học, QLDH các môn ở trường THPT chuyên, từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý hoạt động dạy học ở trường chuyên [46, tr. 44-49].

Nguyễn Bác Dụng (2009), với Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục "*Mô hình quản lý trường trung học phổ thông chuyên đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện*" [27]. Tác giả đã nêu ra hệ thống hoá, ứng dụng và phát triển những vấn đề lý luận về giáo dục và quản lý giáo dục. Khảo sát và đánh giá thực trạng hoạt động giáo dục học sinh năng khiếu và quản lý giáo dục của các trường trung học phổ thông chuyên hiện nay. Đề xuất mô hình quản lý trường trung học phổ thông chuyên và các giải pháp triển khai mô hình phù hợp.

1.1.4. Đánh giá về các công trình nghiên cứu đi trước và các vấn đề đặt ra cần giải quyết của luận án

1.1.4.1. Đánh giá về các công trình nghiên cứu đi trước

- Đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về các nội dung: Dạy học hướng vào đối tượng người học; đổi mới nội dung và phương pháp dạy học; dạy học gắn với thực tiễn...

- Các công trình nghiên cứu về QLDH đã có nhưng ít hơn tập trung vào các nội dung: Lý luận chung về quản lý, quản lý nhà trường, QLDH nhằm nâng cao chất lượng dạy học; những nguyên tắc chung của việc quản lý hoạt động dạy học; các biện pháp quản lý vận dụng trong QLGD, quản lý trường học; quản lý hoạt động dạy học của hiệu trưởng trường THPT; đổi mới QLDH thực hành theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kỹ thuật; quản lý hoạt động dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng dạy học; QLDH theo quan điểm dạy học phân hoá ở trường THPT.

- QLDH đã có một số công trình nghiên cứu trên bình diện lý luận và thực tiễn nhưng tập trung nghiên cứu vào QLDH ở đại học, cao đẳng hoặc ở trường THPT thường, nghiên cứu về QLDH ở trường THPT chuyên hầu như chưa có.

- Nghiên cứu về chất lượng giáo dục đại học được triển khai ở nhiều bình diện khác nhau và đặc biệt được quan tâm. Trên bình diện quản lý giáo dục chủ yếu đề cập những vấn đề cơ bản về ĐBCL, quản lý cơ sở đào tạo đại học, quản lý đào tạo theo hướng ĐBCL trong giáo dục đại học. Các nghiên cứu về chất lượng giáo dục đại học tập trung chủ yếu vào các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học, vấn đề kiểm định chất lượng; QLCL đào tạo ở trường đại học.

- Đã có nhiều nghiên cứu về ĐBCL, QLCL nhưng chủ yếu tập trung vào quản lý đào tạo, ở cấp đại học, cao đẳng còn nghiên cứu ở bậc phổ thông rất ít.

- Nghiên cứu về QLDH ở trường THPT chuyên và QLDH môn chuyên còn rất ít được nghiên cứu.

- Đã có nghiên cứu quản lý ĐBCL ở trường THPT chuyên, nhưng chưa có nhiều công trình nghiên cứu đề cập cụ thể đến việc *Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.*

- Nghiên cứu QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL chưa có nghiên cứu.

Chính từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài "*Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*" làm đề tài tiến sĩ nhằm góp một phần "lấp" khoảng trống khoa học trong nghiên cứu về QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên.

1.1.4.2. Các vấn đề đặt ra cho luận án cần giải quyết

Về lý luận

- Hệ thống hoá và xây dựng các khái niệm về môn chuyên, dạy học môn chuyên và QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL.

- Xác định các biện pháp QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. Các *biện pháp* mang tính hệ thống, bao quát khá toàn diện các yếu tố ĐBCL dạy học môn chuyên cũng như mối quan hệ biện chứng giữa chúng.

Về thực tiễn

- Áp dụng các biện pháp quản lý vận dụng mô hình CIPO vào QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

- Bước đầu áp dụng thành công các biện pháp QLDH môn chuyên theo mô hình CIPO ở trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, Hải Dương, đã cho những kết quả tích cực.

- Ở một số trường THPT có thể áp dụng toàn bộ các biện pháp hoặc từng biện pháp vào QLDH theo hướng ĐBCL.

Yếu tố ảnh hưởng

Các biện pháp sẽ có ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, có cả những thuận lợi và khó khăn.

Áp dụng thành công các biện pháp sẽ giúp nhà trường thực hiện thành công sứ mệnh, mục tiêu của trường THPT chuyên.

Các biện pháp QLDH môn chuyên có thể gây ra một số trở ngại, khó khăn trong công tác quản lý, nhất là với những CBQL không muốn hoặc ngại thay đổi.

Đề xuất và khẳng định tính hiệu quả

- Đề xuất vận dụng mô hình CIPO trong QLDH ở trường THPT chuyên và các trường THPT thường.

- Xây dựng khung tham chiếu gồm các biện pháp một cách thống nhất để các trường căn cứ vào đó để xây dựng bộ công cụ phù hợp với thực tế từng trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL góp phần nâng cao chất lượng dạy HSG và đào tạo nhân tài cho đất nước.

- Áp dụng các biện pháp QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên đã nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng cho giáo viên và nhân viên nhà trường.

- Áp dụng các biện pháp QLDH môn chuyên giúp cho CBQL dễ thực hiện quản lý ngay từ đầu vào, quá trình, đầu ra và bối cảnh một cách cụ thể, linh hoạt.

- Áp dụng các biện pháp QLDH môn chuyên làm cho chất lượng, kết quả học sinh ở trường THPT chuyên tăng lên.

1.2. QUAN NIỆM VỀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG TRONG QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN

1.2.1. Quan niệm về đảm bảo chất lượng

1.2.1.1. Khái niệm chất lượng và đảm bảo chất lượng

Khái niệm chất lượng là một khái niệm đa nghĩa, khó định nghĩa, khó áp dụng và khó đo lường. Chất lượng được áp dụng cụ thể, trực tiếp với những lĩnh vực, sản phẩm cụ thể. Có thể nói, chất lượng là một phạm trù tổng hợp về kinh tế, kỹ thuật, văn hoá, xã hội... Dưới đây là một số khái niệm:

Chất lượng theo tiếng Latinh là "qualis" và tiếng Pháp là "qualitie" đều có nghĩa là "mức độ tuyệt hảo".

Harvey, L., & Green, D., (1993) đã đưa ra 5 quan niệm về chất lượng. Cụ thể là: (1) chất lượng là sự xuất sắc, (2) chất lượng là sự hoàn hảo, (3) chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu, (4) chất lượng là sự đáng giá đồng tiền, và (5) chất lượng là giá trị chuyển đổi [105].

Theo Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hóa, trong tiêu chuẩn ISO 8402: 2000 (Quality Management and Quality Assurance): Chất lượng là toàn bộ các đặc tính

của một thực thể, tạo cho thực thể có khả năng thỏa mãn các nhu cầu đã được công bố hay còn tiềm ẩn [114].

Theo Tổ chức kiểm tra chất lượng Châu Âu (European Quality Control Organization): "Chất lượng là mức độ phù hợp với yêu cầu người tiêu dùng" [100].

Theo P. G. Crosby: "Chất lượng là sự phù hợp với nhu cầu" và J.M. Juran, một chuyên gia về chất lượng nổi tiếng của Mỹ: "Chất lượng bao gồm những đặc điểm của sản phẩm phù hợp với các nhu cầu của khách hàng và tạo ra sự thỏa mãn đối với khách hàng" [81]. Theo Edward Sallis chất lượng được phân thành 2 giá trị khác nhau đó là chất lượng tuyệt đối và chất lượng tương đối.

Theo Từ điển Oxford Advanced: Chất lượng là mức độ hoàn thiện, đặc trưng so sánh hay đặc trưng tuyệt đối, dấu hiệu đặc thù, các dữ liệu, các thông số cơ bản của sự vật, mà nhờ đó có thể phân biệt sự vật này với sự vật khác [129].

Theo tác giả Thái Duy Tuyên: Chất lượng là mức độ tốt, sự xuất sắc; cái tạo nên phẩm chất nhất của sự vật, mà nhờ đó có thể phân biệt sự vật này với sự vật khác [83].

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, chất lượng được hiểu là một phạm trù triết học biểu thị những thuộc tính bản chất của sự vật, hiện tượng, chỉ rõ nó là cái gì, phản ánh tính ổn định tương đối của sự vật, hiện tượng, để phân biệt nó với sự vật, hiện tượng khác. Chất lượng của sự vật, hiện tượng luôn biểu hiện ra bên ngoài qua các thuộc tính vốn có của nó. Nó là cái liên kết các thuộc tính của sự vật, hiện tượng lại làm một, gắn bó với sự vật như một tổng thể, bao quát toàn bộ sự vật và không tách rời khỏi sự vật [89].

Chất lượng theo quan điểm tuyệt đối như trên đồng nghĩa chất lượng tốt, chất lượng cao. Việc đánh giá chất lượng bằng các đặc điểm về tính năng và phẩm chất cao nhất, và có thể sử dụng so sánh hai hoặc nhiều sản phẩm, dịch vụ đồng loại để đánh giá loại nào cao hơn, và chọn ra loại có chất lượng cao nhất. Từ đó sẽ quy định những tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng yêu cầu tối thiểu của việc sử dụng. Nói tóm lại, đây là quan niệm theo hướng chất lượng phụ thuộc vào mục tiêu đạt được.

Chất lượng theo quan niệm tương đối

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam (2002), tập 1, Chất lượng được định

nghĩa: Chất lượng là mức độ của một tập hợp các đặc tính vốn có đáp ứng các yêu cầu. Yêu cầu ở đây được hiểu là nhu cầu hay là mong đợi đã được công bố hoặc ngầm hiểu của các bên quan tâm như các tổ chức và khách hàng [89].

Theo tác giả Nguyễn Đức Chính thì: Chất lượng là sự phù hợp với nhu cầu [23]; còn tác giả Nguyễn Kim Dung coi: Chất lượng là sự đáp ứng mục tiêu đã đặt ra và mục tiêu đó phải phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội [25].

Đây là những quan niệm "động" về chất lượng khi nó đáp ứng được các mong muốn của người sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Với quan niệm về chất lượng như trên có thể được coi là chất lượng phụ thuộc vào nhu cầu của người sử dụng.

Từ những quan niệm trên, theo tác giả: *Chất lượng là sự thoả mãn nhu cầu, bằng việc đạt được những mục tiêu cụ thể, được quy định bằng các tiêu chuẩn trong một hệ thống, một quá trình và trong không gian, thời gian cụ thể.*

Từ những nội dung trên, tác giả tiếp cận một số quan niệm về chất lượng giáo dục.

Chất lượng giáo dục là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của cơ sở giáo dục, đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. (TT 62/2012/TT-BGDĐT).

Chất lượng giáo dục là sự đáp ứng các chuẩn quy định (đảm bảo chất lượng bên ngoài), đáp ứng mục tiêu đề ra (đảm bảo chất lượng bên trong) và phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội (mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng, của xã hội).

1.2.1.2. Khái niệm đảm bảo chất lượng

Woodhouse, D., cho rằng đảm bảo chất lượng là "các hệ thống, chính sách, thủ tục, quy trình, hành động và thái độ được cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ sở giáo dục xác định, xây dựng và triển khai nhằm đạt được, duy trì, giám sát và củng cố chất lượng" [127].

Theo Wilger thì đảm bảo chất lượng là một quá trình phức hợp mà qua đó trường đại học đảm bảo rằng chất lượng của các quy trình giáo dục được duy trì theo những tiêu chuẩn đã đề ra. Thông qua các hoạt động đảm bảo chất lượng,

trường đại học có thể làm hài lòng chính nhà trường, sinh viên và những đối tượng khác ngoài nhà trường [126].

Theo UNESCO-IIEP (2006), (International Institute for Educational Planning) thì ĐBCL gồm ĐBCL bên trong và ĐBCL bên ngoài. ĐBCL bên trong liên quan đến các chính sách và cơ chế của mỗi cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo để đảm bảo rằng cơ sở giáo dục hoặc chương trình đào tạo đó thực hiện được các mục tiêu, cũng như là các tiêu chuẩn áp dụng cho giáo dục nói chung hoặc cho cho từng lĩnh vực nghề nghiệp nói riêng. ĐBCL bên ngoài liên quan đến các hoạt động của một đơn vị bên ngoài nhà trường, đó có thể là một tổ chức kiểm định chất lượng, đánh giá hoạt động của trường hoặc các chương trình đào tạo để quyết định liệu trường hoặc các chương trình đào tạo có đáp ứng các tiêu chuẩn đã thống nhất từ trước hay không. Không nên xem ĐBCL bên trong và ĐBCL bên ngoài là đối lập hoặc mâu thuẫn với nhau. Ngược lại, chúng luôn tồn tại cùng với nhau. ĐBCL bên ngoài nên hỗ trợ và khuyến khích ĐBCL bên trong [121].

Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5814: ĐBCL là toàn bộ hoạt động có kế hoạch và hệ thống được tiến hành trong hệ chất lượng và được chứng minh là đủ mức cần thiết để tạo sự tin tưởng thoả đáng rằng thực thể (đối tượng) sẽ thoả mãn đầy đủ các yêu cầu chất lượng [77]. Theo tiêu chuẩn ISO 9000-1: 2000 nêu các yêu cầu và bao quát đầy đủ các yếu tố của hệ thống quản lý và ĐBCL. Theo Kaoru Ishikawa: "ĐBCL có nghĩa là đảm bảo một mức chất lượng của sản phẩm, cho phép người tiêu dùng tin tưởng mua và sử dụng nó trong một thời gian dài. Hơn nữa, sản phẩm đó phải thỏa mãn hoàn toàn những yêu cầu của người tiêu dùng" [81].

ĐBCL là những quan điểm, chủ trương, chính sách, mục tiêu, hành động, công cụ, quy trình, thủ tục mà thông qua việc sử dụng có thể đảm bảo rằng sứ mệnh và mục tiêu đang được thực hiện, các chuẩn mực đang được duy trì và nâng cao (SEAMEO 2002).

Như vậy, trong một tổ chức thì việc ĐBCL bao gồm hai mục đích là tạo lòng tin cho khách hàng đối với sản phẩm và tạo lòng tin cho lãnh đạo. ĐBCL là hoạt động nhằm minh chứng cho khách hàng về chất lượng của sản phẩm, nhằm mục

đích tạo niềm tin cho khách hàng về chất lượng của sản phẩm mình tạo ra.

Khác với kiểm soát chất lượng, ĐBCL xảy ra trước và trong quá trình sản xuất, đào tạo. ĐBCL tập trung phòng ngừa sự xuất hiện những sản phẩm chất lượng thấp. Chất lượng được thiết kế theo các chuẩn mực và đưa vào quá trình nhằm đảm bảo sản phẩm đầu ra đạt được những thuộc tính đã định trước. ĐBCL là phương tiện tạo ra sản phẩm không có sai sót kỹ thuật do lỗi trong quá trình sản xuất gây ra. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ lúc đó được kiểm soát bởi một hệ thống ngăn ngừa sản phẩm và dịch vụ kém chất lượng (quy trình, quy chế). Hệ thống này được gọi là hệ thống ĐBCL và chỉ ra một cách chính xác quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ sẽ phải tiến hành như thế nào, với những chuẩn mực, chất lượng nào.

ĐBCL có nhiệm vụ phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các nguyên nhân gây ra việc sản phẩm kém chất lượng, giảm đáng kể chi phí kiểm tra phát hiện các sai sót. Đồng thời cũng đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức. Điều này phù hợp với các trường THPT hướng tới việc tự chủ trong tài chính, chuyển từ quản lý theo quy trình, theo chuẩn mực sang quản lý mở theo hướng ĐBCL.

Trong giáo dục đào tạo, ĐBCL được coi như là một hệ thống các biện pháp, các hoạt động có kế hoạch, được tiến hành trong và ngoài nhà trường để tạo ra kết quả thoả đáng rằng các hoạt động và đào tạo theo mục tiêu đã dự kiến. QLDH ở trường THPT theo hướng ĐBCL chính là cơ sở để quản lý được chất lượng theo mục đích đã đề ra.

1.2.1.3. Đặc trưng của đảm bảo chất lượng

Chất lượng được đo bởi sự thoả mãn nhu cầu. Nếu một sản phẩm vì lý do nào đó mà không được nhu cầu chấp nhận, mặc dù sản phẩm đó có sử dụng công nghệ cao, tiến bộ khoa học vượt trội... nhưng nhu cầu sử dụng chưa cần thì sản phẩm đó cũng được coi là chưa đạt chất lượng theo quan niệm này.

Do chất lượng được đo bởi sự thoả mãn nhu cầu, mà nhu cầu luôn biến động nên chất lượng cũng luôn biến động theo thời gian, không gian và mục đích sử dụng.

Khi đánh giá chất lượng của đối tượng, ta cần xét đến mọi đặc tính của đối tượng có liên quan đến sự thoả mãn những nhu cầu cụ thể, bởi các nhu cầu này xuất

phát từ khách hàng và các bên có liên quan.

Mục đích của *cải tiến liên tục* một hệ thống quản lý chất lượng là để tăng cường khả năng nâng cao sự thoả mãn của khách hàng và các bên quan tâm khác. Các hành động cải tiến bao gồm cả những hoạt động sau:

Lựa chọn các nội dung, chủ đề để thực hiện; Phân tích và xem xét đánh giá tình trạng hiện tại để xác định lĩnh vực cải tiến; Thiết lập mục tiêu cải tiến; Tìm kiếm giải pháp có thể để đạt các mục tiêu; Xem xét đánh giá các giải pháp này và lựa chọn; Thực hiện các giải pháp được lựa chọn; Đo lường, kiểm tra xác nhận, phân tích và xem xét đánh giá các kết quả thực hiện để xác định việc đạt các mục tiêu; Tiêu chuẩn hoá những thay đổi.

Khi cần thiết, các kết quả được xem xét để xác định cơ hội cải tiến tiếp theo. Theo cách thức này, cải tiến là một hoạt động không ngừng. Các phản hồi của các bên quan tâm khác, các cuộc khảo sát, đánh giá, xem xét hệ thống quản lý chất lượng cũng có thể được sử dụng để xác định việc cải tiến.

Xây dựng khung tham chiếu (biện pháp) QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Xây dựng các thủ tục, quy trình quản lý quá trình.

- Xây dựng bộ công cụ đánh giá hệ thống ĐBCL.

Như vậy, những đặc trưng chính của ĐBCL là: *thứ nhất*, ĐBCL tập trung vào quy trình thực hiện để tạo ra sản phẩm đầu ra có chất lượng cao; *thứ hai*, ĐBCL tập trung vào chức năng giải trình và cải tiến chất lượng; *thứ ba*, ĐBCL là một quá trình liên tục và thống nhất dựa trên các tiêu chí đánh giá và thông tin phản hồi.

1.2.2. Đảm bảo chất lượng trong quản lý dạy học môn chuyên

ĐBCL trong QLDH môn chuyên là một hoạt động quản lý liên tục và thống nhất nhằm đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên. Bao gồm:

- Các biện pháp quản lý, hoạt động quản lý hướng đến đảm bảo được chất lượng dạy học môn chuyên.

- ĐBCL trong QLDH môn chuyên chính là phát triển sứ mệnh, giá trị, mục

tiêu của trường THPT chuyên.

- ĐBCL trong QLDH môn chuyên là một quá trình liên tục, thống nhất từ yếu tố Đầu vào, Quá trình, Đầu ra trong Bối cảnh cụ thể.

- ĐBCL trong QLDH môn chuyên là xây dựng được khung tham chiếu (quy trình, chủ thể, các thành tố giúp việc...) trong QLDH môn chuyên.

- ĐBCL trong QLDH môn chuyên hướng đến nâng cao chất lượng dạy học và kết quả học tập của học sinh.

- ĐBCL trong QLDH môn chuyên là đánh giá, điều chỉnh và cải tiến các quy trình trong QLDH môn chuyên.

Xây dựng khung tham chiếu (biện pháp) QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên (khung tham chiếu đưa ra các danh mục QLDH tương ứng với nó là hoạt động quản lý cần thực hiện là chủ là chủ thể quản lý của các danh mục và hoạt động quản lý).

Xây dựng các thủ tục, quy trình quản lý quá trình (là các văn bản tài liệu quy định cách để tiến hành công việc được xác định trong hệ thống ĐBCL).

- Dựa trên nền tảng khung tham chiếu xây dựng bộ công cụ đánh giá hệ thống ĐBCL. Thông qua bộ công cụ này đánh giá sơ bộ được điểm mạnh, yếu và chỉ ra các lỗi, sai lầm làm cơ sở cho cải tiến chất lượng.

Chất lượng giáo dục không tự dưng mà có, các trường phải có một quá trình phấn đấu đạt chuẩn mực trước khi đăng ký kiểm định chất lượng. Đây là một quá trình phấn đấu lâu dài. Chất lượng phải được hình thành và đạt chuẩn ở một mức độ nhất định trước khi kiểm định. Một vấn đề đặt ra là cần phải có một hệ thống ĐBCL. Hệ thống đó bao gồm: chủ trương lãnh đạo của nhà trường về ĐBCL, thể hiện ở sứ mệnh, mục tiêu phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của nhà trường, với yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của xã hội và địa phương, sự hoạt động phối hợp giữa các đơn vị, đặc điểm, chương trình đào tạo. Mỗi trường cần có đơn vị chuyên trách với chức năng làm đầu mối để điều phối các hoạt động ĐBCL của trường.

- Quy trình thực hiện các chỉ báo đánh giá: Được thực hiện từng bước, từ việc phổ biến, quán triệt, giao cho từng cá nhân phụ trách thực hiện.

- Tự kiểm định (đánh giá): Là quá trình cơ sở giáo dục căn cứ vào hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng hoạt động… để chỉ ra mặt mạnh, yếu để từ đó xây dựng kế hoạch và biện pháp cải tiến nhằm đúng với mục tiêu đặt ra.

Chất lượng chỉ được đảm bảo một cách chắc chắn nhất bởi các hoạt động của chính cơ sở giáo dục đào tạo, đó chính là hoạt động đánh giá chất lượng. Thanh tra và kiểm soát chất lượng áp đặt từ bên ngoài không có nhiều tác dụng trong ĐBCL. Nhưng nếu thiếu đi sự hỗ trợ từ bên ngoài thì quá trình tự đánh giá không thể tiến hành tốt được. Sự hỗ trợ gồm: 1. Các cơ quan kiểm định, thẩm định, thanh tra. 2. Đào tạo, tập huấn cán bộ nhà trường biết cách tự đánh giá. 3. Cung cấp các thông tin trong nước và quốc tế về các chỉ số thực hiện.

Các tiêu chí ĐBCL là sự phù hợp của nội dung chương trình, với mục tiêu, yêu cầu đào tạo; Chương trình có cấu trúc chặt chẽ và có hệ thống, chương trình mềm dẻo, linh hoạt, chương trình phù hợp với người học; môi trường học tập tại trường, người học được động viên khuyến khích học tập; Quy trình kiểm tra, đánh giá công bằng, hợp lý; Động cơ học tập của người học; Trình độ chuyên môn và sự nhiệt tình của đội ngũ giáo viên; cơ sở vật chất và điều kiện học tập của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo...

Bên cạnh những nội dung ĐBCL bên trong như trên, còn có ĐBCL bên ngoài. Cụ thể đó là yếu tố tác động của bối cảnh và văn hoá chất lượng trong QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Văn hóa chất lượng là một hệ thống các giá trị của tổ chức để tạo ra môi trường thuận lợi cho việc thiết lập và cải tiến liên tục. (Ahmed, 2008).

Văn hóa chất lượng đề cập đến một nền văn hóa tổ chức nhằm nâng cao chất lượng bền vững, được đặc trưng bởi hai yếu tố riêng biệt: Yếu tố thứ nhất của văn hóa chất lượng là một tập hợp các giá trị, niềm tin, những mong đợi hướng đến chất lượng; Yếu tố thứ hai, yếu tố quản lý/cơ cấu có các quy trình ĐBCL và các nỗ lực hợp tác được xác định dẫn đến chất lượng cho các hoạt động của một tổ chức.” (EUA, 2006).

"Văn hóa chất lượng là thói quen làm cho mọi việc có chất lượng." (Mai Trọng Nhuận); "Văn hóa chất lượng là sự hợp nhất/vận dụng/áp dụng chất lượng vào toàn bộ các hoạt động của hệ thống/tổ chức nhằm tạo ra môi trường tích cực bên trong tổ chức và dẫn đến sự hài lòng của những người hưởng lợi từ tổ chức." (Nguyễn Kim Dung); Văn hóa chất lượng của một cơ sở đào tạo được hiểu là: mọi thành viên (từ người học đến cán bộ quản lý), mọi tổ chức (từ các phòng ban đến các tổ chức đoàn thể) đều biết công việc của mình thế nào là có chất lượng và đều làm theo yêu cầu chất lượng.

Văn hoá chất lượng gồm có: Môi trường học thuật; Môi trường xã hội; Môi trường nhân văn; Môi trường văn hoá và Môi trường tự nhiên.

Văn hoá chất lượng có các đặc điểm:

- Văn hóa chất lượng gắn cá nhân và tập thể; Vai trò của người lãnh đạo trong việc xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong nhà trường là rất quan trọng; Văn hóa chất lượng là một hệ thống văn hóa của tổ chức; Tất cả mọi thành viên, tổ chức đều biết, hiểu những yêu cầu về chất lượng đối với công việc; Tự giác làm để đáp ứng những yêu cầu chất lượng; Văn hóa chất lượng hướng đến việc ĐBCL và cải tiến chất lượng; Văn hóa chất lượng hướng đến sự hài lòng của những bên liên quan.

Xây dựng văn hóa chất lượng thực chất là thiết lập một hệ thống môi trường cho các hoạt động có chất lượng và không ngừng cải tiến chất lượng của tổ chức.

1.3. DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1.3.1. Trường trung học phổ thông chuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân

1.3.1.1. Vị trí, vai trò của trường trung học phổ thông chuyên

Ngay từ đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX, Đảng, Nhà nước đã quan tâm, chăm lo nền giáo dục nước nhà, chú ý đến những học sinh có năng khiếu đặc biệt và say mê trong học tập nên đã thực hiện thành lập các trường, khối lớp THPT chuyên tại hầu hết các tỉnh, thành phố và một số trường Đại học trong cả nước. Đến nay, hệ thống trường THPT chuyên ngày càng phát triển về quy mô, chất lượng đào tạo.

Năm học 2015 - 2016, toàn quốc có 86 trường chuyên và khối chuyên, trong đó có 70 trường chuyên thuộc Sở Giáo dục và Đào tào; 05 trường chuyên thuộc cơ sở giáo dục đại học; 02 khối chuyên thuộc trường đại học; 09 khối chuyên thuộc trường THPT. Số học sinh chuyên cả nước hiện nay là 69.554 học sinh, chiếm khoảng 2,1% số học sinh THPT trên cả nước.

Luật Giáo dục (2005), tại Điều 62 xác định: "Trường Chuyên được thành lập ở cấp THPT dành cho những học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm phát triển năng khiếu của các em về một số môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện" .

Trường trung học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng *(Thông tư số: 12/2011/TT-BGDĐT)*.

1.3.1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ, cơ cấu hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên

Mục tiêu:

Mục tiêu của trường THPT chuyên là phát hiện những học sinh có tư chất thông minh, đạt kết quả xuất sắc trong học tập và phát triển năng khiếu của các em về một số môn học trên cơ sở đảm bảo giáo dục phổ thông toàn diện; giáo dục các em thành người có lòng yêu nước, tinh thần vượt khó, tự hào, tự tôn dân tộc; có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo; có sức khỏe tốt để tiếp tục đào tạo thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Nhiệm vụ:

Ngoài nhiệm vụ đã được quy định trong Điều lệ trường Trung học, loại hình THPT chuyên còn có nhiệm vụ là:

Bồi dưỡng và phát triển năng khiếu của học sinh về một môn học nhất định (gọi là chuyên môn); đồng thời đảm bảo thực hiện đầy đủ kế hoạch và chương trình giáo dục toàn diện của trường THPT;

Tổ chức các hoạt động tập dượt nghiên cứu khoa học phù hợp với trình độ tâm sinh lý học sinh.

Ở trường THPT chuyên có hai nhiệm vụ đặc trưng mà nhà trường phải tập trung phấn đấu hoàn thành tốt là:

Phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: Học sinh trường THPT chuyên sau khi ra trường phải đủ điều kiện để được tiếp tục đào tạo ở bậc cao hơn, để trở thành những cán bộ khoa học - kỹ thuật, những nhà khoa học, những chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Cơ cấu tổ chức hoạt động của trường THPT chuyên:

Ngày 15/02/2012 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành kèm theo Thông tư 06/2012/TT-BGDĐT Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên [16].

Mô hình quản lý trường THPT chuyên bao gồm những thành tố cấu trúc với cơ chế vận hành như sau:

Bộ máy quản lý nhà trường. Bộ máy quản lý nhà trường gồm có: *Lãnh đạo nhà trường*, gồm từ một đến ba người..

Các bộ phận chức năng: Gồm Tổ chuyên môn và Bộ phận giúp việc (giáo vụ, hành chính, tài vụ…). Trong trường, mỗi môn học chủ yếu có một tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn là lực lượng lao động quan trọng nhất ở trường học, chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng bộ môn mình. Riêng với trường THPT chuyên còn có tổ bồi dưỡng HSG và tổ nghiên cứu khoa học (tùy từng trường có thể có hoặc không).

Các Hội đồng tư vấn: Hội đồng Sư phạm; Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật; Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Chi bộ Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản và Công đoàn cơ sở:

Chi bộ Đảng được thành lập khi có tổ chức cơ sở Đảng,. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong giáo viên và học sinh là người trợ thủ đắc lực của Đảng, là động lực chính trong các phong trào hoạt động của nhà trường. Công đoàn cơ sở tập hợp giáo viên thành một tổ chức để thực hiện chức năng bảo vệ quyền lợi của người lao động. Chi bộ Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn cơ sở và Lãnh đạo nhà trường tạo thành bộ tứ lãnh đạo, quản lý nhà trường.

1.3.1.3. Đặc điểm học sinh và môn học ở trường trung học phổ thông chuyên

Đặc điểm học sinh ở trường trung học phổ thông chuyên

- Học sinh trường THPT chuyên có tư chất thông minh, có năng khiếu đặc biệt và say mê trong học tập.

- Có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo, tinh thần vượt khó, có sức khoẻ tốt.

- Học sinh trường THPT chuyên là các học sinh có kết quả xuất sắc trong học tập và có khả năng phát triển năng khiếu của các em về một số môn học trên cơ sở đảm bảo giáo dục phổ thông toàn diện.

- Học sinh THPT chuyên là nguồn đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao: Học sinh trường THPT chuyên sau khi ra trường đủ điều kiện để được tiếp tục đào tạo ở bậc cao hơn, để trở thành những cán bộ khoa học - kỹ thuật, nhà khoa học, những chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Đặc điểm môn học ở trường trung học phổ thông chuyên

Môn học là tập hợp những tri thức về một lĩnh vực chuyên môn cụ thể (ngành, lĩnh vực cụ thể) và là một đơn nguyên trọn vẹn được tổ chức giảng dạy và đánh giá nội dung từng kỳ, từng năm học, là một môn cụ thể trong chương trình đào tạo.

Mỗi môn học có một chức năng nhất định trong hệ thống trí thức chung nhằm hình thành cho người học trí thức (sự hiểu biết), trí năng (năng lực tư duy), trí lực (năng lực tinh thần), trí tuệ (sự thông minh) và các năng lực nhận thức, cảm nhận về đời sống xã hội, nghệ thuật…

Môn học phát triển thành mặt giáo dục (Đức - Trí - Thể - Mỹ) và được triển khai qua hoạt động giáo dục (Hoạt động nhận thức, trải nghiệm, vui chơi…). Môn học được thực hiện thông qua một số hình thức cơ bản như: Giảng dạy lý thuyết ở trên lớp; Giảng dạy, hướng dẫn thực hành, bài tập - thảo luận theo lớp hoặc chia theo nhóm; Giảng dạy thí nghiệm, thực hành ở phòng thí nghiệm, phòng thực hành…;

Như vây, *môn học ở trường THPT chuyên là một môn học cụ thể (Toán, Lý, Hoá, Sinh, Ngữ văn…) trong đó tập hợp những tri thức chung nhằm trang bị cho người học sự hiểu biết, năng lực tư duy (Đức - Trí - Thể - Mỹ).*

1.3.2. Dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên

1.3.2.1. Môn chuyên

Môn chuyên ở trường THPT chuyên hiện nay gồm: Toán, Tin, Vật lý, Hóa học, Ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Trung), Văn, Lịch sử, Địa lý,…

Dựa trên phân tích nội dung chương trình một số môn chuyên cho thấy có hai hợp phần cơ bản: Nội dung nâng cao và nội dung chuyên sâu.

Mục tiêu môn chuyên

Tạo điều kiện cho học sinh phát triển năng khiếu về một môn chuyên cụ thể.

Có kiến thức sâu, rộng về môn chuyên được học.

Có khả năng vận dụng, triển khai trong nghiên cứu và trong cuộc sống.

Đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Nội dung môn chuyên

- Nội dung bắt buộc đối với đối tượng học sinh chuyên (Nội dung cơ bản);

- Các chuyên đề, bao gồm các chuyên đề bắt buộc và các chuyên đề không bắt buộc (Nội dung nâng cao và nội dung chuyên sâu).

Nội dung bắt buộc dựa theo chương trình của Bộ GD&ĐT năm 2009 và có mở rộng hơn, nâng cao nhằm bám sát đề thi HSG quốc gia hiện nay. Bao gồm:

- Các *Chuyên đề bắt buộc* nhằm mục đích chủ yếu giúp học sinh khai thác sâu hơn các kiến thức trong sách giáo khoa và ôn tập, hệ thống các kiến thức, phương pháp; qua đó, tạo điều kiện cho học sinh củng cố, rèn luyện năng lực phát hiện, phân tích, tổng hợp vấn đề.

- Các *Chuyên đề không bắt buộc* nhằm mục đích gợi ý các nội dung nên giảng dạy cho các học sinh năng lực học tốt, tạo điều kiện cho các em phát huy tối đa khả năng tiếp thu của mình trong thời gian học tập ở nhà trường phổ thông vào việc tích lũy kiến thức và rèn luyện, phát triển tư duy; đồng thời, giúp các học sinh này được trang bị đầy đủ về kiến thức và kĩ năng khi các em tham gia các kỳ thi chọn HSG quốc gia hay quốc tế.

Về cơ bản, trong nội dung dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên gồm hai phần: *nội dung nâng cao* và *nội dung chuyên sâu*.

- Nội dung *nâng cao* được quy định trong chương trình nâng cao môn chuyên theo chương trình của Bộ GD&ĐT ban hành năm 2009.

- Nội dung *chuyên sâu*: được xây dựng dưới dạng các chuyên đề.

Sự khác biệt giữa môn chuyên với môn không chuyên

Nội dung	Môn chuyên	Môn không chuyên
Về thời lượng (số tiết)	150%	100%
Về nội dung chương trình	Nâng cao, Chuyên sâu	Cơ bản

Hình thức

- Dạy tập trung theo đơn vị lớp chuyên, đã được tuyển chọn từ thi tuyển đầu vào.

- Có thể thực hiện dạy phân hoá theo từng nhóm nhỏ và từng đối tượng học sinh.

- Sử dụng nhiều hình thức giảng, đánh giá, kiểm tra và tăng cường sử dụng trang thiết bị dạy học, công nghệ thông tin vào dạy học.

- Giao bài, chuyên đề theo nhóm.

- Tự trình bày các chuyên đề, sau đó giáo viên sửa và bổ sung ý kiến.

Phương pháp dạy học được sử dụng cho môn chuyên:

- Phương pháp giảng bài trên lớp: thuyết trình, đàm thoại…

- Phương pháp dạy học đặc thù bộ môn

- Phương pháp dạy theo nội dung, tình huống, định hướng hành động, theo giải quyết vấn đề…

- Phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh

- Kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học trong từng môn chuyên.

Từ mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp dạy học môn chuyên như đã trình bày ở trên, tác giả đưa ra quan niệm về môn chuyên. *Môn chuyên là một môn học được quy định trong chương trình trung học phổ thông, có nội dung gồm kiến thức cơ bản, nâng cao và chuyên sâu của môn học cụ thể nhằm bồi dưỡng, phát triển năng khiếu cho học sinh.*

Môn chuyên ở đây được hiểu theo ý nghĩa chính là lớp chuyên, là các môn học được phân chia theo lớp chuyên và được các trường áp dụng theo quy định của Bộ GD&ĐT về khả năng, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên.

1.3.2.2. Dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên

Dạy học môn chuyên trong trường THPT chuyên cấp tỉnh là một tiểu hệ thống tương đối độc lập trong trường THPT chuyên. Bởi vì, đối với trường THPT chuyên, cùng với việc thực hiện kế hoạch chương trình dạy học chung đối với các môn không chuyên ở THPT, các trường THPT chuyên còn thực hiện kế hoạch chương trình dạy học riêng theo từng môn chuyên, lớp chuyên do Bộ GD&ĐT ban hành [16].

Theo Thông tư số: 06/2012/TT-BGDĐT (12/12/2012), Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên thì Trường chuyên có thể có các lớp chuyên sau: Chuyên Toán, chuyên Tin học, chuyên Vật lý, chuyên Hóa học, chuyên Sinh học, chuyên Ngữ văn, chuyên Lịch sử, chuyên Địa lý, chuyên theo các Ngoại ngữ; ngoài các lớp chuyên, có thể có các lớp theo lĩnh vực chuyên. Từ đó có thể hiểu: *Dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên là việc tổ chức dạy học nhằm bồi dưỡng, phát triển năng khiếu của học sinh về một môn chuyên cụ thể, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh và bồi dưỡng, phát triển năng khiếu của học sinh để đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên đã đề ra.*

Đặc trưng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên

Dạy học môn chuyên nhằm trang bị kiến thức chuyên sâu của môn học để học sinh có nền tảng kiến thức vững chắc, tạo tiền đề để học sinh có thể phát triển ở các bậc học cao hơn.

Dạy học môn chuyên là hình thành hệ thống kiến thức chuyên sâu, góp phần xây dựng thế giới quan và phương pháp luận, rèn luyện kỹ năng, cách thức giải quyết vấn đề và khơi dậy sự sáng tạo của học sinh đối với từng môn học.

Dạy học môn chuyên là đảm bảo nội dung chương trình giáo dục THPT. Tạo điều kiện cho học sinh phát triển năng khiếu. Tạo nguồn có chất lượng cao cho các trường đại học. Góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Nội dung dạy học môn chuyên dựa vào "Kết hợp cả chương trình cơ bản và chương trình nâng cao; chuyên đề chuyên sâu do Bộ GD&ĐT biên soạn và tài liệu chuyên sâu do Giáo viên tự biên soạn" đáp ứng yêu cầu của kỳ thi HSG Quốc gia

Giáo viên sử dụng nhiều loại hình thức: Trắc nghiệm tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, thảo luận, thực nghiệm, thuyết trình… để đánh giá chính xác, khách quan khả năng của học sinh. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học. Tương tác giữa giáo viên và học sinh về nội dụng môn học thông qua hình thức trao đổi tin nhắn, Email… Giao bài tập, xây dựng chuyên đề cho học sinh về nhà tự nghiên cứu và trình bày trước lớp.

Phương pháp dạy học truyền thống: thuyết trình, đàm thoại, luyện tập… cùng với phương pháp dạy học toàn lớp, dạy học nhóm, và dạy học cá nhân; Phương pháp dạy học theo tình huống, theo giải quyết vấn đề, theo định hướng hành động… Phương pháp dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo, đặc thù bộ môn và có sự kết hợp đa dạng phương pháp dạy học.

Dạy học môn chuyên ở trường THPT cũng là quá trình diễn ra hai hoạt động đó là hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh. Hai hoạt động này phải tuân thủ nội dung, chương trình môn chuyên, được kiểm tra, đánh giá, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn trường chuyên và hướng tới mục tiêu là phát hiện, tuyển chọn những học sinh có tư chất thông minh, sáng tạo, khá giỏi nhiều môn học để đào tạo, bồi dưỡng các em trở thành những con người phát triển toàn diện cả về đức - trí - thể - mĩ và trở thành nhân tài của đất nước đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung giáo dục phổ thông phải đảm bảo được tính phổ thông, cơ bản, toàn diện, hướng nghiệp và có hệ thống; gắn với thực tiễn cuộc sống, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục ở mỗi khối. Đối với trường THPT chuyên cần bồi dưỡng và phát triển năng khiếu của học sinh về một môn học nhất định gọi là môn chuyên.

DH môn chuyên trước tiên cần phổ biến cho GV, HS hiểu quy trình, mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên. Tạo ra sự phù hợp cao nhất giữa giáo viên - học sinh - nội dung chương trình để đảm bảo chất lượng dạy học. Nhằm hình thành phương pháp học tập chất lượng cao với học sinh để tạo ra

khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo. Tạo điều kiện cho học sinh phát huy hết khả năng, năng lực cá nhân đạt được mục tiêu học tập cao nhất đặt ra đối với học sinh trường THPT chuyên.

1.4. QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1.4.1. Tiếp cận CIPO trong quá trình đào tạo

Mô hình CIPO (Context - Input - Process - Output/Outcome) của Unesco

Trong Chương trình hành động Dakar (năm 2000), UNESCO đề xuất mô hình quản lý chất lượng của một nhà trường hoặc một cơ sở đào tạo được thể hiện qua 10 yếu tố: 1) Người học khoẻ mạnh được nuôi dưỡng tốt, được khuyến khích thường xuyên để có động cơ học tập chủ động. 2) Giáo viên thành thạo nghề nghiệp và được động viên đúng mức. 3) Phương pháp và kĩ thuật dạy - học tích cực. 4) Chương trình giáo dục thích hợp với người học và người dạy. 5) Trang thiết bị, phương tiện và đồ dùng học tập, giảng dạy, học liệu và công nghệ giáo dục thích hợp, dễ tiếp cận và thân thiện với người sử dụng. 6) Môi trường học tập đảm bảo vệ sinh, an toàn, lành mạnh. 7) Hệ thống đánh giá thích hợp với môi trường, quá trình giáo dục và kết quả giáo dục. 8) Hệ thống QLGD có tính cùng tham gia và dân chủ. 9) Tôn trọng và thu hút được cộng đồng cũng như nền văn hóa địa phương trong hoạt động giáo dục. 10) Các thiết chế, chương trình giáo dục có nguồn lực thích hợp thỏa đáng và bình đẳng (chính sách và đầu tư).

Mười yếu tố trên được sắp xếp thành 3 thành phần cơ bản theo quan điểm quá trình giáo dục tổng thể từ Đầu vào (Input) - Quá trình (Process) đến Đầu ra (Output) trong bối cảnh cụ thể của môi trường kinh tế - xã hội địa phương (Context).

Chất lượng của một nhà trường hoặc một cơ sở đào tạo được hình thành từ chất lượng của 03 thành phần cơ bản trên trong ngữ cảnh cụ thể. Được thể hiện như mô hình ĐBCL CIPO ở sơ đồ sau:

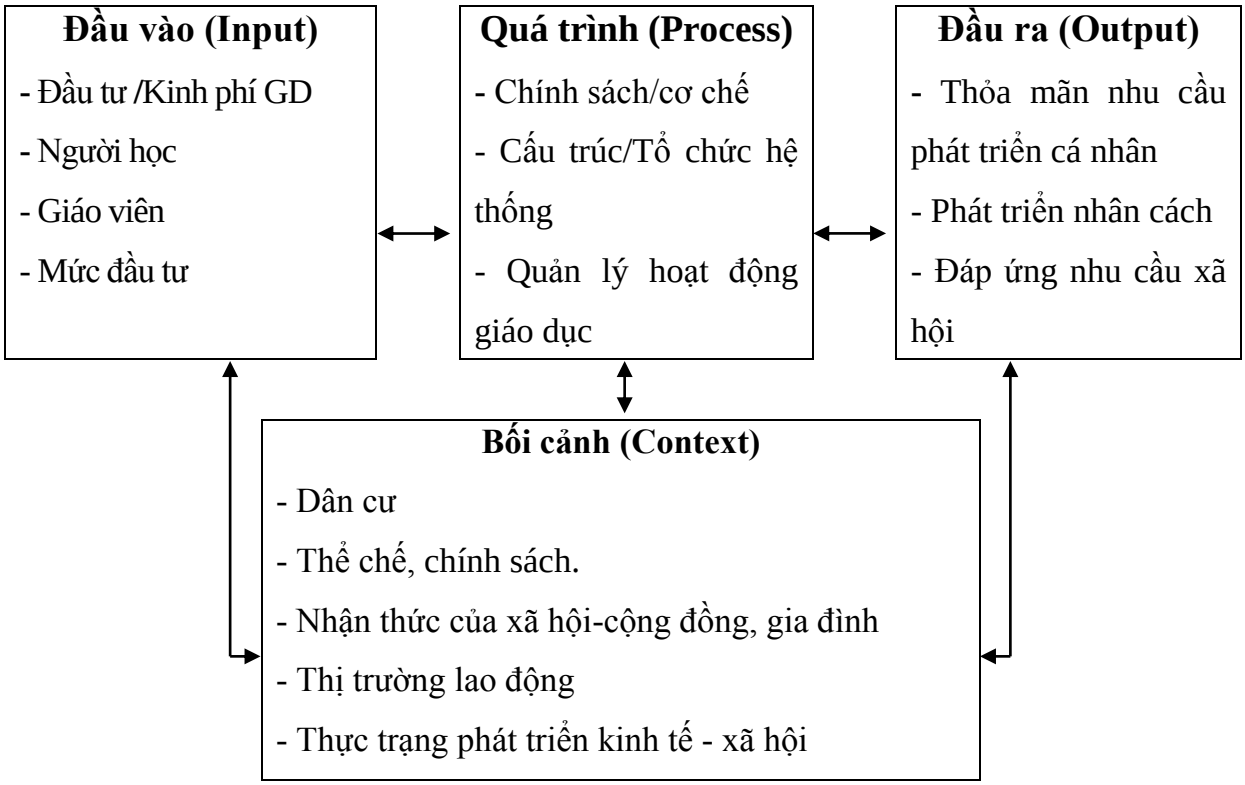

Sơ đồ 1: **Các thành tố của mô hình CIPO (Tham khảo Trần Khánh Đức)**

Theo mô hình CIPO, chất lượng của một cơ sở đào tạo là chất lượng quản lý: Đầu vào, Quá trình và Đầu ra đặt trong bối cảnh: Chất lượng của Đầu vào (Input) bao gồm các nội dung tuyển sinh, chương trình đào tạo, giáo viên với trình độ phù hợp, quản lý nhân lực, CSVC, tài chính và phương tiện đào tạo; Chất lượng của Quá trình (Process) bao gồm: phương pháp dạy, phương pháp học, thời lượng dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá; Chất lượng của Đầu ra (Output) bao gồm kết quả học tập được thể hiện ở sự tiếp thu kiến thức, giá trị, thái độ, kỹ năng của người học thích ứng với công việc và phù hợp với Bối cảnh (Context) của cơ sở đó, phù hợp với nhu cầu xã hội và huy động được sự tham gia của cộng đồng. Từ các thành tố trong mô hình này tác giả bước đầu xác định các tiêu chuẩn ĐBCL.

Nếu như các mô hình quản lý chất lượng ISO, EFQM, SEAMEO chủ yếu hướng vào quản lý đào tạo ở bậc đại học thì mô hình CIPO theo quan điểm quá trình (từ đầu vào, quá trình đến đầu ra) trong bối cảnh cụ thể của môi trường kinh tế - xã hội địa phương với 10 yếu tố lại tỏ ra phù hợp với quản lý chất lượng của một nhà trường.

Sự khác biệt giữa QLDH môn chuyên và QLDH môn không chuyên

	Về nội dung	***Về thời lượng***	***Về phương pháp dạy học***	***Về hình thức dạy học***
Dạy học và QLDH môn chuyên	- Cơ bản, nâng cao, chuyên sâu.	- 150% số tiết	- Phương pháp giảng bài trên lớp: thuyết trình, đàm thoại… - Phương pháp dạy học đặc thù bộ môn - Phương pháp dạy theo nội dung, tình huống, định hướng hành động, theo giải quyết vấn đề… - Phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh - Kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học trong từng môn chuyên.	- Dạy tập trung theo đơn vị lớp chuyên. - Dạy phân hoá theo từng nhóm nhỏ và từng đối tượng học sinh. - Sử dụng nhiều hình thức giảng, đánh giá, kiểm tra và tăng cường sử dụng trang thiết bị dạy học, công nghệ thông tin vào dạy học. - Giao bài, chuyên đề theo nhóm. - HS tự trình bày các chuyên đề, sau đó giáo viên sửa và bổ sung ý kiến.
Dạy học và QLDH môn không chuyên	- Cơ bản	- 100% số tiết	- Phương pháp giảng bài trên lớp: thuyết trình, đàm thoại…	- Dạy tập trung theo đơn vị lớp. - Sử dụng hình thức giảng, đánh giá, kiểm tra và tăng cường sử dụng công nghệ thông tin vào dạy học.

1.4.2. Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Hiện nay, có nhiều mô hình quản lý chất lượng như ISO, EFQM, SEAMEO, AUN… nhưng chủ yếu hướng vào quản lý đào tạo ở bậc đại học. Chưa có mô hình quản lý cho bậc THPT. Trong khi đó mô hình CIPO theo quan điểm quản lý (từ đầu vào, quá trình đến đầu ra) trong bối cảnh cụ thể của môi trường kinh tế - xã hội địa

phương với 10 yếu tố lại đáp ứng được yêu cầu quản lý chất lượng của một nhà trường. Từ các nội dung về lý thuyết QLCL (các mô hình QLCL, các phương thức và cấp độ QLCL, các mô hình QLCL trong đào tạo).

Việc QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên được thể hiện qua sơ đồ:

Mô hình quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên

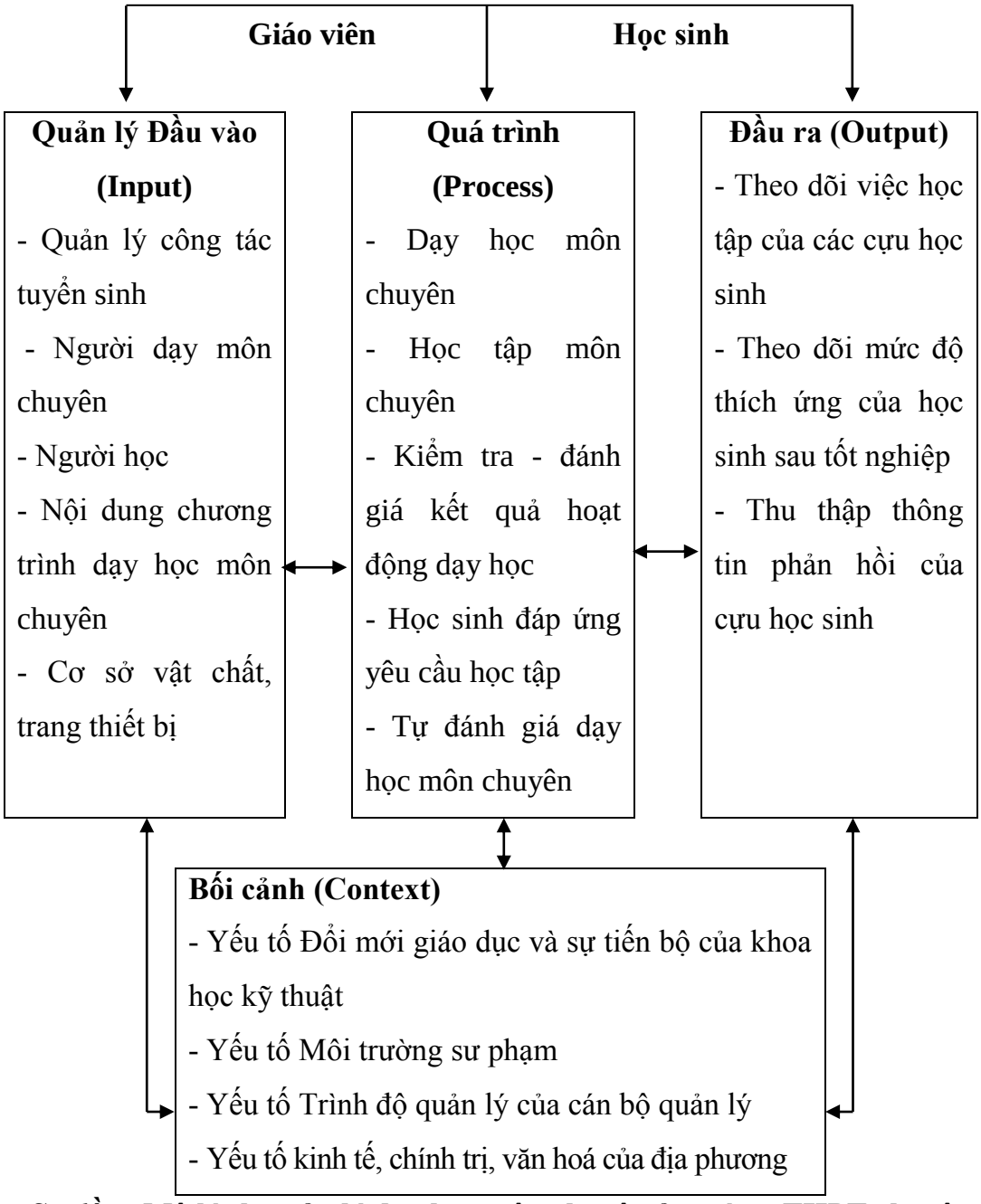

Sơ đồ 2: **Mô hình quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên (Theo tác giả)**

Như vậy, có thể quan niệm *QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL dựa trên mô hình CIPO là quản lý toàn bộ các yếu tố từ "đầu vào, quá trình và đầu ra" và bối cảnh của hoạt động dạy học nhằm đạt được hiệu quả cao trong quản lý dạy học và đạt được mục tiêu của nhà trường.*

Luận án này nghiên cứu thực hiện QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL dựa trên quan điểm quản lý ĐBCL đào tạo của 10 yếu tố quản lý.

QLDH theo mô hình ĐBCL phù hợp và thể hiện được ưu điểm:

- Quan điểm QLCL dạy học CIPO của UNESCO thể hiện được sự QLCL một cách bao quát toàn diện các mặt hoạt động liên quan đến QLCL dạy học. Đồng thời mô hình CIPO của UNESCO quan tâm quản lý sâu, rộng đến từng nội dung, từng bộ phận, cá nhân… liên quan đến hoạt động chất lượng dạy học THPT chuyên. Bên cạnh đó, với việc cụ thể hóa nội dung công việc quản lý ĐBCL riêng biệt theo từng đối tượng, công việc, các yếu tố môi trường và các điều kiện ĐBCL đạt mục tiêu giáo dục THPT chuyên đã đề ra.

- QLCL dạy học môn chuyên theo CIPO của UNESCO thì dễ đo lường, đánh giá chính xác được kết quả thực hiện từng công việc một cách định lượng kết hợp với định tính. Chất lượng dạy học môn chuyên sẽ được đảm bảo chắc chắn không chỉ "*đầu ra*", "*đầu vào"* và cả *"quá trình*", được chuẩn bị tốt, các phòng ngừa sai sót được đảm bảo ngay từ *trước, trong* và *sau* khi thực hiện nhiệm vụ QLCL dạy học của từng bộ phận, từng thành viên trong nhà trường.

- QLCL dạy học theo CIPO của UNESCO là một xu thế QLCL giáo dục tiên tiến trên thế giới hiện nay. Một số nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới đã thực hiện quản lý ĐBCL đào tạo hay chất lượng dạy học theo các yếu tố đảm bảo chất lượng CIPO của UNESCO.

1.4.2.1. Quản lý yếu tố "đầu vào"

(1). Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng đảm bảo chất lượng

Quản lý công tác tuyển sinh là bước đầu trong QLDH môn chuyên, bao gồm:

Xác định được chuẩn đầu vào (ngưỡng ĐBCL đầu vào) của học sinh trường THPT chuyên;

Tổ chức tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh theo yêu cầu ĐBCL;

Công khai tiêu chuẩn và quy trình tuyển sinh đầu vào của nhà trường đối với học sinh trường chuyên;

Giám sát thực hiện quy trình tuyển sinh khách quan, công bằng theo đúng tiêu chuẩn đã xác định, ĐBCL đầu vào;

Tổ chức thực hiện tuyển sinh đúng quy trình ĐBCL.

(2). Quản lý người dạy môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Chỉ đạo, phổ biến cho giáo viên hiểu quy trình, mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên;

Xác lập được các chỉ báo đánh giá chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên;

Xây dựng và tổ chức đánh giá chất lượng giáo viên theo quy trình chuẩn của Bộ GD & ĐT;

Khảo sát đánh giá, tuyển chọn giáo viên dạy môn chuyên cho phù hợp với yêu cầu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên;

Tổ chức bồi dưỡng giáo viên phát triển chuyên môn đáp ứng với mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên;

Chỉ đạo lựa chọn, mời giáo viên, chuyên gia ở các trường đại học, viện nghiên cứu… tham gia dạy học để đạt chuẩn đầu ra ở các trường THPT chuyên;

Tạo ra sự phù hợp cao nhất giữa giáo viên - học sinh - nội dung chương trình để ĐBCL dạy học;

Tổ chức bố trí người dạy phù hợp theo các chuyên đề, mức độ dạy học các khối lớp ở trường chuyên để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu dạy học môn chuyên.

(3). Quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Xây dựng và quán triệt thực hiện nội dung chương trình dạy học theo đúng mục tiêu dạy học của trường THPT chuyên;

Tổ chức thực hiện giảng dạy đúng chương trình dạy học chất lượng cao;

Phát triển (hoàn thiện) chương trình theo hướng cập nhật và hiện đại;

Thiết kế chương trình dạy học đảm bảo chương trình vừa đáp ứng với chuẩn đầu vào của các trường đại học thuộc Top đầu;

Tổ chức được quy trình chuẩn để phát triển và quản lý chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên;

Xây dựng được các tiêu chí đánh giá và điều chỉnh chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên đáp ứng mục tiêu dạy học;

Tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện công tác xây dựng và điều chỉnh chương trình dạy học môn chuyên đáp ứng yêu cầu ĐBCL.

(4). Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng đảm bảo chất lượng

Xây dựng các tiêu chí chất lượng về CSVC, thiết bị phục vụ dạy học đáp ứng mục tiêu dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên;

Xác lập quy trình sử dụng CSVC… để đảm bảo phục vụ tốt nhất nâng cao chất lượng dạy học môn chuyên theo yêu cầu;

Tổ chức bồi dưỡng nhân sự thực hiện công tác quản lý và sử dụng CSVC, thiết bị phục vụ tốt nhất cho dạy học chất lượng cao;

Giám sát và đánh giá quy trình quản lý, sử dụng CSVC theo yêu cầu dạy học ĐBCL.

1.4.2.2. Quản lý yếu tố "quá trình dạy học"

(1). Quản lý dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Xây dựng tiêu chí đánh giá dạy học môn chuyên của giáo viên theo hướng đảm bảo mục tiêu môn học;

Xây dựng quy trình thực hiện dạy học để đảm bảo tốt nhất chất lượng dạy học;

Xác định rõ mục tiêu dạy học môn chuyên theo yêu cầu ĐBCL;

Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học phát huy cao nhất hoạt động, năng lực của học sinh;

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn của giáo viên theo mục tiêu dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên;

Kiểm tra đánh giá quá trình dạy học môn chuyên của giáo viên theo yêu cầu ĐBCL.

Chỉ đạo dạy học môn chuyên hướng đến nhu cầu học tập của học sinh.

(2). Quản lý học tập môn chuyên của học sinh theo hướng đảm bảo chất lượng

Xác định các tiêu chí đánh giá học tập của học sinh theo mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên;

Chỉ đạo giáo viên khích lệ, củng cố thái độ, ý thức học tập, tạo "nội lực" cho hoạt động học tập đạt mục tiêu dạy học môn chuyên đặt ra.

Tổ chức học tập môn chuyên của học sinh theo quy trình học tập chất lượng cao (ĐBCL);

Tổ chức học tập cho học sinh theo hướng hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu;

Chỉ đạo đa dạng hoá hình thức học tập của học sinh gắn với mục tiêu dạy học và chất lượng dạy học môn chuyên;

Đánh giá học tập môn chuyên cuả học sinh theo các tiêu chí ĐBCL.

(3). Quản lý kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo mục tiêu dạy học (ĐBCL);

Xây dựng quy trình chuẩn đánh giá dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL;

Tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá dạy học môn chuyên đáp ứng yêu cầu chất lượng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên;

Tổ chức kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên theo đúng quy trình ĐBCL dạy học.

Giám sát việc thực hiện quy trình đánh giá kết quả dạy học theo yêu cầu ĐBCL dạy học, mục tiêu dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên.

(4). Quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập theo hướng đảm bảo chất lượng

Phổ biến và quán triệt mục tiêu dạy học cho học sinh tạo động lực học tập đảm bảo mục tiêu đầu ra đối với học sinh trường THPT chuyên;

Tổ chức kiểm tra, đánh giá hằng năm đối với học sinh để phân loại trình độ, chất lượng học sinh tạo ra sự phù hợp giữa học sinh với chương trình học;

Hình thành phương pháp học tập chất lượng cao với học sinh để tạo ra khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo;

Tạo điều kiện cho học sinh phát huy hết khả năng, năng lực cá nhân đạt được mục tiêu học tập cao nhất đặt ra đối với học sinh trường THPT chuyên;

Xây dựng được tiêu chí đánh giá chất lượng học sinh.

Xây dựng và thực hiện đúng quy trình khoa học đánh giá chất lượng học sinh.

(5). Quản lý tự đánh giá dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Xây dựng các tiêu chí tự đánh giá dạy học môn chuyên theo mục tiêu ĐBCL.

Xây dựng quy trình tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo quy trình ĐBCL;

Tổ chức bồi dưỡng nhân sự thực hiện quy trình tự đánh giá;

Giám sát việc thực hiện quy trình tự đánh giá dạy học môn chuyên.

1.4.2.3. Quản lý các yếu tố "đầu ra"

(1). Quản lý theo dõi việc học tập của các cựu học sinh theo hướng đảm bảo chất lượng

Tổ chức thu thập thông tin về kết quả học tập của cựu học sinh theo mục tiêu và thích ứng được với quá trình học tập ở các trường đại học.

Thiết lập được mối liên hệ giữa trường THPT chuyên với hệ thống các trường đại học;

Đối chiếu sản phẩm đầu ra (học sinh tốt nghiệp) với mục tiêu dạy học (kết quả học tập) của trường THPT chuyên;

Sử dụng thông tin phản hồi của cựu học sinh để điều chỉnh các thành tố của quá trình dạy học ở trường THPT chuyên;

Tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện quy trình thu thập thông tin phản hồi;

Tổ chức cho học sinh đã tốt nghiệp tự đánh giá (đạt được, chưa đạt được) đối chiếu với mục tiêu dạy học của trường THPT chuyên.

(2). Quản lý thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Đáp ứng yêu cầu về kiến thức;

Đáp ứng yêu cầu về ý thức, thái độ học tập;

Đáp ứng yêu cầu về phương pháp học tập;

Thích ứng được với môi trường học tập trong các trường đại học;

Đạt kết quả cao trong học kỳ đầu của trường đại học.

(3). Quản lý thu thập thông tin phản hồi của học sinh theo hướng đảm bảo chất lượng

Xác định các tiêu chí thu thập thông tin phản hồi đối với học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng ĐBCL;

Xây dựng quy trình thu thập thông tin theo hướng ĐBCL học tập;

Tổ chức thu thập thông tin phản hồi về đánh giá dạy học của trường THPT chuyên theo mục tiêu dạy học đã được xác định;

Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng học tập đã đạt được và chưa đáp ứng yêu cầu theo hướng ĐBCL (mục tiêu dạy học);

Sử dụng thông tin phản hồi để điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp dạy học của nhà trường THPT chuyên.

1.4.2.4. Quản lý các yếu tố tác động của bối cảnh dạy học

(1). Ảnh hưởng của yếu tố Đổi mới giáo dục và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật

Chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế;

Hình thành năng lực, kỹ năng cho người học;

Sự bùng nổ kinh tế tri thức và phát triển của khoa học - công nghệ;

Các chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nhân tài cho đất nước;

Các văn bản pháp quy về dạy học và QLDH ở trường THPT chuyên.

(2) Ảnh hưởng của yếu tố Môi trường sư phạm

Môi trường sư phạm có ảnh hưởng rất lớn đến việc QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên. Nó ảnh hưởng rất lớn đến việc dạy, việc học và QLDH nói chung, bởi môi trường sư phạm mang nhiều đặc thù mà các môi trường làm việc khác không có;

Môi trường chuyên môn và hướng đến phát triển chuyên môn;

Mối quan hệ CBQL - giáo viên - học sinh trong trường;

Mối quan hệ của nhà trường với các cơ sở giáo dục đại học;

Văn hoá tổ chức trong nhà trường;

Điều kiện CSVC, môi trường xã hội (tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi);

Môi trường dạy học môn chuyên thì yếu tố Môi trường chuyên môn và hướng đến phát triển chuyên môn được cho là ảnh hưởng nhiều nhất đến QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên. Yếu tố ảnh hưởng thứ hai đó chính là Điều kiện CSVC, môi trường xã hội (tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi);

Với yếu tố môi trường sư phạm thì môi trường chuyên môn và CSVC là hai yếu tố quan trọng nhất, ảnh hưởng nhiều nhất đến dạy học môn chuyên. Chính vì vậy, nên tập trung vào quản lý các yếu tố có mức ảnh hưởng nhiều, phải làm sao cho các mức độ ảnh hưởng nhiều đó là tiền đề, động lực cho việc thực hiện mục tiêu dạy học môn chuyên, chứ nó không phải là yếu tố gây trở ngại, khó khăn trong quá trình QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

(3) Ảnh hưởng của yếu tố Trình độ quản lý của CBQL nhà trường

Đối với yếu tố Trình độ quản đánh giá ở ba khía cạnh, đó là Tầm nhìn, định hướng, năng lực quản lý và năng lực chuyên môn. Quản lý nhà trường nói chung và QLDH nói riêng thì trình độ của nhà quản lý rất quan trọng. Nhà quản lý có chuyên môn, có tâm, có tài, có tầm thì các mục tiêu, kết quả mới tốt và ngược lại;

Định hướng, tầm nhìn và chỉ đạo của nhà quản lý;

Trình độ, năng lực quản trị hành chính của nhà quản lý;

Trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm của nhà quản lý.

Nhà quản lý cần xây dựng được tầm nhìn, sứ mệnh, các gí trị cốt lõi của nhà trường hướng đến sự phát triển toàn diện của học sinh và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên. Mức độ ảnh hưởng về định hướng, tầm nhìn và chỉ đạo của nhà quản lý là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến môi trường giáo dục.

Trình độ quản trị hành chính và trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm có ảnh hưởng lớn đến tính quyết đoán, quyết định các các chính sách, xây dựng tổ chức bộ

máy và phát triển đội ngũ hoạt động hiệu quả và thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với giáo viên, học sinh. Nhà quản lý có trình độ quản trị có thể xây dựng và cải tiến các quy trình hoạt động, thủ tục hành chính, quản lý tốt hồ sơ, sổ sách theo đúng quy định và có quyết định hành chính đúng đắn, kịp thời giải quyết được các nhiệm vụ đặt ra.

Trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm ngoài yếu tố đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT cần nắm vững chuyên môn, cụ thể là môn chuyên mình giảng dạy, có hiểu biết các môn khoa học khác đáp ứng yêu cầu quản lý và thường xuyên cập nhật kiến thức mới, có khả năng tổ chức, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, phát huy được tính năng động, sáng tạo của giáo viên và học sinh, hỗ trợ tốt đồng nghiệp thực hiện các phương pháp dạy học tích cực. Các ý kiến cho rằng hai yếu tố này đều quan trọng và có ảnh hưởng ngang nhau.

(4) Ảnh hưởng của yếu tố kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương

Quản lý Bối cảnh kinh tế, văn hoá của địa phương, các yếu tố kinh tế, văn hoá ở địa phương có ảnh hưởng tích cực đến QLDH bởi kinh tế phát triển, có truyền thống hiếu học thì sẽ nâng cao trình độ dân trí, mức đầu tư cho giáo dục;

Đặc điểm sự phát triển kinh tế - văn hoá;

Trình độ dân trí của địa phương;

Sự quan tâm của chính quyền địa phương;

Nhu cầu học tập và sự quan tâm đến học tập của dân cư;

Phong tục tập quán của địa phương;

Bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương tới công tác QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên có mức độ ảnh hưởng nhiều;

Đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội là những yếu tố tác động bên ngoài ảnh hưởng đến cơ chế, chính sách hoạt động GD&ĐT nói chung đối với trường THPT chuyên. Vị trí nơi trường đóng ảnh hưởng trực tiếp lớn nhất và sự phát triển kinh tế - chính trị - văn hoá là yếu tố ảnh hưởng lớn thứ hai đến QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Thực chất, quản lý tốt bối cảnh kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương chính là tiên đề xuất phát cho việc thực hiện mục tiêu dạy học. Sự quan tâm của

chính quyền địa phương, trình độ dân trí của địa phương, nhu cầu học tập và sự quan tâm đến học tập cùng với phong tục tập quán của địa phương có ảnh hưởng lớn đến QLDH và chất lượng dạy học ở trường THPT chuyên. Vì cộng đồng dân cư nơi trường đóng quan tâm, hỗ trợ tốt là điều kiện thuận lợi để thực hiện QLDH. Văn hóa địa phương, phong tục, nề nếp sinh hoạt đời sống hàng ngày, đời sống văn hóa khu dân cư tốt sẽ thúc đẩy chất lượng giáo dục.

Thực tế QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên hiện nay chủ yếu mới đang quan tâm đến quá trình đầu vào, quá trình dạy và học môn chuyên mà chưa thực sự quan tâm đến quản lý bối cảnh, tức quản lý các yếu tố tác động trực tiếp vào các yếu tố trên. Quản lý được các yếu tố thuộc bối cảnh sẽ giúp cho việc QLDH môn chuyên được dễ dàng thực hiện hơn. Trong QLDH môn chuyên luôn phải quản lý bối cảnh (các yếu tố ảnh hưởng) chặt chẽ, thực hiện quản lý nó trong mối quan hệ biện chứng với các yếu tố khác để đạt được mục tiêu của QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL.

Kết luận chương 1

Dạy học môn chuyên trong trường THPT chuyên cấp tỉnh là một tiểu hệ thống tương đối độc lập trong trường THPT chuyên. Bởi vì, đối với trường THPT chuyên, cùng với việc thực hiện kế hoạch chương trình dạy học chung đối với các môn không chuyên ở THPT, các trường THPT chuyên còn thực hiện kế hoạch chương trình dạy học riêng theo từng môn chuyên, lớp chuyên do Bộ GD&ĐT ban hành.

Dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên là việc tổ chức dạy học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh và bồi dưỡng, phát triển năng khiếu của học sinh về một môn học nhất định.

QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL dựa trên mô hình CIPO là QLCL toàn bộ các yếu tố "đầu vào, quá trình và đầu ra" hoạt động dạy học trong bối cảnh và điều kiện của nhà trường.

Nội dung QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL mô hình CIPO của UNESCO bao gồm: Các yếu tố quản lý "*đầu vào*", "*quá trình*", "*đầu ra" và "Bối cảnh*" đã được khái quát và bước đầu áp dụng một một số tiêu chí trong QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

CHƯƠNG 2
THỰC TIỄN QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

2.1. TỔ CHỨC KHẢO SÁT THỰC TIỄN

2.1.1. Mục đích khảo sát

Để đổi mới QLDH môn chuyên trong trường THPT chuyên hiện nay theo hướng ĐBCL cần có những tiêu chí, cách thức đánh giá, khảo sát cụ thể nhằm phát hiện những mặt tích cực và tồn tại cũng như nguyên nhân của thực trạng. Từ đó nhìn nhận những mặt thuận lợi và khó khăn trong quá trình QLDH hiện nay. Khảo sát nhằm thu thập các thông tin cần thiết từ các nhà quản lý, các giáo viên dạy học môn chuyên ở các trường THPT chuyên. Kết quả khảo sát là cơ sở xác định phương hướng phát triển của trường THPT chuyên, đề xuất những giải pháp quản lý phù hợp, khả thi trong hoạt động QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL hiện nay.

2.1.2. Nội dung khảo sát

Tác giả đã xây dựng phiếu khảo sát dành cho CBQL, GV dạy học môn chuyên với hai nội dung là:

- *Thực trạng dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng ĐBCL.*

- *Thực trạng quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng ĐBCL dựa vào CIPO.*

2.1.3. Phương pháp khảo sát

Phiếu khảo sát ý kiến của CBQL, GV trực tiếp dạy môn chuyên. Ngoài phần thông tin cá nhân, mỗi phiếu tập trung vào các vấn đề như: Quá trình tuyển sinh đầu vào, đầu ra, quá trình và các yếu tố tác động...

- Phỏng vấn: Phỏng vấn sâu với một số CBQL và giáo viên dạy môn chuyên nhằm mục đích lấy các ý kiến mà trong phiếu khảo sát chưa thể hiện hết ý.

- Quan sát: Trực tiếp quan sát cơ sở giáo dục, CSVC, trang thiết bị dạy học, dự giờ...

Việc phát phiếu điều tra đã được tác giả và cộng tác viên thực hiện đảm bảo tính khách quan tại các trường nhằm đánh giá thực trạng QLDH môn chuyên ở các trường THPT chuyên.

2.1.4. Tiêu chí và cách cho điểm

QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL, tác giả sử dụng 16 tiêu chí chính. Các tiêu chí này đề cập đến những vấn đề về ***quản lý đầu vào***, ***quản lý quá trình***, ***quản lý đầu ra*** và ***bối cảnh***. Các tiêu chí đánh giá trên được xây dựng trên cơ sở vận dụng luận cứ khoa học, cơ sở lý luận và những vấn đề được rút ra từ thực tiễn QLDH môn chuyên của tác giả.

Vận dụng công thức (Max - Min)/ n để tính khoảng phân biệt giữa các mức độ thì khoảng phân biệt giữa các mức độ thực hiện QLDH môn chuyên là 0,75, còn khoảng phân biệt giữa các mức độ ảnh hưởng của các yếu tố bối cảnh đến QLDH môn chuyên là 0, 67. Vì vậy, ta có:

Đánh giá mức độ thực hiện các nội dung dạy học và QLDH

STT	Tiêu chí	Cách cho điểm	Thang đánh giá
1	Tốt	4	3,25 -> 4
2	Khá	3	2,5 -> 3,24
3	TB	2	1,75 -> 2,49
4	Yếu	1	≤ 1,74

Đánh giá mức độ các yếu tố ảnh hưởng đến QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên

STT	Mức độ ảnh hưởng	Cách cho điểm	Thang đánh giá
1	Ảnh hưởng nhiều	3	2,34 -> 3
2	Ảnh hưởng ít	2	1,68 -> 2,34
3	Không ảnh hưởng	1	≤ 1,68

2.1.5. Địa bàn khảo sát và mẫu khảo sát

Khảo sát thực trạng tại các trường THPT chuyên khu vực đồng bằng Hồng, bao gồm:

STT	Tên trường	Số cán bộ quản lý và Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên dạy môn chuyên	Chung
1	THPT chuyên Nguyễn Trãi (Hải Dương)	13	36	49
2	THPT chuyên Hưng Yên (Hưng Yên)	14	39	53
3	THPT chuyên Biên Hoà (Hà Nam)	12	40	52
4	THPT chuyên Lương Văn Tuỵ (Ninh Bình)	12	37	49
5	THPT chuyên Thái Bình (Thái Bình)	15	33	48
6	**Tổng**	66	185	251

- Về mẫu khảo sát: CBQL (Lãnh đạo, Tổ trưởng chuyên môn) và giáo viên dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Số phiếu phát ra 260 phiếu mỗi loại, thu về 254 phiếu Thực trạng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL và 251 phiếu QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

2.2. THỰC TRẠNG DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

2.2.1. Thực trạng mức độ đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Tìm hiểu *Mục tiêu dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL ở các trường chuyên* thông qua câu hỏi phiếu khảo sát (Phụ lục 1), tác giả đã tiến hành khảo sát và cho kết quả (Phụ lục 6):

Bảng 2.1: Mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tạo điều kiện cho học sinh phát triển năng khiếu.	115	45,3	81	31,9	58	22,8	0	0	3,22	1
2	Đảm bảo nội dung chương trình giáo dục THPT.	114	44,9	74	29,1	66	26	0	0	3,18	2
3	Học tập chuyên sâu kiến thức môn chuyên nhằm phát triển năng khiếu.	110	43,3	73	28,7	44	17,3	27	10,6	3,04	3
4	Tạo nguồn có chất lượng cao cho các trường đại học.	89	35	73	28,7	66	26	26	10,2	2,88	4
5	Góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.	64	25,2	83	32,7	77	30,3	30	11,8	2,71	5
6	Phát triển các kỹ năng, phương pháp và thái độ học tập (tự nghiên cứu, năng lực hoạt động khoa học, hoạt động xã hội...)	54	21,3	87	34,3	87	34,3	26	10,2	2,66	6
7	Chung	**89**	**35,1**	**105**	**41,4**	**38**	**14,9**	**22**	**8,6**	**2,95**	**2**

Kết quả khảo sát ở *Bảng 2.1* cho thấy trong thực trạng về mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL được xác định ở 6 tiêu chí, trong đó, tiêu chí 1 xếp ở Thứ bậc 1 với $\overline{X}$ = 3,22; Tiếp đến tiêu chí 2 là hai mục tiêu được xếp thứ bậc 2 với $\overline{X}$ = 3,18. Như vậy, mục tiêu chính của dạy học môn chuyên ở các trường THPT chuyên hiện nay là tạo điều kiện cho học sinh phát triển năng khiếu và đảm bảo chương trình giáo dục THPT.

Mục tiêu này liệu có còn phù hợp với mục tiêu dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL nữa hay không?

Trong các cuộc trao đổi của tác giả với đối tượng khảo sát thì các đối tượng khảo sát cho rằng hiện nay nên đặt các mục tiêu phát triển kỹ năng, phương pháp và thái độ học tập là một mục tiêu quan trọng trong dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. Ở các trường THPT chuyên hiện nay vẫn còn đặt cao mục tiêu dạy học theo hướng chuyên sâu để đào tạo học sinh đạt các giải cao trong các kỳ thi HSG. Mà theo quan niệm hiện nay về giáo dục toàn diện thì cần xây dựng các tiêu chí về mục tiêu dạy học môn chuyên phù hợp với mục tiêu giáo dục toàn diện và giáo dục hướng đến nhu cầu của người học.

2.2.2. Thực trạng mức độ thực hiện nội dung dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Khảo sát thực hiện nội dung dạy học trường THPT chuyên cho kết quả:

Bảng 2.2: Thực hiện dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Thực hiện dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Mức độ thực hiện nội dung dạy học môn chuyên theo "Chương trình, SGK nâng cao và chuyên đề chuyên sâu do Bộ GD&ĐT biên soạn".	84	33,1	99	39	63	24,8	8	3,1	3,01	1
2	Kiến thức đang giảng dạy đã đáp ứng yêu cầu của kỳ thi HSG Quốc gia ở mức độ nào.	57	22,4	116	45,7	54	21,3	27	10,6	2,79	6

3	Nội dung dạy học môn chuyên dựa vào "Kết hợp cả chương trình cơ bản và chương trình nâng cao; chuyên đề chuyên sâu do Bộ GD&ĐT biên soạn và tài liệu chuyên sâu do Giáo viên tự biên soạn" đáp ứng mục tiêu dạy học môn chuyên ở mức độ nào.	71	28	110	43,3	58	22,8	15	5,9	2,93	3
4	Kiến thức đang giảng dạy dựa vào "Kết hợp cả chương trình cơ bản và chương trình nâng cao; chuyên đề chuyên sâu do Bộ GD&ĐT biên soạn và tài liệu chuyên sâu do Giáo viên tự biên soạn" đáp ứng yêu cầu của kỳ thi HSG Quốc gia ở mức độ nào.	66	26	126	49,6	48	18,9	14	5,5	2,96	2
5	Nội dung kiến thức đang giảng dạy có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành ở mức độ nào.	55	21,7	110	43,3	76	29,9	13	5,1	2,81	5
6	Nội dung môn học đã thúc đẩy tự học, tự nghiên cứu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của học sinh ở mức độ nào.	63	24,8	113	44,5	67	26,4	11	4,3	2,89	4
7	Chung	**79**	**31,1**	**119**	**46,8**	**41**	**16,1**	**15**	**6,0**	**254**	**2,90**

Nhìn chung, Điểm trung bình ở các tiêu chí đánh giá nội dung dạy học môn chuyên đều đạt mực độ Khá. Trong tiêu chí 1 được thực hiện khá, xếp ở vị trí thứ bậc 1 với $\overline{X}$ = 3,01.

Tại sao ở tiêu chí 1 mức độ thực hiện nội dung theo chương trình lại có nhiều phiếu đánh giá việc thực hiện mới ở mức trung bình, chiếm gần ¼ số phiếu? Qua trao đổi của tác giả với những người tham gia khảo sát, đa số cho rằng việc thực hiện dạy môn chuyên theo chương trình, sách giáo khoa nâng cao đã và đang thực hiện tốt, nhưng các chuyên đề chuyên sâu chưa thực sự tốt, có nội dung Bộ GD&ĐT biên soạn đã "cũ", chậm với xu hướng thi HSG… và một số trường THPT chuyên đã tự biên soạn các chuyên đề môn chuyên cho phù hợp.

Trong số các tiêu chí khác thì được đánh giá ở các thứ bậc, mức độ khác nhau. Tiêu chí 4 được thực hiện ở mức Khá, xếp ở thứ bậc 3 với $\overline{X}$ = ***2,93***. Chỉ riêng tiêu chí 2 về Kiến thức đang giảng dạy đã đáp ứng yêu cầu của kỳ thi HSG Quốc gia thì ở thứ bậc 6, thấp nhất với $\overline{X}$ = 2,79, nhưng vẫn ứng với mức độ Khá.

Về nội dung dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL thì cần tăng cường thực hiện hơn nữa các tiêu chí 3, 4, 6 để đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện tiêu chí 2, tức là phải kết hợp hài hoà giữa nội dung cơ bản, nội dung nâng cao và chuyên sâu, dạy học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành để đạt mục tiêu dạy học môn chuyên mà các trường THPT chuyên đề ra.

2.2.3. Thực trạng mức độ thực hiện hình thức dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Mức độ thực hiện hình thức dạy học môn chuyên cho quả:

Bảng 2.3*: Mức độ thực hiện Hình thức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.*

STT	Hình thức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Dạy kiến thức cơ bản tập trung theo đơn vị lớp.	92	36,2	103	40,6	48	18,9	11	4,3	3,08	1
2	Dạy phân hoá theo nhóm học sinh và cho từng đối tượng học sinh.	57	22,4	114	44,9	72	28,3	11	4,3	2,85	2

3	Giáo viên sử dụng nhiều loại hình thức: Trắc nghiệm tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, thảo luận, thực nghiệm, thuyết trình… để đánh giá chính xác, khách quan khả năng của học sinh.	58	22,8	107	42,1	78	30,7	11	4,3	2,83	3
4	Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học.	44	17,3	106	41,7	82	32,3	22	8,7	2,67	5
5	Tương tác giữa giáo viên và học sinh về nội dụng môn học thông qua hình thức trao đổi tin nhắn, email…	43	16,9	82	32,3	97	38,2	32	12,6	2,53	6
6	Giao bài tập, xây dựng chuyên đề cho học sinh về nhà tự nghiên cứu và trình bày trước lớp.	78	30,7	59	23,2	91	35,8	26	10,2	2,74	4
7	Chung	**74**	**29,1**	**98**	**38,6**	**65**	**25,6**	**17**	**6,7**	**2,78**	**5**

Khi phỏng vấn CBQL và GV đa số cho rằng hình thức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên được thực hiện theo đơn vị lớp và phân hoá học sinh khá tốt, giáo viên sử dụng nhiều hình thức để dạy học môn chuyên.

Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát thì ở tiêu chí 6 có số phiếu đánh giá mức Trung bình cao với 91 phiếu (35,8%) xếp thứ bậc 4 trong nhóm với $\overline{X}$ = 2,74; Mức độ Yếu có 26 ý kiến (10,2%). Kết quả đó thể hiện hình thức dạy học mới chủ yếu được thực hiện trên lớp và giao bài tập về nhà, đến tiết sau giáo viên chữa bài, chưa thực hiện việc cho học sinh làm việc nhóm, tự nghiên cứu.

Trong các hình thức dạy học môn chuyên có 2 tiêu chí được đánh giá ở mức độ và thứ bậc thấp là tiêu chí 4 và 5. Trong tiêu chí 4, chỉ có 44 phiếu (17,3%) đánh giá Rất tốt, 106 phiếu đánh giá ở mức Tốt chiếm 41,7% nhưng số phiếu khảo sát cho thấy rằng có tới 82 phiếu (32,3%) cho rằng tiêu chí này mới thực hiện ở mức độ Trung bình; số phiếu đánh giá Yếu cũng chiếm tới 22 phiếu (8,7%) số người được hỏi. Việc áp dụng công nghệ thông tin và các phương tiện hỗ trợ cho các hình thức dạy học còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Điều này càng trở nên bất cập khi cách mạng 4.0 với đặc điểm ảo thực đang thâm nhập vào toàn bộ đời sống con người, đặc biệt trong dạy học các môn chuyên rất cần sử dụng các thí nghiệm ảo.

Sự phát triển của Internet đã làm thay đổi rất nhiều hình thức học, các nước tiên tiến trên thế giới đã áp dụng khá thành công việc học tập trực tuyến và đã mang lại hiệu quả cao. Ở nước ta, việc học tập trực tuyến cũng đang phát triển. Thế nhưng qua khảo sát tiêu chí 5, nhận được kết quả đánh giá thấp nhất ở thức bậc 6 với $\overline{X}$ = 2,53 cho thấy hình thức dạy học môn chuyên qua áp dụng các ứng dụng hỗ trợ chưa cao. Điều này cho thấy một thực trạng là việc dạy học môn chuyên mới chỉ dừng lại ở việc dạy học trên lớp là chủ yếu.

2.2.4. Thực trạng mức độ thực hiện phương pháp dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Khảo sát thực trạng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL cho CBQL và giáo viên dạy môn chuyên cho kết quả:

Bảng 2.4: Mức độ thực hiện Phương pháp dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL

STT	Phương pháp dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Phương pháp dạy học truyền thống: thuyết trình, đàm thoại, luyện tập…	99	39	143	56,3	12	4,7	0	0	3,34	1

2	Phương pháp dạy học toàn lớp, dạy học nhóm, và dạy học cá nhân.	78	30,7	83	32,7	74	29,1	19	7,5	2,86	5
3	Phương pháp dạy học theo tình huống, theo giải quyết vấn đề, theo định hướng hành động…	76	29,9	86	33,9	75	29,5	17	6,7	2,87	4
4	Phương pháp dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo.	68	26,8	99	39	76	29,9	11	4,3	2,88	3
5	Phương pháp dạy học đặc thù bộ môn.	72	28,3	123	48,4	59	23,2	0	0	3,05	2
6	Kết hợp đa dạng phương pháp dạy học.	59	23,2	100	39,4	82	32,3	13	5,1	2,80	6
7	Chung	**65**	**25,6**	**39**	**15,4**	**108**	**42,5**	**42**	**16,5**	**2,96**	**1**

Kết quả khảo sát cho thấy rằng phương pháp dạy học truyền thống (tiêu chí 1) và phương pháp dạy học đặc thù bộ môn (tiêu chí 5) được sử dụng nhiều nhất. Ở tiêu chí 1, có $\overline{X}$ = 3,34 đạt mức độ Tốt, xếp thứ bậc 1, còn tiêu chí 5, có $\overline{X}$ = 3,05 chỉ đạt mức độ Khá, đứng thứ bậc 2, còn lại các tiêu chí khác đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau và mực độ thực hiện đạt mức khá, trong đó tiêu chí 6 "kết hợp đa dạng các phương pháp" có $\overline{X}$ = 2,80, xếp ở thứ bậc thấp nhất. Từ kết quả điều tra cho thấy rằng đa số các giáo viên dạy môn chuyên còn áp dụng một hoặc hai phương pháp dạy học. Kết quả khảo sát cũng cho thấy việc sử dụng phương pháp dạy học toàn lớp, dạy học nhóm và dạy học cá nhân, mức độ thực hiện ở mức Trung bình và tiêu chí 6 kết hợp đa dạng các phương pháp có $\overline{X}$ = 2,80, xếp ở thứ bậc thấp nhất (6), cho thấy thực hiện phương pháp dạy học môn chuyên còn

thiên về phương pháp truyền thống, mang tính đặc thù mà chưa kết hợp đa dạng các phương pháp, sử dụng nhiều loại phương pháp với từng đối tượng học sinh nhất định để đạt được mục tiêu, hiệu quả cao nhất trong dạy học môn chuyên.

Khi phỏng vấn về những khó khăn việc thực hiện phương pháp dạy học môn chuyên đa số GV cho rằng thời gian của tiết học, dung lượng bài học lớn nên GV chỉ có thể thực hiện được một vài phương pháp dạy học tích cực. Một số môn chuyên chỉ có thể thực hiện một phương pháp dạy học tích cực mà thôi.

Kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học có thứ bậc thấp là do GV sử phương pháp truyền thống cho từng môn là do chưa chia được các nhóm, các tình huống, định hướng hành động và một yếu tố chủ quan nữa là "ngại vất vả" khi sử dụng nhiều phương pháp cho một tiết học, một lớp.

2.2.5. Thực trạng mức độ sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Qua khảo sát thực trạng CSVC cho dạy học môn chuyên ở các trường THPT chuyên cho kết quả:

Bảng 2.5: Mức độ sử dụng nguồn lực CSVC cho dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	CSVC cho dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Rất tốt		Tốt		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Đảm bảo phòng học, điều kiện hỗ trợ theo tiêu chuẩn quy định của Bộ.	60	23,3	95	37,4	83	32,7	16	6,3	2,78	4
2	Đảm bảo thiết bị đủ, hiện đại và phù hợp với dạy học môn chuyên.	66	26	115	45,3	58	22,8	15	5,9	2,91	2

3	Đảm bảo phương tiện, đồ dùng dạy học đủ, phù hợp với môn học và phát triển năng lực tư duy cho HS.	54	21,3	112	44,1	70	27,6	18	7,1	2,79	3
4	Tài liệu học tập, nghiên cứu phục vụ cho dạy học môn chuyên phù hợp, phong phú và đa dạng.	72	28,3	106	41,7	68	2,68	8	3,1	2,95	1
7	Chung	87	34,3	103	40,6	46	18,1	18	7,0	2,86	4

Kết quả khảo sát cho thấy các trường THPT chuyên đều đảm bảo CSVC cho dạy học môn chuyên ở mức độ Khá (vì các tiêu chí đầu đạt điểm TB là 3,25 > $\overline{X}$ > 2,5), trong đó tiêu chí về "Tài liệu học tập, nghiên cứu phục vụ cho dạy học môn chuyên phù hợp, phong phú và đa dạng" có điểm TB cao nhất $\overline{X}$ = 2,91, chiếm thứ bậc 1, còn tiêu chí 1 "Đảm bảo phòng học, điều kiện hỗ trợ theo tiêu chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT" lại có điểm TB thấp nhất chiếm thứ bậc 4.

Qua trao đổi, phỏng vấn trực tiếp các cCBQL, GV, tác giả thấy rằng việc đảm bảo CSVC mới dừng lại ở việc đảm bảo về cơ sở hạ tầng (phòng học, lóp học, bàn ghế, ánh sáng, thiết bị phụ trợ…) và tài liệu học tập, nghiên cứu, còn về đảm bảo phương tiện, đồ dùng, đủ, phù hợp với môn học và phát triển năng lực tư duy cho học sinh thì còn nhiều vấn đề chưa đảm bảo. Ví dụ, với môn Hoá học, thường thì trước các kỳ thi HSG nhà trường mới bổ sung tương đối đầy đủ các vật dụng hoặc đối với môn Tin học, có đầy đủ phòng máy tính, số máy nhưng cấu hình máy, chất lượng máy chưa cao, có phần lạc hậu.

2.2.6. Thuận lợi, khó khăn khi tổ chức dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên

Bảng Tổng hợp của thực trạng QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL (Phụ lục 6. Bảng 2.6) nhằm đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình quản lý, tổ chức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Biểu đồ 1: Biểu đồ tổng hợp thực trạng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên

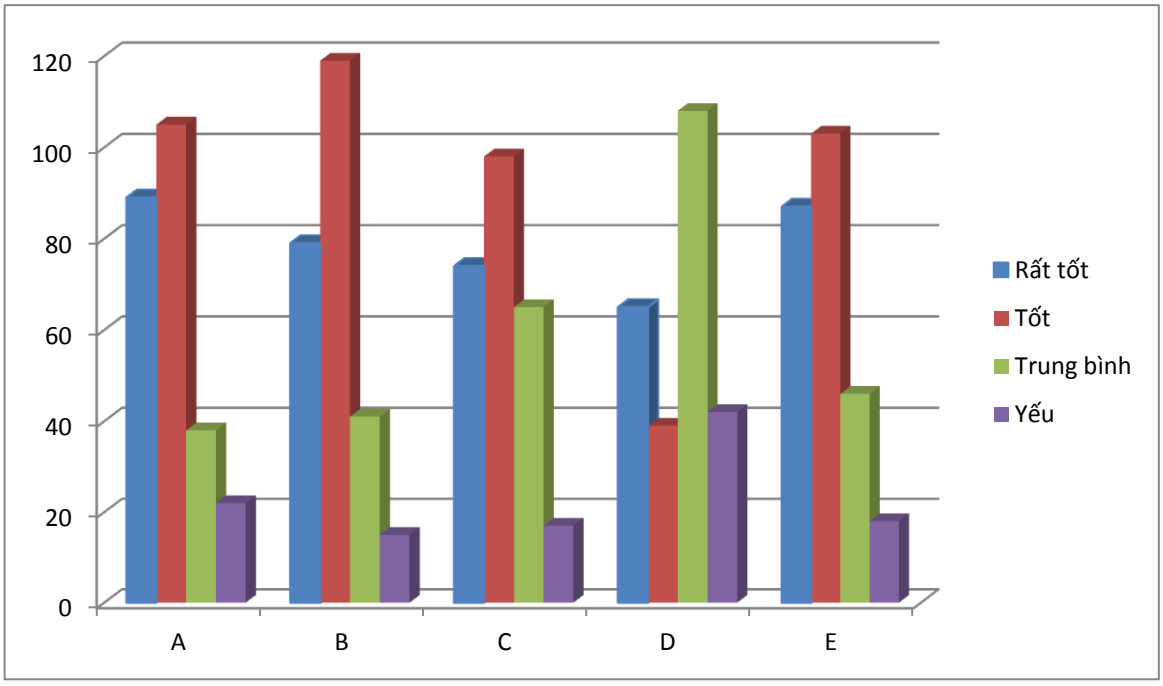

A: Mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

B: Nội dung dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL

C: Hình thức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

D: Phương pháp dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

E: Cơ sở vật chất cho dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

2.2.6.1. Thuận lợi

Sau khi khảo sát về thực trạng dạy học môn chuyên, tổng hợp số liệu thực trạng, thấy có những thuận lợi như sau:

Đa số đối tượng khảo sát đều đánh giá các trường THPT chuyên thực hiện tốt về mục tiêu dạy học môn chuyên, $\overline{X}$ = ***2,95***, xếp thứ bậc 2. Qua đó có thể thấy

rằng, mục tiêu dạy học môn chuyên được đề ra và thực hiện khá. Việc nhận thức đúng rõ mục tiêu dạy học môn chuyên là cơ sở để triển khai thực hiện các nội dung khác đạt hiệu quả.

Hình thức dạy học môn chuyên được giáo viên dạy chủ yếu theo đơn vị lớp và có sự phân hoá theo đối tượng với nhiều hình thức dạy học phong phú, đa dạng, có sự kết hợp nhiều hình thức, áp dụng phương tiện, công nghệ thông tin vào dạy học môn chuyên theo đặc thù từng môn. Về cơ bản, hình thức dạy học môn chuyên đã phần nào đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu của dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.

Trong dạy học môn chuyên, giáo viên sử dụng nhiều phương pháp như thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp đến phương pháp dạy học theo nhóm, theo lớp, sử dụng các phương pháp tích cực cho từng bộ môn. Hiện nay, có nhiều phương pháp dạy học môn chuyên, đa phần các giáo viên đã kết hợp nhiều phương pháp trong giảng dạy môn chuyên.

CSVC, trang thiết bị cho trường THPT chuyên được đầu tư tương đối tốt. Qua khảo sát cho thấy các trường đều đạt chuẩn theo quy định về phòng học, diện tích, ánh sáng, bàn ghế, phòng thí nghiệm… của Bộ GD&ĐT. Đây là một thuận lợi rất lớn để học sinh có thể học tập môn chuyên đạt hiệu quả cao cho thấy rằng CSVC của các trường THPT chuyên đã được đầu tư tốt, đảm bảo được yêu cầu dạy và học ở trường THPT chuyên.

2.2.6.2. Khó khăn

Về thực trạng *mục tiêu dạy học môn chuyên*, các trường THPT chuyên dạy học môn chuyên còn mang nặng yếu tốt "thi", mục tiêu chủ yếu vẫn là đỗ đại học, các kỳ thi HSG tỉnh, quốc gia, quốc tế. Theo tác giả, mục tiêu dạy học vẫn còn một số hạn chế về mục tiêu đào tạo người học theo hướng phát triển toàn diện, cả kiến thức lẫn các hiểu biết, kỹ năng. Cần thực hiện dạy cho học sinh học môn chuyên các kỹ năng, phương pháp và thái độ học tập, nghiên cứu song song với các năng lực hoạt động xã hội.

Về cơ bản nội dung dạy học môn chuyên đã đáp ứng được yêu cầu mục tiêu của dạy học môn chuyên. Có một số hạn chế về nội dung đó là: Một là, Bộ GD&ĐT chưa xây dựng được sách giáo khoa dành riêng cho học sinh chuyên, mới ban hành hướng dẫn về các chuyên đề chuyên sâu; Hai là, các trường vẫn tự chủ động biên soạn các chuyên đề chuyên sâu dựa trên kiến thức của giáo viên và sự đóng góp của Tổ bộ môn nên phần nào còn có những hạn chế.

Về *hình thức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL*. Theo đánh giá của các đối tượng được khảo sát thì vẫn có một số giáo viên dạy môn chuyên chủ yếu sử dụng các hình thức dạy học truyền thống như nêu bài tập cho học sinh, yêu cầu học sinh tự làm rồi sau đó chữa bài, ít có sự tương tác hướng dẫn, phối hợp giữa giáo viên và học sinh. Đặc biệt hiện nay với sự phát triển của Internet và các mạng xã hội thì mới có số ít giáo viên tương tác với học sinh thông qua việc lập group, nhóm... để cùng làm việc. Trong các thứ bậc ở Bảng 2.6 thì nội dung về hình thức dạy học môn chuyên có thứ bậc thấp nhất (bậc 5), với $\overline{X}$ = 2,78. Qua kết quả đó có thể thấy rằng hình thức dạy học môn chuyên còn một số khó khăn, cơ bản là về phía giáo viên. Họ ít có điều kiện để đi học về phương pháp, ngay cả Bộ hoặc Sở cũng hiếm khi mở các lớp tập huấn về các hình thức dạy học hiện đại. Đây có thể coi là khó khăn lớn nhất đối với việc dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên hiện nay.

Phương pháp dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên cũng có những khó khăn về cơ bản giống như việc áp dụng hình thức dạy học môn chuyên. Điều đó cho thấy rằng việc sử dụng phương pháp dạy học còn gặp phải nhiều khó khăn trong việc thực hiện dạy học môn chuyên. Việc thực hiện một số phương pháp đặc thù bộ môn còn nhiều khó khăn do cả yếu tố chủ quan và khách quan mang lại.

Về CSVC *cho dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL* là yếu tố còn gặp phải nhiều khó khăn và gây ảnh hưởng lớn đến các nội dung khác. Dù đã được đầu tư tương đối tốt về cơ sở hạ tầng nhưng các trường còn khó khăn về trang thiết bị, các phương tiện để thực hành.

2.3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

2.3.1. Thực trạng quản lý các yếu tố đầu vào theo hướng đảm bảo chất lượng

2.3.1.1. Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng đảm bảo chất lượng

Quản lý đầu vào là yếu tố đầu tiên của quá trình áp dụng mô hình CIPO trong QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL. Khảo sát cho kết quả:

Bảng 2.6: Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng ĐBCL

STT	Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng ĐBCL	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xác định được chuẩn đầu vào (ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) của học sinh trường THPT chuyên.	64	25,5	132	52,6	47	18,7	8	3,2	3,00	5
2	Tổ chức tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh theo yêu cầu đảm bảo chất lượng.	107	42,6	92	36,7	46	18,3	6	2,4	3,19	4
3	Công khai tiêu chuẩn và quy trình tuyển sinh đầu vào của nhà trường đối với học sinh trường chuyên.	201	80,1	42	16,7	7	2,8	1	0,4	3,76	1
4	Giám sát thực hiện quy trình tuyển sinh khách quan, công bằng theo đúng tiêu chuẩn đã xác định, đảm bảo chất lượng đầu vào.	164	65,3	68	27,1	15	6,0	4	1,6	3,56	2

5	Tổ chức thực hiện tuyển sinh đúng quy trình đảm bảo chất lượng.	171	68,1	48	19,1	26	10,4	6	2,4	3,52	3
6	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	109	43,4	95	37,8	33	13,1	14	5,6	3,19	4
7	TB Chung									**3,37**	

Nhìn chung, các trường thực hiện công tác tuyển sinh tốt, ngay từ đầu đã thực hiện tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh, công khai tiêu chuẩn đầu vào và quy trình thi tuyển.

Theo đánh giá của đối tượng được khảo sát cho kết quả, các trường THPT chuyên đã thực hiện các tiêu chí 3, tiêu chí 4, tiêu chí 5 đạt mức độ thực hiện loại tốt, vì có điểm TB với $\overline{X}$ > 3,25. Các tiêu chí còn lại đạt mức độ thực hiện loại Khá ($\overline{X}$ < 3,25), nhưng đánh giá chung thì điểm trung bình của "*Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng ĐBCL*" đạt loại tốt (vì $\overline{X}$= 3,37). Đây là tiền để để thực hiện tốt quá trình tuyển sinh đầu vào. Tuy nhiên, trong tiêu chí 1, mới chỉ đạt mức khá với $\overline{X}$ = 3, cho thấy việc xác định được chuẩn đầu vào còn một số hạn chế.

Qua trao đổi với CBQL, giáo viên dạy môn chuyên khi tiến hành khảo sát, tác giả thấy rằng chuẩn đầu vào khi thực hiện tuyển sinh mới chỉ là học sinh học lực khá, hạnh kiểm khá và tổ chức thi kiến thức, kỹ năng cơ bản. Do vậy, còn có những học sinh không có năng khiếu thực sự, chỉ cần cù, chịu khó, chăm học được tuyển vào trường chuyên. Vì thế, cần sử dụng nhiều hình thức tuyển sinh bằng kiểm tra năng khiếu, tài năng thông qua một số bộ công cụ đánh giá chỉ số IQ, EQ, chỉ số sáng tạo và năng lực đặc biệt…

2.3.1.2. Quản lý người dạy môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên để đảm bảo chất lượng dạy học cao

Quản lý người dạy môn chuyên là khâu quan trọng trong quá trình QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên. Kết quả khảo sát như sau:

Bảng 2.7: Quản lý người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để ĐBCL dạy học cao.

STT	Quản lý người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để ĐBCL dạy học cao.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Chỉ đạo, phổ biến cho giáo viên hiểu quy trình, mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.	195	77,7	49	19,5	6	2,4	1	0,4	3,74	1
2	Xác lập được các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên.	78	31,1	83	33,1	73	29,1	17	6,8	2,88	7
3	Xây dựng và tổ chức đánh giá chất lượng giáo viên theo quy trình chuẩn của Bộ GD & ĐT.	83	33,1	84	33,5	62	24,7	22	8,8	2,90	6
4	Khảo sát đánh giá, tuyển chọn giáo viên dạy môn chuyên cho phù hợp với yêu cầu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.	35	13,9	93	37,1	78	31,1	45	17,9	2,47	9

5	Tổ chức bồi dưỡng giáo viên phát triển chuyên môn đáp ứng với mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.	116	46,2	96	38,2	29	11,6	10	4,0	3,26	3
6	Chỉ đạo lựa chọn, mời giáo viên, chuyên gia ở các trường đại học, viện nghiên cứu… tham gia dạy học để đạt chuẩn đầu ra ở các trường THPT chuyên.	84	33,5	101	40,2	50	19,9	16	6,4	3,00	4
7	Tạo ra sự phù hợp cao nhất giữa giáo viên - học sinh - nội dung chương trình để đảm bảo chất lượng dạy học.	145	57,8	87	34,7	13	5,2	6	2,4	3,47	2
8	Tổ chức bố trí người dạy phù hợp theo các chuyên đề, mức độ dạy học các khối lớp ở trường chuyên để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu dạy học môn chuyên.	67	26,7	95	37,8	70	20,9	19	7,6	2,83	8
9	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	84	33,5	94	37,5	60	23,9	13	5,2	2,99	5
	TB Chung									**3,06**	

Kết quả số liệu điều tra cho thấy trung bình chung của khảo sát $\overline{X}$ = 3,06, ở mức Khá theo tiêu chí và thang đánh giá.

Khảo sát cho thấy các trường đều Quản lý người dạy môn chuyên (giáo viên) được thực hiện từ việc chỉ đạo, phổ biến cho người dạy mục tiêu, từ đó xác lập các tiêu chí đánh giá chất lượng. Chú trọng ngay từ đầu việc tuyển chọn và bồi dưỡng giáo viên là chủ đạo. Bên cạnh đó các trường đều mời giáo viên, chuyên gia tham gia vào công tác dạy học.

Bảng 2.8 cho thấy điểm TB của các tiêu chí 1 và tiêu chí 7 đạt mức Tốt ($\overline{X}$> 3,25). Trong đó, việc chỉ đạo, phổ biến cho GV hiểu quy trình, mục tiêu dạy học môn chuyên được các trường thực hiện tốt, kết quả cao, xếp thứ bậc 1 với $\overline{X}$ =3,74.

Tuy nhiên, ở tiêu chí 4, chỉ đạt mức TB với $\overline{X}$ = 2,47< 2,5 và có thứ bậc thấp nhất (9), cho thấy việc bố trí người dạy chưa thực sự tốt.

Còn các tiêu chí khác đều đạt điểm TB tương ứng với mức độ khá. Đánh giá chung toàn bộ tiêu chuẩn *Quản lý người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để ĐBCL dạy học cũng đạt mức độ khá với* $\overline{X}$ = 3,06.

Muốn quản lý được người dạy môn chuyên thì phải làm thế nào? Qua trao đổi, phỏng vấn các CBQL, giáo viên dạy môn chuyên thì cần phải xác lập được các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo viên, xây dựng và tổ chức đánh giá chất lượng giáo viên hàng năm theo tiêu chí trên và theo quy định chuẩn giáo viên của Bộ GD&ĐT. Nhìn chung giáo viên được tuyển chọn là giáo viên giỏi, có khả năng về chuyên môn, phương pháp để bồi dưỡng HSG, tâm huyết với nghề.

2.3.1.3. Quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Nội dung chương trình hiện nay đang áp dụng tại các trường cơ bản giống nhau. Thời khóa biểu hiện hành với thời lượng dành cho môn chuyên bằng 150% thời lượng môn học đó trong kế hoạch giáo dục. Qua khảo sát CBQL và giáo viên dạy chuyên cho thấy:

Bảng 2.8: Quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng và quán triệt thực hiện nội dung chương trình dạy học theo đúng mục tiêu dạy học của trường THPT chuyên.	136	54,2	80	31,9	35	13,9			3,40	1
2	Tổ chức thực hiện giảng dạy đúng chương trình dạy học chất lượng cao.	73	29,1	79	31,5	76	30,3	23	9,2	2,80	6
3	Phát triển (hoàn thiện) chương trình dạy học theo hướng nâng cao chất lượng người học cập nhật và hiện đại.	93	37,1	101	40,2	42	16,7	15	6,0	3,08	2
4	Thiết kế chương trình dạy học vừa đảm bảo chương trình vừa đáp ứng với chuẩn đầu vào của các trường đại học thuộc Top đầu.	87	34,7	95	37,8	57	22,7	12	4,8	3,02	3
5	Tổ chức được quy trình chuẩn để phát triển và quản lý chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.	37	14,7	98	39,0	80	31,9	36	14,3	2,54	7
6	Xây dựng được các tiêu chí đánh giá và điều chỉnh chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên đáp ứng mục tiêu dạy học.	33	13,1	95	37,8	83	33,1	40	15,9	2,48	8

7	Tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện công tác xây dựng và điều chỉnh chương trình dạy học môn chuyên đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng.	77	30,7	95	37,8	65	25,9	14	5,6	2,93	4
8	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	66	26,3	96	38,2	75	29,9	14	5,6	2,85	5
	TB Chung									**2,89**	

Tiêu chí 1 có $\overline{X}$= 3,40> 3,25 nên đạt mức tốt. Bên cạnh đó tiêu chí 4 với $\overline{X}$ = 2,48 <2,5 nên chỉ đạt mức độ TB và xếp thứ bậc thấp (8). Các tiêu chí còn lại có điểm TB đều >2,5 và tương ứng với mức độ khá $\overline{X}$ = 2,89 là trung bình cộng của điểm TB các tiêu chí, nên có thể xem quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên từ việc phổ biến và triển khai đến định kỳ đánh giá và đề ra các biện pháp cải tiến ở các trường chuyên đã đạt mức độ khá.

Việc tổ chức quy trình chuẩn và xây dựng được các tiêu chí các trường chưa làm tốt cũng bởi nhiều lý do cả khách quan lẫn chủ quan. Tuy nhiên đến nay chưa có chương trình, sách giáo khoa thống nhất cho môn chuyên, về nội dung chương trình dạy học môn chuyên được thực hiện theo căn cứ hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, các giáo viên tự nghiên cứu, sưu tầm, khai thác tài liệu qua mạng Internet, qua trao đổi với các cơ sở đào tạo, tổ bộ môn,… để biên soạn các nội dung dạy học.

2.3.1.4. Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Về CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên ở các trường THPT chuyên hiện nay tương đối tốt, các trường được đầu tư theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Việc quản lý CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy học để đảm bảo cho giáo viên, học sinh sử dụng được tiện dụng, hiệu quả. Kết quả khảo sát cho thấy:

Bảng 2.9: Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng các tiêu chí chất lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học đáp ứng mục tiêu dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên.	89	35,5	85	33,9	61	24,3	16	6,4	2,98	3
2	Xác lập quy trình sử dụng cơ sở vật chất… để đảm bảo phục vụ tốt nhất nâng cao chất lượng dạy học môn chuyên theo yêu cầu.	88	35,1	91	36,3	57	22,7	15	6,0	3,00	2
3	Tổ chức bồi dưỡng nhân sự thực hiện công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ tốt nhất cho dạy học chất lượng cao.	83	33,1	102	40,6	54	21,5	12	4,8	3,01	1
4	Giám sát và đánh giá quy trình quản lý, sử dụng cơ sở vật chất theo yêu cầu dạy học đảm bảo chất lượng.	70	27,9	115	45,8	52	20,7	14	5,6	2,96	4
5	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	84	33,5	100	39,8	55	21,9	12	4,8	3,01	1
	TB Chung									**2,99**	

Theo kết quả khảo sát, tất cả các tiêu chí đều có điểm TB xấp xỉ nhau và đều tương đương với mức độ khá , do đó $\overline{X}$ chung = ***2,99*** đạt ở mức khá trong bảng xếp loại. Trong đó, tiêu chí 3 và tiêu chí 5 đứng thứ bậc 1.

Qua trao đổi với CBQL, giáo viên dạy môn chuyên tham gia khảo sát thì việc quản lý CSVC, trang thiết bị được thực hiện khá tốt, đã huy động và sử dụng hiệu quả, minh bạch, đúng quy định nguồn tài chính theo quy định.

Bên cạnh đó, các trường cần xây dựng các tiêu chí chất lượng về CSVC, thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên và đầu tư hơn nữa để các bộ môn chuyên có đầy đủ trang thiết bị trong dạy học, thực hành môn chuyên.

Bảng tổng hợp thực trạng quản lý các yếu tố đầu vào theo hướng ĐBCL (Xem Phụ lục 6. Bảng 2.11).

Biểu đồ 2: Tổng hợp thực trạng quản lý các yếu tố đầu vào theo hướng ĐBCL

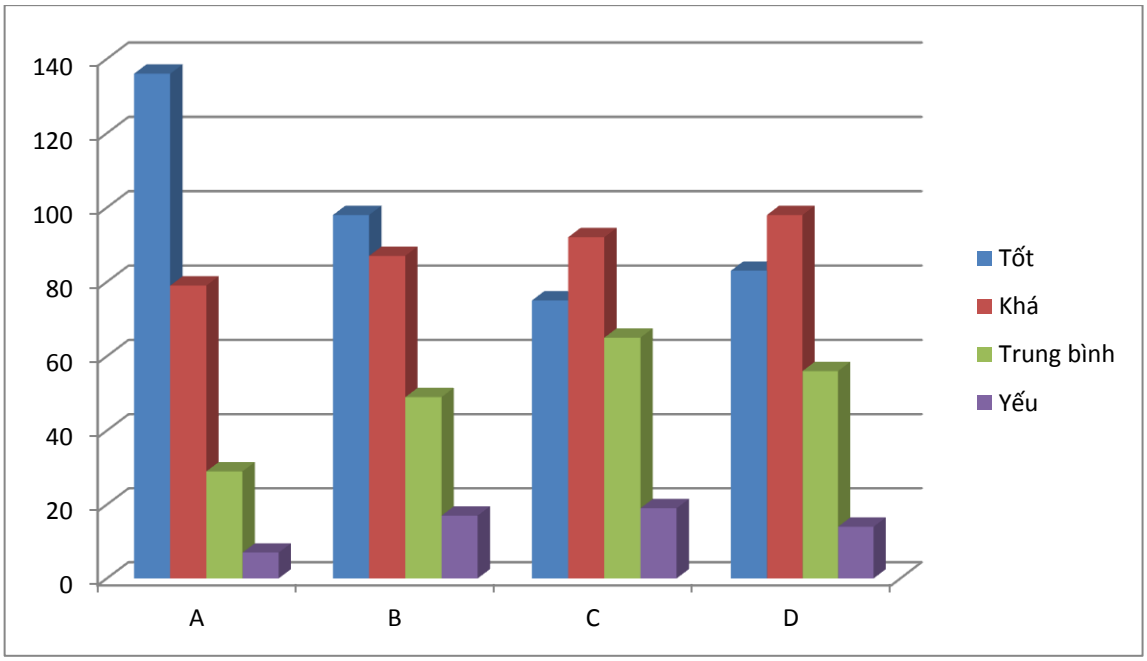

A: Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng ĐBCL

B: Quản lý người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để ĐBCL dạy học cao.

C: Quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

D: Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.

Quản lý các yếu tố đầu vào được thể hiện ở các tiêu chí công tác tuyển sinh, với 6 tiêu chí. Trong quản lý công tác Tuyển sinh thì tiêu chí 1, xác định chuẩn đầu vào (ngưỡng ĐBCL đầu vào của học sinh THPT chuyên là quan trọng nhất, đó là cơ sở để thực hiện mục tiêu của nhà trường. Đối với Quản lý người dạy môn chuyên có 9 tiêu chí, trong đó chú trọng tới các tiêu chí 2: Xác lập được các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy học môn chuyên và tiêu chí 5: Tổ chức bồi dưỡng giáo viên phát triển chuyên môn đáp ứng với mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên. Về quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên có 8 tiêu chí, trong đó các tiêu chí cơ bản được chú trọng là tiêu chí 6: Xây dựng được các tiêu chí đánh giá và điều chỉnh chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên đáp ứng yêu cầu ĐBCL và điều chỉnh chương trình dạy học môn chuyên đáp ứng yêu cầu ĐBCL.

Quản lý CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL có 5 tiêu chí thì tiêu chí quan trọng nhất đó là tiêu chí 4: Giám sát và đánh giá quy trình quản lý, sử dụng cơ sở vật chất theo yêu cầu dạy học ĐBCL.

Từ bảng tổng hợp trên cho thấy sự cần thiếp phải chú trọng vào thực hiện đồng bộ các tiêu chí, nhưng trong từng yếu tố nhất định phải nhận thấy tiêu chí quan trọng nhất và thực hiện triển khai, giám sát, đánh giá và cải tiến thường xuyên để đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.

2.3.2. Thực trạng quản lý các yếu tố quá trình dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng

2.3.2.1. Quản lý thực hiện dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Qua khảo sát CBQL và giáo viên dạy môn chuyên cho kết quả:

Bảng 2.10: Quản lý thực hiện dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Quản lý thực hiện dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng tiêu chí đánh giá dạy học môn chuyên của giáo viên theo hướng đảm bảo mục tiêu môn học.	69	27,5	82	32,7	68	27,1	32	12,7	2,74	7

2	Xây dựng quy trình thực hiện dạy học để đảm bảo tốt nhất chất lượng dạy học.	70	27,9	89	35,5	67	26,7	25	10,0	2,81	6
3	Xác định rõ mục tiêu dạy học môn chuyên theo yêu cầu đảm bảo chất lượng.	97	38,6	94	37,5	53	21,1	7	2,8	3,11	2
4	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học phát huy cao nhất hoạt động, năng lực của học sinh.	84	33,5	89	33,5	60	23,9	18	7,2	2,95	4
5	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn của giáo viên theo mục tiêu dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên.	120	47,8	85	33,9	40	15,9	6	2,4	3,27	1
6	Kiểm tra đánh giá quá trình dạy học môn chuyên của giáo viên theo yêu cầu đảm bảo chất lượng.	88	35,1	96	38,2	52	20,7	15	6,0	3,02	3
7	Chỉ đạo dạy học môn chuyên hướng đến nhu cầu học tập của học sinh.	46	18,3	84	33,5	90	35,9	31	12,4	2,57	8
8	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	77	30,7	94	37,5	70	27,9	10	4,0	2,94	5
	TB Chung									**2,93**	

Trong số các tiêu chí trên chỉ có tiêu chí 5 được thực hiện tốt nhất với $\overline{X}$ = 3,27, đạt được mức độ Tốt và xếp thứ bậc 1. Các tiêu chí còn lại có điểm TB > 2,5 chỉ tương đương với mức độ khá. Do đó, $\overline{X}$ chung = 2,93 nằm trong ngưỡng khá ($\overline{X}$ = 2,5 ÷ 3,24). Như vậy việc quản lý thực hiện dạy học môn chuyên được các trường thực hiện ở mức Khá.

Việc quản lý thực hiện dạy học được thực hiện khá, tuy nhiên, ở tiêu chí 7, Chỉ đạo dạy học môn chuyên hướng đến nhu cầu học tập của học sinh lại có thứ bậc thấp (bậc 8), với $\overline{X}$ = 2,57. Kết quả trên cho thấy, việc QLDH mới đang chủ yếu thực hiện theo mục tiêu dạy học môn chuyên, kiến thức theo sách giáo khoa mà chưa hướng đến thực hiện dạy học theo nhu cầu của người học, phát huy được tối đa sức sáng tạo, đam mê của học sinh chuyên. Một thực tế qua khảo sát cho thấy, việc xây dựng tiêu chí đánh giá dạy học môn chuyên của giáo viên theo hướng đảm bảo mục tiêu môn học (tiêu chí 1) chưa được các trường thực hiện hiệu quả. Ở tiêu chí này, $\overline{X}$ = 2,74 với thức bậc 7, với 69 phiếu Tốt (27,5%), 82 phiếu Khá (32,7%), 68 phiếu Trung bình (27,1%), nhưng lại có tới 32 phiếu Yếu (12,7%), cho thấy có nơi, có lúc việc quản lý thực hiện dạy học vẫn còn đang ở mức độ quản lý giờ dạy, tiết dạy.

Qua phỏng vấn với cán bộ, giáo viên khi phát phiếu điều tra và từ kết quả trên cho thấy, cần phải xây dựng được hệ tiêu chí đánh giá dạy học môn chuyên của giáo viên và chỉ đạo dạy học môn chuyên hướng đến nhu cầu học tập của học sinh.

2.3.2.2. Quản lý học tập môn chuyên của học sinh theo hướng đảm bảo chất lượng

Khảo sát Quản lý học tập môn chuyên cho kết quả:

Bảng 2.11: Quản lý học tập môn chuyên của học sinh theo hướng ĐBCL.

STT	Quản lý học tập môn chuyên của học sinh theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xác định các tiêu chí đánh giá học tập của học sinh theo mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.	62	24,7	97	38,6	77	30,7	15	6,0	2,82	6
2	Chỉ đạo giáo viên khích lệ, củng cố thái độ, ý thức học tập, tạo "nội lực" cho hoạt động học tập đạt mục tiêu dạy học môn chuyên đặt ra.	89	35,5	85	33,9	63	25,1	14	5,6	2,99	1

3	Tổ chức học tập môn chuyên của học sinh theo quy trình học tập chất lượng cao (đảm bảo chất lượng).	79	31,5	90	35,9	70	27,9	12	4,8	2,94	3
4	Tổ chức học tập cho học sinh theo hướng hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu.	49	19,5	79	31,5	80	31,9	43	17,1	2,53	7
5	Chỉ đạo đa dạng hoá hình thức học tập của học sinh gắn với mục tiêu dạy học và chất lượng dạy học môn chuyên.	74	29,5	84	33,5	74	29,5	19	7,6	2,84	5
6	Đánh giá học tập môn chuyên cuả học sinh theo các tiêu chí đảm bảo chất lượng.	78	31,1	93	37,1	59	23,5	21	8,4	2,90	4
7	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	73	29,1	106	42,2	66	26,3	6	2,4	2,98	2
	TB Chung									**2,86**	

Điểm TB của tất cả các tiêu chí đều đạt ở mức khá vì nằm trong ngưỡng ($\overline{X}$ = 2,5 ÷ 3,24). Trong đó, tiêu chí 2 có điểm TB cao nhất là 2,99; còn tiêu chí 4 có điểm TB thấp nhất là 2,53 xếp thứ bậc thấp nhất (7). Điều này cho thấy, dù là học sinh được tuyển chọn kỹ từ đầu vào, học lực, hạnh kiểm… nhưng vẫn chưa thể thực hiện tốt việc tổ chức học tập theo hướng tự học, tự nghiên cứu.

Qua khảo sát và trao đổi với CBQL và giáo viên dạy môn chuyên, cho thấy: có một số vấn đề khó khăn trong quản lý học tập môn chuyên là việc Tổ chức học tập cho học sinh theo hướng hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu (tiêu chí 4) và xác định các tiêu chí đánh giá học tập của học sinh theo mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường

THPT chuyên (tiêu chí 1) là còn nhiều khó khăn. CBQL và giáo viên dạy môn chuyên cho rằng, việc quản lý học tập khó khăn nhất là ở tiêu chí tổ chức học tập theo hướng học sinh tự học, tự nghiên cứu, bởi muốn tự học, tự nghiên cứu được các em cần có một lượng tri thức nhất định và phương pháp học tập tốt mới có thể thực hiện. Bên cạnh đó việc xác định các tiêu chí đánh giá học tập của học sinh (tiêu chí 1) với $\overline{X}$ = 2,82 xếp thứ bậc 6 cho thấy chưa có hệ tiêu chí rõ ràng, việc đánh giá mới đang dừng lại ở mức đánh giá bằng điểm số và nhận xét của giáo viên, đôi khi như thế chưa đánh giá được toàn diện, khách quan kết quả, quá trình học tập của học sinh.

2.3.2.3. Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá thườn xuyên để nắm rõ thực trạng hoạt động kiểm tra - đánh giá của từng giáo viên dạy môn chuyên, việc dạy học môn chuyên, đề ra những giải pháp để nâng cao hoạt động QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

Bảng 2.12: Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo mục tiêu dạy học (đảm bảo chất lượng).	30	12,0	82	32,7	82	32,7	57	22,7	2,33	6
2	Xây dựng quy trình chuẩn đánh giá dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.	28	11,2	87	34,7	90	35,9	46	18,3	2,38	5

3	Tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá dạy học môn chuyên đáp ứng yêu cầu chất lượng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.	85	33,9	95	37,8	54	21,5	17	6,8	2,98	1
4	Tổ chức kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên theo đúng quy trình đảm bảo chất lượng dạy học.	43	17,1	108	43,0	71	28,3	29	11,6	2,65	4
5	Giám sát việc thực hiện quy trình đánh giá kết quả dạy học theo yêu cầu đảm bảo chất lượng dạy học, mục tiêu dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên.	67	26,7	92	36,7	65	25,9	27	10,8	2,79	3
6	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	73	29,1	103	41,0	57	22,7	18	7,2	2,92	2
	TB Chung									**2,68**	

Theo kết quả khảo sát cho thấy trong số các tiêu chí trên có 2 tiêu chí có điểm TB chỉ đạt mức độ trung bình đó là tiêu chí 1 cho kết quả $\overline{X}$ = 2,33 và tiêu chí 2 với $\overline{X}$ = 2,38. Trao đổi với CBQL, giáo viên dạy môn chuyên cho thấy việc xây dựng tiêu chí và xây dựng quy trình là việc khó thực hiện nhất trong quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên.

Các tiêu chí còn lại từ tiêu chí 3 đến tiêu chí 6 đều có $\overline{X}$>2,5, do đó tương ứng với mức độ khá, trong đó tiêu chí 3 có điểm TB cao nhất $\overline{X}$ = 2,98. $\overline{X}$ chung = 2,68 là không cao, mặc dù ở ngưỡng Khá ($\overline{X}$ = 2,5 ÷ 3,24), cho thấy việc quản lý hoạt động kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện đạt hiệu quả cao với $\overline{X}$ = 2,33 mới đạt ở mức Trung bình ($\overline{X}$ = 1,75 ÷ 2,49), có thứ bậc thấp nhất (6) trong các tiêu chí. Từ đó cho thấy việc xây dựng tiêu chí và xây dựng quy trình là khó thực hiện nhất trong quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động QLDH môn chuyên.

2.3.2.4. Quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường trung học phổ thông chuyên.

Thông qua đánh giá mức độ thực hiện việc quản lý học sinh học tập môn chuyên và sự kiểm tra, đánh giá của giáo viên. Kết quả khảo sát:

Bảng 2.13: Mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên".

STT	Nội dung khảo sát Quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Phổ biến và quán triệt mục tiêu dạy học cho học sinh tạo động lực học tập đảm bảo mục tiêu đầu ra đối với học sinh trường THPT chuyên.	163	64,9	73	29,1	12	4,8	3	1,2	3,57	1
2	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hằng năm đối với học sinh để phân loại trình độ, chất lượng học sinh tạo ra sự phù hợp giữa học sinh với chương trình học.	74	29,5	82	32,7	59	23,5	36	14,3	2,77	6

3	Hình thành phương pháp học tập chất lượng cao với học sinh để tạo ra khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo.	66	26,3	95	37,8	69	27,5	21	8.40	2,82	5
4	Tạo điều kiện cho học sinh phát huy hết khả năng, năng lực cá nhân đạt được mục tiêu học tập cao nhất đặt ra đối với học sinh trường THPT chuyên.	105	41,8	97	38,6	39	15,5	10	4,00	3,18	2
5	Xây dựng được tiêu chí đánh giá chất lượng học sinh.	88	35,1	94	37,5	51	20,3	18	7,2	3,00	3
6	Xây dựng và thực hiện đúng quy trình khoa học đánh giá chất lượng học sinh.	55	21,9	80	31,9	92	36,7	24	9,6	2,66	7
7	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	73	29,1	102	40,6	68	27,1	8	3,2	2,95	4
	TB Chung									**2,99**	

Trong các tiêu chí thực hiện quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập chỉ duy nhất có tiêu chí 1 có điểm TB cao ($\overline{X}$ = 3,57) tương ứng với mức thực hiện tốt.

Các tiêu chí còn lại đều có điểm TB ở mức khá, trong đó tiêu chí 4 và tiêu chí 5 có điểm TB > 3, 0 chiếm thứ bậc 2 và 3, $\overline{X}$ chung = 2,99 cho phép đánh giá việc *quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên* đạt mức khá. Tuy nhiên, theo các CBQL và giáo viên dạy môn chuyên thì còn có một số tiêu chí khó thực hiện, chẳng hạn tiêu chí 2. Đồng thời, cán bộ, giáo viên cho rằng dù đã có các quy định tương đối rõ ràng, cụ thể về đánh giá chất lượng học sinh, tuy nhiên vẫn còn một số mục mang tính hình thức, chưa đánh giá được đúng thực trạng và mang tính khoa học chưa cao.

Qua phỏng vấn, cán bộ, giáo viên cho rằng dù đã có các quy định tương đối rõ ràng, cụ thể về đánh giá chất lượng học sinh, tuy nhiên vẫn còn mang nặng tính hình thức, chưa đánh giá được đúng thực trạng và chưa mang tính khoa học cao.

2.3.2.5. Quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Khảo sát về quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL cho kết quả:

Bảng 2.14: Quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xây dựng các tiêu chí tự đánh giá dạy học môn chuyên theo mục tiêu đảm bảo chất lượng dạy học.	40	15,9	83	33,1	81	32,3	47	18,7	2,46	4
2	Xây dựng quy trình tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo quy trình đảm bảo chất lượng.	44	17,5	72	28,7	92	36,7	43	17,1	2,46	4
3	Tổ chức bồi dưỡng nhân sự thực hiện quy trình tự đánh giá.	30	12,0	98	39,0	87	34,7	36	14,3	2,48	3
4	Giám sát việc thực hiện quy trình tự đánh giá dạy học môn chuyên theo yêu cầu đảm bảo chất lượng.	51	20,3	100	39,8	74	29,5	26	10,4	2,70	2
5	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến, và kế hoạch thực hiện cải tiến.	54	21,5	96	38,2	80	31,9	21	8,4	2.72	1
	TB Chung									**2,56**	

Kết quả khảo sát cho thấy có 3 tiêu chí: Tiêu chí 1, tiêu chí 3 có điểm TB chỉ đạt mức TB ($\overline{X}$ < 2,5) cùng với $\overline{X}$ chung = 2,56, tương ứng ở mức Khá nhưng lại là kết quả gần ngưỡng với mốc của mức độ TB. Điều này cho thấy rằng việc quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên ở các trường THPT chuyên chưa thực sự đạt hiệu quả.

Qua trao đổi với CBQL và giáo viên dạy chuyên, tác giả cho rằng việc xây dựng tiêu chí tự đánh giá dạy học cần được thực hiện trên cơ sở giáo viên dạy chuyên tự đánh giá bản thân, thông qua Tổ Chuyên môn, xây dựng tiêu chí, quy trình cho việc tự đánh giá dạy học. Như thế cùng lúc có thể giải quyết được cả ba vấn đề nêu trên.

Bảng tổng hợp Thực trạng quản lý các yếu tố quá trình dạy học theo hướng ĐBCL (Xem phụ lục 6. Bảng 2.17):

Biểu đồ 3: Bảng tổng hợp Thực trạng quản lý các yếu tố quá trình dạy học theo hướng ĐBCL

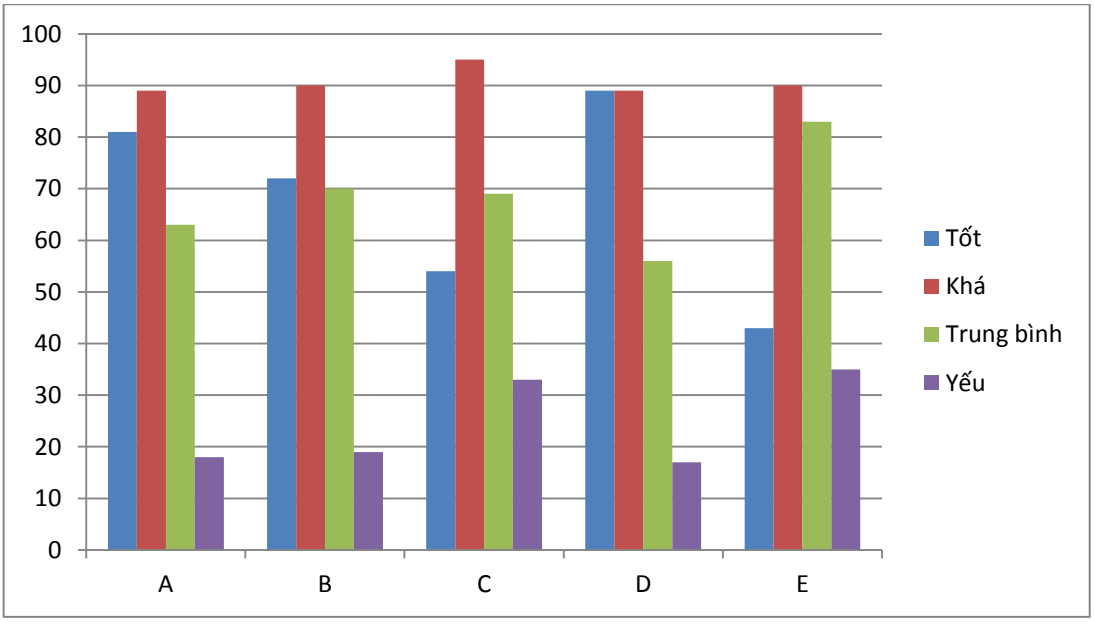

A: Quản lý thực hiện dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL

B: Quản lý học tập môn chuyên của học sinh theo hướng ĐBCL

C: Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL

D: Quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên.

E: Quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL

Quản lý yếu tố Quá trình dạy học theo hướng ĐBCL được xác định với 5 yếu tố từ QLDH, học tập, kiểm tra - đánh giá, học sinh đáp ứng yêu cầu học tập môn chuyên và công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên.

Trong yếu tố QLDH môn chuyên có 8 tiêu chí được nêu ra theo các vấn đề QLDH, trong đó tiêu chi Chỉ đạo dạy học môn chuyên hướng đến nhu cầu của học sinh là tiêu chí quan trọng nhất, vì mục tiêu chính của dạy học là trang bị những kiến thức, kỹ năng phục vụ nhu cầu của người học.

Quản lý học tập môn chuyên của học sinh bao gồm 7 tiêu chí thì ở tiêu chí 4: Tổ chức học tâp cho học sinh theo hướng hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu có thứ bậc thấp nhất (7), cho thấy đây là tiêu chí quan trọng, là mục tiêu cần đạt được của quản lý học tập môn chuyên của học sinh.

Đối với việc quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên có 6 tiêu chí. Qua bảng tổng hợp cho thấy ở tiêu chí 1: Xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL là tiêu chí quan trọng nhất trong việc quản lý kiểm tra - đánh giá dạy học nhưng lại là tiêu chí khó thực hiện nhất, có thứ bậc thấp (6).

Trong yếu tố quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên có 7 tiêu chí. Qua kết quả tổng hợp khảo sát cho thấy các tiêu chí trong nhóm đều cho kết quả khá, tuy nhiên, ở tiêu chí 6: Xây dựng và thực hiện đúng quy trình khoa học đánh giá chất lượng học sinh là tiêu chí có thứ bậc thấp (7). Các ý kiến cho rằng việc xây dựng và thực hiện được một tiêu chí đánh giá khoa học chất lượng học sinh là rất khó khăn, khó có thể đánh giá được toàn diện chất lượng học tập của học sinh.

Yếu tố Quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên được xác định với 5 tiêu chí. Qua kết quả khảo sát cho thấy việc xây dựng tiêu chí và quy trình tự đánh giá dạy học cùng xếp thứ bậc thấp (4), là tiêu chí khó thực hiện.

Qua kết quả tổng hợp quá trình Đầu vào cho thấy có những tiêu chí cần chú trọng, tập trung giải quyết, xây dựng các tiêu chí cụ thể, phù hợp với đặc điểm của từng trường, có cách làm linh hoạt, sáng tạo.

2.3.3. Thực trạng quản lý các yếu tố đầu ra theo hướng đảm bảo chất lượng

2.3.3.1. Quản lý công tác theo dõi việc học tập của các cựu học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Một thực tế là hiện nay, học sinh tốt nghiệp THPT thì các trường coi như hoàn thành nhiệm vụ. Về cơ bản các trường chỉ thống kê số liệu tỉ lệ đỗ đại học, cao đẳng của học sinh chứ ít khi thực hiện việc theo dõi kết quả học tập của cựu học sinh đang học tập ở các trường đại học, cao đẳng.

Bảng 2.15: Quản lý công tác theo dõi việc học tập của các cựu học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên.

STT	Quản lý công tác theo dõi việc học tập của các cựu học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tổ chức thu thập thông tin về kết quả học tập của cựu học sinh theo mục tiêu và thích ứng được với quá trình học tập ở các trường đại học.	36	14,3	84	33,5	82	32,7	49	19,5	2,42	4
2	Thiết lập được mối liên hệ giữa trường THPT chuyên với hệ thống các trường đại học.	32	12,7	87	34,7	83	33,1	49	19,5	2,40	6
3	Đối chiếu sản phẩm đầu ra (học sinh tốt nghiệp) với mục tiêu dạy học (kết quả học tập) của trường THPT chuyên.	35	13,9	80	31,9	99	39,4	37	14,7	2,45	3
4	Sử dụng thông tin phản hồi của cựu học sinh để điều chỉnh các thành tố của quá trình dạy học ở trường THPT chuyên.	30	12,0	89	35,5	103	41,0	29	11,6	2,47	2

5	Tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện quy trình thu thập thông tin phản hồi.	38	15,1	106	42,2	72	28,7	35	13,9	2,58	1
6	Tổ chức cho học sinh đã tốt nghiệp tự đánh giá (đạt được, chưa đạt được) đối chiếu với mục tiêu dạy học của trường THPT chuyên.	26	10,4	79	31,5	102	42,2	44	17,5	2,34	7
7	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	38	15,1	76	30,3	88	35,1	49	19,5	2,41	5
	TB Chung									**2,44**	

Kết quả khảo sát cho thấy việc quản lý công tác theo dõi việc học tập của các cực học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên chỉ ở mức Trung bình với $\overline{X}$ chung = 2,44 ($\overline{X}$ = 1,75 ÷ 2,49).

Trong số các tiêu chí, duy nhất chỉ có tiêu 5 có $\overline{X}$=2,58 là tương ứng với mức độ khá, còn các tiêu chí khác chi đạt mức độ TB .

Nguồn nhân lực (cán bộ, giáo viên và nhân viên) ở trường THPT chuyên thì việc tổ chức bồi dưỡng cho họ thực hiện công tác theo dõi không khó nhưng việc sử dụng các thông tin phản hồi để điều chỉnh quá trình QLDH, các mục tiêu và thực hiện nhiệm vụ dạy học hướng đến người học mới khó thực hiện.

Qua trao với CBQL, giáo viên và kết quả khảo sát cho thấy các trường Tổ chức cho học sinh đã tốt nghiệp tự đánh giá (đạt được, chưa đạt được) đối chiếu với mục tiêu dạy học của trường THPT chuyên (tiêu chí 6) chưa được các trường tổ chức thực hiện, hoặc mới ở quy mô một số lớp, một số khoá và thông qua các buổi họp lớp, kỷ niệm... Kết quả khảo sát cũng cho thấy, 102 phiếu (42,2%) đánh giá Trung bình, 44 phiếu (17,5%) đánh giá Yếu, với $\overline{X}$ = 2,34, xếp thứ bậc thấp nhất (bậc 7).

Công tác theo dõi việc học tập của các cựu học sinh gắn liền sự trao đổi thông tin với các trường đại học, trong tiêu chí 2, Thiết lập được mối liên hệ giữa

trường THPT chuyên với hệ thống các trường đại học chưa được thực hiện, hoặc mới ở mức trung bình như kết quả khảo sát 32 phiếu (12,7%) đánh giá Tốt, 87 phiếu (34,7%) đánh giá Khá, 83 phiếu (33,1%) đánh giá Trung bình và 49 phiếu (19,5%) đánh giá Yếu, với $\overline{X}$ = 2,40 xếp loại Trung bình theo bảng xếp loại.

Từ kết quả trên cho thấy rằng công tác này chưa được thực hiện hoặc mới bước đầu thực hiện.

2.3.3.2. Quản lý theo dõi mức độ thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng trong học tập ở các trường đại học

Về cơ bản, các học sinh học ở trường THPT chuyên đều là những HSG đã được tuyển chọn, đào tạo nên đều thích ứng được với môi trường học tập ở trường đại học. Đặc biệt là về mức độ đáp ứng yêu cầu về kiến thức, về ý thức, thái độ học tập đều đạt mức Tốt trong thang đánh giá. Kết quả khảo sát:

Bảng 2.16: Mức độ thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên trong học tập ở các trường đại học.

STT	Mức độ thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên trong học tập ở các trường đại học.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Đáp ứng yêu cầu về kiến thức.	157	62,5	83	33,1	11	4,4			3,58	1
2	Đáp ứng yêu cầu về ý thức, thái độ học tập.	119	47,4	99	39,4	33	13,1			3,34	2
3	Đáp ứng yêu cầu về phương pháp học tập.	71	28,3	98	39,0	82	32,7			2,95	5
4	Thích ứng được với môi trường học tập trong các trường đại học.	82	32,7	82	32,7	87	34,7			2,98	4
5	Đạt kết quả cao trong học kỳ đầu của trường đại học.	96	38,2	86	34,3	69	27,5			3,10	3
	TB Chung									**3,19**	

Kết quả khảo sát ở hệ tiêu chí này, mức độ thích ứng của học sinh đều Khá với $\overline{X}$ chung = 3,19. Tuy nhiên theo CBQL và giáo viên thì học sinh chuyên chưa thích ứng ngay với môi trường học tập trong các trường đại học bởi cách thức dạy - học ở trường đại học khác với ở THPT. Chính vì thế học sinh cần có phương pháp học tập mới, học tập kết hợp với các hoạt động xã hội. Chính vì thế QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên cũng cần chú ý đến việc chuẩn bị dạy cho học sinh chuyển tiếp môi trường học tập để học sinh có thể đạt được kết quả cao trong học tập.

2.3.3.3. Quản lý công tác thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Thực hiện khảo sát về quản lý công tác thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau khi tốt nghiệp để đánh giá thực trạng QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL và mục tiêu dạy học cho kết quả:

Bảng 2.17: Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Xác định các tiêu chí thu thập thông tin phản hồi đối với học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng	29	11,6	75	29,9	99	39,4	48	19,1	2,33	4
2	Xây dựng quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hướng đảm bảo chất lượng học tập	38	15,1	71	28,3	90	35,9	52	20,7	2,37	2

3	Tổ chức thu thập thông tin phản hồi về đánh giá dạy học của trường THPT chuyên theo mục tiêu dạy học đã được xác định.	33	13,1	73	29,1	94	37,5	51	20,3	2,35	3
4	Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng học tập đã đạt được và chưa đáp ứng yêu cầu theo hướng đảm bảo chất lượng (mục tiêu dạy học).	28	11,2	77	30,7	81	32,3	65	25,9	2,27	5
5	Sử dụng thông tin phản hồi để điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp dạy học của nhà trường THPT chuyên.	15	6,0	94	37,5	81	32,3	61	24,3	2,25	6
6	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.	30	12,0	82	32,7	100	39,8	39	15,5	2,41	1
	TB Chung									**2,33**	

Theo kết quả khảo sát cho thấy việc tổ chức thu thập thông tin phản hồi đang ở mức Trung bình theo thang đánh giá với $\overline{X}$ chung = 2,33. ($\overline{X}$ = 1,75 - 2,49). Việc thu thập thông tin phản hồi tương đối khó thực hiện, từ việc xác định tiêu chí thu thập thông tin đến tổ chức thu thập thông tin về đạo đức, kiến thức, kỹ năng đã đạt được và chưa đạt được trong quá trình học tại trường THPT chuyên. Theo cán bộ và giáo viên dạy môn chuyên được khảo sát thì (tiêu chí 5) cho kết quả thấp nhất với 15 phiếu (6%) đánh giá Tốt, còn 94 phiếu (37,5%) đánh giá Khá, 81 phiếu (32,3%) Trung bình và có tới 61 phiếu (24,3%) đánh giá Yếu, đứng ở thứ bậc 6 với $\overline{X}$ = 2,25, ở mức Trung bình của thang đánh giá. Việc thu thập thông tin có nhiều dữ liệu từ

phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng đã hoặc chưa đạt được theo mục tiêu dạy học cũng cho kết quả không cao với $\overline{X}$ = 2,27, xếp ở thứ bậc 5. Tuy nhiên, cái khó trong công tác quản lý chính là xác định các tiêu chí thu thập thông tin phản hồi ở nội dung phẩm chất, kiến thức, kỹ năng… và phải làm như thế nào để thu hút được sự quan tâm, đánh giá của các cựu học sinh.

Trên cơ sở quản lý việc dạy học môn chuyên, đến nay việc thu thập thông tin phản hồi các trường THPT chuyên đã thực hiện trên trang thông tin điện tử của nhà trường nhưng hiệu quả chưa cao, rất khó có thể căn cứ vào kết quả thu thập thông tin để điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp dạy học. Được thể hiện tại bảng tổng hợp Thực trạng quản lý các yếu tố đầu ra theo hướng ĐBCL (Phụ lục 6. Bảng 2.21).

Biểu đồ 4: Bảng tổng hợp Thực trạng quản lý các yếu tố đầu ra theo hướng ĐBCL

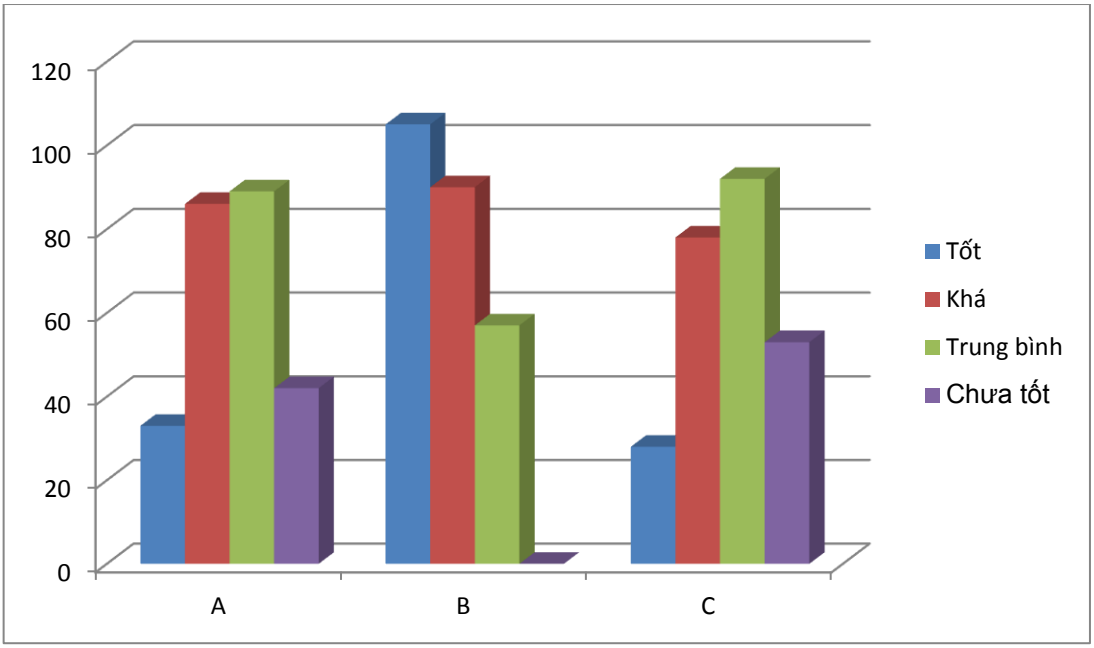

A: Quản lý công tác theo dõi việc học tập của các cựu học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng ĐBCL

B: Mức độ thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên trong học tập ở các trường đại học.

C: Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng ĐBCL

Trong quá trình Đầu ra có 3 yếu tố cơ bản, việc thực hiện các tiêu chí này nhằm mục đích chính là đánh giá kết quả của việc dạy học, từ đó điều chỉnh quá trình dạy học cho phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn. Nhìn chung, trong số các tiêu chí này có thể thực hiện được nhưng cần đầu tư tương đối lớn. Qua kết quả tổng hợp thực trạng quản lý các yếu tố Đầu ra cho thấy: Tiêu chí quan trọng nhất và cũng khó thực hiện nhất là tiêu chí 6. Với tiêu chí Mức độ thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên trong học tập ở các trường đại học thì việc đáp ứng yêu cầu về phương pháp học tập tiêu chí khó khăn nhất đối với học sinh. Và Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng ĐBCL là một việc làm có vẻ dễ nhưng lại khó thực hiện bởi cần kinh phí, nguồn nhân lực lớn và sử dụng thông tin phản hồi để điều chỉnh nội dung, chương trình, phương pháp dạy học của nhà trường (tiêu chí 5) lại càng khó hơn.

2.3.4. Đánh giá tác động của các yếu tố thuộc về bối cảnh dạy học

2.3.4.1. Đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng của Đổi mới giáo dục hiện nay và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật tới dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Yếu tố của đổi mới giáo dục, cách chính sách về giáo dục và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật có tác động to lớn đến việc QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL ở trường THPT chuyên. Kết quả khảo sát:

Bảng 2.18: Thực trạng tác động của yếu tố ảnh hưởng Đổi mới giáo dục hiện nay và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Thực trạng tác động của yếu tố Đổi mới giáo dục hiện nay và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.	207 82,5%	44 17,5%		2,82	1
2	Hình thành năng lực, kỹ năng cho người học.	203 80,9%	44 17,5%	4 1,6%	2,79	3
3	Sự bùng nổ kinh tế tri thức và phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin.	204 81,3%	46 18,3%	1 0,4%	2,80	2

4	Các chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nhân tài cho đất nước.	187 74,5%	58 23,1%	6 2,4%	2,72	5
5	Các văn bản pháp quy về dạy học và quản lý dạy học ở trường THPT chuyên (văn bản pháp quy về dạy học, cơ chế quản lý của Nhà nước với trường THPT chuyên, chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, học sinh).	195 77,7%	54 21,5%	2 0,8%	2,76	4
	TB Chung				2,78	

Kết quả cho thấy cả đội ngũ CBQL và GV dạy môn chuyên đều cho rằng các tiêu chí trên có ảnh hưởng nhiều đến QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL. Dạy học môn chuyên hướng đến Chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế là mục tiêu cũng như đảm bảo các chỉ báo này mới có thể quản lý chất lượng dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL. Kết quả khảo sát cho thấy tiêu chí 1 có ảnh hưởng đến QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL, với $\overline{X}$ = 2,82, xếp thứ bậc 1. Bên cạnh đó tiêu chí 3 có mức ảnh hưởng lớn đến dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên với $\overline{X}$ = 2,80, xếp thứ bậc 2. Kết quả trên cho thấy khi nền kinh tế tri thức nắm vai trò chủ đạo, đứng trước cuộc cách mạng khoa học lần thứ 4 thì việc đào tạo đội ngũ tri thức lành nghề "vừa hồng vừa chuyên" để xây đựng đất nước là một yêu cầu cấp thiết, khách quan. Trước đây, các yếu tố về Chính sách của Đảng, Nhà nước, các văn bản pháp quy về dạy học và QLDH… giữ vị trí ảnh hưởng hàng đầu thì nay các yếu tố đó chỉ mang tính chất tác động, là những yếu tố phụ trợ cho quá trình giáo dục mang tính toàn cầu.

2.3.4.2. Đánh giá tác động của yếu tố Môi trường sư phạm ở trường trung học phổ thông chuyên tới dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Môi trường sư phạm có vai trò, ảnh hưởng rất lớn đến việc dạy học, QLDH, bởi môi trường sư phạm mang nhiều đặc thù mà các môi trường làm việc khác không có. Kết quả như sau:

Bảng 2.19: Thực trạng tác động của yếu tố Môi trường sư phạm ở trường THPT chuyên tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Thực trạng tác động của yếu tố Môi trường sư phạm ở trường THPT chuyên tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Môi trường chuyên môn và hướng đến phát triển chuyên môn.	215 85,7%	35 13,9%	1 0,4%	2,85	1
2	Mối quan hệ cán bộ quản lý - giáo viên - học sinh trong trường.	197 78,5%	49 19,5%	5 2,0%	2,76	3
3	Mối quan hệ của nhà trường với các cơ sở giáo dục đại học.	159 63,3%	85 33,9%	7 2,8%	2,60	5
4	Văn hoá tổ chức trong nhà trường	183 72,9%	62 24,7%	6 2,4%	2,70	4
5	Điều kiện cơ sở vật chất, môi trường xã hội (tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi).	204 81,3%	43 17,1%	4 1,6%	2,79	2
	TB Chung				**2,74**	

Kết quả khảo sát cho thấy $\overline{X}$ chung = 2,74, đạt mức Ảnh hưởng nhiều theo thang đánh giá. Đa số phiếu trả lời đều đánh giá các yếu tố này ảnh hưởng nhiều đến dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên. Ở đây môi trường chuyên môn và hướng đến phát triển chuyên môn được cho là ảnh hưởng nhiều nhất đến QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên. Kết quả khảo sát cho thấy có 215 phiếu (85,7%) đánh giá ảnh hưởng nhiều, chỉ có 35 phiếu (13,9%) đánh giá ảnh hưởng ít và 1 phiếu (0,4%) đánh giá không ảnh hưởng.

Qua trao đổi với CBQL và giáo viên dạy môn chuyên, yếu tố ảnh hưởng thứ hai đó chính là điều kiện CSVC, môi trường xã hội (tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi) ảnh hưởng thứ hai đến dạy học môn chuyên. Kết quả khảo sát là có 204 phiếu (81,3%) đánh giá ảnh hưởng nhiều, 43 phiếu (17,1%) đánh giá ảnh hưởng ít và 4 phiếu (1,6%) đánh giá không ảnh hưởng.

Từ kết quả trên cho thấy, với yếu tố môi trường sư phạm thì môi trường chuyên môn và CSVC là hai yếu tố quan trọng nhất, ảnh hưởng nhiều nhất đến dạy học môn chuyên.

2.3.4.3. Đánh giá tác động của yếu tố Trình độ quản lý của cán bộ quản lý nhà trường tới dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Đối với yếu tố Trình độ quản lý của CBQL nhà trường tới dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL được dánh giá ở ba khía cạnh, đó là Tầm nhìn, định hướng, năng lực quản lý và năng lực chuyên môn.

Bảng 2.20: Thực trạng tác động của yếu tố Trình độ quản lý của cán bộ quản lý nhà trường tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Thực trạng tác động của yếu tố Trình độ quản lý của cán bộ quản lý nhà trường tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Định hướng, tầm nhìn và chỉ đạo của nhà quản lý.	225 89,6%	24 9,6%	2 0,8%	2,88	1
2	Trình độ, năng lực quản trị hành chính của nhà quản lý.	207 82,5%	40 15,9%	4 1,6%	2,80	2
3	Trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm của nhà quản lý.	204 81,3%	46 18,3%	1 0,4%	2,80	2
	TB Chung				**2,83**	

Kết quả khảo sát cho thấy $\overline{X}$ chung = 2,83 đạt mức ảnh hưởng nhiều, với mức độ ảnh hưởng về định hướng, tầm nhìn và chỉ đạo của nhà quản lý là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến môi trường giáo dục với $\overline{X}$ = 2,88. Trình độ quản trị hành chính và trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm có ảnh hưởng lớn đến tính quyết đoán, quyết định các các chính sách, xây dựng tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ hoạt động hiệu quả và thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với giáo viên, học sinh. Nhà quản lý có trình độ quản trị có thể xây dựng và cải tiến các quy trình hoạt động, thủ tục hành chính, quản lý tốt hồ sơ, sổ sách theo đúng quy định và có quyết định hành chính đúng đắn, kịp thời giải quyết được các nhiệm vụ đặt ra. Về trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm ngoài yếu tố đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT cần nắm vững chuyên môn, cụ thể là môn chuyên mình giảng dạy, có hiểu biết các môn khoa học khác đáp ứng yêu cầu quản lý và thường xuyên cập nhật kiến thức mới, có khả năng tổ

chức, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, phát huy được tính năng động, sáng tạo của giáo viên và học sinh, hỗ trợ tốt đồng nghiệp thực hiện các phương pháp dạy học tích cực. Các ý kiến cho rằng hai yếu tố này đều quan trọng và có ảnh hưởng ngang nhau.

2.3.4.4. Đánh giá tác động của yếu tố kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương tới công tác quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Bảng 2.21: Thực trạng tác động của yếu tố Bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương tới công tác quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	Thực trạng ảnh hưởng của yếu tố Bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương tới công tác quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Đặc điểm sự phát triển kinh tế - chính trị - văn hoá.	196 78,1%	55 21,9%		2,78	2
2	Trình độ dân trí của địa phương.	192 76,5%	59 23,5%		2,76	3
3	Sự quan tâm của chính quyền địa phương.	195 77,7%	54 21,5%	2 0,8%	2,76	3
4	Nhu cầu học tập và sự quan tâm đến học tập của dân cư.	201 80,1%	48 19,1%	2 0,8%	2,79	1
5	Phong tục tập quán của địa phương.	142 56,6%	98 39,0%	11 4,4%	2,52	4
	TB Chung				**2,72**	

Theo kết quả khảo sát thì Bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương tới công tác QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL có mức độ ảnh hưởng nhiều nhưng thứ bậc lại nhất nhất trong các tiêu chí thuộc quản lý bối cảnh dạy học môn chuyên với $\overline{X}$ chung = 2,72. Tiêu chí Nhu cầu học tập và sự quan tâm đến học tập của dân cư có ảnh hưởng nhiều đến công tác QLDH theo hướng ĐBCL $\overline{X}$ = 2,79, CBQL và giáo viên dạy môn chuyên đều cho rằng đây là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến QLDH môn chuyên.

Đặc điểm kinh tế, văn hoá - xã hội là những yếu tố tác động bên ngoài ảnh hưởng đến cơ chế, chính sách hoạt động GD&ĐT nói chung đối với trường THPT chuyên. Vị trí nơi trường đóng cũng ảnh hưởng trực tiếp đến QLDH theo hướng ĐBCL. Bên cạnh đó là Đặc điểm sự phát triển kinh tế - chính trị - văn hoá là yếu tố ảnh hưởng lớn thứ hai đến công tác QLDH môn chuyên với với $\overline{X} = 2,78$.

Thực chất, quản lý tốt bối cảnh kinh tế, văn hoá - xã hội của địa phương chính là tiên đề xuất phát cho việc thực hiện mục tiêu dạy học. Sự quan tâm của chính quyền địa phương, trình độ dân trí của địa phương, nhu cầu học tập và sự quan tâm đến học tập cùng với phong tục tập quán của địa phương có ảnh hưởng lớn đến QLDH và chất lượng dạy học ở trường THPT chuyên. Vì cộng đồng dân cư nơi trường đóng quan tâm, hỗ trợ tốt là điều kiện thuận lợi để thực hiện QLDH. Văn hóa địa phương, phong tục, nề nếp sinh hoạt đời sống hàng ngày, đời sống văn hóa khu dân cư tốt sẽ thúc đẩy chất lượng giáo dục. Bảng tổng hợp thực trạng quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh dạy học (Phụ lục 6. Bảng 2.26).

Biểu đồ 5: Bảng tổng hợp đánh giá tác động các yếu tố thuộc về bối cảnh dạy học

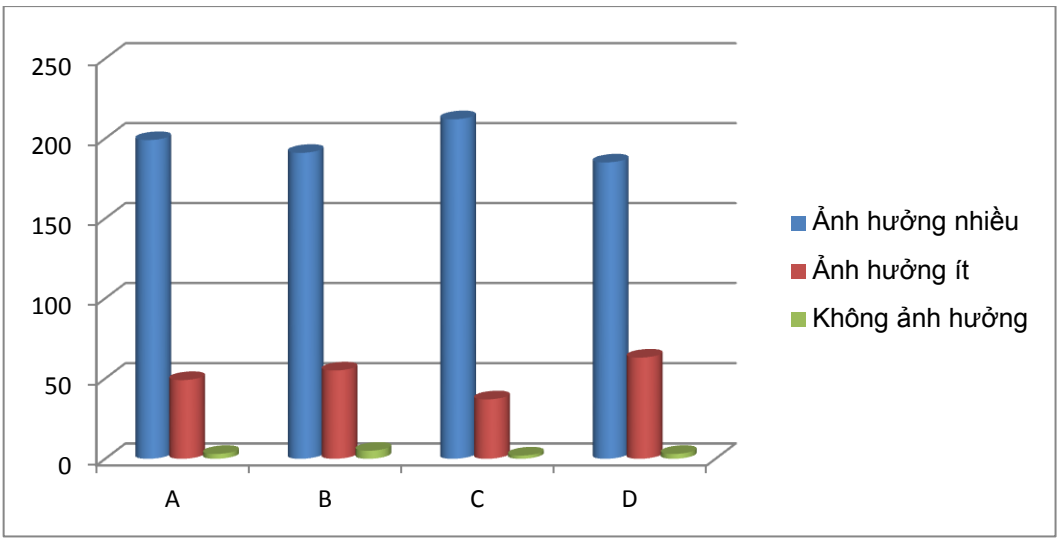

A: Thực trạng tác động của yếu tố Đổi mới giáo dục hiện nay và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL
B: Thực trạng tác động của yếu tố Môi trường sư phạm ở trường THPT chuyên tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL
C: Thực trạng tác động của yếu tố Trình độ quản lý của CBQL nhà trường tới dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL
D: Thực trạng tác động của yếu tố kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương tới công tác quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL

2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

2.4.1. Mặt tích cực

Trong quản lý người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để ĐBCL dạy học cao cả CBQL và giáo viên dạy chuyên đều cho kết quả cao (> 2,34). Kết quả trên cho thấy việc tuyển sinh và nội dung khi thực hiện khá so với đánh giá mức độ thực hiện là tiền đề để cho việc QLDH được ĐBCL.

Quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập là việc làm quan trọng, xét đến cùng thì mọi biện pháp quản lý đều hướng đến ĐBCL học sinh. Trong các nội dụng quản lý học sinh, quản lý CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên và đều xếp Khá. Đào tạo được đội ngũ học sinh có kiến thức, năng lực chuyên sâu và phẩm chất đạo đức tốt. Học sinh trường chuyên là lực lượng nòng cốt cho các kỳ thi HSG và nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai.

Trường THPT chuyên là mô hình giáo dục được đầu tư tốt, quy chế tuyển sinh, quản lý nội dung, chương trình... đều đã được thực hiện khá tốt.

QLDH nhằm tạo ra môi trường giáo dục tích cực được xã hội coi trọng, giáo viên tâm huyết với nghề, luôn trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, học sinh nỗ lực học tập, rèn luyện bản thân.

QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL góp phần bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, tạo nguồn chất lượng cao cho các trường đại học để sau này họ là thành phần nòng cốt, lực lượng lao động tri thức cao.

Khi áp dụng mô hình CIPO trong quản lý có những mặt tích cực, các quá trình quản lý được chia nhỏ ra các tiêu chí để các trường chủ động tự xây dựng tiêu chí đánh giá, quy trình thực hiện, thực hiện và có giám sát, cải biến sửa đổi cho phù hợp với đặc thù trường chuyên, môn chuyên.

Vận dụng mô hình CIPO trong QLDH môn chuyên đã làm rõ với quá trình cụ thể được áp dụng từ đầu vào, quá trình, đầu ra, bối cảnh một cách trình tự, có hệ thống, tương đối dễ áp dụng và linh hoạt trong việc sử dụng, sắp xếp các tiêu chí trong từng quá trình để đạt được mục tiêu dạy học cao nhất.

2.4.2. Mặt hạn chế

Bên cạnh mặt tích cực, còn có một số khó khăn, hạn chế nhất định. Việc quản lý còn một số khó khăn, thiếu thống nhất, thiếu hướng dẫn về các văn bản từ Bộ GD&ĐT. Sự liên kết giữa các trường THPT chuyên với hệ thống các trường đại học chưa sâu, chưa thể chia sẻ cơ sở dữ liệu kết quả học tập của học sinh, cựu học sinh cho nhau để có những điều chỉnh về dạy học môn chuyên cho phù hợp với yêu cầu của các trường đại học và công việc sau này của học sinh.

Hạn chế của Quản lý các yếu tố "đầu vào" cho thấy:

Từ công tác tổ Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng ĐBCL việc "Xác định được chuẩn đầu vào (ngưỡng ĐBCL đầu vào) còn chưa được đánh giá cao, vẫn còn xếp ở thứ bậc 5 (thấp nhất). Bên cạnh đó, việc "Tổ chức tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh" còn chưa thực hiện tốt, tuyên truyền chưa rộng khắp nên các đối tượng chưa thực sự hiểu về trường chuyên; tư vấn tuyển sinh ở các trường trung học cơ sở. "Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến" cũng ở thứ bậc thấp.

Trong nội dung "Quản lý người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để ĐBCL dạy học cao" thì việc tuyển chọn giáo viên (tiêu chí 4) và bố trí người dạy (tiêu chí 8) được xếp thứ bậc thấp nhất (thứ bậc 9 và thứ bậc 8).

Về Quản lý nội dung chương trình cho thấy một số hạn chế là do chưa có sách giáo khoa cho trường chuyên, nên việc xây dựng các tiêu chí đánh giá và điều chỉnh chương trình dạy học có thứ bậc thấp nhất (8), dẫn đến việc chưa tổ chức được quy trình chuẩn để quản lý và phát triển nội dung chương trình (thứ bậc 7).

Tuy CSVC các trường chuyên được đầu tư so với các trường THPT thường nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học, việc giám sát, đánh giá quy trình sử dụng chưa tốt.

Hạn chế của quản lý các yếu tố "quá trình" thì Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá và công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên là việc khó nhất, còn khó triển khai thực hiện nên có thứ bậc thấp nhất (thứ bậc 4 và 5).

Quản lý các yếu tố "đầu ra" là một việc khó thực hiện, hạn chế lớn nhất của quản lý thực hiện yếu tố này là tốn công sức và kinh phí. Thêm vào đó, nếu sử lý không tốt kết quả thu thập sẽ dẫn đến nhiều "hậu quả" như điều chỉnh sai, lệnh các nội dung trong quản lý.

Qua trao đổi với CBQL thì còn nhiều hạn chế, trong đó hạn chế lớn nhất của Quản lý các yếu tố thuộc về "bối cảnh" đó chính là vai trò chủ thể của lãnh đạo nhà trường, mà người đứng đầu là hiệu trưởng nhà trường.

Nhìn chung, hạn chế là đội ngũ CBQL, nhất là cấp tổ bộ môn chưa được đào tạo qua các lớp chính quy, tập trung, dài hạn, do vậy việc quản lý, triển khai công tác quản lý đa phần do kinh nghiệm.

Kết quả bảng tổng hợp cho thấy tiêu chí quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL còn nhiều vấn đề đặt ra.

Về Quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL được CBQL đánh giá mới ở mức khá. Điều đó cho thấy quản lý nội dung chương trình dạy học ở mức khá nhưng với giáo viên thì hệ tiêu chí này khó thực hiện, còn đối với CBQL được khảo sát thì quản lý CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL khó thực hiện quản lý hơn. Quản lý thực hiện dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL, cho thấy việc quản lý thực hiện dạy học môn chuyên là hệ tiêu chí khó thực hiện.

Nhìn chung từ các tiêu chí thì việc hạn chế lớn nhất đối với các trường THPT chuyên đó là xây dựng các tiêu chí đánh giá, xác lập và thực hiện các quy trình thực hiện, giám sát, kiểm tra là các hạn chế cần khắc phục để QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

Hiện nay QLDH khó, vì thực thế vẫn làm theo kinh nghiệm, chưa có tài liệu, văn bản nào hướng dẫn các công việc cụ thể trong QLDH nói chung và QLDH môn chuyên nói riêng. Muốn ĐBCL cần có khung tham chiếu, muốn quản lý thì cần có bộ thủ tục. Chính vì thế, tác giả đề xuất hướng xây dựng *khung tham chiếu* và đặc biệt là *bộ thủ tục* để QLDH được dễ dàng, hiệu quả hơn.

Mô hình CIPO đưa ra 10 yếu tố trong 3 quá trình với bối cảnh là một mô hình tương đối rộng, bao trùm tất cả các vấn đề trong việc QLDH môn chuyên. Nhiều tiêu chí nên khó áp dụng, khó xây dựng được tiêu chí chuẩn. Chính vì thế cần chia nhỏ các tiêu chí để dễ dàng áp dụng với các trường THPT nói chung và THPT chuyên nó riêng.

2.4.3. Nguyên nhân

Chủ thể QLDH môn chuyên (hiệu trưởng, CBQL) là những người có phẩm chất, trình độ và năng lực QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL. CBQL có nhận thức đúng vị trí, vai trò của mình trong công tác QLDH môn chuyên để từ đó làm tốt trách nhiệm, quản lý đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, còn hạn chế cả về chủ quan lẫn khách quan trong công tác QLDH môn chuyên. Việc thiết kế và định hướng triển khai, quá trình thích nghi cái mới, còn chưa thực sự quyết đoán trong đổi mới, vẫn còn mang tâm lý cầu toàn. Hoặc QLDH môn chuyên nhưng chưa tổ chức, sắp xếp và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ cho phù hợp. Đôi khi chưa tin tưởng giao trách nhiệm chuyên môn cho cấp dưới (tổ chuyên môn), QLDH còn nặng về hành chính, lỏng lẻo trong giám sát, kiểm tra, hoặc còn ôm đồm nhiều việc cùng một lúc...

Trong QLDH môn chuyên thì đối tượng quản lý chính là GV dạy môn chuyên, học sinh và cán bộ, nhân viên trong trường. Theo mô hình CIPO trong quản lý theo hướng ĐBCL thì tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh cần phải nỗ lực thực hiện để ĐBCL dạy học môn chuyên.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nỗ lực vươn lên để thi đua dạy tốt - học tốt, tuy nhiên giáo viên dạy môn chuyên còn một số hạn chế về tiếp cận nội dung, phương pháp dạy học tích cực; đã áp dụng công nghệ thông tin và trang thiết bị dạy học mới song tiết dạy trên lớp vẫn còn nặng phương pháp truyền thống. Một thực tế nữa là vì lý do chưa có sách giáo khoa thống nhất cho môn chuyên nên giáo viên dạy môn chuyên phải chủ động trong việc tổng hợp, khai thác các nội dung để đáp ứng với kỳ thi HSG quốc gia, quốc tế.

Đối với quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên đã được làm tốt từ công tác quản lý tuyển sinh, kiểm tra, đánh giá học sinh. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế nhất định khi chưa áp dụng nhiều cách thức tuyển sinh, chưa có nhiều đợt tuyển chọn, sàng lọc để phân loại và có hình thức, phương pháp dạy học phù hợp.

Các yếu tố ảnh hưởng đến QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL có tác động tích cực trong công tác QLDH song đôi khi cũng là lực cản cho cả quá trình học, dạy học và QLDH.

Việc quản lý và đổi mới nội dung và hình thức dạy học môn chuyên cần tập trung vào quản lý sinh hoạt tổ chuyên môn. Hiện tại sinh hoạt chuyên môn còn nặng về họp hành chính, một chiều, truyền thụ theo mệnh lệnh, chưa đi sâu phân tích về chuyên môn dạy học một cách thỏa đáng. Cùng với sinh hoạt tổ chuyên môn là việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dự giờ cũng như việc tổ chức chuyên đề.

Kết luận chương 2

Thực trạng dạy học môn chuyên ở các trường THPT chuyên đã đạt được những thành tựu đáng kể, tuy nhiên còn một số biểu hiện thiếu tính bền vững ĐBCL như: về Nội dung dạy học môn chuyên vì chưa có sách giáo khoa thống nhất cho môn chuyên nên chủ yếu do giáo viên kết hợp theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và tự biên soạn thêm; Hình thức dạy học môn chuyên còn nặng về dạy học trên lớp, chưa thực sự áp dụng được các hình thức mới và kết hợp với phương tiện dạy học hiện đại; Phương pháp dạy học môn chuyên chủ yêu còn nặng về phương pháp truyền thống, đặc thù của từng môn, chưa có nhiều sự kết hợp các phương pháp, chưa chia được các nhóm, các tình huống khi giảng dạy; CSVC cho dạy học môn chuyên mới dừng lại ở việc đảm bảo về phòng học, lớp học, bàn ghế, ánh sáng, tài liệu học tập cơ bản… một số môn chuyên chưa được trang bị phù hợp và bắt kịp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện nay.

Thực trạng QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên còn một số hạn chế như việc: đội ngũ CBQL, nhất là cấp tổ bộ môn chưa được đào tạo qua các lớp chính quy, tập trung, dài hạn. Vì vậy việc quản lý, triển khai công tác quản lý đa phần do kinh nghiệm; quản lý còn một số khó khăn, thiếu thống nhất, thiếu hướng dẫn về các văn bản từ Bộ GD&ĐT. Sự liên kết giữa các trường THPT chuyên với hệ thống các trường đại học chưa sâu, chưa thể chia sẻ cơ sở dữ liệu kết quả học tập của học sinh, cựu học sinh cho nhau để có những điều chỉnh về dạy học môn chuyên cho phù hợp với yêu cầu của các trường đại học và công việc sau này của học sinh.

Nhìn chung hạn chế lớn nhất đối với các trường THPT chuyên là xây dựng quy trình, khung tham chiếu, bộ công cụ đánh giá việc dạy học môn chuyên chưa đầy đủ; việc kiểm tra, giám sát chưa sâu sát còn mang tính hình thức.

CHƯƠNG 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

3.1. NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP

3.1.1 Quán triệt triết lý của đảm bảo chất lượng

ĐBCL theo CIPO không chỉ là quan tâm đến kết quả cuối cùng, mà cần phải làm sao để tất cả các thành tố của quá trình dạy học đều ĐBCL, đạt các yêu cầu cơ bản. Các yêu cầu ĐBCL được phản ánh trong các tiêu chuẩn, tiêu chí, khung tham chiếu, bộ công cụ đánh giá về chất lượng của các thành tố. Cụ thể là đảm bảo sự phù hợp của nội dung chương trình, với mục tiêu, yêu cầu đào tạo; Chương trình có cấu trúc chặt chẽ và có tính hệ thống; Chương trình mềm dẻo và có nhiều môn học để lựa chọn; môi trường học tập; Người học được động viên; Quy trình kiểm tra, đánh giá công bằng, hợp lý; Động cơ học tập của người học; Trình độ chuyên môn và sự nhiệt tình của đội ngũ giáo viên; CSVC,... được liên tục điều chỉnh, cải tiến để chất lượng đáp ứng mục tiêu dạy học đã đặt ra.

3.1.2. Tuân theo quy trình đảm bảo chất lượng

Quy trình ĐBCL trước hết là khâu xác định được các yêu cầu chất lượng của từng thành tố, được phản ánh bằng các khung tham chiếu, bộ công cụ đánh giá. Từ đó, CBQL nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên, học sinh,… trong trường phấn đấu thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí ĐBCL; Đồng thời, chỉ đạo họ định kì rà soát, tự đánh giá xem mức độ đạt các yêu cầu này như thế nào, tiêu chí nào đã đạt, còn tiêu chí nào chưa đạt, cần phải liên tục cải tiến…

3.1.3. Đảm bảo phù hợp với thực tiễn quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên

Thực tiễn đòi hỏi các biện pháp đề xuất phải phù hợp với chỉ đạo chung của Bộ GD&ĐT về QLDH ở trường THPT chuyên, phù hợp với điều kiện thực tế của

từng trường. Đặc biệt là phù hợp với đặc thù riêng của dạy học môn chuyên ở trường chuyên và đảm bảo có thể vận dụng được ở các trường chuyên, từ khâu Lập kế hoạch; Tổ chức; Chỉ đạo thực hiện và Kiểm tra...

3.1.4. Đảm bảo tính mục tiêu và hiệu quả

Tính mục tiêu:

Khi xây dựng các biện pháp QLCL dạy học môn chuyên cần phải hướng đến thực hiện được mục tiêu dạy học môn chuyên đã đề ra.

Tính hiệu quả:

Các biện pháp QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên được đề xuất phải đảm bảo tạo ra chất lượng dạy học môn chuyên: nâng cao chất lượng đội ngũ, trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu để đáp ứng được yêu cầu của các kỳ thi quốc gia, quốc tế, đỗ đại học; khả năng thích ứng với cuộc sống; đạt được thành tích cho nhà trường,… tăng so với các biện pháp quản lý trước đó.

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện và tính hệ thống

Tính toàn diện:

Đây là một yêu cầu đòi hỏi các biện pháp quản lý phải bao quát đến các cả đối tượng quản lý, các yếu tố để đạt được kết quả cao nhất, mang tính khách quan.

Tính hệ thống:

Tính hệ thống đòi hỏi các biện pháp QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL phải tính đến các yếu tố từ *đầu vào, quá trình và đầu ra, yếu tố bối cảnh* theo đúng các bước, cách khâu, có hệ thống rõ ràng.

Mỗi biện pháp đề ra phải giải quyết được ít nhất một vấn đề, một nội dung hay một bộ phận trong hệ thống QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL. Mỗi biện pháp là một phần của hệ thống các nhóm biện pháp, mang tính tổng thể.

Các biện pháp được đề ra phải tác động mạnh mẽ đến các yếu tố ĐBCL dạy học môn chuyên (*đầu vào, quá trình và đầu ra*). Các biện pháp này có mối quan hệ chặt chẽ, ràng buộc, hỗ trợ lẫn nhau. Cần thực hiện đồng bộ các biện pháp mới phát huy được hết các thế mạnh của từng nhóm biện pháp trong việc ĐBCL dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.

3.2. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

3.2.1. Nhóm biện pháp quản lý các yếu tố đầu vào dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

3.2.1.1. Biện pháp 1: Tổ chức tuyển sinh đảm bảo tuyển chọn khách quan và chất lượng học sinh từng môn chuyên

Mục tiêu

- Xác định được quy trình tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh đúng quy trình giúp nhà trường tuyển chọn được những HS xứng đáng. Đồng thời đánh giá được năng lực của từng học sinh để phân loại, sắp xếp vào các lớp chuyên, môn chuyên;

Ý nghĩa

- Thực hiện tôn chỉ, sứ mệnh của trường THPT chuyên, mục tiêu, mục đích;

- Tổ chức thi tuyển đầu vào giúp cho Lãnh đạo nhà trường có phương hướng quản lý, nắm bắt được chính xác chất lượng của học sinh từng khối lớp, từng lớp học và từng học sinh để làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển chất lượng học tập một cách hiệu quả nhất.

Nội dung biện pháp

- Xác định được ngưỡng ĐBCL đầu vào của nhà trường, cụ thể là: hạnh kiểm, học lực, kết quả tốt nghiệp THCS phải đạt loại khá trở lên; Kết quả tuyển sinh phải đạt điểm trung bình là bao nhiêu? Nếu phối hợp với việc sử dụng công cụ trắc nghiệm đánh giá IQ; EQ;CQ; AQ... thì càng tốt để có dữ liệu phong phú làm cơ sở cho việc tuyển chọn đảm bảo khách quan và chất lượng.

- Công khai điều kiện và quy trình tuyển sinh đầu vào của nhà trường;

Cách thức thực hiện

- Xây dựng các văn bản tuyển sinh

- Xây dựng quy chế tuyển sinh

- Xác định chỉ tiêu tuyển sinh

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về các yêu cầu/ tiêu chí và quy trình sơ tuyển, thi tuyển, phúc khảo,…

- Tổ chức xét duyệt các thí sinh có Hạnh kiểm, học lực, kết quả tốt nghiệp từ loại Khá trở lên;

- Quy trình cụ thể bắt đầu từ việc kiểm tra hồ sơ, công bố kết quả sơ tuyển,…

- Tổ chức công khai Kế hoạch thi tuyển;

- Nhà trường có sự phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc: Thành lập Hội đồng tuyển sinh, ra đề thi, điều động giáo viên các trường trong tỉnh phối hợp cùng lãnh đạo nhà trường thực hiện công tác coi thi và giám sát kỳ thi; Thành lập Hội đồng chấm thi; Xét duyệt và công bố kết quả kỳ thi;Thành lập Hội đồng chấm phúc khảo kỳ thi và ra các quyết liên quan.

- Tổ chức kỳ thi nghiêm túc, khách quan, công bằng, trung thực.

- Tổ chức thực hiện chấm thi chặt chẽ, chính xác, khách quan để đánh giá đúng khả năng của từng học sinh.

Điều kiện thực hiện

- Sự phối hợp giữa nhà trường và Sở Giáo dục và Đào tạo chặt chẽ, đạt hiệu quả cao trong kỳ thi tuyển đầu vào.

- Nhà trường phối hợp với các đơn vị chức năng của địa phương thực hiện công tác tuyên truyền, đảm bảo an ninh, trật tự... cho kỳ thi.

- Nhà trường chuẩn bị CSVC, trang thiết bị... phục vụ cho kỳ thi.

Trong thực tiễn, khi triển khai biện pháp tuyển sinh, về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Tuy vậy, còn một số vấn đề đặt ra như: Với quy chế tuyển sinh như hiện nay, ngay từ khâu xét duyệt đã có thể bỏ sót học sinh; Kỳ thi với cách thi và tính điểm như hiện nay thì chưa thực sự tuyển chọn được hết HS giỏi trên địa bàn, chưa áp dụng công cụ trắc nghiệm (IQ, EQ, CQ, AQ) để đánh giá HS…

3.2.1.2. Biện pháp 2: Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng

Mục tiêu và ý nghĩa

Giúp quản lý nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức cho giáo viên.

Nội dung biện pháp

- Xây dựng kế hoạch dạy học
- Đổi mới phương pháp dạy học
- Bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu
- Sử dụng phương tiện dạy học
- Tự học, tự nghiên cứu
- Năng lực phát triển chương trình và tài liệu dạy học

Cách thức thực hiện

- Xây dựng kế hoạch tập huấn (về thời gian, địa điểm; nội dung);
- Phổ biến kế hoạch tập huấn đến từng thành viên trong hội đồng sư phạm.
- Chọn (mời) giáo viên giảng dạy lớp tập huấn, bồi dưỡng;
- Triển khai thực hiện kế hoạch tập huấn; Tổ chức cho giáo viên tham gia tập huấn, thao giảng, dự giờ… về vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học.
- Họp Ban chuyên môn nhà trường để thống nhất nội dung các chuyên đề tập huấn, bồi dưỡng;
- Mời chuyên gia về tập huấn các khoá ngắn và trung hạn;
- Cử giáo viên đi học các lớp sau đại học;
- Đánh giá về kết quả tập huấn, bồi dưỡng: căn cứ vào điểm số, sự thay đổi của GV và chất lượng dạy học môn chuyên được nâng cao.

Điều kiện thực hiện biện pháp:

- Lên kế hoạch về nội dung, thời gian, địa điểm.
- Bố trí CSVC, kinh phí,…
- Đảm bồi dưỡng nội dung đúng nhu cầu của từng GV.

Trong thực tiễn, khi triển khai biện pháp này, về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Tuy vậy, còn một số vấn đề vướng mắc, nhất là về chi phí tổ chức, chế độ đãi ngộ cho giáo viên tham dự và cả người tập huấn…

3.2.1.3. Biện pháp 3: Tổ chức khai thác nguồn lực và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học môn chuyên đáp ứng mục tiêu của trường trung học phổ thông chuyên

Mục tiêu và ý nghĩa

Quản lý việc thực hiện khai thác, sử dụng hiệu quả CSVC, trang thiết bị dạy học phù hợp với đặc thù từng môn chuyên để nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

Ý nghĩa của việc sử dụng CSVC, thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu dạy và học môn chuyên.

Nội dung

Trên cơ sở đảm bảo đầy đủ lớp học, phòng học bộ môn, phòng thực hành - thí nghiệm cũng như trang thiết bị dạy học phù hợp với đặc thù từng môn chuyên lãnh đạo nhà trường yêu cầu GV lập kế hoạch khai thác, sử dụng hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phù hợp CSVC, trang thiết bị dạy học phù hợp với đặc thù từng môn chuyên để nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường. Dựa trên kế hoạch GV đã xây dựng lãnh đạo nhà trường giám sát, hỗ trợ GV sử dụng đầy đủ CSVC, trang thiết bị của nhà trường để nâng cao chất lượng dạy học.

Cách thức thực hiện

- Chỉ đạo GV quán triệt việc sử dụng CSVC, thiết bị dạy học sẵn có trong trường phục vụ cho dạy học; Yêu cầu GV dạy môn chuyên xây dựng ma trận các trang, thiết bị dạy học được sử dụng trong các bài thuộc chương trình dạy học môn chuyên, trong đó có cả các thiết bị cho HS làm các thí nghiệm nghiên cứu khoa học… để Lãnh đạo nhà trường giám sát, hỗ trợ quá trình thực hiện.

- Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng học tập đầy đủ, phù hợp với từng môn chuyên và theo hướng hiện đại từ nguồn ngân sách của Nhà nước cấp, kết hợp với khai thác từ các nguồn xã hội hoá;

- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn theo đúng quy định để trang bị CSVC, trang thiết bị phù hợp tối đa với nhu cầu dạy học môn chuyên;

- Xây dựng các tiêu chí và quy trình sử dụng CSVC, trang thiết bị dạy học và phổ biến đến từng GV;

- Bồi dưỡng nhân sự để thực hiện công tác quản lý việc khai thác và sử dụng trang thiết bị một cách tối ưu;

- Cử giáo vụ phụ trách, hoặc giáo viên bộ môn kiêm nhiệm quản lý thiết bị dạy học;

- Tổ chức các khoá hướng dẫn GV và HS sử dụng thư viện, trang thiết bị dạy học, thí nghiệm…;

- Thống kê các trang thiết bị định kỳ để kịp thời bổ sung;

- Có sự phối hợp khoa học giữa các bộ phận chuyên trách, giáo viên;

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng trang thiết bị dạy học;

- Khuyến khích giáo viên và học sinh làm các thiết bị, phương tiện, công cụ phục vụ bài học;

- Định kỳ tự đánh giá và đề xuất các biện pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng quản lý CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên ĐBCL đề ra.

Điều kiện thực hiện

- Có sự quán triệt chỉ đạo, tổ chức, bố trí, phân công việc sử dụng CSVC, thiết bị dạy học một cách khoa học của CBQL, có sự phối hợp, hỗ trợ của các bộ phận chuyên trách, và sự chủ động của giáo viên.

Thực tế, đa phần các trường được đầu tư tốt so với các trường THPT thường nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của cơ sở "bồi dưỡng, đào tạo nhân tài", CSVC còn thiếu thốn và lạc hậu.

3.2.2. Nhóm biện pháp quản lý quá trình dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

3.2.2.1. Biện pháp 4: Xây dựng khung tham chiếu quản lý dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Mục tiêu và ý nghĩa

Khung tham chiếu đưa ra danh mục các hoạt động quản lý cần thực hiện kèm theo các chủ thể quản lý là công cụ nền tảng cho quản lý qúa trình dạy học và cung cấp cơ sở khoa học cho hoạt động kiểm tra, đánh giá chất lượng quá trình học tập môn chuyên.

Từ đó có những thay đổi, điều chỉnh, khắc phục và cải tiến trong quá trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Nội dung

Xác định khung tham chiếu quản lý dạy học với các nội dung:

Quản lý "Đầu vào" của quá trình quản lý dạy học môn chuyên; Quản lý "Quá trình" và quản lý "Đầu ra" của quá trình quản lý dạy học môn chuyên; Cùng với hoạt động đánh giá và cải tiến quá trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Yêu cầu: Gọi tên đầy đủ các công việc cần làm và các lĩnh vực thực hiện các công việc QLDH môn chuyên để đạt chuẩn; Xác định được các sản phẩm cần có của từng công việc đó. (Xem phụ lục 12).

Cách thức thực hiện

- Phân công cho các cán bộ chuyên trách trong trường THPT chuyên xác định, theo dõi và kiểm tra các khâu của quá trình quản lý dạy học môn chuyên: quản lý đầu vào, quá trình, đầu ra, đánh giá và cải tiến quản lý dạy học môn chuyên.

- Thường xuyên giám sát và đánh giá khách quan các nội dung trong khâu tham chiếu QLDH môn chuyên đã xác định khách quan và chính xác.

- Trên cơ sở đánh giá: a, làm rõ ưu điểm, hạn chế trong nội dung quản lý dạy học môn chuyên và các chủ thể quản lý xác định trong khung tham chiếu; b, rút kinh nghiệm, bổ sung, sửa đổi và cải tiến các nội dung QLDH môn chuyên cho phù hợp hơn.

Điều kiện thực hiện

- Ban Lãnh đạo nhà trường phê duyệt, thống nhất các nội dung trong khung tham chiếu QLDH môn chuyên.

- Sự ủng hộ của Ban Lãnh đạo nhà trường, các đơn vị, bộ phận có liên quan để thực hiện QLDH môn chuyên.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên dạy môn, nhân viên về tầm quan trọng của khung tham chiếu trong QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên.

- Có quy định nội bộ về việc thực hiện khung tham chiếu QLDH môn chuyên một cách cụ thể, bao gồm cả các điều về khen thưởng và kỷ luật.

Thực tế, khi xây dựng và áp dụng khung tham chiếu vào quản lý công việc mới chỉ thực hiện ở các đầu việc với Tổ trưởng chuyên môn, các vấn đề cụ thể, đến từng cá nhân, mới thực hiện ở bước đầu.

3.2.2.2. Biện pháp 5: Xây dựng các bộ thủ tục quy trình thực hiện nội dung công việc quản lý dạy học môn chuyên theo khung tham chiếu.

Mục tiêu và ý nghĩa

Đây là công cụ, phương tiện để QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên đạt hiệu quả và ĐBCL.

Tạo được một phương pháp làm việc khoa học: làm việc gì?; ai làm?; cách làm (trình tự, quy trình, biểu mẫu, thời gian…), để khắc phục thói quen làm việc thiếu kế hoạch, tuỳ tiện, kinh nghiệm… vẫn có trong nhà trường.

Nội dung

- Xác định các thủ tục, quy trình thực hiện các công việc ở các khâu trong quá trình QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo khung tham chiếu.

- Xây dựng các biểu mẫu cụ thể cho từng công việc lập ra phù hợp với các khâu của quá trình dạy học môn chuyên. Biểu mẫu cần được sử dụng thống nhất trong quá trình QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Các bộ thủ tục quy trình thực hiện (Xem phụ lục 15)

Cách thức thực hiện

- Căn cứ vào khung tham chiếu xây dựng nội dung các thủ tục quy trình thực hiện công việc gồm: Văn bản, giấy tờ, biểu mẫu…

- Phổ biến, hướng dẫn các cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường về nội dung, cách làm… để thực hiện có hiệu quả.

- Đánh giá các ý kiến phản ánh của các cán bộ, giáo viên, công nhân viên để bổ sung, cải tiến và hoàn thiện bộ thủ tục quy trình.

Điều kiện thực hiện

- Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo chặt chẽ quá trình từ triển khai, xây dựng, thực hiện các thủ tục quy trình theo khung tham chiếu.

- Phân công bộ phận chuyên trách để chỉ đạo, giám sát…

3.2.2.3. Biện pháp 6: Xây dựng quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Mục tiêu và ý nghĩa

- Mục tiêu của việc xây dựng quy trình QLDH để quản lý việc dạy học của giáo viên hiệu quả hơn nhằm ĐBCL dạy học.

Quản lý việc thực hiện dạy học môn chuyên là một yêu cầu quan trọng trong quá trình dạy học môn chuyên. Sau khi thực hiện việc quản lý người dạy môn chuyên, nội dung chương trình môn chuyên thì việc quản lý thực hiện dạy học môn chuyên để xem xét việc thực hiện nội dụng, chương trình, phương pháp dạy học môn chuyên nhằm đạt được mục tiêu của nhà trường đã đề ra.

- Ý nghĩa của việc xây dựng quy trình QLDH môn chuyên nhằm có quy trình chuẩn, đầy đủ, dễ hiểu, dễ thực hiện... để áp dụng vào QLDH môn chuyên.

Nội dung

Nội dung của việc xây dựng các bước quản lý dạy học môn chuyên là để đảm bảo tốt nhất chất lượng dạy học, kể cả từ khâu quản lý việc cập nhật và phát triển nội dung chương trình môn chuyên; cho đến quản lý quá trình thiết kế bài dạy phù hợp với mục tiêu dạy học môn chuyên có sự tham gia góp ý của tổ; quản lý giờ dạy lý thuyết, giờ thực hành, nghiên cứu khoa học trên cơ sở xác định rõ mục tiêu dạy học môn chuyên và các thành tố của quá trình dạy học nhằm phát huy cao nhất năng lực của học sinh, theo yêu cầu đảm bảo chất lượng.

Cách thức thực hiện

- Họp Hội đồng nhà trường để triển khai việc QLDH môn chuyên bao gồm:1) Quản lý việc thực hiện kế hoạch dạy học môn chuyên; 2) Cơ chế quản lý việc soạn bài dạy môn chuyên theo hướng tăng cường vai trò của tổ chuyên môn và sau đó là 3) Quản lý các giờ dạy lý thuyết, thực hành và nghiên cứu khoa học của GV và HS môn chuyên; 4) Quản lý việc đánh giá quá trình và kết quả dạy học môn chuyên…

- Xây dựng, thảo luận và thống nhất việc xác lập các yêu cầu trong QLDH của từng môn; Trong đó chú ý đến các yêu cầu đặc thù của dạy học môn

chuyên như: mục tiêu dạy học môn chuyên, phương pháp dạy học môn chuyên, kết hợp hướng dân của GV với tự học, tự nghiên cứu khoa học của HS…

- Phổ biến yêu cầu đến từng tổ bộ môn, từng giáo viên dạy môn chuyên;

- Phát huy trách nhiệm quản lý của lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn và tự quản lý của từng GV dạy học môn chuyên theo các yêu cầu quản lý dạy học môn chuyên đã được xác định.

- Định kỳ tự đánh giá và đề xuất các biện pháp để cải tiến, điều chỉnh các yêu cầu dạy học môn chuyên để không ngừng nâng cao chất lượng.

Điều kiện thực hiện

- Cán bộ quản lý có sự am hiểu nhất định về từng môn chuyên cụ thể;

- Đảm bảo có sự tham gia của tất cả GV dạy môn chuyên vào việc xác định các yêu cầu trong dạy học môn chuyên và ở từng khâu trong quy trình của QLDH môn chuyên để tạo ra sự thống nhất từ giáo viên, tổ bộ môn và lãnh đạo nhà trường.

- Giáo viên đồng thuận triển khai, thực hiện các yêu cầu trong dạy học môn chuyên đã đề ra.

3.2.2.4. Biện pháp 7: Kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên theo quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Mục tiêu và ý nghĩa

Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên nhằm đảm bảo kiểm tra đánh giá khách quan, xem đánh giá dạy học môn chuyên có phù hợp và đúng cái cần đánh giá hay không? và đánh giá xem kết quả dạy học có đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên hay không? để có thể điều chỉnh kịp thời theo định hướng ĐBCL.

- *Ý nghĩa*: Kiểm tra, đánh giá là khâu cuối cùng của dạy học nhưng có vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện quá trình dạy học môn chuyên. Do đó phải quản lý chặt chẽ khâu này. Nếu không quản lý kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên thì có thể làm cho dạy học môn chuyên không đạt được mục tiêu đích thực, không tạo ra động lực dạy và học môn chuyên.

Nội dung

Hiệu trưởng tổ chức xác định rõ mục tiêu của kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên là để kiểm tra xem có đạt được mục tiêu của dạy học môn chuyên hay không? kiểm tra đánh giá có tạo được động lực học tập cho HS không? có giúp điều chỉnh cách dạy và cách học môn chuyên hay không? kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá kết quả, kết hợp đánh giá của GV và tự đánh giá của HS... để chỉ đạo và giám sát hỗ trợ GV dạy học môn chuyên triển khai kiểm tra, đánh giá phù hợp với các mục tiêu trên.

Cách thức thực hiện

- Lôi cuốn GV dạy học môn chuyên cùng tham gia xác định mục tiêu dạy học của từng môn chuyên theo nguyên tắc: đánh giá kết quả (tri thức, kĩ năng của môn học với tư duy sáng tạo…) để đối chiếu với mục tiêu dạy học xem có đạt được hay không? đánh giá để điều chỉnh lại cách dạy và cách học; kết hợp đánh giá kết quả và đánh giá quá trình;kết hợp đánh giá của GV và đánh giá lẫn nhau, tự đánh giá của HS.

- Phổ biến mục tiêu, nguyên tắc của kiểm tra, đánh giá dạy học môn chuyên đến từng tổ bộ môn và GV dạy môn chuyên.

- Tổ chức bồi dưỡng giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ trong kiểm tra, đánh giá;

- Phân công cán bộ Tổ bộ môn phụ trách công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động dạy học của từng môn chuyên;

- Kiểm tra, giám sát hỗ trợ GV thực hiện các nguyên tắc kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học, tạo điều kiện để giáo viên vừa có thể tự đánh giá, cùng với đánh giá của cán bộ Tổ bộ môn và giáo viên trong Tổ;

- Định kỳ tự đánh giá và đề xuất các biện pháp để cải tiến kiểm tra, đánh giá cho phù hợp với mục tiêu đánh giá.

Điều kiện thực hiện

- Có sự phân công Tổ bộ môn chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn chuyên.

- Tổ trưởng trực tiếp thực hiện và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo nhà trường.

- Thực hiện dự giờ (định kỳ, đột xuất) và giám sát việc kiểm tra - đánh giá. Kiểm tra, đánh giá cần trung thực, khách quan, đúng nội dung, yêu cầu đề ra.

- Các kết quả được công khai, minh bạch, kết quả kiểm tra - giám sát được lưu trữ theo định kỳ (quý, năm).

Thực tế, khi kiểm tra, giám sát còn một số hạn chế như còn nặng về kiểm tra, chưa thực hiện giám sát thường xuyên, liên tục.

3.2.2.5. Biện pháp 8: Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng

Mục tiêu và ý nghĩa

- Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học để GV tăng cường áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học môn chuyên nhằm phát triển tối đa tiềm năng của HS và đảm bảo chất lượng dạy học môn chuyên.

Ý nghĩa: PPDH là cách thức tổ chức dạy học để phát triển năng lực người học. Vì vậy việc chỉ đạo và giám sát, hỗ trợ GV dạy học môn chuyên thường xuyên tìm tòi vận dụng các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với từng môn chuyên để phát triển năng khiếu của HS phù hợp với mục tiêu dạy học môn chuyên. Đồng thời HS chủ động tích cực hơn, tạo ra môi trường có sự hợp tác giữa người dạy và người học, giúp mối quan hệ giữa GV và HS bình đẳng hơn, tạo nên chất lượng giờ học và tạo động lực cho phong trào thi đua dạy tốt, học tốt toàn trường

Nội dung

Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn và GV dạy môn chuyên thường xuyên tìm tòi và áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với đặc thù môn chuyên, phù hợp với phong cách học tập của HS nhằm phát triển tư duy sáng tạo, phát triển năng khiếu của HS. Đồng thời, CBQL nhà trường cùng các tổ trưởng chuyên môn giám sát việc thực hiện đổi mới PPDH của GV dạy học môn chuyên và hỗ trợ họ khắc phục những khó khăn trong quá trình thực hiện.

Cách thức thực hiện

- Quán triệt tới từng tổ bộ môn, giáo viên về yêu cầu thực hiện đổi mới phương pháp dạy học tích cực;

- Yêu cầu các tổ chuyên môn và GV dạy môn chuyên xác định các phương pháp dạy học tích cực có thể vận dụng phù hợp với đặc thù môn chuyên của mình.

- Bên cạnh việc cử giáo viên đi tập huấn các khoá về đổi mới phương pháp dạy học cần chủ động tổ chức sinh hoạt các chuyên đề về đổi mới PPDH.

- Giao trách nhiệm cho các tổ bộ môn trong việc bồi dưỡng, quản lý và giám sát việc GV dạy môn chuyên vận dụng PPDH tích cực một cách hiệu quả.

-Tổ chức cho GV trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong việc vận dụng PPDH tích cực sáng tạo.

- Đánh giá, kiểm tra, giám sát việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực; Thường xuyên thực hiện dự giờ (định kỳ, đột xuất) và tổ chức giám sát việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

- Định kỳ đánh giá việc sử dụng các PPDH tích cực của GV. Có biện pháp khích lệ, khen thưởng GV vận dụng PPDH tích cực sáng tạo và hiệu quả.

- Định kỳ tự đánh giá và đề xuất các biện pháp để nâng cao chất lượng sử dung các phương pháp dạy học tích cực.

Điều kiện thực hiện

- GV tâm huyết và có trách nhiệm để thường xuyên tìm tòi biện pháp thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

- Hiệu trưởng quan tâm tạo điều kiện cho GV tham dự các lớp bồi dưỡng về PPDH tích cực.

3.2.3. Nhóm biện pháp quản lý đầu ra dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

3.2.3.1. Biện pháp 9: Tổ chức trưng cầu ý kiến cựu học sinh môn chuyên để xác định hiệu quả đào tạo và cải tiến dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.

Mục tiêu và ý nghĩa

- *Mục tiêu* của biện pháp là tổ chức thu thập được những thông tin về sự thích ứng của HS môn chuyên đã tốt nghiệp trường chuyên, đồng thời trưng cầu ý kiến của họ về những ưu điểm và tồn tại của quá trình dạy học môn chuyên tại trường THPT chuyên.

- *Ý nghĩa:* Việc thu thập thông tin về sự thích ứng của HS môn chuyên đã tốt nghiệp giúp đánh giá hiệu quả đào tạo. Đồng thời, trưng cầu ý kiến của những cựu

HS môn chuyên về những ưu điểm và tồn tại của quá trình dạy học môn chuyên giúp các trường THPT chuyên có cơ sở để cải tiến, điều chỉnh QLDH cho phù hợp hơn với nhu cầu của người học và của xã hội.

Nội dung

Trên cơ sở xác định được mục tiêu và nội dung trưng cầu ý kiến của cựu HS môn chuyên trường THPT chuyên cùng với việc xác định được biện pháp khả thi để tổ chức khảo sát cựu học sinh một cách khách quan, nhằm thu thập được các thông tin phản hồi chính xác về sự thích ứng của các em trong môi trường học tập mới để đánh giá hiệu quả đào tạo môn chuyên ở trường THPT chuyên. Đồng thời trưng cầu ý kiến các em về những ưu điểm và tồn tại của quá trình dạy học môn chuyên giúp các trường THPT chuyên có cơ sở để cải tiến, điều chỉnh QLDH cho phù hợp hơn với nhu cầu của người học và nâng cao chất lượng dạy học môn chuyên.

Cách thức thực hiện

- Hội đồng nhà trường xác định mục tiêu, nội dung khảo sát và biện pháp thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ những cựu học sinh chuyên trường THPT chuyên.

- Phân công nhiệm vụ cho GV thông qua các hội cựu học sinh, ban liên lạc cựu học sinh hoặc "lần theo dấu vết" của HS môn chuyên đang học ở các trường đại học để thu thập địa chỉ gửi phiếu trưng cầu ý kiến đến từng em.

- Thành lập tổ chuyên trách về công tác thu thập, xử lý thông tin; Nhiệm vụ của tổ này là bồi dưỡng cán bộ thực hiện thu thập và xử lý thông tin; Thông tin được thu thập bằng nhiều cách: Phiếu khảo sát gửi trực tiếp qua bưu điện; thư điện tử; Khảo sát trên trang Thông tin điện tử của nhà trường…).

- Thông tin xử lý được chia sẻ với những người có trách nhiệm và lưu giữ, bảo quản để còn tiếp tục khai thác. Lưu trữ theo từng môn, từng lớp, khối, khoá;

- Khai thác kết quả xử lý thông tin phản hồi từ cựu HS môn chuyên trường THPT chuyên để đánh giá hiệu quả đào tạo

- Đồng thời khai thác kết quả xử lý thông tin phản hồi từ cựu HS môn chuyên trường THPT chuyên để thực hiện điều chỉnh nội dung, chương trình, cách dạy học môn chuyên;

- Định kỳ đánh giá, điều chỉnh cách thức tiến hành khảo sát cựu học sinh cho phù hợp.

Điều kiện thực hiện

- Có sự phối hợp, hợp tác giữa trường THPT chuyên với các cơ sở đại học.

- Nhà trường, thông qua các Ban liên lạc cựu học sinh để tiến hành khảo sát các nội dung với các cựu học sinh.

Trong thực tế, khi triển khai biện pháp này mới thực hiện ở việc khảo sát nội dung, chưa có bằng thống kê số liệu học sinh sau khi tốt nghiệp học tập/ làm việc ở đâu. Trường chưa có nhiều địa chỉ và liên lạc được với cựu học sinh, nhất là những nhà khoa học, nhà giáo ưu tú, doanh nhân,…

3.2.4. Biện pháp điều tiết các tác động của bối cảnh đến quản lý dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

3.2.4.1. Biện pháp 10: Xây dựng tập thể theo tinh thần tổ chức biết học hỏi và văn hoá chất lượng trong quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên

Tổ chức biết học hỏi là nơi cá nhân (CBQL, GV, HS) làm chủ việc học tập của mình, có các cơ hội được học tập, kiến thức được chia sẻ hoạt động của người dạy và người học được kết nối, thống nhất với hoạt động của nhà trường. Môi trường có có hội sáng tạo và sự sáng tạo được khuyến khích..

Văn hoá chất lượng ở một cơ sở đào tạo được hiểu là mọi thành viên (từ người học đến CBQL), các tổ chức (phòng, ban, các tổ chức đoàn thể) đều biết công việc của mình như thế nào và đều làm theo yêu cầu chất lượng đó.

Mục tiêu và ý nghĩa

- Mục tiêu của biện pháp là hướng tới mọi thành viên được huy động, lôi cuốn vào việc tìm kiếm, phát hiện và giải quyết những vấn đề trong công tác dạy học môn chuyên.

Xây dựng văn hóa chất lượng thực chất là thiết lập một hệ thống môi trường cho các hoạt động có chất lượng và không ngừng cải tiến chất lượng của tổ chức. Được biểu hiện tất cả là một, trong sự bình đẳng, mọi người được nhận đầy đủ thông tin, quan tâm đến quá trình, có sự học hỏi lẫn nhau

- Ý nghĩa: Nhà trường, giáo viên có khả năng thực hiện cách làm mới, phát triển và cải tiến liên tục nhằm đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên hiệu quả nhất.

Nội dung

Xây dựng tập thể đoàn kết, hướng tới tầm nhìn chung, mục tiêu chung trên cơ sở tôn trọng tính đa dạng và cá tính. Khuyến khích từng thành viên đổi mới cách nghĩ, cách làm, khuyến khích ý tưởng mới, cách làm mới tích cực; Từng cá nhân hiểu biết một cách sâu sắc và hứng thú công việc… để có thể ứng phó với những tác động của bối cảnh luôn thay đổi.

Xây dựng văn hoá chất lượng với các nội dung:

- Xây dựng môi trường học thuật:
- Môi trường xã hội
- Môi trường nhân văn
- Môi trường văn hóa
- Môi trường tự nhiên

Cách thức thực hiện

- Căn cứ vào sứ mạng, mục tiêu và trên cơ sở tham khảo yêu cầu của các bên liên quan, nhà trường xây dựng các chuẩn chất lượng (chuẩn đầu vào, đầu ra, quá trình, bộ công cụ đánh giá (đánh giá giáo viên, đánh giá môn học), nội quy, quy chế. Và được sự đồng thuận của những bên liên quan và được cụ thể hóa thành nhiệm vụ của mỗi thành viên, tổ chức.
- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các nội dung thực hiện.
- Triển khai thực hiện từng nội dung cụ thể theo kế hoạch.
- Công khai thông tin
- Kiểm tra, đánh giá
- Điều chỉnh, bổ sung

Điều kiện thực hiện

- Lôi cuốn được từng người, từng tổ tham gia vào các công việc chung của tổ, nhà trường theo tinh thần dân chủ, tôn trọng vai trò cá nhân, phê bình và tự phê bình để hướng đến xây dựng tập thể nhà trường vững mạnh.

Có sự phối hợp giữa CBQL, GV, nhân viên, người học và các đối tác. Trong thực tiễn, khi thực hiện xay dựng văn hoá chất lượng cần chú ý:

Xây dựng và phổ biến hệ thống các giá trị tới toàn bộ CBQL, GV, HS.

Xây dựng văn hoá chất lượng trong bản kế hoạch phát triển nhà trường nói chung và QLDH nói riêng.

Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế về ĐBCL trong dạy học và truong QLDH.

Xây dựng môi trường QLDH đảm bảo dân chủ, kỷ cương, coi trọng người học.

Xây dựng cơ chế, chính sách đánh giá và ĐBCL trong QLDH.

3.2.4.2. Biện pháp 11: Xây dựng môi trường học tập kết hợp với điều kiện cụ thể của địa phương hướng tới đảm bảo chất lượng dạy học

Mục tiêu và ý nghĩa

- Mục tiêu là xây dựng một môi trường học tập có sự kết hợp của cơ chế chính sách, nhà quản lý và cộng đồng nhằm đạt kết quả cao trong công tác dạy học môn chuyên nói riêng và tạo ra "xã hội học tập" trên địa bàn nói chung.

- *Ý nghĩa:* Tạo được điều kiện tốt nhất cho dạy và học.

Nội dung

- Xây dựng môi trường học tập tốt không chỉ trong phạm vi trường chuyên mà còn hướng tới xây dựng xã hội học tập ngoài cộng đồng vừa phù hợp với xu thế học tập suốt đời tạo ra bối cảnh thuận lợi, điều kiện tốt nhất cho giáo dục.

Cách thức thực hiện

- Tuyên truyền với cộng đồng về sứ mệnh, tầm nhìn, những giá trị cốt lõi của trường THPT chuyên;

- Góp ý hoàn thiện các vấn đề về cơ chế cho trường THPT chuyên;

- Phát huy nhu cầu học tập và sự quan tâm đến học tập của cộng đồng;

- Tận dụng các ưu thế về điều kiện kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương;

- Tổ chức các chương trình hoạt động phối hợp giữa các đơn vị, tổ chức với nhà trường;

- Đóng góp ý kiến, kiến nghị để xây dựng môi trường xã hội học tập.

Điều kiện thực hiện

- Có sự phối hợp giữa cơ quan chức năng, nhà trường và cộng đồng.

- Nhà trường với vai trò chủ thể, thường xuyên tổ chức các hoạt động mang tính cộng đồng.

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP

Để phát huy được hiệu quả biện pháp QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL, lãnh đạo nhà trường cần phải thấy được mối quan hệ biện chứng, sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các biện pháp trong mô hình CIPO, (Đầu vào, Quá trình, Đầu ra và Bối cảnh). Đồng thời lãnh đạo nhà trường cần phối hợp để các biện pháp có thể hỗ trợ cho nhau, làm cho quá trình thực thi trở nên dễ dàng và thuận lợi hơn.

Quản lý được dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL, trước hết lãnh đạo nhà trường cần nhận định các quá trình Đầu vào, biện pháp 1 là cơ sở quan trọng để có thể thực hiện tốt những biện pháp khác. Ngay từ đầu, khi tuyển sinh đảm bảo được sự khách quan và chất lượng (tuyển chọn được những HSG, có năng khiếu,…) thì khi vào học tập tại trường chuyên học sinh sẽ phát huy được năng lực.

Biện pháp 2 là biện pháp *cơ bản, tiền đề* cho việc ĐBCL quá trình dạy học môn chuyên. Quản lý tốt biện pháp này sẽ giúp cho giáo viên chuyên nắm vững kiến thức chuyên môn, áp dụng linh hoạt nội dung chương trình, phương pháp dạy học sao cho phù hợp với đặc điểm, hoàn cảnh, năng lực của học sinh và điều kiện hiện có của nhà trường, phù hợp với kinh tế - xã hội vùng.

Ở Biện pháp 3 là điều kiện cần thiết nhằm phục vụ tốt các nhóm biện pháp trên. Ở khía cạnh nhất định thì CSVC, trang thiết bị dạy học đánh giá được mức độ phát triển của trường, và nền kinh tế của địa phương. Đảm bảo thực hiện tốt biện pháp này góp phần nâng cao chất lượng việc dạy và học môn chuyên.

Trong các biện pháp của yếu tố Quá trình, có hai biện pháp (Biện pháp 4: Xây dựng khung tham chiếu quản lý dạy học môn chuyên theo hướng và biện pháp 5: Xây dựng các bộ thủ tục quy trình thực hiện nội dung công việc quản lý dạy học môn

chuyên theo khung tham chiếu) nhằm mục đích hướng tới ĐBCL. Đây là hai biện rất cần thiết, nó khẳng định QLDH đã được ĐBCL. Xây dựng khung tham chiếu để biết rõ các nội dung công việc cần làm, ai làm, làm như thế nào và bộ thủ tục là hiện thực hoá các nội dung công việc, bao gồm các văn bản quy định các công việc.

Trong các biện pháp QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên thì các biện pháp Đầu ra, là các biện pháp tương đối ít cần thiết và "khó" thực hiện nhưng nó lại có ý nghĩa quan trọng, là "phản biện" để điều chỉnh các biện pháp.

Biện pháp 7, tuy Kiểm tra, đánh giá là khâu cuối cùng của dạy học nhưng có vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện quá trình dạy học môn chuyên. Hoạt động quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên nhằm đảm bảo kiểm tra đánh giá khách quan, xem đánh giá dạy học môn chuyên có phù hợp và đúng cái cần đánh giá hay không? và đánh giá xem kết quả dạy học có đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên hay không? để có thể điều chỉnh kịp thời theo định hướng ĐBCL. Do đó phải quản lý chặt chẽ khâu này. Nếu không quản lý kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên thì có thể làm cho dạy học môn chuyên không đạt được mục tiêu đích thực, không tạo ra động lực dạy và học môn chuyên.

Biện pháp 8, Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng. Đây là một trong những biện pháp quan trọng nhất và có ảnh hưởng nhiều đến các biện pháp khác. Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học để GV tăng cường áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học môn chuyên nhằm phát triển tối đa tiềm năng của HS và đảm bảo chất lượng dạy học môn chuyên, là cách thức tổ chức dạy học để phát triển năng lực người học. Vì vậy việc chỉ đạo và giám sát, hỗ trợ GV dạy học môn chuyên thường xuyên quan tâm đến các biện pháp khác, đặc biệt là biện pháp 2, Tổ chức bồi dưỡng giáo viên và đảm bảo về CSVC ở biện pháp 4.

Biện pháp 9, Tổ chức trưng cầu ý kiến cựu học sinh môn chuyên để xác định hiệu quả đào tạo và cải tiến dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng. Tuy là biện pháp khó thực hiện, đòi hỏi nhiều điều kiện mới có thể thực hiện được, nhưng việc thu thập thông tin về sự thích ứng của HS môn chuyên đã tốt nghiệp giúp đánh giá hiệu quả đào tạo. Đồng thời, trưng cầu ý kiến của những cựu HS môn

chuyên về những ưu điểm và tồn tại của quá trình dạy học môn chuyên giúp các trường THPT chuyên có cơ sở để cải tiến, điều chỉnh QLDH cho phù hợp hơn với nhu cầu của người học và của xã hội.

Biện pháp 10, mặc dù là ĐBCL bên ngoài nhưng lại có mối quan hệ mật thiết với các biện pháp QLCL bên trong. Đây là biện pháp thuộc về bối cảnh nhưng lại mang nhiều ý nghĩa về tổ chức. Một tổ chức có vững mạnh thì mới có thể thực hiện được tốt mọi việc. Hai biện pháp thuộc về bối cảnh này là "nền" có tác động rất lớn đến 7 biện pháp còn lại.

Các biện pháp của Bối cảnh ảnh hưởng đến dạy và học, nó có thể là thuận lợi hoặc lực cản đối với việc thực hiện các biện pháp. Trong hai biện pháp của Bối cảnh, thì biện pháp 10 mang tính cơ bản, vì một tập thể đoàn kết chính là sức mạnh. Xây dựng tập thể sư phạm trường chuyên theo tinh thần tổ chức biết học hỏi làm cho nhà trường, giáo viên có khả năng thực hiện cách làm mới, phát triển và cải tiến liên tục nhằm đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên hiệu quả nhất. Biện pháp 8, là điều kiện cần để có thể thực hiện các biện pháp khác.

Biện pháp 11, hướng tới đảm bảo chất lượng dạy học nhằm tạo được điều kiện tốt nhất cho dạy và học. Môi trường học tập tốt không chỉ trong phạm vi trường chuyên mà còn hướng tới xây dựng xã hội học tập ngoài cộng đồng vừa phù hợp với xu thế học tập suốt đời tạo ra bối cảnh thuận lợi, điều kiện tốt nhất cho giáo dục. Nếu thực hiện tốt biện pháp này, sẽ tác động trở lại các biện pháp khác, nhất là biện pháp 3 về CSVC hay nâng cao hiệu quả tuyển sinh (biện pháp 1) cho trường THPT chuyên trên địa bàn.

Có thể thấy mối quan hệ trên được khái quát như sau: Biện pháp 6 được xác định từ biện pháp 1, với biện pháp 2 là cơ sở "tinh thần" để thực hiện với các bước thực hiện các biện pháp, biện pháp 3 là cơ sở "vật chất" để đạt được mục tiêu dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.

11 biện pháp đã nêu có tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau để thực hiện tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đã đề ra. Các biện pháp đó cần được thực hiện đồng bộ. Trong đó, hai biện pháp cơ bản, quan trọng nhất đối với QLDH môn chuyên đó là

biện pháp 2 và biện pháp 8. Do đó CBQL nhà trường cần phải có những nhận định tinh tế về các biện pháp để có thể vận dụng chúng một cách hợp lý nhất vào trong công tác QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL.

3.4. KHẢO NGHIỆM NHẬN THỨC SỰ CẦN THIẾT VÀ MỨC ĐỘ KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

3.4.1. Mục đích và đối tượng trưng cầu ý kiến

Trưng cầu ý kiến của CBQL và giáo viên dạy học môn chuyên nhằm mục đích tìm hiểu, đánh giá về tính cần thiết và khả thi, thứ tự các bước xây dựng và thực hiện các biện pháp QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL cho từng bộ môn. Tác giả thiết kế phiếu khảo sát (Phụ lục 3) làm công cụ để trưng cầu ý kiến của CBQL về tính khoa học, tính cần thiết và khả thi để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện việc QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

Đối tượng trưng cầu là CBQL (Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn) và giáo viên dạy môn chuyên của trường THPT chuyên như trong khảo sát Thực trạng quản lý dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.

Tổng số phiếu phát ra là 251 phiếu, thu về 225 phiếu hợp lệ.

3.4.2. Nội dung và quá trình trưng cầu ý kiến

Nội dung trưng cầu ý kiến bao gồm 4 quá trình: Yếu tố Đầu vào; Yếu tố Quá trình, Yếu tố Đầu ra và Các yếu tố tác động theo hệ thống CIPO, tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp này.

Quá trình thực hiện:

- Thực hiện trưng cầu ý kiến CBQL và giáo viên dạy môn chuyên bằng việc phát phiếu điều tra. Bên cạnh đó còn thực hiện trao đổi và phỏng vấn các CBQL và giáo viên dạy môn chuyên; riêng tại trường THPT chuyên Nguyễn Trãi còn thông qua các cuộc thảo luận, Xemina cấp Tổ bộ môn, Xemina toàn trường về dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.

3.4.3. Kết quả khảo sát

Kết quả trưng cầu ý kiến về tính cấp thiết và tính khả thi các bước xây dựng tiêu chí và quá trình thực hiện QLDH môn chuyên được thể hiện:

Bảng 3.1: Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp QLDH theo hướng ĐBCL

STT	Các biện pháp đề xuất	Số ý kiến	Ý kiến đánh giá															
			Sự cần thiết								Tính khả thi							
			Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết		$\overline{X}$	Thứ bậc	Rất khả thi		Khả thi		Không khả thi		$\overline{Y}$	Thứ bậc
			SL	%	SL	%	SL	%			SL	%	SL	%	SL	%		
1	Biện pháp 1	225	154	68.44	66	29.34	5	2.22	2.66	2	121	53.78	104	46.22	0	0.00	2.53	2
2	Biện pháp 2	225	172	76.44	53	23.56	0	0.00	2.76	1	137	60.89	88	39.11	0	0.00	2.60	1
3	Biện pháp 3	225	131	58.22	87	38.67	7	3,11	2.55	7	117	52.00	108	48.00	0	0.00	2.52	3
4	Biện pháp 4	225	134	59.56	85	37.78	6	2.66	2.57	6	115	51.11	106	47.11	4	1.78	2.49	4
5	Biện pháp 5	225	123	54.67	97	43.11	5	2.22	2.52	8	99	44.00	120	53.33	6	2.66	2.41	6
6	Biện pháp 6	225	138	61.33	85	37.78	2	0.89	2.60	4	106	47.11	119	52.89	0	0.00	2.47	5
7	Biện pháp 7	225	137	60.89	82	36.44	6	2.67	2.58	5	91	40.44	129	57.33	5	0.23	2.38	8
8	Biện pháp 8	225	150	66.67	72	32.00	3	1.33	2.65	3	123	54.67	99	44.00	3	1.33	2.53	2
9	Biện pháp 9	225	92	40.89	116	51.56	17	7.55	2.33	10	88	39.11	125	55.55	12	5.34	2.34	9
10	Biện pháp 10	225	119	52.89	103	45.78	3	1.33	2.51	9	114	50.67	108	48.00	3	1.33	2.49	4
11	Biện pháp 11	225	122	54.22	98	43.56	5	2.22	2.52	8	93	41.33	127	56.45	5	2.22	2.39	7

Ghi chú:

Biện pháp 1: Công tác tuyển sinh đảm bảo tuyển chọn khách quan và chất lượng học sinh từng môn chuyên

Biện pháp 2: Bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng

Biện pháp 3: Khai thác nguồn lực và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học môn chuyên đáp ứng mục tiêu của trường trung học phổ thông chuyên

Biện pháp 4: Xây dựng khung tham chiếu quản lý dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Biện pháp 5: Xây dựng các bộ thủ tục quy trình thực hiện nội dung công việc quản lý dạy học môn chuyên theo khung tham chiếu.

Biện pháp 6: Xây dựng quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Biện pháp 7: Kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên theo quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Biện pháp 8: Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng

Biện pháp 9: Tổ chức trưng cầu ý kiến cựu học sinh môn chuyên để xác định hiệu quả đào tạo và cải tiến dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.

Biện pháp 10: Xây dựng tập thể theo tinh thần tổ chức biết học hỏi và văn hoá chất lượng trong quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên

Biện pháp 11: Xây dựng môi trường học tập kết hợp với điều kiện cụ thể của địa phương hướng tới đảm bảo chất lượng dạy học

Khảo nghiệm tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp được tính trên thang đo về mức độ cần thiết: Rất cần thiết 3 điểm; Cần thiết 2 điểm; Không cần thiết 1 điểm; Đánh giá về mức độ khả thi: Rất khả thi 3 điểm; Khả thi 2 điểm; Không khả thi 1 điểm. Trong 11 biện pháp, tác giả chỉ phân tích một số biện pháp.

Về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Đối với biện pháp 1, đây là biện pháp đặc biệt cần thiết, quan trọng trong QLDH môn chuyên. Chất lượng dạy học được đảm bảo, mục tiêu nhà trường đặt ra được thực hiện thì ngay từ đầu vào được tuyển sinh chặt chẽ. Riêng đối với trường THPT chuyên thì khâu này quan trọng hơn, vì việc tuyển chọn HS có chất lượng

cao ngay từ đầu sẽ cho việc thực hiện các quá trình tiếp theo được thuận lợi, hiệu quả cao hơn. Chính vì thế, có 154 giáo viên (68.44%) cho rằng đây là biện pháp Rất cần thiết. Có 66 (29.34%) giáo viên cho rằng là Cần thiết. Riêng ở mức độ Không cần thiết có 5 giáo viên (2.22%) trả lời nội dung Không cần thiết. Như vậy cho thấy biện pháp 1, đa số GV đánh giá là biện pháp cần thiết.

Kết quả khảo sát cho thấy ở biện pháp 1, ở Tính cần thiết với $\overline{X}$: 2.66, thứ bậc 3 và Tính khả thi $\overline{Y}$: 2.53 xếp thứ bậc 2 cho thấy biện pháp này cần thiết và có thể thực hiện được.

Đối với biện pháp 2, việc bồi dưỡng cho GV được thực hiện theo định kỳ. Thực tế khi phỏng vấn CBQL, biện pháp này được thực hiện nhằm mục đích nâng cao trình độ chuyên môn, nhất là các kỹ năng. Vì thế, có tới 76.44 % số phiếu được hỏi cho rằng Rất cần thiết và 23.56 % số phiếu cho rằng Cần thiết; không có phiếu Không cần thiết. Điều đó cho thấy rằng trong nhận thức của người dạy thì biện pháp Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng là Rất cần thiết.

Các ý kiến khảo sát đều khẳng định là rất cần thiết và rất khả thi (đứng thứ bậc 1) với $\overline{X}$: 2.76 và $\overline{Y}$: 2.60. Điều này cho thấy vai trò quan trọng Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên là một trong những khâu quan trọng nhất của dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.

Biện pháp 4, đây là biện pháp ĐBCL, nên kết quả khảo sát cho thấy: GV đánh giá tính cần thiết ở thứ bậc 6 và tính khả thi ở thứ bậc 4. Đối với GV, một số người cho rằng, việc xây dựng và thực hiện khung tham chiếu sẽ làm cho họ gặp một số khó khăn trong công việc. Đây là các biện pháp quan trọng để thực hiện quản lý quá trình dạy học nhưng lại là công việc của cán bộ lãnh đạo là chủ yếu. Trong ĐBCL, việc xây dựng khung tham chiếu để đối chiếu với các công việc đề ra. Khi có khung tham chiếu thì đây là công cụ để CBQL, GV, nhân viên nhà trường biết để thực hiện và giám sát.

Biện pháp 5, có thứ bậc thấp, với tính cần thiết ở thứ bậc 8 và tính khả thi ở thứ bậc 7. Việc xây dựng bộ thủ tục để nhằm cụ thể hoá các biện pháp ĐBCL bằng

các văn bản. Đây là một biện pháp khó và chủ yếu là công việc của cán bộ quản lý làm và đưa ra họp bàn, thống nhất và phổ biến đến GV. Qua trao đổi, CBQL các trường đều cho rằng rất cần thiết và khả thi. Tuy nhiên, với GV thì đa số cho rằng biện pháp này ít cần thiết và tính khả thi không cao.

Đối với biện pháp 6, có 61.33% GV khẳng định rất cần thiết và 37.78% cần thiết nên biện pháp 4 được khẳng định tính cần thiết. Với $\overline{X}$: 2.60 và $\overline{Y}$: 2.47 Tính cần thiết xếp ở thứ bậc 5, tính khả thi thứ bậc 5 cho thấy việc xây dựng quy trình QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên là cần thiết và khả thi. Cần quản lý tốt việc dạy học để nâng cao chất lượng dạy học vì đây là một việc chủ yếu của cán bộ lãnh đạo.

Đối với biện pháp 7 có 60.89 % số người được hỏi đều khẳng rất cần thiết và 36.44% cho rằng cần thiết, có 2.67% (6 phiếu) cho rằng không cần thiết. Trong khi đó, việc kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên là khâu cuối của dạy học nhưng lại có ý nghĩa điều chỉnh, nâng cao chất lượng dạy và học. Vì vậy, tính cấp thiết của biện pháp 5 được khẳng định.

Quản lý kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên theo quy trình QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL được các giáo viên đánh giá ở thứ bậc thấp. Ở tính cần thiết xếp thứ bậc 6 và tính khả thi đứng thứ bậc 8. Từ kết quả đó cho thấy việc đánh giá kết quả cần thiết nhưng tính khả thi chưa cao bởi hoạt động đánh giá hiện nay mới chỉ thông qua đánh giá điểm số, nhận xét thái độ nên chưa hoàn toàn chính xác, khách quan.

Biện pháp 8 có 3 người (1.33%) cho rằng không cần thiết còn lại 98.67% khẳng định cần thiết và rất cần thiết. Biện pháp này được khẳng định tính cần thiết, bởi vai trò của phương pháp dạy học trong giáo dục.

Với thứ bậc 4 ở Tính cần thiết ($\overline{X}$ = 2.65) và thứ bậc 2 ($\overline{Y}$ = 2.53) ở tính khả thi cho thấy các giáo viên đánh giá cao việc chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường hoạt động tự học của học sinh. Tuy ở mức khá về thứ bậc và tính cần thiết nhưng đây là một biện pháp quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và dạy học hướng đến người học. Đây là một trong những nội dung được tác giả chọn thực

nghiệm vì biện pháp này là một trong hai hoạt động chính của dạy học môn chuyên.

Biện pháp 9, qua khảo nghiệm cho thấy việc xây dựng quy trình khảo sát cựu học sinh đánh giá chất lượng dạy học môn chuyên là biện pháp khó thực hiện, có17 người (7.55%) số người được hỏi cho rằng không cần thiết, nhưng đây là biện pháp cần thiết, mang tính "phản biện" nhằm điều chỉnh các nhiệm vụ quản lý khác. Có 52.56% cho rằng cần thiết; 40.89% cho rằng rất cần thiết, đứng ở thứ bậc thấp nhất (10). Tính khả thi cũng đứng ở thứ bậc thấp nhất (9) với 12 phiếu đánh giá biện pháp không khả thi, và tuy vậy hơn 55% đánh giá khả thi, 39.11% phiếu đánh giá rất khả thi.

Biện pháp 10 tính khả thi có thứ bậc 8. Đây biện pháp ĐBCL bên ngoài nên GV cho rằng nó không thực sự quan trọng nhưng nó có mối quan hệ chặt chẽ đến các biện pháp khác. Qua trao đổi, theo đánh giá của giáo viên trường THPT chuyên thì biện pháp này có thứ bậc thấp (8) với 52.89% cho rằng rất cần thiết và 45.78% phiếu đánh gia cần thiết, bởi qua trao đổi với các giáo viên dạy môn chuyên, họ đều cho rằng về cơ bản, các giáo viên đều được đào tạo và làm việc ở các trường sư phạm nên việc xây dựng một tập thể sư phạm là việc không khó để thực hiện. Chính vì thế, giáo viên dạy môn chuyên đều cho rằng nó rất khả thi để thực hiện (xếp thứ bậc 4, với ($\overline{Y}$ = 2.49).

Biện pháp 11, biện pháp quản lý bối cảnh là sự kết hợp của các điều kiện về kinh tế, văn hoá, xã hội với môi trường học tập nên được giáo viên đánh giá rất cần thiết, xếp ở thứ bậc 8 với ($\overline{X}$ = 2.52), và tính khả thi ở thứ bậc 7 ($\overline{Y}$ = 2.39). Về cơ bản, muốn xây dựng được môi trường học tập tốt cần có cơ chế chính sách, sự quan tâm của chính quyền, truyền thống địa phương, sự quan tâm của gia đình.

Kết quả khảo nghiệm cho thấy, đa số các ý kiến cho rằng các biện pháp do tác giả đề xuất là cần thiết cần được triển khai ngay đối với thực tế của QLDH của nhà trường.

Từ kết khảo sát ý kiến giáo viên dạy môn chuyên và CBQL về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL được khẳng định.

Về tính tương quan

Để kiểm chứng sự phù hợp giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý nói trên, chúng tôi đã dùng phương pháp thống kê để tính toán mối

tương quan của các biện pháp quản lý đề xuất ở trên. Sau khi nhập số liệu phiếu điều tra vào phần mền SPSS cho kết quả như sau (Xem phụ lục 7): *Tương quan giữa tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp*

Áp dụng công thức tính hệ số tương quan thứ bậc SPEARMAN:

$$r_s = 1 - \frac{6\sum d_i^2}{n(n^2-1)}.$$

Trong đó: r là hệ số tương quan

d là hệ số thứ bậc giữa hai đại lượng so sánh

n là số các biện pháp quản lý đề xuất

Và quy ước:

Nếu: r > 0 là tương quan thuận

r < 0 là tương quan nghịch

Nếu: r càng gần 1 thì tương quan càng chặt chẽ

Nếu: r càng xa 1 thì tương quan càng lỏng

Thay các giá trị trên vào công thức ta có: **r = 0.718**

Cho phép kết luận: Mối tương quan trên là tương quan thuận và chặt chẽ. Qua khảo nghiệm, chúng ta có thể khẳng định thêm một lần nữa việc QLDH môn chuyên cần tập trung vào 11 biện pháp cơ bản đã nêu ở trên. Các biện pháp đó vừa quan trọng vừa cần thiết, đáp ứng yêu cầu dạy học môn chuyên, đem lại tính chiến lược lâu dài mà công tác quản lý giáo dục cần hướng tới.

Kết quả khảo nghiệm

Từ số liệu cho thấy hầu hết các biện pháp đề xuất đều được đánh giá là cần thiết và rất cần thiết.

3.4.4. Đánh giá chung về các biện pháp được khảo nghiệm

Từ kết quả khảo nghiệm các biện pháp đề xuất trong luận án thật sự cần thiết, có tính khả thi và tính phù hợp với dạy học môn chuyên. Các biện pháp đưa ra có thể áp dụng rộng rãi trong thực tiễn, có tác động tích cực vào thực tiễn, có giá trị nâng cao chất lượng giáo dục.

Các biện pháp đề xuất nhằm góp phần QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL, phát huy được tối đa nội lực và yếu tố môi trường trong QLDH môn môn chuyên.

3.5. THỰC NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN NGUYỄN TRÃI - HẢI DƯƠNG

Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo mô hình CIPO còn khá mới mẻ ở Việt Nam nên tác giả chú trọng vào việc xây dựng quy trình thực hiện quản lý với 4 yếu tố Đầu vào, Quá trình, Đầu ra và các yếu tố tác động. Tác giả đề xuất trong luận án tiến hành thực nghiệm tại trường THPT chuyên Nguyễn Trãi (Hải Dương) để thấy được từ khi thực hiện luận án, tác giả đã bước đầu áp dụng mô hình CIPO vào QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL đã đạt được những kết quả tốt, nâng thứ bậc của trường THPT chuyên Nguyễn Trãi vào Top 5 cả nước.

Tác giả chọn thực nghiệm để cho thấy sự phù hợp, cần thiết phải vận dụng mô hình CIPO vào QLDH tại THPT chuyên trong cả nước.

3.5.1. Mục đích thực nghiệm

Mục đích của thực nghiệm là kiểm chứng hiệu quả của biện pháp Tổ chức bồi dưỡng giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng và Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ĐBCL trong QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

3.5.2. Giả thuyết thực nghiệm

Nếu thực hiện các biện pháp QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL thì sẽ nâng cao hiệu quả QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên.

3.5.3. Mẫu và địa bàn thực nghiệm

Mẫu được chọn khảo sát là 13 CBQL và 36 giáo viên dạy môn chuyên; 2 lớp chuyên là học sinh lớp 11A1 (Chuyên Toán, 34 học sinh) và 11 A2 (chuyên Tin, 34 học sinh) của trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương.

- Thời gian: Học kì I, từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016.

- Nội dung thực nghiệm: ***Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng*** và ***Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường hoạt động tự học của học sinh.***

3.5.4. Tiêu chí và cách cho điểm thực nghiệm

Tiêu chí và cách cho điểm thực nghiệm được thực hiện như tiêu chí và cho điểm như ở mục 2.1.4 (trang 59 - 60).

3.5.5. Các giai đoạn thực nghiệm

Giới hạn không gian: Do những điều kiện khách quan, luận án chỉ có thể tiến hành thực nghiệm tại trường THPT chuyên Nguyễn Trãi (Hải Dương).

**Giới hạn thời gian*: Luận án tiến hành thực nghiệm từ tháng 9/2014 đến tháng 6/2017 (3 năm học), tập trung trung áp dụng các biện pháp quản lý vào năm học 2014 - 2015 và 2015 - 2016.

3.5.6. Phương pháp đánh giá thực nghiệm

- Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Chú trọng hai nguyên tắc là nguyên tắc Khách quan và nguyên tắc Logic Lịch sử.

3.5.7. Kết quả thực nghiệm

Một biện pháp QLDH chỉ được xác định giá trị đích thực của nó khi được áp dụng vào thực tiễn trong một khoảng thời gian nhất định. Do những yếu tố khách quan NCS chỉ có thể áp dụng thực nghiệm hai biện pháp (biện pháp thứ 2, biện pháp thứ 8) trong các biện pháp đề xuất tại nhóm giải pháp QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL.

Phương pháp và tiến trình thực nghiệm

Chuẩn bị thực nghiệm

- Thống nhất các tiêu chí đánh giá phù hợp với từng nội dung thực nghiệm.

- Cách thức đối chứng: Khảo sát trước và sau thực nghiệm về nội dung các biện pháp thực nghiệm.

Triển khai thực nghiệm chung

- Tổ chức họp Lãnh đạo, giáo viên toàn trường.

Nội dung:

+ Phổ biến, làm rõ các nội dung và các bước thực nghiệm từng nội dung.

+ Gửi các tài liệu, biểu mẫu hướng dẫn thực hiện các hoạt động theo nội dung quy trình tới các bộ phận và người thực hiện;

+ Giám sát chặt chẽ quá trình thực nghiệm để những người thực hiện không bỏ sót nội dung và các bước của quy trình thực nghiệm.

+ Sau khi kết thúc các hoạt động thực nghiệm, các bộ phận thực hiện báo cáo kết quả thực hiện hoạt động theo qui trình và các yêu cầu thực nghiệm.

- Đo lường: kết quả các hoạt động thực nghiệm.

Thực nghiệm được tiến hành ở 02 lớp cùng khối, cùng về công tác Tuyển sinh đầu vào trong 2 năm học vừa qua, với cùng phương thức thi Toán + Văn + Tiếng Anh + môn chuyên; Cách tính điểm: Toán + Văn + Tiếng Anh hệ số 1, môn chuyên hệ số 2. Cho kết quả Tuyển sinh đầu vào tương đương.

Triển khai thực nghiệm các nội dung cụ thể

- Thực nghiệm 1 *- Biện pháp 2*: Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng

Cách thức tiến hành thực nghiệm

1. Thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học

Giao Tổ chuyên môn tiến hành rà soát nội dung theo khung chương trình chuyên, sách giáo khoa, sách nâng cao,... hiện hành để sắp xếp, cấu trúc nội dung dạy học của từng môn chuyên theo định hướng phát triển năng lực HS.

Các tổ dự thảo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình mới cho từng môn chuyên, dự thảo các chuyên đề chuyên sâu, các chủ đề liên môn và đề xuất GV dạy học các chuyên đề và chủ đề đó.

Trong khi tiến hành thực nghiệm, bắt đầu từ việc xây dựng kế hoạch dạy học. Đối với giáo viên thông qua việc làm kế hoạch dạy học bộ môn đầu năm và soạn giáo án hàng ngày.

Ban chuyên môn tổng hợp kế hoạch dạy học, phân phối chương trình của từng môn chuyên, hội thảo để góp ý kiến và trình Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào thực hiện.

2. Bồi dưỡng đổi mới phương pháp dạy học

Để thực hiện đổi mới phưng pháp dạy học, trước hết cần xây dựng kế hoạch. Việc xây dựng kế hoạch hoạt động đổi mới PPDH bằng việc đưa toàn bộ hoạt động đổi mới

PPDH vào kế hoạch chung của nhà trường, trong đó chỉ rõ mục tiêu đã đề ra. Kế hoạch về đổi mới PPDH có thể tách riêng hoặc nằm trong kế hoạch tổng thể của nhà trường, được xây dựng theo từng học kỳ, từng năm học; được Ban chuyên môn nhà trường thông qua và quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt. Kế hoạch phải mang tính cụ thể, xác định được mục tiêu cần đạt, lộ trình thực hiện, dự kiến được nguồn lực để thực hiện, phân bố thời gian hợp lý và quyết định những biện pháp có tính khả thi để thực hiện.

Sau khi hoàn thành việc xây dựng kế hoạch thì tiếp theo là tổ chức hoạt động đổi mới PPDH theo kế hoạch đã xây dựng. Bao gồm:

- *Quản lý hoạt động của tổ chuyên môn*

Hiệu trưởng giao trách nhiệm cho phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn hoặc trực tiếp chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch đổi mới PPDH cho từng năm học. Kế hoạch của tổ phải rất cụ thể, chi tiết, ưu tiên đổi mới cái gì trong mỗi năm học, xác định được ai làm? làm khi nào? dự kiến kết quả đạt được.

- *Quản lý hoạt động của giáo viên*

Hiệu trưởng quản lý hoạt động của GV thông qua sự phân cấp quản lý cho phó hiệu trưởng, cho các tổ trưởng chuyên môn. Để đảm bảo hiệu quả của việc đổi mới PPDH, khi cần thiết hiệu trưởng phổ biến và tác động trực tiếp đến từng GV về những vấn đề cơ bản và quan trọng về phương pháp dạy học. Chẳng hạn quản lý nội dung thực hiện phương pháp dạy học tích cực trong bài soạn, quản lý hoạt động thực hiện phương pháp dạy học tích cực trong giờ lên lớp,...

Tăng cường chỉ đạo hoạt động kiểm tra đánh giá đổi mới PPDH

- Hiệu trưởng, CBLĐ, tổ trưởng chuyên môn tăng cường chỉ đạo hoạt động đổi mới PPDH là quá trình tác động cụ thể của hiệu trưởng tới mọi cán bộ quản lý, giáo viên trong nhà trường, nhằm biến những nhiệm vụ chung về đổi mới PPDH của nhà trường thành hoạt động thực tiễn của từng người. Hiệu trưởng thực hiện chức năng chỉ đạo là thực hiện quyền chỉ huy và hướng dẫn triển khai việc đổi mới PPDH; thường xuyên điều chỉnh, sắp xếp, phối hợp và giám sát mọi người và các bộ phận thực hiện tốt kế hoạch theo sự bố trí đã xác định trong bước tổ chức.

Trong thực nghiệm đã áp dụng một số nội dung như sau để đổi mới phương pháp dạy học.

- *Cải tiến các PPDH truyền thống*

Các PPDH truyền thống như thuyết trình, đàm thoại, luyện tập là các phương pháp quan trọng trong dạy học. Đổi mới PPDH là việc cải tiến để nâng cao hiệu quả và hạn chế nhược điểm các phương pháp này.

- *Kết hợp đa dạng các PPDH*

Không có một PPDH phù hợp với mọi mục tiêu và nội dung dạy học. Mỗi phương pháp và hình thức dạy học trong toàn bộ quá trình dạy học là phương hướng quan trọng nhất để phát huy tính tích cực và nâng cao chất lượng dạy học. Trong thực tế dạy học ở trường THPT chuyên hiện nay, nhiều GV đã cải tiến bài lên lớp theo hướng kết hợp thuyết trình của GV với hình thức làm việc nhóm, góp phần tích cực hoá hoạt động nhận thức của HS.

- *Vận dụng dạy học giải quyết vấn đề*

Dạy học giải quyết vấn đề (nêu vấn đề, nhận biết và giải quyết vấn đề) là QĐDH nhằm phát triển năng lực tư duy, khả năng nhận biết và giải quyết vấn đề. Dạy học giải quyết vấn đề là con đường cơ bản để phát huy tính tích cực nhận thức của HS, có thể áp dụng trong nhiều hình thức dạy học với các mức độ nhận thức của HS khác nhau.

- *Vận dụng dạy học theo định hướng hành động*

Dạy học định hướng hành động là QĐDH nhằm làm cho hoạt động trí óc và hoạt động chân tay kết hợp chặt chẽ với nhau. Trong quá trình học tập, HS thực hiện các nhiệm vụ học tập và hoàn thành các sản phẩm hành động có sự kết hợp linh hoạt giữa hoạt động trí tuệ và hoạt động chân tay. Đây là một QĐDH tích cực hoá và tiếp cập toàn thể. Vận dụng dạy học định hướng hành động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp lý thuyết với thực tiễn, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội.

- *Tăng cường các PPDH đặc thù bộ môn*

PPDH có mối liên hệ biện chứng với nội dung dạy học. Vì vậy bên cạnh các phương pháp chung có thể sử dụng cho nhiều bộ môn khác nhau thì việc sử dụng

các PPDH đặc thù có vai trò quan trọng trong dạy học bộ môn. Các PPDH đặc thù bộ môn được xây dựng trên cơ sở lý luận dạy học bộ môn.

- Bồi dưỡng phương pháp học tập cho HS

Trong trường chuyên, phương pháp học tập đóng vai trò quan trọng trong việc tích cực hoá, phát huy tính sáng tạo của HS. Có những phương pháp nhận thức chung, có những phương pháp học tập chuyên biệt của từng bộ môn chuyên. Bằng nhiều hình thức khác nhau, cần luyện tập cho HS các phương pháp học tập chung và các phương pháp học tập bộ môn.

- Cải tiến việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS

Đổi mới PPDH cần gắn liền với đổi mới về đánh giá quá trình dạy học cũng như đổi mới việc kiểm tra và đánh giá thành tích học tập của HS. Cần bồi dưỡng cho HS những kỹ thuật thông tin phản hồi nhằm tạo điều kiện cho HS tham gia đánh giá và cải tiến quá trình dạy học. Theo quan điểm PPDH định hướng phát triển năng lực, việc đánh giá kết quả học tập không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Đánh giá kết quả học tập cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau. Vì vậy cần sử dụng phối hợp các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau. Kết hợp giữa kiểm tra miệng, kiểm tra viết và bài tập thực hành; kết hợp giữa trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệp khách quan.

- Hiệu trưởng kiểm tra đánh giá hoạt động đổi mới PPDH, xem xét thực tiễn để phát hiện, đánh giá thực trạng về đổi mới PPDH, đưa ra quyết định điều chỉnh kịp thời, nhằm giúp các bộ phận và các cá nhân đạt được các mục tiêu về đổi mới PPDH đã đề ra.

- Cuối năm học, nhà trường có sự tổng kết, đánh giá và cải tiến PPDH nhằm khuyến khích GV tích cực tham gia đổi mới PPDH theo hướng ĐBCL.

3. Bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu

- Nhà trường thực hiện kế hoạch bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu thông qua sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn (dưới hình thức xemina, báo cáo chuyên đề và sinh hoạt câu lạc bộ môn học).

Xây dựng đội ngũ giáo viên thỉnh giảng cộng tác với nhà trường; mời các chuyên gia đầu ngành về giảng dạy cho đội tuyển HSG Quốc gia qua đó bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu cho GV trong lĩnh vực dạy môn chuyên.

Bồi dưỡng GV theo các lĩnh vực chuyên sâu của môn ở trong nước và ngoài nước. Tạo điều kiện đi học thạc sỹ, tiến sỹ để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, đặc biệt là kiến thức chuyên sâu.

4. Kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học

Nhà trường đầu tư trang bị PTDH hiện đại theo đặc thù từng môn chuyên để GV có điều kiện thuận lợi trong giảng dạy, tăng cường tính trực quan, sinh động cho học sinh trong việc học.

Để sử dụng hiệu quả phương tiện dạy học, nhà trường xây dựng quy trình sử dụng PTDH trong mối quan hệ giữa PTDH và PPDH cho phù hợp và đạt hiệu quả cao đối với từng môn chuyên.

Giao cho cán bộ phụ trách quản lý phương tiện dạy học và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng PTDH của GV để có giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng sử dụng PTDH.

5. Nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu

Trong kế hoạch giảng dạy hàng năm, Nhà trường thực hiện sắp xếp thời khoá biểu để đảm bảo có thời gian dành cho GV tự học, tự nghiên cứu nhằm phát triển năng lực chuyên môn.

Bên cạnh đó cần tăng cường CSVC, trang thiết bị dạy học theo đặc thù từng môn chuyên để GV có điều kiện tự học, tự nghiên cứu.

6. Năng lực phát triển chương trình và tài liệu dạy học

Hiệu trưởng giao cho các tổ bộ môn bám sát những nội dung cơ bản, thiết yếu của chương trình nâng cao mà Bộ GD&ĐT đã biên soạn và ban hành; mặt khác yêu cầu GV và tổ bộ môn chủ động thêm, bớt các chuyên đề do cá nhân và tập thể đề xuất, bổ sung cho phù hợp với đối tượng HSG trong nhà trường.

Nhà trường tổ chức các hội nghị sinh hoạt chuyên môn, hội thảo khoa học về phát triển chương trình cấp trường hoặc mở rộng ra vùng, miền... nhằm trao đổi,

thảo luận và rút kinh nghiệm về chương trình bồi dưỡng HSG để có thể điều chỉnh chương trình cho phù hợp.

Tổ chức cho GV tự nghiên cứu thêm chương trình và tài liệu dành cho HSG trong và ngoài nước để cập nhật kinh nghiệm dạy HSG.

Kết quả thực nghiệm biện pháp 2: ***Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng***. (Xem phụ lục 8)

Kết quả thực nghiệm Biện pháp 2 cho thấy trước thực nghiệm $\overline{X}$ = 3.03, sau thực nghiệm $\overline{X}$ = 3.44, độ lệch là 0.41 chứng tỏ việc thực nghiệm biện pháp đã cho kết quả tốt.

Về nội dung 1, *Xây dựng kế hoạch dạy học* được Nhà trường thực hiện hằng năm.

Trước thực nghiệm, đa phần các giáo viên đều đánh giá việc tổ chức tập huấn ở mức Khá với 21/49 phiếu đánh giá khá, trong đó có 9 phiếu đánh giá việc tổ chức này ở mức độ Trung bình và 2 phiếu đánh giá Yếu. Điều này cho thấy, việc *Xây dựng kế hoạch dạy học* còn một số hạn chế nhất định.

Hiệu trưởng yêu cầu GV nghiên cứu biên soạn chu đáo kế hoạch bộ môn sẽ giúp giáo viên hình dung được bức tranh tổng thể về bộ môn sẽ dạy, chủ động chuẩn bị các phương tiện dạy học, tài liệu tham khảo, trao đổi với đồng nghiệp, chọn bài tập tối ưu.

Giáo viên có ý thức đầu tư tích cực cho giáo án. Mỗi giáo án là một công trình nghiên cứu nhỏ, thể hiện sự gia công sáng tạo của giáo viên. Phải đầu tư, cân nhắc, chọn lọc hệ thống câu hỏi theo hướng tối ưu. Sau mỗi tiết dạy nên có phần ghi rút kinh nghiệm ở cuối giáo án. Có như thế năm sau dạy lại ta mới có cơ sở để phát triển, hoàn thiện thêm.

Sau khi thực các công việc để triển khai xây dựng kế hoạch dạy học, GV có nhận thức, kỹ năng xây dựng và áp dụng, triển khai thực hiện các bước cụ thể về xây dựng kế hoạch dạy học. cho thấy công tác này đã được triển khai và thực hiện có hiệu quả tốt.

Kết quả khảo sát sau thực nghiệm cho thấy, có 25/39 phiếu đánh giá tốt (tăng hơn 16%), số phiếu khá và trung bình giảm, độ chênh lệnh về trung bình cả nội

dung là 0.33. Từ việc có các kỹ năng xây dựng giáo án, các GV đã thực hiện tốt công việc hơn. Điều đó minh chứng cho tính khả thi khi áp dụng QLDH chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.

Nội dung 2, *Đổi mới phương pháp dạy học* là một việc làm thường xuyên, liên tục của nhà trường. Trước khi thực nghiệm các biện pháp trong nội dung này, chỉ có 13 phiếu/ 49 phiếu đánh giá Tốt (chiếm 26.5%) số phiếu đánh giá TB nhiều với 12 phiếu và có tới 3 phiếu đánh giá Yếu. Điều này cho thấy, việc đổi mới phương pháp dạy học là một việc làm tương đối khó vì giáo viên quen với một phương pháp giảng bài nhất định nào đó.

Áp dụng đồng bộ trong quản lý đổi mới phương pháp nên sau khi thực hiện các biện pháp, kết quả khảo sát sau thực nghiệm cho thấy số phiếu đánh giá Yếu không còn, mức độ tốt tăng lên, mức độ khá và đặc biệt là trung bình giảm xuống rõ rệt (từ 12 phiếu xuống 4 phiếu). Kết quả khảo sát thực nghiệm cho thấy, biện pháp bồi dưỡng nâng cao trình độ theo hướng chuẩn hoá là việc làm cần thiết và nhận được sự đồng tình của giáo viên.

Về nội dung *Bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu* cho giáo viên, kết quả trước thực nghiệm cho thấy có 11 phiếu đánh giá TB và 3 phiếu đánh giá yếu. Trong môn chuyên, kiến thức chuyên sâu là phần cơ bản, bởi đã chuyên thì phải có kiến thức uyên thâm. Chính vì thế, việc giao GV bổ sung nội dung kiến thức chuyên sâu ở từng môn chuyên vào nội dung khung chương trình chuyên hàng năm; qua đó từng bước hoàn thiện khung chương trình chuyên và giáo viên có điều kiện tích luỹ thêm kiến thức chuyên sâu.

Thực hiện nội dung về kiến thức chuyên sâu cho giáo viên thông qua tri thức lý thuyết thể hiện trong nội dung chương trình (sách giáo khoa các lớp 10, 11, 12; trong các sách - giáo trình đại học tương ứng). Tri thức ẩn chứa trong hệ thống các dạng bài tập tương ứng với tri thức lý thuyết ở trên. Tri thức văn hóa tổng hợp giúp bổ sung nhanh vốn sống, gia tăng tầm nhìn cho người thầy cả rộng và chiều sâu, nó gián tiếp làm tăng thêm chất lượng, tính hấp dẫn của tiết dạy, sức cảm hóa trong công tác giáo dục học sinh.

Sau khi xây dựng và thống nhất nội dung các chuyên đề của từng bộ môn chuyên, quán triệt đến từng giáo viên đã cho thấy kết quả được nâng lên, số phiếu đánh giá hiệu quả của việc bồi dưỡng này tăng hơn 20%, không còn phiếu đánh giá Yếu. Kết quả trên minh chứng cho việc thực hiện quản lý đã đạt hiệu quả.

Nội dung 4, Sử dụng phương tiện dạy học, cho thấy việc này trước khi thực nghiệm mới ở mức trung bình (2.00) vì chưa đạt được yêu cầu, mong muốn, theo đánh giá của giáo viên. Khi thực nghiệm, đã tổ chức cho GV sử dụng phương tiện dạy học. Tăng cường thực hành, thí nghiệm, sử dụng phương tiện dạy học và CNTT trong dạy học.

Phương tiện dạy học (PTDH) có vai trò quan trọng trong việc đổi mới PPDH nhằm tăng cường tính trực quan trong dạy học. Việc sử dụng các PTDH cần phù hợp với mối quan hệ giữa PTDH và PPDH. Đa phương tiện và CNTT có nhiều khả năng ứng dụng trong dạy học; bên cạch việc sử dụng đa phương tiện như một phương tiện trình diễn thì cần tăng cường các phần mềm dạy học cũng như các PPDH sử dụng mạng điện tử (E- Learning).

Thực hiện các bước trên cho thất kết quả đã minh chứng cho việc quản lý theo các bước ở trên là có hiệu quả.

Ở nội dung 5, *Tự học, tự nghiên cứu*, trước thực nghiệm chỉ có 18 phiếu đánh giá Tốt, có 8 phiếu TB và 2 phiếu đánh giá Yếu. Hầu hết giáo viên của trường có nhận thức khá đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công việc phải học liên tục, học suốt đời; học mọi nơi, mọi lúc. Chính vì thế, khi thực hiện các bước của biện pháp GV phần lớn đã thực sự nắm vững và cập nhật những tri thức về mỗi bộ môn, hệ thống tri thức cần nghiên cứu. Cụ thể:

Về tin học: Giáo viên có kiến thức, kỹ năng căn bản và tối thiểu về tin học gồm: Word, excel, power - point, tìm kiếm - thu thập thông tin trên mạng Internet.

Về ngoại ngữ: Giáo viên có trình độ ngoại ngữ ít nhất là giao tiếp thông thường và đọc, dịch được tài liệu chuyên môn.

Sau khi thực hiện các bước quản lý, kết quả cho thấy, không còn phiếu yếu, phiếu đánh giá TB giảm đi ½. Cho thấy việc Tự học, tự nghiên cứu đã đạt được những kết quả khả quan.

Nội dung 6, về *Năng lực phát triển chương trình và tài liệu dạy học*, qua khảo sát trước thực nghiêm cho kết quả ở mức Trung bình theo thang đánh giá với $\overline{X}$ = 3.02, trong đó có ½ đánh giá ở mức khá, hơn 16% đánh giá mức Trung bình (8 phiếu) và 3 phiếu (6.12%) đánh giá Yếu.

Trong khi thực nghiệm, đã bồi dưỡng GV triển khai, mở rộng, chuyên sâu các nội dung dạy học nhằm phân hoá trình độ người học. Nâng cao khả năng tìm kiếm các tài liệu, sách tham khảo chuyên ngành phục vụ cho dạy học môn chuyên và khả năng cập nhật, khai thác và trao đổi tài nguyên bằng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT).

GV sau khi thực hiện các bước của biện pháp, khả năng vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo nhằm kích thích được HS say mê, hiếu kì, suy nghĩ, tìm tòi, tạo ra hiệu quả dạy học… Số phiếu tốt tăng lên hơn 20% (18 phiếu lên 28 phiếu), $\overline{X}$ = 3.49, độ lệch của trước, sau thực nghiệm là 0.47, với 0 phiếu đánh giá Yếu.

Nhìn chung, sau khi thực nghiệm các biện pháp quản lý trong Tổ chức bồi dưỡng giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng đã đạt kết quả tốt. Chỉ số về mức độ trung bình đã tăng từ Khá lên Tốt (từ 2.34 đến 3.48) theo thang đánh giá đã xây dựng. Có độ lệnh trên 30% ở tất cả các biện pháp. Kết quả trên cho thấy, việc thực hiện đã đạt kết quả tốt, có thể sử dụng trong QLDH môn chuyên tại trường.

- Thực nghiệm Biện pháp 8: Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ĐBCL

Thực hiện khảo sát đã cho kết quả như sau: Kết quả thực nghiệm biện pháp 8, tại Bảng 3.2. Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ĐBCL (Xem phụ lục 9)

Hiện nay, các phương pháp dạy học mới đã được các giáo viên sử dụng thuần thục, tuy nhiên, việc đổi mới dạy học theo hướng tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu cho học sinh còn tương đối mới mẻ. Giáo dục đang hướng đến theo mong muốn của người học nên việc sử dụng phương pháp dạy học hướng đến

tự học, tự nghiên cứu là một đòi hỏi khách quan. Kết quả thực nghiệm Biện pháp 8 cho thấy trước thực nghiệm $\overline{X}$ = 3.17, sau thực nghiệm $\overline{X}$ = 3.44, độ lệch là 0.27 chứng tỏ việc thực nghiệm biện pháp đã cho kết quả tốt.

Về nội dung 1, Kết quả học tập thay đổi.

Trước khi thực nghiệm, kết quả khảo sát cho thấy, chất lượng giờ học ở trường là tốt, với 22 phiếu (44.9%) đánh giá Tốt, 19 phiếu (38.8%) đánh giá Khá và 5 phiếu (10%) đánh giá TB và không có phiếu đánh giá yếu, với $\overline{X}$= 3,16.

Áp dụng biện pháp quản lý đổi mới phương pháp, GV được tiếp cận và am hiểu về kiến thức, kỹ năng của các PPDH tích cực hiện nay. GV vận dụng có hiệu quả các PPDH tích cực đã tiếp cận vào soạn bài và dạy học theo hướng phát huy năng lực và phẩm chất của học sinh. Hoạt động của GV với tư liệu dạy học linh hoạt hơn qua việc GV chọn tư liệu hoạt động dạy học, cung cấp tư liệu nhằm tạo tình huống cho hoạt động học tập của học sinh. GV có phương pháp dạy học tích cực, có kiến thức chuyên sâu và sử dụng phương tiện dạy học hiện đại nên đã cuốn hút các em HS tích cực học tập. Chính vì thế chất lượng giờ học đã thay đổi, số phiếu đánh giá tốt tăng lên hơn 50% (với 25 phiếu). Tuy khảo sát cho thấy, áp dụng các bước quản lý đổi mới phương pháp dạy học, chất lượng giờ học chưa thay đổi nhiều, bởi những đặc thù của trường chuyên, với giáo viên giàu kinh nghiệm, học sinh học tốt, nên việc áp dụng biện pháp này, có độ lệch 0.27 là một thành công trong việc chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học.

Nội dung 2, Học sinh chủ động, tích cực hơn.

Trước thử nghiệm, kết quả đánh giá của giáo viên mức Tốt 21 phiếu, Khá 17 phiếu, có tới 9 phiếu TB và 2 phiếu Yếu, kết quả này cho thấy, học sinh còn chưa thực sự chủ động trong học tập, vẫn học theo cách truyền thống, giáo viên truyền thụ kiến thức và học sinh tiếp nhận.

Khi thực hiện biện pháp chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, đã làm cho hoạt động của học sinh với các tư liệu dạy học như sự trao đổi, tranh luận với nhau, trao đổi với GV tích cực hơn. Học sinh thích ứng nhanh với các tình huống học tập đồng thời chủ động chiếm lĩnh, xây dựng tri thức cho bản thân mình.

Từ những sự tích cực đó học sinh, sau thực nghiệm, kết quả cho thấy số phiếu đánh giá tốt tăng hơn 16% (từ 21 lên 29 phiếu), với $\overline{X}$ = 3,61, có độ lệch so với trước thức nghiệm tới 0.45.

Khi GV áp dụng PPDH tích cực ở trình độ càng cao thì sự phân hoá trong học sinh càng lớn vì vậy GV với vai trò là người gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài và kích lệ học sinh trong các hoạt động học tập hào hứng, tranh luận sôi nổi của học sinh. GV đã được đào tạo, bồi dưỡng về tâm lý học đường nên GV thấu cảm và chia sẻ với HS, vì vậy mối tình cảm giữa GV và HS được gắn bó hơn.

Đổi mới phương pháp dạy học cũng đã làm cho *học sinh có nhiều cơ hội phát huy năng khiếu môn chuyên*. Học sinh chủ động tìm tòi giải quyết vấn đề đặt ra theo một tiến trình hợp lý, phù hợp với những đòi hỏi của phương pháp luận; suy nghĩ và khái quát hoá thành kiến thức mới của bản thân khi giải quyết tình huống có vấn đề. Các em HS được cuốn hút vào các hoạt động học tập do GV định hướng, học sinh trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm, giải quyết các vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình từ đó sẽ bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo. Do đó đã tạo động lực cho phong trào thi đua dạy tốt, học tốt toàn trường.

PPDH tích cực hướng học sinh có được phương pháp, kỹ năng, thói quen, ý chí tự học vì vậy tạo cho HS hứng thú học tập, khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi học sinh, kết quả học tập được nhân lên gấp bội từ đó tạo phong trào thi đua học tập trong lớp và toàn trường.

Đối với GV, để tạo nên động lực của việc đổi mới PPDH, hiệu trưởng cần tác động đến nhu cầu được tôn trọng, được tự khẳng định mình, đồng thời có sự động viên về tinh thần và bồi dưỡng vật chất thích đáng, tương xứng với khả năng và sự cống hiến của mỗi người.

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, GV đã chia lớp thành những nhóm nhỏ tuỳ mục đích và yêu cầu của vấn đề học tập; lớp học hay nhóm nhỏ là môi

trường giao tiếp GV - HS và HS - HS, tạo nên mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân trên con đường chiếm lĩnh nội dung học tập.

Thực hiện đổi mới phương pháp đã làm cho mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh tốt hơn, môi trường dạy học chuyên nghiệp, sáng tạo, đặc biệt là phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của toàn trường được biểu hiện ngày một tốt hơn.

Sau khi thực nghiệm hai biện pháp cho thấy:

- Về trình độ chuyên môn, sau khi tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên, bằng cách thực hiện các bước nêu ở trên, cho thấy, số giáo viên chuyên được đánh giá, xếp loại giỏi ngày càng tăng, cả về trình độ chuyên môn, xếp loại chuẩn nghề nghiệp, được thể hiện qua bảng số liệu đánh giá về chuẩn nghề nghiệp của trường THPT chuyên Nguyễn Trãi (Xem Phụ lục 10).

Về kỹ năng, nghiệp vụ, khi tiến hành chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, thì song song với nó là việc đổi mới hình thức dạy học. Hiện nay, các giáo viên dạy môn chuyên đều sử dụng thành thạo các thiết bị dạy học, tích hợp được công nghệ thông tin trong việc dạy học. Một số giáo viên còn tổ chức thảo luận trực tuyến với các nhóm, sử dụng emai gửi bài tập, fanpage, blog... để trao đổi với học sinh về các bài tập khó.

Kết quả trên cho thấy việc áp dụng quản lý học tập môn chuyên ở trường THPT chuyên đã đạt được kết quả khả quan. Có thể thực hiện áp dụng đồng bộ các biện pháp vào QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Thông qua 2 biện pháp quản lý đối với giáo viên được thực hiện, tác giả tiến hành thử nghiệm với 2 lớp, lớp 11A1 chuyên Toán và lớp 11A2 Tin, thi cùng đầu vào tổ hợp môn chuyên cùng đầu vào. Hai lớp cùng học Vật Lý, trong đó, một lớp sử dụng GV đã được Tổ chức bồi dưỡng dạy học môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng và chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học và một lớp sử dụng GV giảng dạy chưa được tổ chức tập huấn về các biện pháp quản lý về tổ chức bồi dưỡng chuyên và đổi mới phương pháp.

Cách thức thực hiện: giao GV dạy các lớp và CBQL giám sát, kiểm tra nội dung, phương pháp và các hình thức dạy học được áp dụng. Thực hiện dự giờ để

đánh giá. Nhà trường đã tổ chức dự giờ đối với hai lớp thực nghiệm cùng học môn Vật lý trước và sau khi thực hiện hai trong số các biện pháp quản lý dạy học môn chuyên. Căn cứ vào phiếu dự giờ của trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, tác giả đã thống kê kết quả (Xem Phụ lục 11).

Kết quả thống kê cho thấy Yêu cầu về tính chính xác, đầy đủ về nội dung, tính khoa học và đảm bảo tính hệ thống và làm rõ trọng tâm, đúng quan đường lối chính sách; Trình bày bảng hợp lý, chữ viết, lời nói… rõ ràng, giáo án hợp lý… không có nhiều sự thay đổi trước và sau khảo sát bởi do đặc thù của trường chuyên (đã được trình bày ở phần trên).

Tuy nhiên, kết quả thống kê lại cho thấy sự thay đổi ở các nội dung:

- Sử dụng phương pháp đặc thù bộ môn, phù hợp với kiểu bài trên lớp được các giáo viên đánh giá và cho điểm số tăng từ 12.4 điểm lên 13.75.

- Về sử dụng và kết hợp tốt các phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp với nội dung kiểu bài trên lớp, trước thực nghiệm điểm TB là 7.75/10. Sau khi được tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên kết quả là 8.35/10.

- Kết hợp tốt các phương pháp trong các hoạt động dạy và học và thực hiện linh hoạt các khâu trên lớp, trước thực nghiệm được cho điểm lần lượt là 7.5/10 và 4.25/5, sau áp dụng các biện pháp quản lý dạy học môn chuyên đã, điểm số đánh giá đã tăng lên 8.25/10 và 4.75/5.

Việc tổ chức điều khiển học sinh tích cực, chủ động và tạo điều kiện, có hội cho học sinh phát huy năng khiếu cũng đã được thực hiện tốt, tăng từ 7.3/10 lên 8.05/10. Từ những nội dung trên, cho thấy chất lượng giờ học đã được thay đổi, học sinh đã chủ động, tích cực hơn trong học tập, biểu hiện ở việc phát biểu nhiều hơn, đặt nhiều câu hỏi và tổ chức làm việc nhóm tốt hơn. GV cũng đã dạy cho các em nhiều phương pháp học giúp các em HS có thể chủ động tự học, tự nghiên cứu.

Kết quả Trung bình trước thử nghiệm, được các GV dự giờ cho 80.95/100, sau thử nghiệm các biện pháp quản lý điểm số đánh giá đã tăng lên 87.5/100 cho thấy những tích cực từ các biện pháp quản lý này.

Sau đó, áp dụng thực hiện trên bộ môn Vật lý với hai lớp, kết quả được đánh giá về mặt định lượng (bằng thang điểm 10) theo bảng sau:

Bảng điểm năm học 2015 - 2016

Lớp11A1 Toán, Sĩ số: 34 (Thực nghiệm)

Điểm	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**ĐiểmTB**
Học kì 1					1	7	21	5	8.88
Tỉ lệ%					2.9	20.6	61.8	14.7	
Học kì 2					1	7	17	9	8.92
Tỉ lệ%					2.9	20.6	50	26.5	

Lớp11A2 Toán - Tin, Sĩ số: 34 (Đối chứng)

Điểm	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**ĐiểmTB**
Học kì 1				1	3	9	19	2	8.79
Tỉ lệ %				2.9	8.9	26.5	55.9	5.8	
Học kì 2					2	12	20		8.59
Tỉ lệ %					5.8	35.3	58.9		

Từ kết quả của thực nghiệm cho thấy, khi GV được bồi dưỡng chuyên môn và đổi mới phương pháp dạy học, học sinh nắm bài vững hơn, sâu hơn, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, chất lượng học bước đầu được nâng lên. Tại lớp 11A1 điểm trung bình từ 8.88 (Kì I), 8.92 (Kì II), trong đó, các điểm giỏi tăng lên; tại lớp 11A2 điểm trung bình từ 8.79 (Kì I), 8.59 (Kì II).

Kế hoạch thực nghiệm sư phạm đã được chuẩn bị một cách chu đáo, khoa học. Chất lượng dạy học được nâng cao khi áp dụng biện pháp quản lý này.

Đánh giá về mức độ tác động của biện pháp thực nghiệm đến học sinh

Khi thực hiện các biện pháp về Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên theo yêu cầu nâng cao chất lượng và Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường hoạt động tự học của học sinh đã tác động đến đối tượng là học sinh. Bên cạnh điểm số đã được khẳng định, thì học sinh sẽ có thêm tri thức, năng lực tư duy khi giáo viên là người "hướng dẫn", còn học sinh là những người chủ động trong hoạt động học.

Việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường hoạt động của học sinh cũng góp phần tăng hứng thú học tập cho học sinh, từ đó giúp học sinh tăng thêm tri thức, và có thái độ, ý thức học tập tốt hơn.

Cũng từ việc bồi dưỡng giáo viên cũng đã góp phần xây dựng nền nếp học tập của học sinh, giáo dục, hình thành cho học sinh động cơ, thái độ học tập đúng đắn và ý thức học tập chuyên cần, chăm chỉ, khám phá, sáng tạo và thể hiện sự sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, ý chí vượt khó vươn lên.

Đánh giá chung kết quả thực nghiệm

Trước thực nghiệm việc QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL đã đực thực hiện. Theo khảo sát, đa số các chỉ báo được thực hiện ở mức Khá theo thang đánh giá, nhưng ở mức Khá thấp; Sau thực nghiệm các chỉ báo đã tăng lên ở mức Tốt hoặc Khá cao.

Sau khi tiến hành thực nghiệm các biện pháp tổng thể của quá trình QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng, cùng với quản lý các yếu tố bối cảnh thực tế của địa phương cho kết quả đầu ra được thống kê bằng số liệu thực của trường. Biểu đạt bằng cách biểu đồ (xem phụ lục 15).

Qua việc áp dụng các Biện pháp QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên và thực nghiệm 2 quá trình chính. Kết quả được biểu hiện chính là kết quả Đầu ra của học sinh. Trong nội dung này, tác giả chỉ sử dụng kết quả hoàn toàn trung thực, đã được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng (Bộ GD&ĐT) công bố trên trang thông tin điện tử Bộ GD&ĐT. Đây là kết quả minh chứng cho việc áp dụng thành công QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở các nguyên tắc về đảm bảo chất lượng, tuân theo quy trình, đáp ứng mục tiêu và sự phù hợp với thực tiễn QLDH môn chuyên, tác giả đề nhóm giải pháp gồm 11 biện pháp nhằm thực hiện QLDH môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng. Các biện pháp quản lý được bắt đầu từ đầu vào, quá trình, đầu ra và bối cảnh.

Trong 11 biện pháp trên, tác giả đã khảo nghiệm mức độ cần thiết, tính khả thi đối với giáo viên 5 trường, cho thấy các biện pháp này cần thiết và khả thi, tương quan giữa các biện pháp cũng được đảm bảo; và chọn ra 02 biện pháp để tiến hành thực nghiệm tại trường THPT chuyên Nguyễn Trãi - Hải Dương. Kết quả khảo sát sau thực nghiệm đã cho thấy các biện pháp thực nghiệm đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, sau khi tiến hành thử nghiệm đã bồi dưỡng được giáo viên về năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, được biểu hiện qua chuẩn nghề nghiệp và thông qua kết quả học tập của lớp thực nghiệm và kết quả học tập của các trường…

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Khung lý luận

Từ nghiên cứu cơ sở lý luận, tác giả đã tập trung vào hệ thống hoá và xây dựng các khái niệm về dạy học môn chuyên và QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL.

Tác giả đã vận dụng mô hình CIPO với 4 yếu tố bao gồm đầu vào, quá trình, đầu ra và bối cảnh trong QLDH môn chuyên, nhằm xây dựng các biện pháp QLDH môn chuyên đáp ứng được các yêu cầu mang tính toàn diện về QLDH nói chung và QLDH môn chuyên nói riêng.

2. Thực trạng dạy học môn chuyên và quản lý dạy học môn chuyên

Từ cơ sở thực tiễn QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL, kết quả khảo sát, phỏng vấn, thống kê, xử lý số liệu… để nêu lên mặt tích cực, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế về QLDH môn chuyên. Từ đó thấy sự cần thiết và tính khả thi trong việc áp dụng. Tuỳ vào điều kiện, đặc thù của từng trường mà có thể áp dụng một phần hay toàn bộ các biện pháp đó nhằm ĐBCL dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.

Khảo sát thực trạng dạy học môn chuyên và QLDH môn chuyên, là cơ sở vận dụng mô hình CIPO nhằm xây dựng các biện pháp QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

3. Đề xuất xây dựng các biện pháp quản lý dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Biện pháp 1: Công tác tuyển sinh đảm bảo tuyển chọn khách quan và chất lượng học sinh từng môn chuyên

Biện pháp 2: Bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng

Biện pháp 3: Khai thác nguồn lực và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học môn chuyên đáp ứng mục tiêu của trường trung học phổ thông chuyên

Biện pháp 4: Xây dựng khung tham chiếu quản lý dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Biện pháp 5: Xây dựng các bộ thủ tục quy trình thực hiện nội dung công việc quản lý dạy học môn chuyên theo khung tham chiếu.

Biện pháp 6: Xây dựng quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Biện pháp 7: Kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên theo quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng

Biện pháp 8: Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng

Biện pháp 9: Tổ chức trưng cầu ý kiến cựu học sinh môn chuyên để xác định hiệu quả đào tạo và cải tiến dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.

Biện pháp 10: Xây dựng tập thể theo tinh thần tổ chức biết học hỏi và văn hoá chất lượng trong quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên

Biện pháp 11: Xây dựng môi trường học tập kết hợp với điều kiện cụ thể của địa phương hướng tới đảm bảo chất lượng dạy học.

II. KHUYẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đạo tạo.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, kế hoạch phát triển trường THPT chuyên; có chính sách đặc thù đối với CBQL, GV và HS các trường chuyên; các quy định về cơ cấu, định mức giáo viên, nhân viên; công tác tuyển dụng, luân chuyển giáo viên trường chuyên; ban hành quy định về tiêu chuẩn giáo viên, CBQL trường chuyên.

- Xây dựng khung tài liệu chuyên sâu giảng dạy các môn chuyên; tài liệu hướng dẫn phát triển chương trình các môn chuyên. Tổ chức thí điểm một số chương trình, tài liệu dạy học tiên tiến của nước ngoài để các trường chuyên tham khảo, vận dụng.

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định về tuyển sinh, đổi mới việc tổ chức thi HS giỏi, tuyển chọn, bồi dưỡng đội tuyển dự thi Olympic khu vực và quốc tế.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tham mưu cho UBND các tỉnh, thành phố có cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương nhằm tăng cường định mức đầu tư hàng năm về nhân lực và tài chính cho các trường THPT chuyên.

- Đổi mới cơ chế tuyển sinh, giao quyền tự chủ cho các trường THPT trong việc tuyển sinh.

- Từng bước thực hiện quản lý các trường THPT nói chung và trường THPT chuyên nói riêng theo các bước ĐBCL, thực hiện các nhiệm vụ QLCL dạy học theo "đầu vào, quá trình và đầu ra" một cách hiệu quả nhất.

3. Đối với Hiệu trưởng trường THPT chuyên

- Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, đảm bảo dân chủ, thống nhất trong toàn trường.

- Phát huy vai trò của Hội đồng nhà trường, tăng cường kiểm tra và thực hiện giám sát toàn diện trong nhà trường.

- Tuỳ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng trường để xây dựng, thực hiện các biện pháp trong QLDH môn chuyên theo hướng ĐBCL.

- Tự đổi mới và nâng cao năng lực cho đội ngũ (CBQL, GV và nhân viên) trong nhà trường để thực hiện tốt nhiệm vụ QLDH môn chuyên.

CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Trịnh Ngọc Tùng (2013), “Biện pháp phát triển đội ngũ bằng việc tự học - tự rèn của giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và bồi dưỡng học sinh giỏi trong trường THPT chuyên”, Tạp chí Giáo dục số 312 (kỳ 2 tháng 6, tr 22 - 23, tr 42).

2. Trịnh Ngọc Tùng (2013), “Quản lý đổi mới phương pháp dạy học ở trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương”, Tạp chí Quản lý giáo dục (số 50, tr 51 - 56).

3. Trịnh Ngọc Tùng (2013), “Nghiên cứu thực trạng quản lý dạy học ở trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương", Tạp chí Giáo dục số đặc biệt (tháng 6, tr 21 - 22, tr 27).

4. Trịnh Ngọc Tùng (2013), “Thực trạng hoạt động dạy học ở trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, tỉnh Hải Dương”, Tạp chí Thiết bị Giáo dục (số 95, tr 8 - 12).

5. Trịnh Ngọc Tùng (2013), “Biện pháp quản lý dạy học của hiệu trưởng trường THPT chuyên Nguyễn Trãi”, Tạp chí Thiết bị Giáo dục (số 96, tr 13 - 16).

6. Trịnh Ngọc Tùng (2017), “Vận dụng mô hình CIPO vào quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng”, Tạp chí Quản lý giáo dục (số 8, tr 73 - 78).

7. Trịnh Ngọc Tùng (2017), “Thực trạng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng”, Tạp chí Quản lý giáo dục (số 9, tr 95 - 103).

8. Trịnh Ngọc Tùng (2017), “Thực trạng quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng”, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt (kỳ 3 tháng 8, tr 40 - 42).

9. Trịnh Ngọc Tùng (2017), “Quản lý các yếu tố dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng”, Tạp chí Giáo dục số đặc biệt (kỳ 3 tháng 8, tr 43 - 45, tr 56).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Tạ Thị Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Văn Hóa (2004), *Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
2. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1999), *Khoa học tổ chức và quản lý - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
3. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai vấn đề và giải pháp,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức (2000), *Hoạt động dạy học ở trường trung học cơ sở, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.*
5. Đinh Văn Bình (2008), *Biện pháp quản lý ở Trung tâm giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Hà Nội.
6. Ninh Văn Bình (2008), *Biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng dạy học,* Luận án Tiến sĩ, Viện khoa học giáo dục Việt Nam.
7. Võ Ngọc Bình (2013), *Quản lý chất lượng dạy học ở trường trung học phổ thông theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Đại học Giáo dục, Hà Nội.
8. Vũ Quốc Bình (2003), *Quản lý chất lượng toàn diện,* Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Nguyễn Song Bình, Trần Thị Thu Hà (2006), *Quản lý chất lượng toàn diện: Con đường cải tiến và thành công*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2005), *Chuẩn và chuẩn hóa trong giáo dục - Những vấn đề trong lý luận và thực tiễn, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia,* Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2006), *Quyết định số 16/2006/BGD&ĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*, Hà Nội.

12. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2008), *Chỉ thị Về việc tăng cường công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục*, Hà Nội.
13. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Công văn Số: 10803/BGDĐT-GDTrH - V/v: Hướng dẫn thực hiện chương trình chuyên sâu các môn chuyên cấp THPT, ngày 16/12/2009,* Hà Nội.
14. Bộ GD&ĐT (2011), *Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành điều lệ trường THSC, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học*, Hà Hội.
15. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2011), *Kỷ yếu Hội thảo xây dựng mạng lưới giáo viên cốt cán toàn quốc các môn chuyên trong hệ thống trường THPT chuyên*, Hải Phòng.
16. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2012), *Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên*, Hà Nội.
17. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2012), *Thông tư số 13/2012/TT-BGDĐT ngày 06/4/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung học*, Hà Nội.
18. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2012), *Tài liệu Tập huấn - Hội thảo bồi dưỡng cán bộ quản lý trường THPT chuyên*, Hà Nội.
19. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2013), *Tài liệu Tập huấn cán bộ quản lý trường THPT chuyên*, Hà Nội.
20. Nguyễn Hữu Châu (2008), *Chất lượng giáo dục: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
21. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2001), *Những quan điểm giáo dục hiện đại*, Khoa Sư phạm, ĐHQG Hà Nội.
22. Chính phủ (2010), *Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 24/6/2010 của Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trường THPT chuyên giai đoạn 2010-2020*, Hà Nội.

23. Nguyễn Đức Chính (2002), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
24. Hoàng Chúng (1984), Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
25. Nguyễn Kim Dung (2007), *Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học: Đánh giá đầu vào hay đầu ra?*, http://www.ier.edu.vn/.
26. Nguyễn Kim Dung, Phạm Xuân Thanh (2003), *Về một số thuật ngữ thường dùng trong đảm bảo chất lượng giáo dục đại học*, Tạp chí Giáo dục số 65/2003, Hà Nội.
27. Nguyễn Bác Dụng (2009), *Mô hình quản lý trường trung học phổ thông chuyên đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện*: LATS Quản lý giáo dục, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX,* Nxb Sự thật, Hà Nội.
29. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X , Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2009), *Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020,* Hà Nội.
33. Trần Khánh Đức (2004), *Quản lý và kiểm định chất lượng đào tạo nhân lực theo ISO và TQM,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.
34. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

35. Nguyễn Quang Giao (2011), *Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng quá trình dạy học các môn chuyên ngành ở trường đại học ngoại ngữ*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội.

36. Harold Koontz, Cyril O Donnell, Heinz Weihrich (1992), Những vấn đề cốt yếu của quản lý, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

37. Lê Hoàng Hà (2012), *QLDH theo quan điểm dạy học phân hoá ở trường THPT Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

38. Lê Văn Hảo (2004), *Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo hệ đại học ở trường Đại học Thuỷ sản*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Mã số: B2002-33-18, Nha Trang.

39. Phạm Minh Hạc (Chủ biên, 2001), *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nxb Chính trị quốc gia*, Hà Nội.

40. Phạm Minh Hạc (2008), *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

41. Đào Thanh Hải, Minh Tiến (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.

42. Vũ Ngọc Hải, Đặng Bá Lãm, Trần Khánh Đức (2007), *Giáo dục Việt Nam: Đổi mới và phát triển hiện đại hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

43. Bùi Hiền (Chủ biên, 2015), *Từ điển giáo dục học*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

44. *Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006), Quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

45. Vũ Duy Hiển (2013), *Quản lý quá trình đào tạo vừa làm vừa học theo tiếp cận đảm bảo chất lượng*. LATS ngành QLGD, Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

46. Bùi Thị Tuyết Hồng (2004), *Tăng cường quản lý hoạt động dạy học ở trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương (Phú Thọ)*, Số 80, Tr.44-45,49. Tạp chí Giáo dục, Hà Nội.

47. Sái Công Hồng (2014), *Quản lý chương trình đào tạo đại học nghành quản trị kinh doanh ở đại học quốc gia Hà Nội theo tiếp cận đảm bảo chất lượng của mạng lưới các trường đại học khu vực đông nam á (AUN)*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Giáo dục, Đại học quốc gia, Hà Nội.

48. Phạm Quang Huân (2007), *Nghiên cứu về Quản lý chất lượng quá trình dạy học ở trường phổ thông theo tiếp cận TQM*, Viện Nghiên cứu Sư phạm, Hà Nội.

49. Nguyễn Ngọc Hùng (2006), *Các giải pháp đổi mới QLDH thực hành theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kỹ thuật*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Quốc gia, Hà Nội.

50. Nguyễn Văn Hùng (2010), *Cơ sở khoa học và giải pháp quản lý đào tạo theo hướng đảm bảo chất lượng tại các trường đại học sư phạp kỹ thuật*, Luận án Tiến sĩ, Viện khoa học Giáo dục Việt Nam.

51. Đặng Thành Hưng (2007), *Cơ sở khoa học của việc chuẩn hóa trong giáo dục phổ thông*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Mã số: B2003-49-56, Hà Nội.

52. Phan Văn Kha (2004), *Nghiên cứu đề xuất mô hình quản lý chất lượng đào tạo sau đại học ở Việt Nam*, Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, Hà Nội.

53. Đào Văn Khanh (2005), *Quản lý chất lượng ở trường đại học, ISO hay EFQM*, Viện Chiến lược và chương trình giáo dục, Hà Nội.

54. Mai Công Khanh (2009), *QLDH ở trường dự bị đại học dân tộc theo yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

55. Trần Kiểm (2002), *Khoa học quản lý nhà trường phổ thông*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

56. Trần Kiểm (2004), *Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục - đào tạo*, Nxb Sư phạm, Hà Nội.

57. Đồng Hương Lan (chủ biên, 2016), *Phát triển thể chất của học sinh trung học phổ thông chuyên, Nxb Giáo dục, Hà Nội*.

58. Đặng Thị Thuỳ Linh (2014), *Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh*. Tp. Hồ Chí Minh.

59. Nguyễn Lộc (2010), *TQM hay là Quản lý chất lượng toàn thể trong giáo dục*, Tạp chí Khoa học giáo dục số 54/2010, Hà Nội.

60. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2004), *Nghiên cứu xây dựng một quy trình đào tạo giáo viên phổ thông chất lượng cao trong trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực*, Đề tài cấp ĐHQG, Hà Nội.

61. Nguyễn Thứ Mười (2013), *Quản lý đào tạo cán bộ chỉ huy đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh theo hướng đảm bảo chất lượng,* Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

62. Phạm Thành Nghị (2000), *Quản lý chất lượng giáo dục đại học*, Nxb ĐHQG Hà Nội.

63. Phan Khắc Nghệ (2016), *Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh trong dạy học phần di truyền học ở trường THPT chuyên*: LATS Khoa học giáo dục. Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

64. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

65. Bùi Mạnh Nhị (2006), *Các mô hình đảm bảo chất lượng giáo dục đại học trên thế giới*, Phụ lục đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Mã số: B2004-CTGD-05, Hà Nội.

66. Ngô Minh Oanh (chủ biên, 2016), *Nghiên cứu góp phần đổi mới giáo dục và đào tạo*; Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.

67. Trần Thị Tuyết Oanh (2007), *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

68. Nguyễn Đình Phan (2005), *Giáo trình quản lý chất lượng trong các tổ chức*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
69. Trần Linh Quân (2013), *Nghiên cứu xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng ở các trường cao đẳng*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Giáo dục, Đại học quốc gia, Hà Nội.
70. Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục 2005*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
71. Quốc hội (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
72. Lưu Thanh Tâm (2003), *Quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế*, Nxb ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.
73. Tôn Thân (Chủ nhiệm đề tài, 2005), *Một số giải pháp thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phân hoá, Đề tài cấp Bộ, mã số B2004-80-03*, Hà Nội.
74. Lâm Quang Thiệp (2003), *Giới thiệu về đo lường và đánh giá trong giáo dục*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
75. Nguyễn Cảnh Toàn (Chủ biên, 2004), *Học và dạy cách học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
76. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng (2004), *TCVN ISO 9001:2000, Hệ thống quản lý chất lượng - các yêu cầu*, Hà Nội.
77. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng (2004), *Hệ thống quản lý chất lượng - cơ sở và từ vựng. TCVN ISO 9001:2000,* , Hà Nội.
78. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng (2004), *Nhận thức chung về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000,* Hà Nội.
79. Nguyễn Trung Trực, Trương Quang Dũng (2000), *ISO 9000 trong dịch vụ hành chính*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
80. Nguyễn Quốc Tuấn, Trương Hồng Trình, Lê Thị Minh Hằng (2007), *Quản trị chất lượng toàn diện*, Nxb Tài chính, Đà Nẵng.

81. Phạm Ngọc Tuấn, Nguyễn Như Mai (2005), *Đảm bảo chất lượng*, Nxb ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
82. Ngô Phan Anh Tuấn (2013), *Đảm bảo chất lượng đào tạo của trung tâm dạy nghề công lập vùng đông nam bộ*, Luận án Tiến sĩ, Viện khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
83. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại: Những nội dung cơ bản*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
84. Thái Duy Tuyên (2008), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, *Nxb Giáo dục, Hà Nội.*
85. Viện Chiến lược và chương trình giáo dục (2005), *Giáo dục Việt Nam và việc gia nhập WTO, Kỷ yếu hội thảo quốc gia*, Hà Nội.
86. Viện nghiên cứu Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh (2008), *Vai trò của các tổ chức kiểm định độc lập trong kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam*, Tp. Hồ Chí Minh.
87. Phạm Viết Vượng (2001), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.
88. Trần Thị Thanh Xuân (2016), *Dạy học khám phá phần cơ sở di truyền học ở lớp chuyên sinh trung học phổ thông*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Hà Nội.
89. Từ điển Bách khoa, Nxb:Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

Tiếng Anh

90. Abd Jamil Abdulah (2000), *Giới thiệu về đảm bảo, cải tiến chất lượng khái niệm và phương pháp, FRCSEd*, Sultanah Nur Zahirah, Bang Kuala Terengganu.
91. Asean Quality Network Quality Assurance (2004), *Manual for the Implementation of the guidelines*.
92. AUQA (2006), *Enhancement of Quality Assurance Systems in Higher Education in APEC Member Economies*, Canberra.

93. Astin A. (1985), *Achieving Educational Excellence,* Jossey-Bass, San Francisco.
94. Bogue E., Saunders R. (1992), *The Evidence for Quality,* Jossey- Bass, San Francisco.
95. CHEA (2001), *Glossary of key terms in quality assurance and accreditation,* Retrieved on October 17, 2000 from the World Wide Web: http://www.chea.org/international/inter_glossary01.html
96. Crosby P. (1984), *Quality without Tears*, McGraw-Hill, New York.
97. Dorothy Myers and Robert Stonihill (1993), *School-based management* (www.ed.gov/pubs/or/consumerguide/basement.html).
98. Dr. Ali Murtaza , Dr . Abdul Majeed Khan, *Role of Teachers in Managing Teaching Learning Situation* , Institute of Interdisciplinary Business Reseach 2011, September 2011, Vol 3, No3
99. Ellis R. (1993), *Quality assurance for university teaching: Issues and approaches,* In Ellis, R. (Ed.). Quality Assurance for University Teaching, Open University, London.
100. European Quality Control Organization,
101. Freeman R. (1994), *Quality Assurance in Training and Education*, Kogan Page, London.
102. *Furtherance of the Agency of Science and Higher Education in its Quality Assurance Role and the Development of a Supporting Information System* (2007), *Report on the Survey on Internal Quality Assurance Practices in Higher Education Institutions*.
103. Green D. (1994), *What is Quality in Higher Education?,* Society for Research into Higher Education & Open University Press, Buckingham.
104. James R. Detert, Michelle E. Bauerly Kopel: *Quality Management in US High Schools*: Evidence from the Field 1, 2 Journal of school leadership

105. Harvey, L., & Green, D., (1993), *Defining quality, Assessment and Evaluation in Higher Education*, Vol.18, No.1, 9.
106. Len M.P. (2004), *Strengthening World Bank Support for Quality Assuarance and Accreditation in Higher Education in East Asia and the Pacific*, World Bank, Washington DC.
107. Len M.P. (2005), *Capacity Buiding in Higher Education and Quality Assurance in the Asia Pacific Region*, Paper presented on Asia Pacific Quality Network Meeting, 1 February 2005 in Hongkong.
108. Nancy K. Martin, Zenong Yin, Hayley Mayall, *Managing teaching and learning" - Education (School Management and Leadership), Department of Education South Africa, 2008*.
109. Norbert Michel , John Cater, Otmar Varela - Nicholls State University, *Active Versus Passive Teaching Styles : an Impirical Study of Student Learning Outcomes* ,Small Bussiness Instutite National Proceedings Vol.33, No.1, 2009
110. Paul Watson (2002), *European Foundation for Quality Management* (EFQM) xcellence Model, p.a.watson@shu.ac.uk
111. Petros Kefalas, Symeon Retalis, Demosthenes Stamatis, Kargidis Theodoros (2003), *Quality assurance* procedures and E-odl, Technological Educational Institude of Thessaloniki, Greece.
112. QA Focus team at UKOLN and AHDS (2005), *Quality Assurance Handbook*, Published by QA Focus.
113. Quality Management in US High Schools: Evidence from the Field 1, 2 Journal of school leadership
114. Quality Management and Quality Assurance, ISO 8402: 2000.
115. Ramsay. W. and Clark. E. E. (1990), New Ideas for Effective School Improvement, London: Falmer Press, Chapter 2.
116. Russo C. (1995), *ISO 9000 and Malcolm Baldrige in Training and Education: A Practical Application Guide,* Charro, Kansas City.

117. Sallis E. (1993), *Total Quality Management in Education,* Kogan Page, London.
118. Southeast Asian Ministers of Education Organization (2003), *Framework For Regional Quality Assurance,* Cooperation in Higher Education
119. Taylor, A and F Hill (1997), "*Quality management in education*" in Harris.
120. UNESCO (1991) Micro Level: Educational Plannning and Management (Handbook), UNESCO Principal Regional Office for ASIA and the Pacific, Bangkok.
121. UNESCO-IIEP, (2006), *External quality assurance: options for higher education managers*, UNESCO-IIEP, Paris.
122. Warren Piper D. (1993), *Quality Management in Universities,* AGPS, Canberra.
123. West-Burnham, J (1992), *Managing Quality in Schools*, Longman.
124. Williams P. (2008), *Higher education in Europe: current developments in quality assurance and accreditation*, http://www.chea.org/pdf/2008_SW_Peter_Williams_Presentation.pdf.
125. Wily H, (1991), School- Based Management and its Linkages with School Effectiveness, in Mckay, I. and Caldwell, B.J (Eds). Researching Educational Management Administration: Theory Practice. ACEA, Chapter 12.
126. Wilger, A., (1997), *Quality assurance in higher education: a literature review,* Stanford University, Stanford, CA.
127. Woodhouse, D., (1999), *Quality and quality assurance, Quality and Internationalisation in Higher Education*, OECD-IMHE, Paris, 29.
128. http://www.uq.edu.au/quality/
129. http://www.oxfordlearnersdictionaries.com

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phiếu khảo sát Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng:

PHIẾU KHẢO SÁT
QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG THPT CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Số phiếu:

Ngày khảo sát: ...../ ..... /.....

Thân gửi Thầy/ Cô!

Trong quá trình nghiên cứu đề tài "*Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*", chúng tôi gửi tới quý thầy, cô phiếu khảo sát, rất mong nhận được sự hợp tác của quý thầy, cô bằng cách cung cấp thông tin, ý kiến cá nhân theo bảng hỏi dưới đây.

(Các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát hoàn toàn được bảo mật và thực hiện cho mục đích nghiên cứu, khảo sát, đánh giá đề tài Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng).

Hãy đánh dấu vào cột phù hợp với ý kiến của mình.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Thầy/ Cô.

I. THÔNG TIN CHUNG

Năm sinh:.....

Giới tính:.....

Trường: .....

1. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*công tác tuyển sinh theo hướng đảm bảo chất lượng*" theo bảng dưới đây:

STT	**Nội dung khảo sát** **Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ thực hiện** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Xác định được chuẩn đầu vào (ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) của học sinh trường THPT chuyên.				
2	Tổ chức tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh theo yêu cầu đảm bảo chất lượng.				
3	Công khai tiêu chuẩn và quy trình tuyển sinh đầu vào của nhà trường đối với học sinh trường chuyên.				
4	Giám sát thực hiện quy trình tuyển sinh khách quan, công bằng theo đúng tiêu chuẩn đã xác định, đảm bảo chất lượng đầu vào.				
5	Tổ chức thực hiện tuyển sinh đúng quy trình đảm bảo chất lượng.				
6	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

2. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết về mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để đảm bảo chất lượng dạy học cao*" theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung khảo sát Quản lý người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để đảm bảo chất lượng dạy học cao.	Mức độ thực hiện (Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Chỉ đạo, phổ biến cho giáo viên hiểu quy trình, mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.				
2	Xác lập được các tiêu chí đánh giá chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên.				
3	Xây dựng và tổ chức đánh giá chất lượng giáo viên theo quy trình chuẩn của Bộ GD & ĐT.				
4	Khảo sát đánh giá, tuyển chọn giáo viên dạy môn chuyên cho phù hợp với yêu cầu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.				
5	Tổ chức bồi dưỡng giáo viên phát triển chuyên môn đáp ứng với mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.				
6	Chỉ đạo lựa chọn, mời giáo viên, chuyên gia ở các trường đại học, viện nghiên cứu… tham gia dạy học để đạt chuẩn đầu ra ở các trường THPT chuyên.				
7	Tạo ra sự phù hợp cao nhất giữa giáo viên - học sinh - nội dung chương trình để đảm bảo chất lượng dạy học.				
8	Tổ chức bố trí người dạy phù hợp theo các chuyên đề, mức độ dạy học các khối lớp ở trường chuyên để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu dạy học môn chuyên.				
9	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

3. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên*" theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung khảo sát Quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên.	Mức độ thực hiện (Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Phổ biến và quán triệt mục tiêu dạy học cho học sinh tạo động lực học tập đảm bảo mục tiêu đầu ra đối với học sinh trường THPT chuyên.				
2	Tổ chức kiểm tra, đánh giá hằng năm đối với học sinh để phân loại trình độ, chất lượng học sinh tạo ra sự phù hợp giữa học sinh với chương trình học.				
3	Hình thành phương pháp học tập chất lượng cao với học sinh để tạo ra khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo.				
4	Tạo điều kiện cho học sinh phát huy hết khả năng, năng lực cá nhân đạt được mục tiêu học tập cao nhất đặt ra đối với học sinh trường THPT chuyên.				
5	Xây dựng được tiêu chí đánh giá chất lượng học sinh.				
6	Xây dựng và thực hiện đúng quy trình khoa học đánh giá chất lượng học sinh.				
7	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

4. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết về mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng* " theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ thực hiện** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Xây dựng và quán triệt thực hiện nội dung chương trình dạy học theo đúng mục tiêu dạy học của trường THPT chuyên.				
2	Tổ chức thực hiện giảng dạy đúng chương trình dạy học chất lượng cao.				
3	Phát triển (hoàn thiện) chương trình dạy học theo hướng nâng cao chất lượng người học cập nhật và hiện đại.				
4	Thiết kế chương trình dạy học vừa đảm bảo chương trình vừa đáp ứng với chuẩn đầu vào của các trường đại học thuộc Top đầu.				
5	Tổ chức được quy trình chuẩn để phát triển và quản lý chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.				
6	Xây dựng được các tiêu chí đánh giá và điều chỉnh chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên đáp ứng mục tiêu dạy học.				
7	Tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện công tác xây dựng và điều chỉnh chương trình dạy học môn chuyên đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng.				
8	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

5. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*" theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ thực hiện** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Xây dựng các tiêu chí chất lượng về cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học đáp ứng mục tiêu dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên.				
2	Xác lập quy trình sử dụng cơ sở vật chất… để đảm bảo phục vụ tốt nhất nâng cao chất lượng dạy học môn chuyên theo yêu cầu				
3	Tổ chức bồi dưỡng nhân sự thực hiện công tác quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ tốt nhất cho dạy học chất lượng cao.				
4	Giám sát và đánh giá quy trình quản lý, sử dụng cơ sở vật chất theo yêu cầu dạy học đảm bảo chất lượng.				
5	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

6. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*thực hiện dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*" theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Quản lý thực hiện dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ thực hiện** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Xây dựng tiêu chí đánh giá dạy học môn chuyên của giáo viên theo hướng đảm bảo mục tiêu môn học.				
2	Xây dựng quy trình thực hiện dạy học để đảm bảo tốt nhất chất lượng dạy học.				
3	Xác định rõ mục tiêu dạy học môn chuyên theo yêu cầu đảm bảo chất lượng.				
4	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học phát huy cao nhất hoạt động, năng lực của học sinh.				
5	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn của giáo viên theo mục tiêu dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên.				
6	Kiểm tra đánh giá quá trình dạy học môn chuyên của giáo viên theo yêu cầu đảm bảo chất lượng.				
7	Chỉ đạo dạy học môn chuyên hướng đến nhu cầu học tập của học sinh.				
8	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

7. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết về mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*học tập môn chuyên của học sinh theo hướng đảm bảo chất lượng*" theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Quản lý học tập môn chuyên của học sinh theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ thực hiện** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Xác định các tiêu chí đánh giá học tập của học sinh theo mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.				
2	Chỉ đạo giáo viên khích lệ, củng cố thái độ, ý thức học tập, tạo "nội lực" cho hoạt động học tập đạt mục tiêu dạy học môn chuyên đặt ra.				
3	Tổ chức học tập môn chuyên của học sinh theo quy trình học tập chất lượng cao (đảm bảo chất lượng).				
4	Tổ chức học tập cho học sinh theo hướng hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu.				
5	Chỉ đạo đa dạng hoá hình thức học tập của học sinh gắn với mục tiêu dạy học và chất lượng dạy học môn chuyên.				
6	Đánh giá học tập môn chuyên cuả học sinh theo các tiêu chí đảm bảo chất lượng.				
7	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

8. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết về mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng*" theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung khảo sát Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.	Mức độ thực hiện (Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo mục tiêu dạy học (đảm bảo chất lượng).				
2	Xây dựng quy trình chuẩn đánh giá dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.				
3	Tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá dạy học môn chuyên đáp ứng yêu cầu chất lượng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên.				
4	Tổ chức kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên theo đúng quy trình đảm bảo chất lượng dạy học.				
5	Giám sát việc thực hiện quy trình đánh giá kết quả dạy học theo yêu cầu đảm bảo chất lượng dạy học, mục tiêu dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên.				
6	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

9. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*" theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ thực hiện** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Xây dựng các tiêu chí tự đánh giá dạy học môn chuyên theo mục tiêu đảm bảo chất lượng dạy học.				
2	Xây dựng quy trình tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo quy trình đảm bảo chất lượng.				
3	Tổ chức bồi dưỡng nhân sự thực hiện quy trình tự đánh giá.				
4	Giám sát việc thực hiện quy trình tự đánh giá dạy học môn chuyên theo yêu cầu đảm bảo chất lượng.				
5	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến, và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

10. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết về mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*công tác tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*" theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ thực hiện** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Xác định các tiêu chí thu thập thông tin phản hồi đối với học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.				
2	Xây dựng quy trình thu thập thông tin phản hồi theo hướng đảm bảo chất lượng học tập.				
3	Tổ chức thu thập thông tin phản hồi về đánh giá dạy học của trường THPT chuyên theo mục tiêu dạy học đã được xác định.				
4	Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng học tập đã đạt được và chưa đáp ứng yêu cầu theo hướng đảm bảo chất lượng (mục tiêu dạy học).				
5	Sử dụng thông tin phản hồi để điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp dạy học của nhà trường THPT chuyên.				
6	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

11. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*công tác theo dõi việc học tập của các cựu học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*" theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Quản lý công tác theo dõi việc học tập của các cựu học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên.**	**Mức độ thực hiện** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Tổ chức thu thập thông tin về kết quả học tập của cựu học sinh theo mục tiêu và thích ứng được với quá trình học tập ở các trường đại học.				
2	Thiết lập được mối liên hệ giữa trường THPT chuyên với hệ thống các trường đại học.				
3	Đối chiếu sản phẩm đầu ra (học sinh tốt nghiệp) với mục tiêu dạy học (kết quả học tập) của trường THPT chuyên.				
4	Sử dụng thông tin phản hồi của cựu học sinh để điều chỉnh các thành tố của quá trình dạy học ở trường THPT chuyên.				
5	Tổ chức bồi dưỡng giáo viên thực hiện quy trình thu thập thông tin phản hồi.				
6	Tổ chức cho học sinh đã tốt nghiệp tự đánh giá (đạt được, chưa đạt được) đối chiếu với mục tiêu dạy học của trường THPT chuyên.				
7	Định kỳ tự đánh giá và đề ra biện pháp cải tiến và kế hoạch thực hiện cải tiến.				

12. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết về mức độ thực hiện của các chỉ báo yếu tố quản lý "*Mức độ thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên trong học tập ở các trường đại học theo hướng đảm bảo chất lượng*" theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung khảo sát Mức độ thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên trong học tập ở các trường đại học.	Mức độ thực hiện (Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Đáp ứng yêu cầu về kiến thức.				
2	Đáp ứng yêu cầu về ý thức, thái độ học tập.				
3	Đáp ứng yêu cầu về phương pháp học tập.				
4	Thích ứng được với môi trường học tập trong các trường đại học.				
5	Đạt kết quả cao trong học kỳ đầu của trường đại học.				

13. Quý Thầy/Cô vui lòng cho biết về mức độ anh hưởng của các chỉ báo yếu tố "*Đổi mới giáo dục hiện nay và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật*" theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung khảo sát Thực trạng ảnh hưởng của yếu tố Đổi mới giáo dục hiện nay và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng	Mức độ đánh giá (Đánh dấu x vào 1 trong 3 ô)		
		Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng
1	Chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế .			
2	Hình thành năng lực, kỹ năng cho người học.			
3	Sự bùng nổ kinh tế tri thức và phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin.			
4	Các chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nhân tài cho đất nước.			
5	Các văn bản pháp quy về dạy học và quản lý dạy học ở trường THPT chuyên (văn bản pháp quy về dạy học, cơ chế quản lý của Nhà nước với trường THPT chuyên, chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, học sinh).			

14. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết mức độ Ảnh hưởng của các chỉ báo yếu tố "*Bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương*" theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung khảo sát Thực trạng ảnh hưởng của yếu tố Bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.	Mức độ đánh giá (Đánh dấu x vào 1 trong 3 ô)		
		Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng
1	Đặc điểm sự phát triển kinh tế - chính trị - văn hoá.			
2	Trình độ dân trí của địa phương.			
3	Sự quan tâm của chính quyền địa phương.			
4	Nhu cầu học tập và sự quan tâm đến học tập của dân cư.			
5	Phong tục tập quán của địa phương.			

15. Quý Thầy/Cô vui lòng cho biết về mức độ Ảnh hưởng của các chỉ báo yếu tố "*Môi trường sư phạm ở trường THPT chuyên*" theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung khảo sát Thực trạng ảnh hưởng của yếu tố Môi trường sư phạm ở trường THPT chuyên tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.	Mức độ đánh giá (Đánh dấu x vào 1 trong 3 ô)		
		Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng
1	Môi trường chuyên môn và hướng đến phát triển chuyên môn.			
2	Mối quan hệ cán bộ quản lý - giáo viên - học sinh trong trường.			
3	Mối quan hệ của nhà trường với các cơ sở giáo dục đại học.			
4	Văn hoá tổ chức trong nhà trường			
5	Điều kiện cơ sở vật chất, môi trường xã hội (tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi).			

16. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết mức độ Ảnh hưởng của các chỉ báo yếu tố "*Trình độ quản lý của cán bộ quản lý nhà trường*" theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Thực trạng ảnh hưởng của yếu tố Trình độ quản lý của cán bộ quản lý nhà trường tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ đánh giá (Đánh dấu x vào 1 trong 3 ô)**		
		Ảnh hưởng nhiều	**Ảnh hưởng ít**	**Không ảnh hưởng**
1	Định hướng, tầm nhìn và chỉ đạo của nhà quản lý.			
2	Trình độ, năng lực quản trị hành chính của nhà quản lý.			
3	Trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm của nhà quản lý.			

Trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 2: Phiếu khảo sát Thực trạng dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng:

PHIẾU KHẢO SÁT

THỰC TRẠNG DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG THPT CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Số phiếu:

Ngày khảo sát: ...../ ..... /.....

Thân gửi Thầy/ Cô!

Trong quá trình nghiên cứu đề tài "*Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*", chúng tôi gửi tới quý thầy, cô phiếu khảo sát, rất mong nhận được sự hợp tác của quý thầy, cô bằng cách cung cấp thông tin theo bảng hỏi dưới đây.

(Các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát hoàn toàn được bảo mật và thực hiện cho mục đích nghiên cứu, khảo sát, đánh giá của đề tài Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng).

Hãy đánh dấu vào cột phù hợp với ý kiến của mình.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Thầy/ Cô.

I. THÔNG TIN CHUNG

Năm sinh:.....

Giới tính:.....

Trường: .....

1. Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết về mức độ đạt được của các chỉ báo về *"Mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng"* theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ đạt được** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Tạo điều kiện cho học sinh phát triển năng khiếu.				
2	Đảm bảo nội dung chương trình giáo dục THPT.				
3	Học tập chuyên sâu kiến thức môn chuyên nhằm phát triển năng khiếu.				
4	Tạo nguồn có chất lượng cao cho các trường đại học.				
5	Góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.				
6	Phát triển các kỹ năng, phương pháp và thái độ học tập (tự nghiên cứu, năng lực hoạt động khoa học, hoạt động xã hội...)				

2. Quý Thầy/ Cô vui lòng đánh giá mức độ đạt được của các chỉ báo về *"Nội dung dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng"* theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Nội dung dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ đạt được** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Mức độ thực hiện nội dung dạy học môn chuyên theo "Chương trình, SGK nâng cao và chuyên đề chuyên sâu do Bộ GD&ĐT biên soạn".				
2	Kiến thức đang giảng dạy đã đáp ứng yêu cầu của kỳ thi HSG Quốc gia ở mức độ nào.				
3	Nội dung dạy học môn chuyên dựa vào "Kết hợp cả chương trình cơ bản và chương trình nâng cao; chuyên đề chuyên sâu do Bộ GD&ĐT biên soạn và tài liệu chuyên sâu do Giáo viên tự biên soạn" đáp ứng mục tiêu dạy học môn chuyên ở mức độ nào.				
4	Kiến thức đang giảng dạy dựa vào "Kết hợp cả chương trình cơ bản và chương trình nâng cao; chuyên đề chuyên sâu do Bộ GD&ĐT biên soạn và tài liệu chuyên sâu do Giáo viên tự biên soạn" đáp ứng yêu cầu của kỳ thi HSG Quốc gia ở mức độ nào.				
5	Nội dung kiến thức đang giảng dạy có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành ở mức độ nào.				
6	Nội dung môn học đã thúc đẩy tự học, tự nghiên cứu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của học sinh ở mức độ nào.				

3. Quý Thầy/ Cô vui lòng đánh giá mức độ đạt được của các chỉ báo về *"Hình thức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng"* theo bảng dưới đây:

TT	**Nội dung khảo sát** **Hình thức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.**	**Mức độ đạt được** **(Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)**			
		Tốt	**Khá**	**TB**	**Yếu**
1	Dạy kiến thức cơ bản tập trung theo đơn vị lớp.				
2	Dạy phân hoá theo nhóm học sinh và cho từng đối tượng học sinh.				
3	Giáo viên sử dụng nhiều loại hình thức: Trắc nghiệm tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, thảo luận, thực nghiệm, thuyết trình… để đánh giá chính xác, khách quan khả năng của học sinh.				
4	Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học.				
5	Tương tác giữa giáo viên và học sinh về nội dụng môn học thông qua hình thức trao đổi tin nhắn, Email…				
6	Giao bài tập, xây dựng chuyên đề cho học sinh về nhà tự nghiên cứu và trình bày trước lớp.				

4. Quý Thầy/ Cô vui lòng đánh giá mức độ đạt được của các chỉ báo về *"Phương pháp dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng"* theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung khảo sát Phương pháp dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng	Mức độ đạt được (Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Phương pháp dạy học truyền thống: thuyết trình, đàm thoại, luyện tập…				
2	Phương pháp dạy học toàn lớp, dạy học nhóm, và dạy học cá nhân.				
3	Phương pháp dạy học theo tình huống, theo giải quyết vấn đề, theo định hướng hành động…				
4	Phương pháp dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo.				
5	Phương pháp dạy học đặc thù bộ môn.				
6	Kết hợp đa dạng phương pháp dạy học.				

5. Quý Thầy/ Cô vui lòng đánh giá mức đáp ứng được của các chỉ báo về *"Cơ sở vật chất cho dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng"* theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung khảo sát Cơ sở vật chất cho dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.	Mức độ đạt được (Đánh dấu x vào 1 trong 4 ô)			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Đảm bảo phòng học, điều kiện hỗ trợ theo tiêu chuẩn quy định của Bộ.				
2	Đảm bảo thiết bị đủ, hiện đại và phù hợp với dạy học môn chuyên.				
3	Đảm bảo phương tiện, đồ dùng dạy học đủ, phù hợp với môn học và phát triển năng lực tư duy cho HS.				
4	Tài liệu học tập, nghiên cứu phục vụ cho dạy học môn chuyên phù hợp, phong phú và đa dạng.				

Trân trọng cám ơn!

Phụ lục 3: Phiếu khảo sát mức độ cần thiết và tính khả thi:

PHIẾU KHẢO SÁT
MỨC ĐỘ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN Ở TRƯỜNG THPT CHUYÊN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Số phiếu:

Ngày khảo sát:...../...../.....

Thân gửi Thầy/ Cô!

Trong quá trình nghiên cứu đề tài "*Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*", chúng tôi xin gửi tới quý thầy, cô phiếu khảo sát mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp *Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*, rất mong nhận được sự hợp tác của quý thầy, cô bằng cách cung cấp thông tin, ý kiến cá nhân theo bảng hỏi dưới đây.

(Các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát hoàn toàn được bảo mật và thực hiện cho mục đích nghiên cứu, khảo sát, đánh giá đề tài Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng).

Hãy đánh dấu vào cột phù hợp với ý kiến của mình.

I. THÔNG TIN CHUNG

Năm sinh:.....

Giới tính: .....

Trường: .....

Quý Thầy/ Cô vui lòng đánh giá ý kiến về sự cần thiết và tính khả thi theo bảng dưới đây:

STT	Nội dung	Ý kiến đánh giá (Đánh dấu x vào lựa chọn)					
		Sự cần thiết			Tính khả thi		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
1	Tổ chức tuyển sinh đảm bảo tuyển chọn khách quan và chất lượng học sinh từng môn chuyên						
2	Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng						
3	Tổ chức khai thác nguồn lực và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học môn chuyên đáp ứng mục tiêu của trường trung học phổ thông chuyên						
4	Xây dựng quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng						
5	Kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên theo quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng						
6	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng						

	đảm bảo chất lượng						
7	Tổ chức trưng cầu ý kiến cựu học sinh môn chuyên để xác định hiệu quả đào tạo và cải tiến dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng						
8	Xây dựng tập thể sư phạm trường chuyên theo tinh thần tổ chức biết học hỏi						
9	Xây dựng môi trường học tập kết hợp với điều kiện cụ thể của địa phương hướng tới đảm bảo chất lượng dạy học						

Phụ lục 4: Phiếu khảo sát mức độ thực hiện quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên Nguyễn Trãi - Hải Dương

PHIẾU KHẢO SÁT

MỨC ĐỘ THỰC HIỆN QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN

Ở TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI - HẢI DƯƠNG

Số phiếu:

Ngày khảo sát:...../...../.....

Thân gửi Thầy/ Cô!

Trong quá trình nghiên cứu đề tài "*Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*", chúng tôi xin gửi tới quý thầy, cô phiếu khảo sát mức độ thực hiện quản lý dạy học môn chuyên ở trường THTP chuyên, rất mong nhận được sự hợp tác của quý thầy, cô bằng cách cung cấp thông tin, ý kiến cá nhân theo bảng hỏi dưới đây.

(Các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát hoàn toàn được bảo mật và thực hiện cho mục đích nghiên cứu, khảo sát, đánh giá đề tài Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng).

Hãy đánh dấu vào cột phù hợp với ý kiến của mình.

I. THÔNG TIN CHUNG

Năm sinh: .....

Giới tính: .....

Tổ Bộ môn:.....

STT	Nội dung	Thực nghiệm	Mức độ thực hiện			
			Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng	Tổ chức các lớp tập huấn theo định kỳ, tập huấn hè tại trường;				
		Bồi dưỡng nâng cao trình độ theo hướng chuẩn hóa;				
		Bồi dưỡng các chuyên đề nâng cao năng lực cho giáo viên;				
		Cử đi tham dự các lớp tập huấn, toạ đàm, hội thảo về chuyên môn;				
		Mời chuyên gia về tập huấn các khoá ngắn và trung hạn;				
		Cử giáo viên đi học các lớp sau đại học.				
2	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng	Quán triệt tới từng tổ bộ môn, giáo viên về việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học tích cực;				
		Chọn lựa một số phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn chuyên để áp dụng;				
		Cử giáo viên đi tập huấn các khoá về đổi mới phương pháp dạy học;				
		Tổ bộ môn có lịch trao đổi nghiệp vụ về phương pháp dạy học định kỳ;				
		Tổ chức hội học, hội giảng, đánh giá, kiểm tra, giám sát việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực.				
		Môi trường dạy học có sự hợp tác giữa người dạy và người học.				

Trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 5: Phiếu khảo sát mức độ thực hiện quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên Nguyễn Trãi - Hải Dương

PHIẾU KHẢO SÁT
MỨC ĐỘ THỰC HIỆN QUẢN LÝ DẠY HỌC MÔN CHUYÊN
Ở TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI - HẢI DƯƠNG
(Sau thực nghiệm)

Số phiếu:

Ngày khảo sát:...../...../.....

Thân gửi Thầy/ Cô!

Trong quá trình nghiên cứu đề tài "*Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng*", chúng tôi xin gửi tới quý thầy, cô phiếu khảo sát mức độ thực hiện quản lý dạy học môn chuyên ở trường THTP chuyên, rất mong nhận được sự hợp tác của quý thầy, cô bằng cách cung cấp thông tin, ý kiến cá nhân theo bảng hỏi dưới đây.

(Các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát hoàn toàn được bảo mật và thực hiện cho mục đích nghiên cứu, khảo sát, đánh giá đề tài Quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng).

Hãy đánh dấu vào cột phù hợp với ý kiến của mình.

I. THÔNG TIN CHUNG

Năm sinh: .....

Giới tính: .....

Tổ Bộ môn:.....

TT	Nội dung	Thực nghiệm	Mức độ thực hiện			
			Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng	Tổ chức các lớp tập huấn theo định kỳ, tập huấn hè tại trường;				
		Bồi dưỡng nâng cao trình độ theo hướng chuẩn hóa;				
		Bồi dưỡng các chuyên đề nâng cao năng lực cho giáo viên;				
		Cử đi tham dự các lớp tập huấn, toạ đàm, hội thảo về chuyên môn;				
		Mời chuyên gia về tập huấn các khoá ngắn và trung hạn;				
		Cử giáo viên đi học các lớp sau đại học.				
2	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng	Quán triệt tới từng tổ bộ môn, giáo viên về việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học tích cực;				
		Chọn lựa một số phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn chuyên để áp dụng;				
		Cử giáo viên đi tập huấn các khoá về đổi mới phương pháp dạy học;				
		Tổ bộ môn có lịch trao đổi nghiệp vụ về phương pháp dạy học định kỳ;				
		Tổ chức hội học, hội giảng, đánh giá, kiểm tra, giám sát việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực.				
		Môi trường dạy học có sự hợp tác giữa người dạy và người học.				

Trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 6: Tổng hợp kết quả nghiên cứu

Bảng 2.6: Tổng hợp thực trạng Dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.

STT	NỘI DUNG	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Mục tiêu dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	89	35,1	105	41,4	38	14,9	22	8,6	2,95	2
2	Nội dung dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng	79	31,1	119	46,8	41	16,1	15	6,0	2,90	3
3	Hình thức dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.	74	29,1	98	38,6	65	25,6	17	6,7	2,78	5
4	Phương pháp dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng	65	25,6	39	15,4	108	42,5	42	16,5	2,96	1
5	Cơ sở vật chất cho dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng.	87	34,3	103	40,6	46	18,1	18	7,0	2,86	4

Bảng 2.11: Bảng tổng hợp thực trạng quản lý các yếu tố đầu vào theo hướng ĐBCL

TT	Quản lý các yếu tố đầu vào theo hướng ĐBCL	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Quản lý công tác tuyển sinh theo hướng ĐBCL	136	54,2	79	31,4	29	11,6	7	2,8	3,37	2
2	Quản lý người dạy môn chuyên ở trường THPT chuyên để ĐBCL dạy học cao.	98	39	87	34,7	49	19,5	17	6,8	3,06	3
3	Quản lý nội dung chương trình dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL.	75	29,9	92	36,6	65	25,9	19	7,6	2,89	4
4	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL.	83	33	98	39,1	56	22,3	14	5,6	3,56	1
5	TB Chung	98	39,0	89	35,4	50	20,0	14	5,6	3,37	

Bảng 2.17: Bảng tổng hợp Thực trạng quản lý các yếu tố quá trình dạy học theo hướng ĐBCL

STT	Thực trạng quản lý các yếu tố quá trình dạy học theo hướng ĐBCL	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Quản lý thực hiện dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL	81	32,3	89	35,4	63	25,1	18	7,2	2,93	2
2	Quản lý học tập môn chuyên của học sinh theo hướng ĐBCL	72	28,6	90	35,9	70	27,9	19	7,6	2,86	3
3	Quản lý hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL	54	21,5	95	37,8	69	27,5	33	13,2	2,68	4
4	Quản lý học sinh đáp ứng yêu cầu học tập ở trường THPT chuyên.	89	35,4	89	35,4	56	22,4	17	6,8	2,99	1
5	Quản lý công tác tự đánh giá dạy học môn chuyên của trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL	43	17,1	90	35,9	83	33,1	35	13,9	2,56	5
	TB Chung	68	27,1	91	36,3	68	27,1	24	9,5	2,80	

Bảng 2.21: Bảng tổng hợp Thực trạng quản lý các yếu tố đầu ra theo hướng ĐBCL

STT	Thực trạng quản lý các yếu tố đầu ra theo hướng ĐBCL	Tốt		Khá		TB		Yếu		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Quản lý công tác theo dõi việc học tập của các cựu học sinh sau thốt nghiệp THPT chuyên theo hướng ĐBCL	33	13,3	86	34,4	89	35,4	42	16,8	2,44	2
2	Mức độ thích ứng của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên trong học tập ở các trường đại học.	105	41,4	90	35,5	57	23,1			3,19	3
3	Tổ chức thu thập thông tin phản hồi của học sinh sau tốt nghiệp THPT chuyên theo hướng ĐBCL	28	11,2	78	31,0	92	36,6	53	21,1	2,33	1
	TB Chung	**55**	**21,9**	**85**	**33,9**	**79**	**31,5**	**32**	**12,7**	**2,65**	

Bảng 2.26: Bảng tổng hợp thực trạng quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh dạy học

STT	Thực trạng quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh dạy học	Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng ít		Không ảnh hưởng		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Thực trạng ảnh hưởng của yếu tố Đổi mới giáo dục hiện nay và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL	199	79,3	49	19,5	3	1,2	2,78	2
2	Thực trạng ảnh hưởng của yếu tố Môi trường sư phạm ở trường THPT chuyên tới dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL	191	76,1	55	21,9	5	2,0	2,74	3
3	Thực trạng ảnh hưởng của yếu tố Trình độ quản lý của cán bộ quản lý nhà trường tới dạy học môn chuyên theo hướng ĐBCL	212	84,5	37	14,7	2	0,8	2,83	3
4	Thực trạng ảnh hưởng của yếu tố kinh tế, chính trị, văn hoá của địa phương tới công tác quản lý dạy học môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL	185	73,7	63	25,0	3	1,3	2,72	1
	TB Chung	**197**	**78,5**	**51**	**20,3**	**3**	**1,2**	**2,77**	

Phụ lục 7: Tương quan tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Bảng 3.2: Tương quan tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

STT	Nội dung	Tính cần thiết	Tính khả thi	Thứ bậc	Thứ bậc	Hiệu số	
		$\bar{X}$	$\bar{Y}$	$\bar{X}$	$\bar{Y}$	D	D^2
1	Tổ chức tuyển sinh đảm bảo tuyển chọn khách quan và chất lượng học sinh từng môn chuyên	2.66	2.53	2	2	0	0
2	Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng	2.76	2.60	1	1	0	0
3	Tổ chức khai thác nguồn lực và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học môn chuyên đáp ứng mục tiêu của trường trung học phổ thông chuyên	2.55	2.52	7	3	4	16
4	Xây dựng khung tham chiếu quản lý dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng	2.57	2.49	6	4	2	4
5	Xây dựng các bộ thủ tục quy trình thực hiện nội dung công việc quản lý dạy học môn chuyên theo khung tham chiếu.	2.52	2.41	8	6	2	4
6	Xây dựng quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng	2.60	2.47	4	5	-1	1
7	Kiểm tra đánh giá dạy học môn chuyên theo quy trình quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên theo hướng đảm bảo chất lượng	2.58	2.38	5	8	-3	9
8	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng	2.65	2.53	3	2	1	1
9	Tổ chức trưng cầu ý kiến cựu học sinh môn chuyên để xác định hiệu quả đào tạo và cải tiến dạy học môn chuyên theo hướng đảm bảo chất	2.33	2.34	10	9	1	1

	lượng						
10	Xây dựng tập thể theo tinh thần tổ chức biết học hỏi và văn hoá chất lượng trong quản lý dạy học môn chuyên ở trường trung học phổ thông chuyên	2.51	2.49	9	4	5	25
11	Xây dựng môi trường học tập kết hợp với điều kiện cụ thể của địa phương hướng tới đảm bảo chất lượng dạy học	2.52	2.39	8	7	1	1

Phụ lục 8: **Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng.**

Bảng 3.3: Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dạy môn chuyên theo yêu cầu nâng cao chất lượng.

Nội dung	Trước thực nghiệm					Sau thực nghiệm					
	Tốt (3)	Khá (2)	TB (1)	Yếu (0)	TBC	Tốt (3)	Khá (2)	TB (1)	Yếu (0)	TBC	Độ lệch
ND1	17	21	9	2	3.08	25	19	5	0	2.41	0.33
ND2	13	22	12	3	2.96	25	20	4	0	2.43	0.49
ND3	15	20	11	3	2.96	26	18	5	0	2.43	0.47
ND4	16	19	12	3	3.02	23	20	6	0	2.34	0.34
ND5	18	21	8	2	3.12	26	19	4	0	2.44	0.44
ND6	18	19	8	3	3.02	28	17	4	0	2.48	0.44

Ghi chú:

ND 1: Tổ chức các lớp tập huấn theo định kỳ, tập huấn hè tại trường;

ND 2: Bồi dưỡng nâng cao trình độ theo hướng chuẩn hóa;

ND 3: Bồi dưỡng các chuyên đề nâng cao năng lực cho giáo viên;

ND 4: Cử đi tham dự các lớp tập huấn, toạ đàm, hội thảo về môn chuyên;

ND 5: Mời chuyên gia về tập huấn các khoá ngắn và trung hạn;

ND 6: Cử giáo viên đi học các lớp sau đại học;

Phụ lục 9: Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng

Bảng 3.4: Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng

Nội dung	Trước thực nghiệm					Sau thực nghiệm					
	Tốt (3)	Khá (2)	TB (1)	Yếu (0)	TBC	Tốt (3)	Khá (2)	TB (1)	Yếu (0)	TBC	Độ lệch
ND1	22	19	5	0	3.16	25	20	4	0	3.43	0.27
ND2	21	17	9	2	3.16	29	19	2	0	3.61	0.45
ND3	18	20	8	3	3.08	22	23	4	0	3.37	0.29
ND4	20	21	6	2	3.20	26	20	3	0	3.47	0.27
ND5	19	19	8	3	3.10	26	19	4	0	3.31	0.21
ND6	23	18	7	1	3.29	27	18	4	0	3,47	0.18

Ghi chú

ND1: Chất lượng giờ học thay đổi;

ND2: Học sinh chủ động, tích cực hơn;

ND3: Mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh tốt hơn;

ND4: Học sinh có nhiều cơ hội phát huy năng khiếu môn chuyên;

ND5: Phong trào dạy tốt, học tốt được biểu hiện tốt hơn.

ND6: Môi trường dạy học có sự hợp tác giữa người dạy và người học.

Phụ lục 10: Số liệu chuẩn nghề nghiệp của trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Trãi

Bảng 3.5: Số liệu chuẩn nghề nghiệp của trường trung học phổ thông chuyên Nguyễn Trãi

Năm học	CBQL						Giáo viên					
	Số lượng	NCS	Thạc sĩ	Đại học	Đánh giá HT, PHT theo chuẩn		Số lượng	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp	
					Xuất sắc	Khá					Xuất sắc	Khá
2014-2015	4	1	3	0	4	0	105	0	48	57	61	44
2015-2016	4	1	3	0	4	0	107	1	55	51	71	36
2016-2017	4	1	3	0	4	0	110	1	62	47	76	34

Phụ lục 11: Kết quả Khảo sát Trước và Sau dự giờ

Bảng 3.6: Kết quả phiếu dự giờ (trước thực nghiệm)

Nội dung đánh giá giờ giảng		Điểm tối đa	Trước thực nghiệm										
			GV 1	GV 2	GV 3	GV 4	GV 5	GV 6	GV 7	GV 8	GV 9	GV 10	TB
Nội dung	1. Chính xác về nội dung của bài giảng (5đ); tính khoa học của bộ môn (5đ); đúng quan điểm chính trị (5đ).	15	11.5	12	12	13.5	13	14	13	14	12.5	11	12.65
	2. Bảo đảm tính hệ thống (5đ); đủ nội dung (5đ); làm rõ trọng tâm (5đ).	15	13	13	13	14	13.5	14	13.5	14	13	12	13.3
	3. Liên hệ với thực tế (nếu có) và có tính giáo dục.	5	4	4	4	4.5	4	4.5	4	4.5	4	3.5	4.1
Phương pháp	4. Sử dụng phương pháp phù hợp với đặc thù bộ môn (10đ); phù hợp kiểu bài trên lớp (5đ).	15	12	11	12	12.5	13	14	12.5	13	12.5	11.5	12.4
	5. Kết hợp tốt các phương pháp trong các hoạt động dạy và học.	10	7.5	7	8	8	7.5	8	7	8	7	7	7.5
Phương tiện	6. Sử dụng và kết hợp tốt các phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp với nội dung của kiểu bài trên lớp.	10	8	7	8.5	8	8	8.5	7	8	7	7.5	7.75
	7. Trình bầy bảng hợp lý, chữ viết, hình vẽ, lời nói rõ ràng, chuẩn mực, giáo án hợp lý.	5	4	4.5	4	4.5	4.5	4.5	4	4.5	4	4	4.25

Tổ chức	8. Thực hiện linh hoạt các khâu trên lớp, môi trường dạy học có sự hợp tác giữa người dạy và người học.	5	4	4.5	4	4.5	4.5	4	4.5	4	4	4.5	4.25
	9. Tổ chức và điều khiển học sinh học tập tích cực, chủ động phù hợp với nội dung của kiểu bài (5đ); học sinh có cơ hội phát huy năng khiếu môn chuyên (5đ).	10	7	8	7.5	8	7	6.5	7.5	7	7	7.5	7.3
Kết quả	10. Chất lượng giờ học thay đổi (học sinh hiểu bài, nắm vững trọng tâm, biết vận dụng kiến thức, có khả năng tự học, tự nghiên cứu).	10	7	8	7	8	7.5	7	7	7.5	8	7.5	7.45
Tổng		100	78	79	80	85.5	82.5	85	80	84.5	79	76	80.95

Bảng 3.7: Kết quả phiếu dự giờ (sau thực nghiệm)

Nội dung đánh giá giờ giảng		**Điểm tối đa**	**Sau thực nghiệm**										
			GV 1	**GV 2**	**GV 3**	**GV 4**	**GV 5**	**GV 6**	**GV 7**	**GV 8**	**GV 9**	**GV 10**	**TB**
Nội dung	1. Chính xác về nội dung của bài giảng (5đ); tính khoa học của bộ môn (5đ); đúng quan điểm chính trị (5đ).	**15**	13	14	14	14.5	14	13	14	14.5	13.5	13	**13.75**
	2. Bảo đảm tính hệ thống (5đ); đủ nội dung (5đ); làm rõ trọng tâm (5đ).	**15**	14	13.5	13.5	14	14	13.5	14	14	13.5	13.5	**13.75**

	3. Liên hệ với thực tế (nếu có) và có tính giáo dục.	**5**	4.5	4	4.5	4.5	4	4	4.5	4.5	4	4	**4.25**
Phương pháp	4. Sử dụng phương pháp phù hợp với đặc thù bộ môn (10đ); phù hợp kiểu bài trên lớp (5đ).	**15**	13.5	13	14	14.5	14	14.5	13.5	14	13.5	13	**13.75**
	5. Kết hợp tốt các phương pháp trong các hoạt động dạy và học.	**10**	8	7	8	8.5	8.5	9	8	9	8.5	8	**8.25**
Phương tiện	6. Sử dụng và kết hợp tốt các phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp với nội dung của kiểu bài trên lớp.	**10**	8.5	8	9	8.5	8.5	8	8.5	8	8	8.5	**8.35**
	7. Trình bầy bảng hợp lý, chữ viết, hình vẽ, lời nói rõ ràng, chuẩn mực, giáo án hợp lý.	**5**	4	4.5	4	4.5	4.5	4	4.5	4	4	4.5	**4.25**
Tổ chức	8. Thực hiện linh hoạt các khâu trên lớp, môi trường dạy học có sự hợp tác giữa người dạy và người học.	**5**	4	4.5	4	4.5	4.5	5	4	4.5	4.5	4	**4.75**
	9. Tổ chức và điều khiển học sinh học tập tích cực, chủ động phù hợp với nội dung của kiểu bài (5đ); học sinh có cơ hội phát huy năng khiếu môn chuyên (5đ).	**10**	8	8.5	8	8	7.5	7.5	8	8.5	8	8,5	**8.05**
Kết quả	10. Chất lượng giờ học thay đổi (học sinh hiểu bài, nắm vững trọng tâm, biết vận dụng kiến thức, có khả năng tự học, tự nghiên cứu).	**10**	8	8.5	8	8.5	9	8	8.5	8.5	8	8.5	**8.35**
Tổng		**100**	85.5	85.5	87	90	88.5	86.5	87.5	89.5	85.5	85.5	**87.5**

Phụ lục 12: Phiếu dự giờ tiết dạy

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày tháng năm 2017

PHIẾU DỰ GIỜ TIẾT DẠY

(Dùng để đánh giá tiết dạy của GV dạy môn chuyên trường THPT chuyên Nguyễn Trãi)

Họ và tên người dạy:

Môn:

Bài dạy:

Lớp: Tiết:

Ngày dạy:

Các mặt	Yêu cầu	Điểm tối đa	Điểm đạt
Nội dung	1. Chính xác về nội dung của bài giảng (5đ); tính khoa học của bộ môn (5đ); đúng quan điểm chính trị (5đ).	15	
	2. Bảo đảm tính hệ thống (5đ); đủ nội dung (5đ); làm rõ trọng tâm (5đ).	5	
	3. Liên hệ với thực tế (nếu có) và có tính giáo dục.	5	
Phương pháp	4. Sử dụng phương pháp phù hợp với đặc thù bộ môn (10đ); phù hợp kiểu bài trên lớp (5đ).	5	
	5. Kết hợp tốt các phương pháp trong các hoạt động dạy và học.	10	
Phương tiện	6. Sử dụng và kết hợp tốt các phương tiện, thiết bị dạy học phù hợp với nội dung của kiểu bài trên lớp.	10	
	7. Trình bầy bảng hợp lý, chữ viết, hình vẽ, lời nói rõ ràng, chuẩn mực, giáo án hợp lý.	5	
Tổ chức	8. Thực hiện linh hoạt các khâu trên lớp, môi trường dạy học có sự hợp tác giữa người dạy và người học.	5	
	9. Tổ chức và điều khiển học sinh học tập tích cực, chủ động phù hợp với nội dung của kiểu bài (5đ); học sinh có cơ hội phát huy năng khiếu môn chuyên (5đ).	10	

Kết quả	10. Chất lượng giờ học thay đổi (học sinh hiểu bài, nắm vững trọng tâm, biết vận dụng kiến thức, có khả năng tự học, tự nghiên cứu).	10	
Tổng cộng		100	

Xếp loại:

-

-

-

Người dạy Người dự giờ

Phụ lục 13: Khung tham chiếu QLDH môn chuyên ở trường THPT chuyên theo hướng ĐBCL

STT	Danh mục lý quản	Hoạt động quản lý cần thực hiện	Chủ thể quản lý	Sản phẩm
A	Quản lý Đầu vào			
1	*Công tác tuyển sinh* 1. Xây dựng các văn bản có liên quan đến tuyển sinh: - Xây dựng quy chế tuyển sinh; - Xác định chỉ tiêu tuyển sinh; - Xây dựng kế hoạch tuyển sinh; - Thành lập hội đồng tuyển sinh; - Xây dựng các văn bản thủ tục liên quan đến coi thi, chấm thi, xét tuyển. 2. Tổng hợp danh sách trúng tuyển. 3. Xây dựng báo cáo tuyển sinh. 4. Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh tiến hành công tác thanh tra. 5. Căn cứ vào danh sách trúng tuyển dự thảo phân công lớp.	1. Nhà trường phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng: - Xây dựng quy chế tuyển sinh; - Thành lập hội đồng tuyển sinh; Tổng hợp danh sách trúng tuyển. - Xây dựng báo cáo tuyển sinh. - Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh tiến hành công tác thanh tra. - Lãnh đạo giao cho cán bộ chuyên trách soạn thảo, trình lãnh đạo xem xét, thống nhất về văn bản tuyển sinh: - Xác định chỉ tiêu tuyển sinh - Xây dựng kế hoạch tuyển sinh - Xây dựng các văn bản thủ tục liên quan đến coi thi, chấm thi, xét tuyển - Xác định chỉ tiêu tuyển sinh - Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về các yêu cầu/ tiêu chí và quy trình sơ tuyển, thi tuyển, phúc khảo,… - Tổ chức xét duyệt các thí sinh có Hạnh kiểm, học lực, kết quả tốt nghiệp từ loại Khá trở lên; - Quy trình cụ thể bắt đầu từ việc kiểm tra hồ sơ, công bố kết quả sơ tuyển,… - Tổ chức công khai Kế hoạch thi tuyển; - Tổ chức kỳ thi đầu vào nghiêm túc, khách quan, trung thực.	- Trường THPT chuyên - Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan	- Quy chế tuyển sinh. - Kế hoạch - Các quyết định - Danh sách học sinh

		- Nhà trường chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị... phục vụ cho kỳ thi. - Nhà trường phối hợp với các đơn vị chức năng của địa phương thực hiện công tác tuyên truyền, đảm bảo an ninh, trật tự... cho kỳ thi.		
2	*Người dạy môn chuyên* - Tuyển chọn giáo viên dạy môn chuyên cho phù hợp với yêu cầu - Phương pháp dạy học đa dạng, tích cực - Sử dụng phương tiện dạy học - Về việc tự học, tự nghiên cứu và năng lực phát triển chương trình và tài liệu dạy học - Mời chuyên gia về giảng dạy	1. Phổ biến mục tiêu dạy học môn chuyên. 2. Tổ chức tuyển chọn, đánh giá giáo viên giảng dạy từng môn, lớp. 3. Tổ chức bố trí người dạy phù hợp theo các chuyên đề, mức độ của các khối, lớp. 4. Tổ chức tập huấn, thao giảng, dự giờ… để nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên 5. Họp Ban chuyên môn nhà trường để thống nhất chọn lựa người dạy và phân công lớp. 6. Về đổi mới phương pháp - Quán triệt tới từng tổ bộ môn, giáo viên về yêu cầu thực hiện đổi mới phương pháp dạy học tích cực; - Yêu cầu các tổ chuyên môn và GV dạy môn chuyên xác định các phương pháp dạy học tích cực có thể vận dụng phù hợp với đặc thù môn chuyên của mình. - Bên cạnh việc cử giáo viên đi tập huấn các khoá về đổi mới phương pháp dạy học cần chủ động tổ chức sinh hoạt các chuyên đề về đổi mới PPDH trong trường. - Giao trách nhiệm cho các tổ bộ môn trong việc bồi dưỡng, quản lý và giám sát việc GV dạy môn chuyên vận dụng PPDH tích cực	- Lãnh đạo nhà trường thống nhất và triển khai công tác tuyển chọn, phân công giáo viên hằng năm. - Giao cho các Tổ trưởng phụ trách.	- Kế hoạch phân công lớp, giờ dạy cho giáo viên hằng năm.

		một cách hiệu quả. - Tổ chức cho GV trao đổi, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong việc vận dụng PPDH tích cực sáng tạo. 7. Bố trí phòng học, phòng nghỉ cho chuyên gia.		
3	*Sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học* - Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. - Quy trình sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học.	- Lập kế hoạch khai thác, sử dụng hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phù hợp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phù hợp với đặc thù từng môn chuyên. - Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng học tập đầy đủ, phù hợp với từng môn chuyên và theo hướng hiện đại. - Yêu cầu GV dạy môn chuyên xây dựng ma trận các trang, thiết bị dạy học được sử dụng trong các bài thuộc chương trình dạy học môn chuyên. - Hỗ trợ GV sử dụng đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị. - Tổ chức các khoá hướng dẫn GV và HS sử dụng thư viện, trang thiết bị dạy học…; - Thống kê các trang thiết bị định kỳ để kịp thời bổ sung; - Có sự phối hợp khoa học giữa các bộ phận chuyên trách, giáo viên; - Kiểm tra, giám sát việc sử dụng trang thiết bị dạy học; - Khuyến khích giáo viên và học sinh làm các thiết bị, phương tiện, công cụ phục vụ bài học; - Định kỳ tự đánh giá và đề xuất các biện pháp để cải tiến, nâng cao chất lượng quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học môn chuyên ĐBCL đề ra. - Báo cáo với Lãnh đạo nhà trường	- Hiệu trưởng phân công giáo viên, cán bộ chuyên trách. - Cán bộ chuyên trách phụ trách công việc được giao và làm việc trực tiếp với tổ bộ môn và giáo viên.	- Biên bàn bàn giao. - Sổ theo dõi hoạt động, sử dụng trang thiết bị dạy học.

		về công việc theo định kỳ.		
B	*Quản lý Quá trình*			
4	*Quản lý dạy học môn chuyên* 1. Quy trình thực hiện dạy học môn chuyên. 2. Nội dung chương trình: - Giảng dạy đúng chương trình chuẩn (cơ bản, nâng cao và chuyên sâu). - Quản lý giờ dạy lý thuyết. - Quản lý giờ thực hành. - Phát triển chương trình. 3. Hình thức dạy học: - Theo lớp - Theo phân hoá 4. Sinh hoạt chuyên môn: - Xác định kiến thức trọng tâm của bài học. - Rà soát việc thực hiện phân phối chương trình, tiến độ chương trình. - Kiểm tra - đánh giá quá trình dạy học môn chuyên.	- Lãnh đạo phổ biến yêu cầu đến từng tổ bộ môn, từng giáo viên dạy môn chuyên; - Họp Hội đồng nhà trường để triển khai việc QLDH môn chuyên bao gồm: 1) Quản lý việc thực hiện kế hoạch dạy học môn chuyên; 2) Cơ chế quản lý việc soạn bài dạy môn chuyên theo hướng tăng cường vai trò của tổ chuyên môn và sau đó là 3) Quản lý các giờ dạy lý thuyết, thực hành và nghiên cứu khoa học của GV và HS môn chuyên; 4) Quản lý việc đánh giá quá trình và kết quả dạy học môn chuyên… - Sinh hoạt chuyên môn môn theo định kỳ, ít nhất 2 lần/ tháng. - Xây dựng, thảo luận và thống nhất việc xác lập các yêu cầu trong QLDH của từng môn; - Yêu cầu giáo viên thực hiện đúng, đầy đủ về nội dung, hình thức dạy học môn chuyên. - Kiểm tra - đánh giá quy trình dạy học môn chuyên.	- Hiệu trưởng giao cho các Phó hiệu trưởng phụ trách các tổ bộ môn. - Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý dạy học môn chuyên của GV trong tổ. - GV thực hiện đúng quy trình đã đề ra.	- Giáo án. - Sổ điểm - Sổ chủ nhiệm. - Sổ kiểm định - kế hoạch dạy học. - Sổ ghi chép và dự giờ. - Biên bản họp Tổ chuyên môn.
5	*Quản lý quá trình học tập của học sinh* 1. Tổ chức lớp 2. Tổ chức quá trình học tập môn chuyên.	- Lãnh đạo sắp xếp lớp chuyên, khối chuyên theo kết quả kỳ thi và nguyện vọng chính đáng của học sinh. - Phân công các Phó hiệu trưởng,	- Hiệu trưởng giao cho các Phó	- Sổ đầu bài - Sổ theo dõi chuyên

	3. Đa dạng hoá các hình thức học tập: - Học trên lớp. - Tự học. 4. Đa dạng hoá phương pháp học tập. 5. Xác định tiêu chí đánh giá quá trình học: - Kiến thức. - Kỹ năng. - Thái độ học tập. - Đánh giá kết quả, hạnh kiểm	tổ trưởng, giáo viên phụ trách khối, môn chuyên, lớp. - Tổ chức quy trình quản lý lớp: (Giờ học lý thuyết, thực hành, ngoại khoá, bồi dưỡng HSG). - Giao Phó hiệu trưởng, tổ trưởng thường xuyên kiểm tra về nội dung, hình thức, phương pháp dạy học của từng lớp. - Báo cáo Hiệu trưởng theo định kỳ.	hiệu trưởng phụ trách các tổ bộ môn. - Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm quản lý học tập của học sinh.	cần, thi đua học sinh. - Nội quy lớp học. - Biên bản kiểm tra. - Giấy xin phép nghỉ học.
6	*Kiểm tra - đánh giá dạy học môn chuyên* - Tiêu chí kiểm tra - đánh giá dạy học môn chuyên - Quy trình kiểm - tra đánh giá - Tổ chức kiểm tra - đánh giá - Giám sát việc kiểm tra - đánh giá	- Phổ biến mục tiêu, nguyên tắc của kiểm tra, đánh giá dạy học môn chuyên đến từng tổ bộ môn và GV dạy môn chuyên. - Tổ chức bồi dưỡng giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ trong kiểm tra, đánh giá; - Phân công cán bộ Tổ bộ môn phụ trách công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động dạy học của từng môn chuyên; - Hiệu trưởng thành lập Ban chuyên trách, giữ chức vụ trưởng ban; phân công các phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn thực hiện kiểm tra. Có nhiệm vụ: Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ GV thực hiện các công tác kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học; GV vừa có thể tự đánh giá, cùng với đánh giá của cán bộ Tổ bộ môn và giáo viên trong Tổ;	- Họp Hội đồng nhà trường để phổ biến, triển khai việc kiểm tra - đánh giá. - Hiệu trưởng là trưởng ban kiểm tra. - Phó hiệu	- Quy định về kiểm tra đánh giá. - Các biểu mẫu về kiểm tra - đánh giá. - Biên bản.

		- Tổ chức bồi dưỡng giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ trong kiểm tra, đánh giá; - Phân công cán bộ Tổ bộ môn phụ trách công tác kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động dạy học của từng môn chuyên; - Định kỳ tự đánh giá và đề xuất các biện pháp để cải tiến công tác kiểm tra - đánh giá cho phù hợp với mục tiêu đề ra.	trưởng và các tổ trưởng chuyên môn là phó trưởng ban và các uỷ viên.	
C	*Đầu ra*			
7	*Trưng cầu ý kiến cựu học sinh* - Xác định tiêu chí thông tin cần thu thập. - Quy trình thu thập thông tin. - Tổ chức thu thập thông tin. - Sử dụng thông tin thu thập.	- Xác định mục tiêu, nội dung khảo sát và biện pháp thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ những cựu học sinh. - Phân công nhiệm vụ cho GV dạy môn chuyên thông qua các hội cựu học sinh, ban liên lạc cựu học sinh… đang học ở các trường đại học để thu thập địa chỉ gửi phiếu trưng cầu ý kiến đến từng em. - Thành lập tổ chuyên trách về công tác thu thập, xử lý thông tin; - Bồi dưỡng cán bộ thực hiện thu thập và xử lý thông tin; - Thông tin được thu thập bằng nhiều cách: Phiếu khảo sát gửi trực tiếp qua bưu điện; Phiếu khảo sát gửi qua thư điện tử; Khảo sát trên trang Thông tin điện tử của nhà trường…). - Xử lý thông tin được thu thập - Điều chỉnh, cải tiến QLDH cho phù hợp hơn với nhu cầu của người học và nâng cao chất lượng dạy học môn chuyên.	- Lãnh đạo thống nhất về nội dung, kế hoạch thu thập ý kiến. - Hiệu trưởng giao cho Phó hiệu trưởng phụ trách. - GV phối hợp với Tổ chuyên trách thực hiện công việc.	- Kết quả thu thập thông tin - Đề án sử dụng thông tin thu thập để điều chỉnh QLDH môn chuyên.

D	*Bối cảnh*			
8	*Văn hoá chất lượng trong quản lý dạy học ở trường THPT chuyên* - Môi trường học thuật. - Môi trường xã hội - Môi trường nhân văn. - Môi trường văn hóa. - Môi trường tự nhiên.	- Xác lập tiêu chí về văn hoá chất lượng. - Phổ biến, tuyên truyền một cách sâu rộng, cụ thể đến mọi thành viên và tổ chức của nhà trường, bằng nhiều hình thức (website, bảng tin, họp). - Triển khai thực hiện các hoạt động ĐBCL đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, và học sinh; triển khai đồng bộ giữa các đơn vị, tổ chức, đoàn thể, cá nhân. - Kiểm tra, đánh giá tuân thủ nguyên tắc giúp cá nhân, tổ chức: nhận ra ưu điểm, tồn tại, từ đó có biện pháp kịp thời và phù hợp để phát huy ưu điểm, khắc phục tồn tại, tiếp tục hành động để đạt kết quả cao hơn. - Công khai thông tin. - Định kỳ rà soát để có cơ sở điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện về văn hoá chất lượng.	- Cán bộ lãnh đạo, GV, nhân viên, học sinh và các đối tác bên ngoài.	- Quy chế về văn hoá chất lượng trong nhà trường.
9	- *Xây dựng tập thể sư phạm trường chuyên theo tinh thần tổ chức biết học hỏi* - Tập thể đoàn kết. - Xây dựng văn hoá nhà trường.	- Xây dựng kế hoạch (chiến lược/ tầm nhìn) được các giáo viên tham gia xây dựng và nhất trí về nội dung. - Phổ biến đến đội ngũ giáo viên: Công việc của bản thân; Công việc của Tổ chuyên môn; văn hoá nhà trường; - Khuyến khích từng thành viên trong nhà trường sáng tạo, đổi mới cách nghĩ, cách làm nhằm nâng cao hiệu quả công việc. - Thực hiện tốt văn hoá nhà trường thông qua việc theo dõi, đánh giá…; - Minh bạch, công khai các hoạt động.	- Lãnh đạo nhà trường - Các Tổ chuyên môn và GV.	- Quy chế làm việc của nhà trường.

10	*Xây dựng môi trường học tập kết hợp với điều kiện cụ thể của địa phương* - Tạo được điều kiện tốt nhất cho dạy và học môn chuyên (QLDH môn chuyên). - Xây dựng xã hội học tập.	- Tuyên truyền với cộng đồng về sứ mệnh, tầm nhìn, những giá trị cốt lõi của trường THPT chuyên; - Góp ý hoàn thiện các vấn đề về cơ chế cho trường THPT chuyên; - Phát huy nhu cầu học tập và sự quan tâm đến học tập của cộng đồng; - Tận dụng các ưu thế về điều kiện kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương; - Tổ chức các chương trình hoạt động phối hợp giữa các đơn vị, tổ chức với nhà trường; - Đóng góp ý kiến, kiến nghị để xây dựng môi trường xã hội học tập.	- Nhà trường và cơ quan chức năng và cộng đồng.	- Biên bản ghi nhận và hợp tác.

Phụ lục 14: Các bộ thủ tục quy trình thực hiện

TT	Tên các thủ tục quy trình thực nội dung công việc theo khung tham chiếu	Ghi chú
	Đầu vào	
	Quy chế tuyển sinh	
	- Quy chế tuyển sinh; - Chỉ tiêu tuyển sinh; - Kế hoạch tuyển sinh; - Thành lập hội đồng tuyển sinh; - Xây dựng các văn bản thủ tục liên quan đến coi thi, chấm thi, xét tuyển. - Thông báo tuyển sinh. - Kiểm tra - gián sát, thanh tra.	
	Người dạy môn chuyên	
	- Tuyển chọn giáo viên dạy môn chuyên. - Bố trí người dạy phù hợp theo các chuyên đề, mức độ của các khối, lớp. - Họp Ban chuyên môn nhà trường để thống nhất chọn lựa người dạy và phân công lớp. - Hội thao, hội giảng - Cử giáo viên đi tập huấn các khoá về đổi mới	
	Sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	
	Quy trình sử dụng cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học.	
	Quá trình	
	Quản lý dạy học môn chuyên	
	- Nội dung chương trình: - Hình thức dạy học: - Sinh hoạt chuyên môn:	

	- Kiểm tra - đánh giá quá trình dạy học môn chuyên.	
	Quản lý quá trình học tập của học sinh	
	- Tổ chức và quản lý lớp - Quản lý quá trình học tập - Hình thức học tập: - Phương pháp học tập. - Đánh giá kết quả, hạnh kiểm	
	Kiểm tra - đánh giá dạy học môn chuyên	
	- Tổ chức và thực hiện kiểm tra - đánh giá - Giám sát việc kiểm tra - đánh giá	
	Đầu ra	
	Trưng cầu ý kiến cựu học sinh	
	- Tổ chức thu thập thông tin. - Sử dụng thông tin thu thập.	
	Đánh giá và cải tiến	
	- Đánh giá nội bộ	
	- Thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy học	
	- Hoạt động khắc phục	
	- Phòng ngừa	
	- Cải tiến	

Các thủ tục quy trình thực nội dung công việc theo khung tham chiếu

1. Tuyển sinh

THÔNG BÁO VÀ HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI NĂM HỌC 2017-2018

Đề nghị các bậc cha mẹ học sinh và các em học sinh đọc kĩ hướng dẫn này trước khi khai hồ sơ để quyết định lựa chọn nguyện vọng thi phù hợp, vừa sức (vì sau khi thi, mọi việc chuyển đổi nguyện vọng học đều không thực hiện được).

I- SỐ LƯỢNG TUYỂN:

I. NĂM HỌC 2017 - 2018, trường THPT chuyên Nguyễn Trãi Tỉnh Hải Dương **(sau đây gọi tắt trường chuyên Nguyễn Trãi)** được tuyển 11 lớp chuyên gồm: Toán, Tin, Lý, Hoá, Sinh, Văn, Sử, Địa, Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp (lưu ý: lớp Toán và lớp Tin độc lập nhau, không có lớp chuyên Toán–Tin) và 1 lớp công lập không chuyên (ban cơ bản). Số lượng tuyển mỗi lớp chuyên 35 học sinh, lớp không chuyên 40 học sinh. Mỗi thí sinh được đăng ký dự thi tối đa 02 môn chuyên (không cùng buổi thi). Thí sinh dự thi môn chuyên nào được đăng ký xét tuyển vào lớp chuyên đó. Riêng thí sinh dự thi môn chuyên Toán được đăng ký thêm nguyện vọng xét tuyển vào lớp chuyên Tin. Thí sinh dự thi môn chuyên Tiếng Anh được đăng ký thêm nguyện vọng xét tuyển vào lớp chuyên Tiếng Pháp, chuyên Tiếng Nga (nhưng không vượt quá 3 nguyện vọng vào 3 lớp chuyên). **Ngoài ra thí sinh được đăng ký một nguyện vọng xét tuyển vào lớp không chuyên của trường chuyên Nguyễn Trãi và một nguyện vọng xét tuyển vào một trường THPT công lập không chuyên.** Nếu thí sinh không trúng tuyển tất cả các nguyện vọng chuyên và nguyện vọng công lập của trường chuyên Nguyễn Trãi thì kết quả 3 bài thi Văn, Toán, Tiếng Anh được chuyển sang để xét vào các trường THPT công lập khác trong tỉnh **bình đẳng** như các học sinh trực tiếp dự thi vào các trường THPT đó.

Ví dụ: Học sinh A đăng kí như sau:

Nguyện vọng 1: Chuyên Toán; Nguyện vọng 2: Chuyên Tin; Nguyện vọng 3: Chuyên Lý; Nguyện vọng 4: Lớp A1 trường chuyên Nguyễn Trãi; Nguyện vọng 5: Trường THPT Hồng Quang. Khi xét tuyển sẽ ưu tiên theo thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng kí. Nếu không trúng tuyển cả 3 nguyện vọng chuyên thì sẽ được xét vào lớp A1 trường chuyên Nguyễn Trãi, nếu không trúng tuyển vào lớp A1 trường chuyên Nguyễn Trãi thì sẽ

được xét vào trường THPT Hồng Quang, cách xét bình đẳng như các thí sinh trực tiếp dự thi vào trường THPT Hồng Quang.

II- ĐIỀU KIỆN DỰ THI: Học sinh được tham gia dự thi khi có đủ các điều kiện sau:

- Học sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương;

- Tuổi của học sinh dự tuyển: thực hiện theo quy định hiện hành của Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường THPT có nhiều cấp học.

- Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các cấp THCS đạt từ **Khá** trở lên.

- Xếp loại tốt nghiệp THCS từ **Khá** trở lên.

III- MÔN THI: Môn thi: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và môn chuyên; trong đó Toán, Văn, Tiếng Anh chung đề với đề thi vào trường THPT công lập toàn tỉnh.

IV- THỜI GIAN LÀM BÀI:

+ Các bài thi môn không chuyên: Môn Toán và môn Ngữ văn là 120 phút; môn Tiếng Anh là 60 phút;

+ Các bài thi môn chuyên: Môn Hóa học và môn Tiếng Anh là 120 phút, các môn khác là 150 phút.

V- ĐIỂM XÉT TUYỂN: (khi dự thi vào trường chuyên Nguyễn Trãi, thí sinh đạt giải Tỉnh các môn Văn hóa năm học lớp 9 được cộng điểm đối với cả lớp chuyên và lớp không chuyên, nhưng không được cộng điểm ưu tiên (con thương bình, bệnh binh, ...). Tuy nhiên, khi nộp hồ sơ thí sinh vẫn phải khai và nộp đầy đủ các giấy chứng nhận ưu tiên, đạt giải ở các lĩnh vực khác để sử dụng khi không trúng tuyển vào trường chuyên Nguyễn Trãi.

+ *Xét tuyển vào lớp chuyên*: Là tổng số điểm bài thi Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (tất cả hệ số 1) và điểm bài thi môn chuyên **(hệ số 3)** + điểm khuyến khích (nếu có);

+ *Xét tuyển vào lớp không chuyên của trường chuyên Nguyễn Trãi* (Lớp A1): Là tổng số điểm bài thi Toán và Ngữ văn (hệ số 2) và điểm bài thi môn Tiếng Anh (hệ số 1) + điểm khuyến khích (nếu có);

- **Nguyên tắc xét tuyển**: Chỉ xét tuyển đối với thí sinh được tham gia thi tuyển, đã dự thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và không có bài thi nào từ 1,0 điểm trở xuống. Điểm xét tuyển làm tròn đến chữ số thập phân thứ 2.

- ***Cách xét tuyển:*** **Xét theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng chuyên, nếu không đủ điểm đỗ tất cả các nguyện vọng chuyên mới xét đến nguyện vọng Công lập**

của trường chuyên Nguyễn Trãi (nếu thí sinh đăng kí). Nếu không đỗ tất cả các nguyện vọng vào trường chuyên Nguyễn Trãi mới xét đến nguyện vọng vào trường Công lập khác trong tỉnh.

VI- PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÍ DỰ THI: Từ 08 giờ 00 ngày 12/05/2017 đến 16giờ 30 ngày 17/5/2017.

Thí sinh dự thi vào trường chuyên Nguyễn Trãi chỉ phải nộp 1 bộ hồ sơ duy nhất, trong 1 bộ hồ sơ ấy đã thể hiện rõ tất cả các nguyện vọng. Hồ sơ gồm:

- ***1 tờ đơn xin dự thi (theo mẫu, có dán ảnh cỡ 4 x 6)***

- ***Học bạ THCS bản chính (trang đầu có dán ảnh và đóng dấu giáp lai của trường THCS)***

- ***Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (bản sao hoặc bản chính phô tô công chứng).***

- ***Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời do Hiệu trưởng trường THCS cấp.***

- ***Các giấy xác nhận để hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích, bao gồm giấy chứng nhận con thương binh, bệnh binh, giấy chứng nhận đạt các giải từ cấp tỉnh trở lên, giấy chứng nhận nghề phổ thông (nếu có)***

VII- THỜI GIAN THI VÀ LỊCH THI:

Chú ý: Khi đi thi các em không cần mang theo thẻ dự thi

Ngày	Buổi sáng	Buổi chiều
01/6/2017	Thi môn: Ngữ văn 7h30: Mở bì đề thi 7h55: Giao đề thi cho thí sinh 8h00: Tính giờ làm bài Thời gian làm bài: 120 phút	Thi môn: Toán 13h30: Mở bì đề thi 13h55: Giao đề thi cho thí sinh 14h00: Tính giờ làm bài Thời gian làm bài: 120 phút
02/6/2017	Thi môn: Tiếng Anh 7h30: Mở bì đề thi 7h55: Giao đề thi cho thí sinh 8h00: Tính giờ làm bài Thời gian làm bài: 60 phút	Thi các môn chuyên: Ngữ văn, Toán, Sinh học 13h30: Mở bì đề thi 13h55: Giao đề thi cho thí sinh 14h00: Tính giờ làm bài Thời gian làm bài: 150 phút

03/6/2017	Thi các môn chuyên: Vật lý, Hoá học, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh. 7h30: Mở bì đề thi 7h55: Giao đề thi cho thí sinh 8h00: Tính giờ làm bài Thời gian làm bài: Hoá học, Tiếng Anh: 120 phút; các môn chuyên khác: 150 phút.	

<u>Chú ý:</u> <u>Đúng 14 giờ 00 phút ngày 31/5/2017</u>, tất cả các thí sinh đăng kí dự thi phải có mặt tại trường chuyên Nguyễn Trãi để xem số báo danh, phòng thi, địa điểm thi. Để tránh tình trạng thí sinh không tìm được phòng thi, nhà trường yêu cầu như sau:

1. Thí sinh tập trung tại trường chuyên Nguyễn Trãi xem số báo danh, phòng thi và thông báo của nhà trường về địa điểm thi, <u>sau đó đến từng địa điểm thi để xem danh sách niêm yết tại cửa phòng thi</u>. <u>Đặc biệt lưu ý</u>: Trong suốt các buổi thi, thí sinh chỉ có 1 số báo danh, phòng thi 3 môn chung khác với phòng thi các môn chuyên nên thí sinh phải xem cả phòng thi môn chung và phòng thi các môn chuyên. Có thể phòng thi 3 môn chung ở 1 địa điểm, phòng thi các môn chuyên lại ở địa điểm khác.

2. Nhà trường yêu cầu các thí sinh phải tự kiểm tra tất cả các thông tin cá nhân như: Họ và tên, ngày sinh, nơi sinh… đặc biệt là các nguyện vọng dự thi và các diện ưu tiên, điểm cộng khuyến khích. Nếu có sai sót phải báo ngay cho Phòng Giáo vụ nhà trường để kịp thời sửa chữa ngay trong chiều 31/5/2017. Sau ngày thi mọi sai sót muốn sửa đều không được chấp nhận.

<u>3. 15 giờ 00 ngày 31/5/2017</u>: Thí sinh dự khai mạc kì thi tại Nhà đa năng của nhà trường.

VIII- CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI VÀ TRẢ HỒ SƠ CHO CÁC THÍ SINH KHÔNG TRÚNG TUYỂN

Trường chuyên Nguyễn Trãi không gửi kết quả thi đến từng thí sinh mà niêm yết kết quả tại trường chuyên Nguyễn Trãi vào sáng 13/6/2017. Nhà trường đề nghị

100% thí sinh dự thi phải đến trường để xem kết quả thi. Nếu thí sinh trúng tuyển thì xem thông báo ngày nhập học, nếu thí sinh không trúng tuyển sẽ <u>nhận lại ngay</u> hồ sơ thi trong ngày 13/6/2017 để kịp thời nộp về các trường THPT khác, nếu thí sinh muốn phúc khảo sẽ nộp đơn và lệ phí phúc khảo ngay (vì hồ sơ phúc khảo không cần nộp kèm theo học bạ gốc và mọi thí sinh đều có quyền phúc khảo ở tất cả các môn thi). Đối với các trường hợp không trúng tuyển, <u>bắt buộc thí sinh phải nộp lại giấy biên nhận để nhà trường làm căn cứ trả lại hồ sơ.</u>

IX- CÁCH KHAI HỒ SƠ

- Lưu ý: Thí sinh khai đơn cùng 1 màu mực, không gạch xóa, tẩy hoặc sửa chữa, nếu không đăng kí hết các nguyện vọng thì phải điền chữ *"không"* vào phần "……". Phải dán ảnh cỡ 4 x 6 vào đơn (không đóng dấu giáp lai của trường THCS).

Dòng 1: Ghi họ và tên của mình **bằng chữ in hoa có dấu.**

Dòng 2: Ghi ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh

Dòng 3: Ghi hộ khẩu thường trú của thí sinh

Dòng 4: **Ghi điện thoại của bản thân, hoặc của gia đình, bố, mẹ, người thân**.

Dòng 5: Ghi năm tốt nghiệp THCS và tên trường THCS

Dòng 6: Ghi rõ tên huyện (thành phố) nơi trường THCS trực thuộc.

<u>Các dòng tiếp theo:</u> Ghi rõ diện ưu tiên, khuyến khích (nếu có):

(**<u>Ví dụ về diện ưu tiên:</u>** Con TB dưới 81%

<u>Ví dụ về diện khuyến khích:</u> Giỏi nghề + Nhì tỉnh môn Toán**)**

- Khung tiếp theo: Đánh dấu (X) vào ô chọn của xếp loại tốt nghiệp, học lực, hạnh kiểm 4 năm THCS

- <u>Phần nguyện vọng:</u> Ghi nguyện vọng của mình theo thứ tự ưu tiên vào phần "……", nếu không đăng kí hết cả 3 nguyện vọng chuyên thì phải ghi chữ "không" vào phần "……".

- Phần "Hồ sơ nộp kèm theo gồm": Thí sinh đánh dấu "X" vào những loại hồ sơ mà mình nộp.

- Cuối cùng là ghi ngày tháng, kí và ghi rõ họ tên vào phần "Thí sinh cam đoan khai đúng sự thật"

**** Chú ý: Nhà trường gửi kèm theo hướng dẫn này 1 tờ đơn dự thi khai mẫu để các bậc cha mẹ học sinh và học sinh tham khảo.***

QUI ĐỊNH VỀ CỘNG ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH, ƯU TIÊN

I- ĐỐI VỚI THÍ SINH DỰ THI VÀO TRƯỜNG CHUYÊN NGUYỄN TRÃI

Thí sinh đạt giải kì thi HSG cấp tỉnh năm học lớp 9 thì được cộng điểm vào cả lớp chuyên và lớp không chuyên. Đối với lớp chuyên thì đạt giải môn nào được cộng điểm vào lớp chuyên ấy (lớp Nga, Pháp được dùng giải của môn Tiếng Anh; Lớp Tin được dùng giải của môn Toán). Mức cộng điểm cụ thể như sau:

- Giải Nhất: cộng 8,0 điểm;
- Giải Nhì: cộng 5,0 điểm;
- Giải Ba: cộng 3,0 điểm;
- Giải Khuyến khích: cộng 1,5 điểm

II- QUI ĐỊNH ƯU TIÊN, KHUYẾN KHÍCH ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG THPT KHÁC.

1. Tuyển thẳng

a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú;

b) Học sinh là người dân tộc rất ít người;

c) Học sinh khuyết tật (có hồ sơ theo dõi từ lớp 6);

d) Học sinh đạt giải cấp quốc gia trở lên (cả giải cá nhân và đồng đội) về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học do ngành giáo dục đào tạo tổ chức.

2. Chế độ ưu tiên

a) Cộng 5 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con liệt sĩ;
- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên".
- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;
- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b) Cộng 3 điểm cho một trong các đối tượng

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%".

c) Cộng 2 điểm cho một trong các đối tượng

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

- Người dân tộc thiểu số;

- Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Chế độ khuyến khích

a) Đạt giải cá nhân trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh các bộ môn văn hoá lớp 9:

- Giải Nhất: cộng 8,0 điểm

- Giải Nhì: cộng 5,0 điểm;

- Giải Ba: cộng 3,0 điểm;

- Giải Khuyến khích: cộng 1,5 điểm

b)- Đạt giải cá nhân trong các cuộc thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng, an ninh; thi khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học do ngành giáo dục và đào tạo phối hợp với các ngành cấp tỉnh tổ chức ở cấp THCS.

+ Đạt giải nhất cấp tỉnh hoặc huy chương vàng: cộng 3,0 điểm;

+ Đạt giải nhì cấp tỉnh hoặc huy chương bạc: cộng 2,0 điểm;

+ Đạt giải ba cấp tỉnh hoặc huy chương đồng: cộng 1,0 điểm.

c) Đạt giải cá nhân trong các cuộc thi viết thư quốc tế; thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết tình huống thực tiễn dành cho học sinh trung học do ngành giáo dục và đào tạo phối hợp với các ngành cấp quốc gia tổ chức ở cấp THCS.

+ Đạt giải nhất cấp quốc gia: cộng 5,0 điểm;

+ Đạt giải nhì cấp quốc gia : cộng 3,0 điểm;

+ Đạt giải ba cấp quốc gia: cộng 2,0 điểm;

+ Đạt giải khuyến khích cấp quốc gia: cộng 1,0 điểm.

d) Học sinh được cấp chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do sở giáo dục và đào tạo tổ chức ở cấp THCS:

- Loại giỏi: cộng 1,5 điểm;
- Loại khá: cộng 1,0 điểm;
- Loại trung bình: cộng 0,5 điểm.

Những học sinh đạt nhiều giải khác nhau trong một cuộc thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của giải cao nhất.

**** Điểm cộng thêm tối đa cho các đối tượng ưu tiên, khuyến khích được cộng tối đa không quá 10,0 điểm.***

Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Giáo vụ -Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi từ ngày 12/5/2017.

Điện thoại liên hệ: 02203. 897 200

Website: *www.chuyennguyentrai.edu.vn*

HIỆU TRƯỞNG

(đã kí)

2. Quy chế làm việc

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG THPT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
CHUYÊN NGUYỄN TRÃI	**----------**
----------	*Hải Dương, ngày tháng 9 năm 2015*
Số: /QĐ-CNT	

Quy chế làm việc của trường THPT chuyên Nguyễn Trãi

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- CNT ngày tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng trường THPT chuyên Nguyễn Trãi)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định tổ chức bộ máy nhà trường, nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (sau đây gọi là Lãnh đạo trường).

2. Văn bản này được áp dụng đối với các cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với nhà trường.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Lãnh đạo trường

1. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng làm việc theo nguyên tắc kết hợp trách nhiệm của tập thể Lãnh đạo trường với việc đề cao quyền hạn và trách nhiệm cá nhân. Mọi hoạt động của Lãnh đạo trường dưới sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ các quy định của pháp luật và bảo đảm quyền, lợi ích của học sinh, giáo viên, nhân viên.

2. Đề cao trách nhiệm cá nhân, mỗi việc chỉ một người phụ trách và chịu trách nhiệm. Hiệu trưởng là Thủ trưởng cơ quan được quyền phân công công việc và phải chịu trách nhiệm chính về tính hợp lý và hợp pháp của việc phân công ấy.

3. Xử lý công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo các quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác năm học và Quy chế làm việc của nhà trường.

4. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Chương II
TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 3. Hiệu trưởng – Phó Hiệu trưởng

1. Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi có 01 Hiệu trưởng; các Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm.

2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng nhà trường.

Điều 4. Tổ chuyên môn - nghiệp vụ

1. Tổ chuyên môn: Được chia thành các tổ, gồm: Tổ Toán; Tổ Tin học; Tổ Vật lý; Tổ Hoá học; Tổ Sinh học - Công nghệ; Tổ Ngữ văn; Tổ Lịch sử - GDCD; Tổ Địa lý-GDTC-GDQP; Tổ Ngoại ngữ.

2. Tổ văn phòng: Gồm các viên chức làm công tác kế toán, thủ quỹ, văn thư, thư viện, y tế, giám thị, thiết bị, giáo vụ và bảo vệ.

Điều 5. Hội đồng trường

Thực hiện theo Điều 20 - Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi tắt là TT 12/2011), do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng.

Điều 6. Các Hội đồng trong nhà trường

Các Hội đồng trong nhà trường do Hiệu trưởng thành lập trong năm học và làm Chủ tịch Hội đồng, trừ Hội đồng nêu tại mục b khoản 2 điều này, gồm:

1. Hội đồng thi đua và khen thưởng: Thành lập vào đầu năm học để giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, viên chức, học sinh trong nhà trường. Các thành viên của Hội đồng gồm: Hiệu trưởng (Chủ tịch HĐ), Chủ tịch Công đoàn (Phó Chủ tịch HĐ thi đua khối CB, GV, NV), Bí thư Đoàn trường (Phó Chủ tịch thi đua khối học sinh), các Phó Hiệu trưởng, đại diện Đảng uỷ, các Tổ trưởng chuyên môn và các đồng chí có hàm tổ trưởng, Tổ trưởng văn phòng, Trưởng ban thanh tra nhân dân và đại diện giáo viên chủ nhiệm lớp.

2. Hội đồng kỷ luật:

a) Đối với học sinh: Được thành lập để xét hoặc xóa kỷ luật theo từng vụ việc. Các thành viên gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, đại diện Đoàn thanh niên, giáo viên

chủ nhiệm lớp có học sinh phạm lỗi, một số giáo viên có kinh nghiệm giáo dục (được Hiệu trưởng dự kiến chọn từ đầu năm học) và Trưởng ban đại diện Hội Cha mẹ học sinh;

b) Đối với cán bộ, giáo viên, viên chức: Việc thành lập, thành phần và hoạt động của Hội đồng này được thực hiện cho từng vụ việc và theo quy định của pháp luật.

3. Các Hội đồng khác, như: Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng xét nâng lương, nâng lương sớm,… được thành lập theo yêu cầu cụ thể của từng công việc. Thành phần, nhiệm vụ, thời gian hoạt động của từng Hội đồng này do Hiệu trưởng quyết định. Hiệu trưởng có thể thành lập một số Hội đồng tư vấn về giáo dục học sinh như giáo dục đạo đức - lối sống, giáo dục tư vấn - hướng nghiệp, giáo dục tâm lý lứa tuổi…theo yêu cầu thực tế và khả năng đáp ứng của lực lượng giáo dục nhà trường.

4. Các Ban chỉ đạo: Được thành lập cho từng công tác hoặc lồng ghép một số lĩnh vực công tác để đồng bộ trong chỉ đạo hoạt động, điều hành, tránh chồng chéo. Mỗi Ban chỉ đạo phải xây dựng quy định hoạt động riêng.

Điều 7. Tổ chức Đảng Cộng Sản Việt Nam và các đoàn thể trong nhà trường

1. Nhà trường có 01 Đảng bộ (gồm 04 chi bộ) trực thuộc Đảng bộ thành phố Hải Dương. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

3. Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Chương III
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn và cách thức giải quyết công việc của Hiệu trưởng

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng

2. Cách thức giải quyết công việc của Hiệu trưởng

3. Phụ trách công tác tổ chức, quản lý nhân sự

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó hiệu trưởng

1. Nguyên tắc chung

2. Phân công cụ thể: Thực hiện theo kế hoạch công tác hàng năm của nhà trường.

Điều 10. Tổ chuyên môn

Điều 11. Tổ Văn phòng

Điều 12. Thư ký hội đồng trường

Điều 13. Các tổ chức, đoàn thể

Điều 14. Cha mẹ HS và Ban đại diện CMHS

Điều 15. Giáo viên

Chương IV

HỆ THỐNG HỒ SƠ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 16. Hệ thống hồ sơ, sổ sách và qui định về cấp quản lý:

Điều 17. Chế độ báo cáo, xin nghỉ.

Chương V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ CÔNG VIỆC THƯỜNG XUYÊN

Điều 18. Thủ tục trình kí duyệt Kế hoạch, Dự trù, Dự toán, Chương trình

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Quan hệ làm việc

1. Lãnh đạo nhà trường - Hội đồng trường - BCH Công Đoàn - BCH Đoàn trường có mối quan hệ hợp tác nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Nhà trường. Tùy theo chức năng của mỗi bên đều có trách nhiệm chỉ đạo, vận động giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đã đề ra và tổ chức thực hiện những nội dung chỉ đạo của cấp trên.

2. Quan hệ làm việc giữa bộ phận với bộ phận; bộ phận với cá nhân hoặc cá nhân công chức, viên chức với nhau trên tinh thần bình đẳng, hợp tác, để hoàn thành nhiệm vụ chung. Do vậy, phải có trách nhiệm hỗ trợ lẫn nhau, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, "*Quy chế dân chủ cơ sở"* theo tinh thần Văn minh - Lịch sự.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Khen thưởng

PHỤ LỤC:
HỆ THỐNG HỒ SƠ, SỔ SÁCH CỦA TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN

Bộ phận	TT	Loại hồ sơ	Người quản lý
Nhà trường	1	Sổ đăng bộ	Giáo vụ
	2	Sổ gọi tên - ghi điểm, sổ điểm điện tử	Giáo vụ
	3	Học bạ, hồ sơ học sinh	Giáo vụ
	4	Sổ quản lí cấp phát văn bằng, chứng chỉ	Giáo vụ
	5	Sổ quản lí và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn	Văn thư
	6	Sổ ghi đầu bài, sổ quản lý dạy – học buổi chiều	Lớp trưởng + GVCN
	7	Sổ nghị quyết của nhà trường	Thư ký HĐ trường
	8	Hồ sơ khen thưởng - kỷ luật học sinh	Thư ký HĐ trường
	9	Biên bản họp lãnh đạo, liên tịch.	Thư ký HĐ trường
	10	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên	P. Hiệu trưởng CM- Tổ trưởng CM
	11	Sổ kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	12	Sổ quản lý tài chính	Kế toán
	13	Sổ quản lý tài sản	Kế toán
	14	Hồ sơ thi đua nhà trường	Thư ký HĐ trường
	15	Sổ theo dõi thi đua học sinh	Phụ trách thi đua học sinh (*Bí thư đoàn trường*)
	16	Sổ quản lý sách thư viện	NV.Thư viện
	17	Sổ theo dõi mượn sách thư viện	NV.Thư viện
	18	Hồ sơ quản lý hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học	NV.Thiết bị
	19	Sổ theo dõi giáo viên sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học	NV.Thiết bị
Tổ chuyên môn nghiệp vụ	1 2 3 4	Sổ nghị quyết Sổ đăng ký sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học Sổ điểm danh họp tổ và đánh giá, đề xuất công việc Sổ kế hoạch sử dụng các phòng học bộ môn	Tổ trưởng
Giáo viên	1 2	Giáo án Sổ ghi chép các cuộc họp, dự giờ, tự bồi dưỡng	GV quản lý trong suốt năm học, cuối mỗi học kì

	3 4 5	Sổ Kế hoạch giảng dạy và Kiểm định hàng tuần Sổ điểm cá nhân Sổ chủ nhiệm (GVCN)	và cuối năm học giáo viên nộp lại sổ điểm cá nhân, giáo án, các bài kiểm tra học kì để lưu trữ tại văn phòng tổ bộ môn
Nhân viên	1 2	Sổ Kế hoạch và Kiểm định hàng tuần Sổ theo dõi tình hình: 1. - NV Bảo vệ: Để theo dõi tài sản. 2. - NV Thư viện, Thiết bị: Các loại sổ (theo quy định của ngành)	
Giáo viên Nhân viên	1 2	Phiếu trình giải quyết công việc Giấy xin phép nghỉ làm	Văn thư
Học sinh	1 2	Mẫu giấy xin phép nghỉ học cả ngày Mẫu giấy xin phép nghỉ một số tiết trong ngày	GVCN
Học sinh	1	Đơn xin rút hồ sơ	Giáo vụ

HIỆU TRƯỞNG

3. Kế hoạch kiểm tra nội bộ

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------
Số: /KH-CNT	*Hải Dương, ngày 30 tháng 8 năm 2017*

KẾ HOẠCH KIỂM TRA NỘI BỘ

TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI NĂM HỌC 2017-2018

I- CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của trường THPT chuyên;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-TTg ngày 24/6/2010 của Thủ Tướng Chính phủ "Phê duyệt Đề án Phát triển hệ thống trường THPT chuyên giai đoạn 2010- 2020";

Căn cứ vào Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 29/3/2011 của UBND Tỉnh Hải Dương về việc Phê duyệt đề án "Phát triển trường THPT chuyên Nguyễn Trãi, Tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011-2020";

Căn cứ vào Quyết định số 2071/QĐ-BGDĐT ngày 16/6/2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian áp dụng từ năm học 2017-2018; Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND Tỉnh Hải Dương về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2017-2018;

Căn cứ các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, UBND Tỉnh Hải Dương, Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2017-2018;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-CNT ngày 22/9/2015 của Hiệu trưởng trường THPT chuyên Nguyễn Trãi về việc Ban hành Quy chế làm việc của trường THPT Nguyễn Trãi, áp dụng từ năm học 2015-2016;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-CNT ngày 1/8/2016 về việc sửa đổi, bổ sung Qui chế làm việc của trường THPT chuyên Nguyễn Trãi;

Căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể và khả năng của nhà trường, trường THPT chuyên Nguyễn Trãi xây dựng kế hoạch Kiểm tra nội bộ năm học 2017 – 2018 như sau:

II- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Công tác kiểm tra nội bộ nhà trường là một hoạt động quản lý thường xuyên của Hiệu trưởng; là một yêu cầu tất yếu của quá trình đổi mới quản lý hiện nay. Công tác KTNBTH nhằm giúp hiệu trưởng tìm ra những biện pháp đôn đốc, giúp đỡ và điều chỉnh đối tượng kiểm tra; góp phần hoàn thiện, củng cố và phát triển nhà trường.

2. Công tác KTNBTH phải đảm bảo, toàn diện, trực tiếp các nội dung và đối tượng, nhằm đánh giá được thực trạng năng lực của mỗi cá nhân từ đó tư vấn, thúc đẩy, giúp đỡ đội ngũ từng bước hoàn thiện năng lực sư phạm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đối với các tổ chức, bộ phận trong nhà trường, thông qua việc kiểm tra các nội dung, đối chiếu với các quy định để Hiệu trưởng đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ từ đó điều chỉnh kế hoạch, tư vấn, thúc đẩy các cá nhân, tập thể; hiệu trưởng tự kiểm tra và tự điều chỉnh quá trình công tác…góp phần thực hiện các nhiệm vụ, hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ được giao của nhà trường.

3. Kết quả kiểm tra nội bộ trường học làm cơ sở cho việc: đánh giá xếp loại giáo viên trung học theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT); đánh giá công chức, viên chức và đánh giá xếp loại thi đua hàng năm.

4. Công tác KTNBTH tại cơ sở phải được thực hiện trên nguyên tắc: Thủ trưởng vừa là chủ thể kiểm tra (kiểm tra cấp dưới theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục, tự kiểm tra) vừa là đối tượng kiểm tra (công khai hoá các hoạt động, các thông tin quản lý nhà trường để Ban KTNBTH kiểm tra).

5. Mỗi nội dung kiểm tra nhất thiết phải lập biên bản kiểm tra để làm căn cứ đánh giá, lưu trữ hồ sơ.

III- NỘI DUNG KIỂM TRA

Tất cả các hoạt động giáo dục trong nhà trường đều được kiểm tra để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả. Trong đó tập trung kiểm tra một số nội dung chủ yếu sau:

1. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao của lãnh đạo, viên chức, người lao động

1.1. Kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên

Nội dung kiểm tra:

+ Kế hoạch, nội dung, phương pháp, biện pháp thực hiện;

+ Phẩm chất chính trị đạo đức, lối sống;

+ Kết quả công tác được giao;

+ Trình độ nghiệp vụ (tay nghề);

+ Thực hiện quy chế chuyên môn;

+ Kết quả giảng dạy, giáo dục;

+ Tham gia công tác khác.

1.2. Kiểm tra hoạt động phục vụ dạy học, giáo dục của viên chức và người lao động trong trường

Nội dung kiểm tra:

+ Việc thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu năm học;

+ Số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ: cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên; tình hình bố trí, sử dụng đội ngũ, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định;

+ Các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật: Số lượng, chất lượng, việc bố trí, sắp xếp, khai thác, sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị, khuôn viên, các khu vực vệ sinh;

+ Thực hiện kế hoạch tuyển sinh: Tuyển sinh, biên chế học sinh/lớp;

+ Hoạt động và chất lượng giảng dạy các môn văn hóa: Tổ chức giảng dạy, học tập, thực hiện chương trình, nội dung, kế hoạch dạy học; kiểm tra và đánh giá xếp loại, tình hình chất lượng giảng dạy của giáo viên và kết quả học tập của người học;

+ Thực hiện nội dung, chương trình giáo dục toàn diện: đạo đức, thẩm mỹ, thể chất …, công tác chủ nhiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp, công tác Đoàn , hoạt động xã hội; kết quả xếp loại hạnh kiểm; đánh giá người học;

+ Kiểm tra việc thực hiện Quy định về dạy thêm học thêm; thu chi trong nhà trường, quy định về đồng phục;

+ Kiểm tra việc thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật khiếu nại, tố cáo.

2. Kiểm tra hoạt động của các tổ, nhóm chuyên môn, các bộ phận: thư viện, thiết bị, tài chính, văn thư

2.1. Kiểm tra hoạt động của tổ/ nhóm chuyên môn

Nội dung kiểm tra:

+ Kiểm tra công tác quản lý của tổ trưởng, nhóm trưởng;

+ Kiểm tra hồ sơ chuyên môn; hồ sơ quản lý;

+ Kiểm tra nền nếp sinh hoạt chuyên môn;

+ Kiểm tra kế hoạch bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;

+ Kiểm tra việc chỉ đạo phong trào học tập của học sinh;

2.2. Kiểm tra cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và thư viện

Nội dung kiểm tra cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

+ Kiểm tra kế hoạch mua sắm thiết bị theo nhu cầu dạy và học;

+ Kiểm tra việc xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học;

+ Kiểm tra việc duy trì, bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học;

+ Kiểm tra việc khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Nội dung kiểm tra thư viện gồm:

+ Kiểm tra cơ sở vật chất (phòng thư viện, bàn ghế, kệ, tủ);

+ Kiểm tra việc sắp xếp, bố trí, trang trí, vệ sinh;

+ Kiểm tra số lượng và chất lượng sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa …;

+ Kiểm tra hoạt động của nhân viên thư viện (việc thực hiện nội quy, việc cho mượn, thu hồi; hồ sơ sổ sách, bảo quản, giới thiệu, thống kê, phân loại, bổ sung sách báo; thực hiện giờ giấc, tinh thần, thái độ làm việc …).

2.3. Kiểm tra tài chính

Nội dung kiểm tra

+ Kế hoạch xây dựng, tạo nguồn ngân sách của trường;

+ Kiểm tra các khoản thu ngân sách, thu hoạt động của đơn vị;

+ Kiểm tra các khoản chi ngân sách, chi khác của đơn vị;

+ Kiểm tra việc xác định các khoản chênh lệch thu chi hoạt động và trích lập các quỹ;

+ Kiểm tra quan hệ thanh toán;

+ Kiểm tra việc quản lý và sử dụng các khoản vốn bằng tiền;

+ Kiểm tra việc thực hiện quyết toán thu chi tài chính;

+ Kiểm tra công tác đầu tư xây dựng cơ bản (nếu có);

+ Kiểm tra kế toán (chấp hành chế độ, nguyên tắc kế toán tài chính).

2.4. Kiểm tra hoạt động của bộ phận văn thư hành chính

Nội dung kiểm tra:

+ Kiểm tra việc soạn thảo, luân chuyển, lưu trữ công văn đi, công văn đến;

+ Kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu;

+ Kiểm tra việc quản lý các hồ sơ, sổ sách hành chính, giáo vụ (sổ đăng bộ, sổ gọi tên ghi điểm, sổ ghi đầu bài, học bạ, sổ quản lý cáp phát văn bằng, chứng chỉ, sổ theo dõi phổ cập giáo dục, sổ Nghị quyết của nhà trường, sổ kiểm tra đánh giá giáo viên về công tác chuyên môn, sổ khen thưởng, kỷ luật học sinh, sổ lưu trữ các văn bản, công văn và các loại hồ sơ sổ sách khác);

+ Kiểm tra việc quản lý thiết bị, văn phòng phẩm (nếu có);

+ Kiểm tra tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên văn thư; việc công khai hóa thủ tục hành chính.

3. Kiểm tra công tác quản lý của Lãnh đạo nhà trường

Nội dung kiểm tra:

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch (kế hoạch năm học, học kỳ, kế hoạch tháng của trường học và các bộ phận);

+ Quản lý nhà giáo, nhân viên, phát triển đội ngũ;

+ Công tác kiểm tra nội bộ trường học;

+ Chỉ đạo công tác hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường;

+ Xây dựng, cơ sở vật chất thiết bị dạy và học;

+ Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước với nhà giáo, nhân viên và học sinh;

+ Thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường;

+ Công tác xã hội hóa;

+ Công tác thi đua, thực hiện các cuộc vận động trong ngành;

+ Công tác phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí;

+ Công tác tiếp dân;

+ Giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo (thuộc thẩm quyền);

+ Quản lý và tổ chức giáo dục học sinh;

+ Quan hệ phối hợp công tác giữa nhà trường và các đoàn thể;

+ Công tác chính trị tư tưởng, tuyền truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;

+ Công tác thực hiện ba công khai;

+ Ngoài ra, Hiệu trưởng còn cần tự kiểm tra, đánh giá lề lối làm việc, phong cách tổ chức và quản lý của chính mình, tự đánh giá khách quan phẩm chất, năng lực và uy tín của mình để tự điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu, chuẩn mực của người cán bộ quản lý trường học.

IV- LỊCH TRÌNH KIỂM TRA CỤ THỂ

1. Lịch kiểm tra.

Thời gian	Nội dung, đối tượng kiểm tra	Người kiểm tra
Tháng 08/2017	- Kiểm tra tư cách học sinh khối 10; - Cơ sở vật, trang thiết bị cho năm học 2017-2018; - Kiểm tra hệ thống sổ sách cấp phát cho giáo viên, cho các bộ phận chuẩn bị năm học mới; - Kiểm tra việc quán triệt nội quy, quy định với học sinh, công tác giáo dục truyền thống với học sinh khối 10.	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Thanh tra nhân dân Văn phòng Giáo vụ
Tháng 09/2017	- Kiểm tra công tác tuyển sinh; - Kiểm tra thu góp đầu năm; - Kiểm tra hồ sơ, lý lịch học sinh toàn trường; - Kiểm tra hồ sơ của các tổ, nhóm chuyên môn, văn phòng và các cá nhân; - Kiểm tra việc kí cam kết thực hiện nội qui của học sinh; - Kiểm tra việc thực hiện Quy định về dạy thêm học thêm; - Tổ chức việc kiểm tra, dự giờ giáo viên theo kế hoạch từng tổ.	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Thanh tra nhân dân Kế toán Bí thư Đoàn Văn phòng Giáo vụ
Tháng 10/2017	- Kiểm tra tài chính (kế toán, thủ quỹ); - Kiểm tra công tác đoàn; - Kiểm tra thiết bị dạy học và thư viện; - Kiểm tra hoạt động, hồ sơ của các tổ, nhóm chuyên môn, văn phòng và các cá nhân; - Tổ chức việc kiểm tra, dự giờ giáo viên theo kế hoạch từng tổ.	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Thanh tra nhân dân Kế toán Văn phòng Giáo vụ
Tháng 11/2017	- Kiểm tra việc thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật khiếu nại, tố cáo; - Kiểm tra hoạt động của bộ phận văn thư hành chính; - Kiểm tra hoạt động, hồ sơ của các tổ, nhóm chuyên môn, văn phòng và các cá nhân; - Kiểm tra việc triển khai chấm điểm giáo viên; - Kiểm tra tiến độ vào điểm điện tử và cơ số điểm; - Tổ chức việc kiểm tra, dự giờ giáo viên theo kế hoạch từng tổ.	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Thanh tra nhân dân Văn phòng Giáo vụ
Tháng	- Kiểm tra tổ chức ôn tập học kỳ; ra đề và chấm bài kiểm tra thi	Lãnh đạo

12/2017	cuối học kì I; - Kiểm tra việc đánh giá xếp loại học sinh; - Kiểm tra việc thực hiện phân phối chương trình; - Kiểm tra hoạt động, hồ sơ của các tổ, nhóm chuyên môn, văn phòng và các cá nhân; - Kiểm tra cơ sở vật chất chuẩn bị thi HSG Quốc gia năm 2018; - Tổ chức việc kiểm tra, dự giờ giáo viên theo kế hoạch từng tổ.	Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Giáo vụ
Tháng 1/2018	- Kiểm tra kiểm kê tài sản; - Kiểm tra việc vào điểm, tổng kết điểm học kì I; - Kiểm tra hoạt động, hồ sơ của các tổ, nhóm chuyên môn, văn phòng và các cá nhân; - Tổ chức việc kiểm tra, dự giờ giáo viên theo kế hoạch từng tổ; - Kiểm tra tổ chức thực hiện kế hoạch (kế hoạch năm học, học kỳ, kế hoạch tháng của trường và các bộ phận).	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Văn phòng Thanh tra nhân dân Kế toán Giáo vụ
Tháng 2/2018	- Kiểm tra thực hiện dạy học thực hành thí nghiệm; - Kiểm tra hoạt động, hồ sơ của các tổ, nhóm chuyên môn, văn phòng và các cá nhân; - Tổ chức việc kiểm tra, dự giờ giáo viên theo kế hoạch từng tổ; - Kiểm tra thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước với nhà giáo, nhân viên và học sinh; - Kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Văn phòng Thanh tra nhân dân Kế toán Giáo vụ
Tháng 3/2018	- Kiểm tra công tác xã hội hóa; - Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng; thực hiện các cuộc vận động trong ngành; - Kiểm tra hoạt động, hồ sơ của các tổ, nhóm chuyên môn, văn phòng và các cá nhân; - Tổ chức việc kiểm tra, dự giờ giáo viên theo kế hoạch từng tổ.	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Văn phòng Giáo vụ
Tháng 4/2018	- Kiểm tra công tác chính trị tư tưởng, tuyền truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; - Kiểm tra công tác thực hiện ba công khai; - Kiểm tra hoạt động, hồ sơ của các tổ, nhóm chuyên môn, văn phòng và các cá nhân; - Tổ chức việc kiểm tra, dự giờ giáo viên theo kế hoạch từng tổ;	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Thanh tra nhân dân Văn phòng Giáo vụ

	- Kiểm tra tổ chức ôn tập học kỳ II; - Kiểm tra Hồ sơ học sinh khối 12.	
Tháng 5/2018	- Kiểm tra ra đề và chấm bài kiểm tra học kì II; -Kiểm tra việc đánh giá xếp loại học sinh; - Kiểm tra việc vào điểm và thực hiện phân phối chương trình; - Kiểm tra hoạt động, hồ sơ của các tổ, nhóm chuyên môn, văn phòng và các cá nhân; - Kiểm tra việc vào điểm kiểm tra học kỳ và đánh giá chuyên cần; - Kiểm tra việc chuẩn bị cơ sở vật chất chuẩn bị cho kì thi tuyển sinh lớp 10 và thi THPT QG; - Kiểm tra công tác đánh giá chuyên môn nghiệp vụ, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, đánh giá công chức, viên chức và thi đua, khen thưởng.	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Các tổ trưởng Thanh tra nhân dân Văn phòng Giáo vụ
6/2018	- Kiểm tra công tác tiếp dân; - Kiểm tra giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo (thuộc thẩm quyền).	Lãnh đạo Ban kiểm tra nội bộ Văn phòng Thanh tra nhân dân
7/2018	- Kiểm tra, rút kinh nghiệm công tác tổ chức thi tuyển sinh; - Kiểm tra, rút kinh nghiệm công tác tổ chức thi trung học phổ thông.	Lãnh đạo Văn phòng Giáo vụ

2. Hình thức kiểm tra.

- Kiểm tra theo kế hoạch;
- Kiểm tra đột xuất.

3. Qui trình kiểm tra.

- Hiệu trưởng ban hành Quyết đinh kiểm tra;
- Công bố Quyết định kiểm tra;
- Thực hiện kiểm tra theo nội dung đã công bố;
- Thông báo kết quả kiểm tra trước Hội đồng;
- Lưu hồ sơ tại Văn thư.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập ban kiểm tra nội bộ trường học *(có QĐ kèm theo)*.
2. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra nội bộ.

- Ban kiểm tra nội bộ tham mưu, cùng hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trong năm học.

- Công khai kế hoạch đã được duyệt cho toàn thể hội đồng giáo dục.

- Cụ thể hóa kế hoạch, tổ chức hướng dẫn nội dung, hình thức, biện pháp thực hiện kế hoạch cho ban kiểm tra nội bộ; phân công nhiệm vụ cụ thể, định hướng công việc cho từng thành viên ban kiểm tra nội bộ.

3. Các thành viên ban kiểm tra nội bộ tìm hiểu các văn bản pháp quy, các quy định, hướng dẫn của các cấp để có căn cứ đối chiếu khi kiểm tra.

4. Tổ chức thực hiện kiểm tra nội bộ theo kế hoạch. Ban kiểm tra nội bộ cụ thể hoá kế hoạch kiểm tra nội bộ trong năm học bằng việc lập kế hoạch cụ thể cho từng tháng (*theo thời gian*), theo từng đợt (*theo quy mô, nội dung*). Mỗi nội dung kiểm tra nhất thiết phải lập biên bản kiểm tra để làm căn cứ đánh giá, lưu trữ hồ sơ.

5. Hàng tháng, đưa nội dung đánh giá công tác kiểm tra nội bộ vào chương trình công tác, đồng thời điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch cho sát thực tế. Cuối học kì và cuối năm học báo cáo sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra nội bộ trước hội đồng giáo dục nhà trường.

6. Xử lý kết quả, thống kê, báo cáo kịp thời công tác kiểm tra nội bộ. Lưu trữ đầy đủ hồ sơ của nhà trường.

7. Quy định về thời gian thông tin báo cáo :

- Các tổ chuyên môn nộp kế hoạch và kết quả kiểm tra (hồ sơ kiểm tra) về trường vào cuối mỗi học kì theo quy định.

- Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nội bộ trong tổ cuối mỗi học kì.

Nơi nhận:

- Các thành viên Ban kiểm tra nội bộ nhà trường;
- Các đ/c tổ trưởng, trưởng các đoàn thể;
- Thanh tra nhân dân, thư kí HĐT;
- Lưu: VT, giáo vụ.

4. Biên bản Kiểm tra Chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG THPT CHUYÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
NGUYỄN TRÃI	**----------**

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên

Họ và tên giáo viên được kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ: .....

Dạy môn: ..... tổ: .....;

Nhiệm vụ được giao: .....

.....

I. Kết quả kiểm tra

1. Trình độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công về giảng dạy và giáo dục học sinh

1.1. Trình độ chuẩn đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên:

Kiến thức cơ bản, trình độ chuẩn được đào tạo …...……

.....

Kiến thức về tâm lý học sư phạm và tâm lý lứa tuổi…….....

Kiến thức phổ thông về những vấn đề xã hội và nhân văn…….....

Hiểu biết về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa của địa phương .....

.....

1.2. Thực hiện nhiệm vụ giảng dạy:

Xây dựng kế hoạch giảng dạy, giáo dục.....

Thực hiện chương trình giảng dạy, giáo dục .....…….....

Soạn bài, giáo án.....

Lên lớp giảng dạy, giáo dục học sinh…….....…….....

Công tác thực hành, thí nghiệm; sử dụng đồ dùng dạy học .....

Kiểm tra, chấm bài, đánh giá xếp loại học sinh.....

Mức độ tiến bộ của học sinh từ đầu năm đến thời điểm kiểm tra…….....

1.3. Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp(nếu có):

Quản lý việc học tập và rèn luyện của học sinh, giúp đỡ học sinh cá biệt ….....

Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng xây dựng môi trường giáo dục

1.4 Tham gia công tác khác: .....……...

1.5. Bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Tham gia các hoạt động chuyên môn của nhà trường, tổ, nhóm chuyên môn

.....…….….....

Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm …….....

Tham gia học tập để nâng cao trình độ chuẩn đào tạo …….....

Xếp loại (tiêu chuẩn 1) .....

2. Kết quả giảng dạy của giáo viên

2.1. Kết quả tiết dạy:

Tiết 1 Tên bài ..... Lớp ..... Xếp loại .....

Tiết 2 Tên bài ..... Lớp ..... Xếp loại .....

Tiết 3 Tên bài ..... Lớp ..... Xếp loại .....

2.2. Kết quả giảng dạy của giáo viên (đánh giá trong sổ điểm lớp):

2.3. Kết quả khảo sát học sinh:

Xếp loại (tiêu chuẩn 2): .....

II. XẾP LOẠI CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

Xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên …….....……

Kiến nghị .....

.....

.....

Ý kiến của giáo viên *(Ký và ghi họ tên)*

.....

Ngày tháng năm 201

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

5. Quy định đánh giá, cho điểm theo dõi giáo viên

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG THPT CHUYÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
NGUYỄN TRÃI	**----------**
----------	*Hải Dương, ngày tháng năm 2017*

QUI ĐỊNH ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM THEO DÕI THI ĐUA GIÁO VIÊN

NĂM HỌC 2017-2018

PHẦN THỨ NHẤT: CÁC TIÊU CHÍ THEO DÕI TÍNH ĐIỂM

A- ĐIỂM TRỪ

I. THỰC HIỆN KỶ LUẬT LAO ĐỘNG (30 điểm)

1. Thực hiện ngày giờ công (20 điểm)

TT	Nội dung		Điểm trừ	Người theo dõi
1	- Bỏ giờ không báo cáo (kể cả giờ chào cờ, SH của GVCN)		5 điểm/1 tiết	GV trực ban + Lãnh đạo
2	- Đổi giờ không báo cáo tổ trưởng + Lãnh đạo		2 điểm/lần	Tổ trưởng + Lãnh đạo
3	- Vắng một buổi họp không báo cáo với lãnh đạo - Vắng họp quá 2 buổi trở lên có lý do riêng- chính đáng (trừ trường hợp đi công tác theo sự điều động)		3 điểm/lần 1 điểm/lần	
4	- Ra tiết sớm hoặc vào muộn (kể cả giờ chào cờ và sinh hoạt)	Từ 5 đến 10 phút	1 điểm/lần	GV trực ban + Lãnh đạo
		Từ 10 đến 15 phút	2 điểm/lần	
		Từ 15 đến 20 phút	3 điểm/lần	
		Trên 20 phút tính như bỏ giờ	5 điểm/lần	

2. Tham gia hội họp, sinh hoạt, thực hiện quy chế làm việc của nhà trường (10 *điểm*)

TT	Nội dung	Điểm trừ	Người theo dõi
1	Nói chuyện riêng trong giờ họp bị nhắc nhở	1 điểm/lần	Tổ trưởng
2	Làm việc riêng (chấm bài, sử dụng điện thoại để đọc báo, ngủ…) trong thời gian họp HĐGD, họp Tổ CM	1 điểm/lần	Thư ký Tổ trưởng

3	Đi muộn hoặc bỏ về trước khi cuộc họp kết thúc mà không báo cáo lãnh đạo	2 điểm/lần	Lãnh đạo

II. THỰC HIỆN QUY CHẾ CHUYÊN MÔN (60 điểm)

TT	Tiêu chuẩn	Nội dung	Điểm trừ	Người theo dõi
1	Giáo án	- Không nộp giáo án để ký duyệt theo định kỳ mỗi lần - Không nộp hồ sơ để tổng kiểm tra theo lịch công tác	1 điểm/lần 10 điểm/lần	Tổ trưởng Lãnh đạo phụ trách
2	Khi lên lớp giảng dạy	Để lớp mất trật tự gây ảnh hưởng các lớp khác.	1 điểm/lần	GV trực ban
		Sử dụng điện thoại di động trong tiết dạyquá 1 phút.	1 điểm/lần	GV trực ban
		Không có đủ các hồ sơ khi được kiểm tra đột xuất **Không có giáo án khi được kiểm tra sẽ không xét thi đua trong năm học**	3 điểm/lần	Lãnh đạo
		Làm việc riêng trong tiết dạy(đọc báo, sử dụng điện thoại, chấm bài trong giờ kiểm tra, coi thi…) hoặc để HS ngồi chơi…	2 điểm/lần	GV trực ban Lãnh đạo
3	Dự giờ	Thiếu giờ theo quy định	3 điểm/tiết	Tổ trưởng
		Dự giờ khống	5 điểm/tiết	Tổ trưởng
4	Ghi sổ đầu bài	Không đánh giá, xếp loại tiết (ca) dạy: + Với sổ đầu bài buổi sáng + Với sổ theo dõi học buổi chiều	 3 điểm/lần 1 điểm/lần	Giáo vụ; Lãnh đạo
		Vi phạm lỗi nhỏ (thiếu chữ ký, dùng bút xóa, không kịp thời bổ sung thiếu sót…)	1 điểm/lần	Giáo vụ; Lãnh đạo
5	Hồ sơ CM	Thiếu 1 loại trong mỗi lần kiểm tra	3 điểm/lần	CBQL
		Hồ sơ CM bị xếp loại TB	5 điểm/lần	CBQL
6	Vào điểm	Vào điểm chậm so với lịch nhà trường đề ra	3 điểm/lần	Giáo vụ; Lãnh đạo
		Vào sai điểm	1 điểm/lần	
7	**Công việc khác được giao**	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	5 điểm/lần	CBQL

III. THAM GIA CÔNG VIỆC CỦA CÁC ĐOÀN THỂ, GIỮ GÌN HÌNH ẢNH NHÀ TRƯỜNG (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm trừ	Người theo dõi
1	Vắng họp ở tổ chức Chi bộ, Công đoàn, Đoàn trường, Chi đoàn giáo viên...	3 điểm/lần	Thư ký HĐT-Đoàn TN; Công đoàn; CBQL
2	Không tham gia hoạt động đoàn thể, ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp mà không có lý do...	3 điểm/lần	GV trực ban, Tổ trưởng, LĐ
3	Lớp chủ nhiệm bị phê bình trước toàn trường từ 3 lần trở lên(tập trung muộn, vi phạm luật GT, xếp thứ 12 trong học kì, …)	2 điểm/lần	Đoàn TN, GV trực ban
4	Hút thuốc không đúng nơi quy định	2 điểm/lần	GV trực ban
5	Thực hiện trang phục không đúng quy định (trang phục trong các dịp lễ của trường, đeo phù hiệu…)	2 điểm/lần	GV trực ban; CBQL

Trên đây là những tiêu chí đánh giá <u>định lượng</u>. Ngoài ra, còn có đánh giá <u>định tính</u> dựa vào những thông tin dư luận trong trường và ngoài xã hội để có những thông số sát hợp nhất. (ví dụ: *Nếu có những dư luận về hành vi trù dập HS, ứng xử với CM HS không đúng mực, phát ngôn gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh hoặc khối đoàn kết của nhà trường… sẽ có những mức độ trừ điểm hợp lý).*

B. ĐIỂM THƯỞNG

1. Giải HSG các môn văn hóa, KHKT:

Điểm cộng = 100% điểm của 1 giải cao nhất + 50% tổng điểm của các giải còn lại

- Giải Quốc tế: **Vàng** + 50 điểm; **Bạc** + 45 điểm; **Đồng** + 40 điểm; **BK** + 35 điểm
- Giải Khu vực: **Vàng** +35 điểm; **Bạc** + 30 điểm; **Đồng** + 25 điểm; **BK** +20 điểm
- Giải Quốc gia: **Nhất** + 30 điểm; **Nhì**: +10 điểm; **Ba** + 7 điểm; **KK** + 5 điểm
- Giải HSG các trường Chuyên khu vực DH-ĐB BB: **Vàng** +10 điểm; **Bạc** + 7 điểm; **Đồng** + 5 điểm; **KK** + 3 điểm.
- Giải Tỉnh: **Nhất** + 10 điểm; **Nhì**: +3 điểm; **Ba** + 2 điểm; **KK** + 1 điểm

2. Các thành tích khác

- *<u>Thi giáo viên giỏi Tỉnh</u>*: Nhất + 30 điểm Nhì: +25 điểm; Ba + 20 điểm; KK + 5 điểm

- *Đạt giải trong các cuộc thi của ngành, hoặc Liên ngành phát động*: **Tính như GV có giải HSG các cấp.**

- GV được tặng Giấy khen, Bằng khen về những thành tích hoạt động chuyên biệt (Công đoàn, Đoàn TN, Thể thao…): **cấp TP** + 10 điểm; **cấp Tỉnh** + 20 điểm; **cấp TƯ** + 30 điểm.

- GV có Sáng kiến được công nhận cấp Quốc gia + 30 điểm; cấp Tỉnh + 20 điểm: cấp ngành + 5 điểm; cấp cơ sở + 3 điểm (được cộng 1 lần, bảo lưu cho năm học sau).

- Hồ sơ giáo án được xếp loại xuất sắc được cộng 10 điểm/học kỳ.

- Lớp có HS tham gia cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết tình huống thực tiễn, Nghiên cứu KH, ...: GVCN được cộng 1 điểm/học sinh tham gia.

- *Lớp chủ nhiệm* được nhà trường khen thưởng sau mỗi học kỳ: **Nhất** + 10 điểm; **Nhì** + 5 điểm; **Ba** + 3 điểm.

- *Tổ trưởng tổ CM* được cộng điểm bằng ***1/2 số điểm trung bình*** của tất cả các GV trong tổ.

- *Tổ phó tổ CM* được cộng điểm bằng ***1/3 số điểm trung bình*** của tất cả các GV trong tổ.

- *Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM* được cộng 20 điểm/học kì.

- *Phó Chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM* được cộng 10điểm/học kì.

3. Các lĩnh vực khác được cộng 3 điểm/học kì/lĩnh vực (phải được xã hội và Lãnh đạo nhà trường ghi nhận).

- Có nhiều ý kiến đóng góp hiệu quả cho tập thể nhà trường, cho tổ chuyên môn được ghi nhận.

- Có tinh thần đấu tranh chống lại các hành vi làm ảnh hưởng đến danh dự nhà trường, đến đồng nghiệp…

- Vận động tài trợ từ bên ngoài cho các hoạt động dạy-học, giáo dục của nhà trường.

- Tham gia các hoạt động xã hội (từ thiện, hiến máu nhân đạo, cứu nạn…).

- Tích cực viết bài trên trang Web của trường, trang web "Trường học kết nối"…

- Tích cực tham gia các hoạt động của công đoàn (hiếu, hỉ…), Đoàn Thanh niên và các hoạt động tập thể của nhà trường.

PHẦN THỨ HAI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Lãnh đạo nhà trường tổng hợp từ theo dõi của Giáo viên trực ban, các tổ trưởng, thư ký HĐT và các đoàn thể công bố công khai các vi phạm của giáo viên trong kỳ họp Hội đồng GD đầu tháng để các tổ trưởng cập nhật các thông số về thành viên của tổ mình.

- Các tổ trưởng chịu trách nhiệm theo dõi, chấm điểm các thành viên, ghi điểm chi tiết vào sổ chấm điểm. Các đ/c tổ trưởng cập nhật thông tin từ phía lãnh đạo, công bố điểm trừ, điểm cộng công khai tại văn phòng tổ 1 lần/tháng, vào các ngày họp tổ. Cuối mỗi học kì, tổ trưởng nộp sổ chấm điểm cho lãnh đạo.

- 100% giáo viên phải kẹp quy định này và bản tự chấm điểm trong sổ kiểm định của mình, tự chấm điểm khi được điểm cộng hoặc bị trừ điểm. Cuối mỗi học kì, giáo viên nộp lại bản tự chấm điểm cho tổ trưởng để tổ trưởng đối chiếu với phần chấm điểm của tổ trưởng.

- Cuối HK I và cuối năm tính tổng số điểm của GV và xếp thứ từ 1 đến hết.

- **Tổng điểm của giáo viên là một trong các căn cứ quan trọng để xếp loại và xét tặng danh hiệu thi đua:**

+ **Tốt**: Từ 90 điểm trở lên (là cơ sở xét công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp nếu có sáng kiến kinh nghiệm đạt theo qui định).

+ **Khá**: Từ 80 điểm đến 89 điểm (là cơ sở xét công nhận danh hiệu lao động tiên tiến).

+ **Trung bình**: Từ 70 điểm đến 79 điểm (là cơ sở xét công nhận hoàn thành nhiệm vụ).

+ **Yếu:** Dưới 70 điểm (là cơ sở xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ).

Nơi nhận: **HIỆU TRƯỞNG**

- Toàn thể CB, GV, NV nhà trường;
- Lưu: VT.

6. Phiếu giải quyết công việc

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	**----------**
Số: /PTGQCV-CNT	

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Về việc .....

Kính gửi:

- Lãnh đạo trường THPT chuyên Nguyễn Trãi;
- .....

I. PHẦN GHI DÀNH CHO NGƯỜI TRÌNH:

Tên tôi là: .....

Chức vụ (đối với nhân viên văn phòng thì ghi rõ công việc, đối với giáo viên thì ghi rõ dạy môn gì): ..... Tổ: .....

* Nội dung công việc và ý kiến đề xuất:

.....

.....

* Hồ sơ kèm theo gồm:

.....

.....

II. Ý KIẾN CỦA TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN, PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH VÀ CÁC BỘ PHẬN CÓ LIÊN QUAN:

.....

.....

Ngày ..... tháng ..... năm..... Ngày ..... tháng ..... năm.....

Ý kiến của tổ trưởng chuyên môn	**Người viết phiếu trình**
(nếu nội dung trình có liên quan)	(Kí và ghi rõ họ tên)
(Ghi rõ ý kiến, kí và ghi rõ họ tên)	
Ngày ..... tháng ..... năm.....	Ngày ..... tháng ..... năm.....
Ý kiến của các bộ phận khác	**Ý kiến của Phó Hiệu trưởng phụ trách**
(nếu nội dung trình có liên quan)	*(nếu nội dung trình có liên quan)*
(Ghi rõ ý kiến, kí và ghi rõ họ tên)	(Ghi rõ ý kiến, kí và ghi rõ họ tên)

III. Ý KIẾN CỦA HIỆU TRƯỞNG

.....

.....

Ngày ..... tháng ..... năm.....

Hiệu trưởng

Phụ lục 15:

Về điểm trung bình từng môn năm học 2016 - 2017

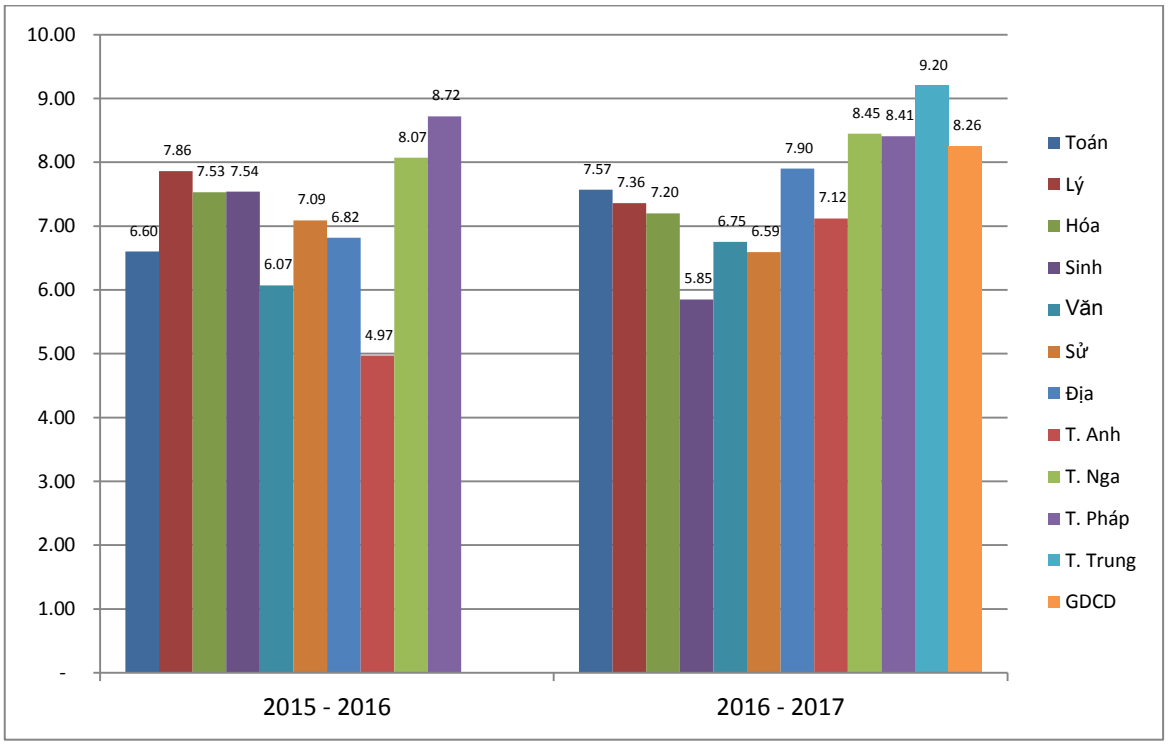

Biểu đồ 6: Thống kê điểm trung bình từng môn chuyên năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017.

Về phổ điểm tốt nghiệp:

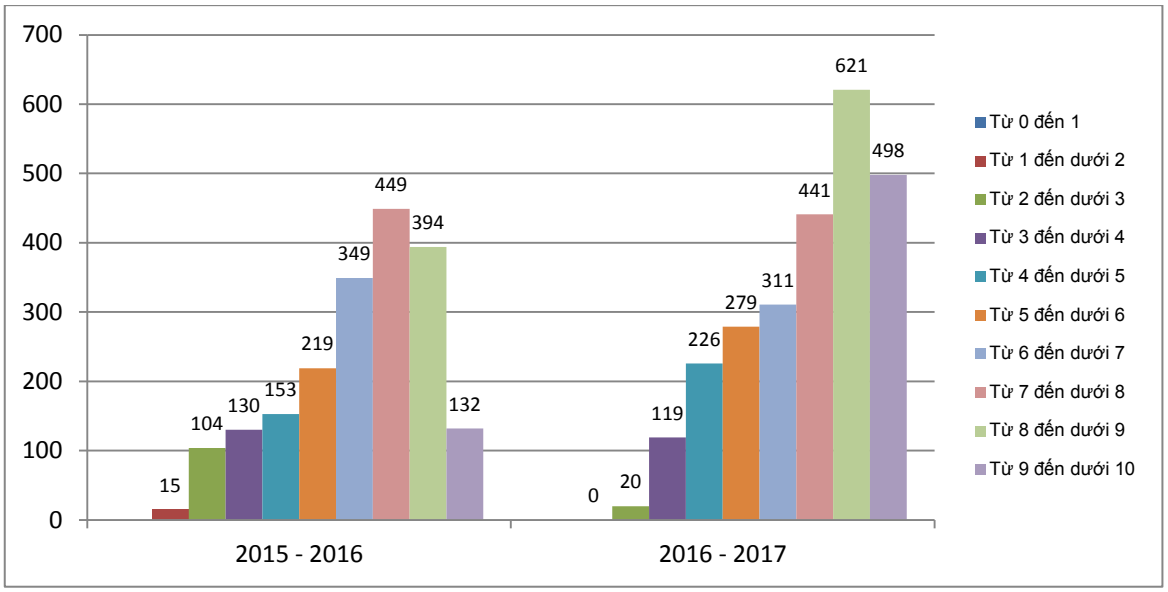

Biểu đồ 7: Thống kê phổ điểm Điểm thi Tốt nghiệp THPT Quốc gia năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017.

Về điểm thi THPT quốc gia

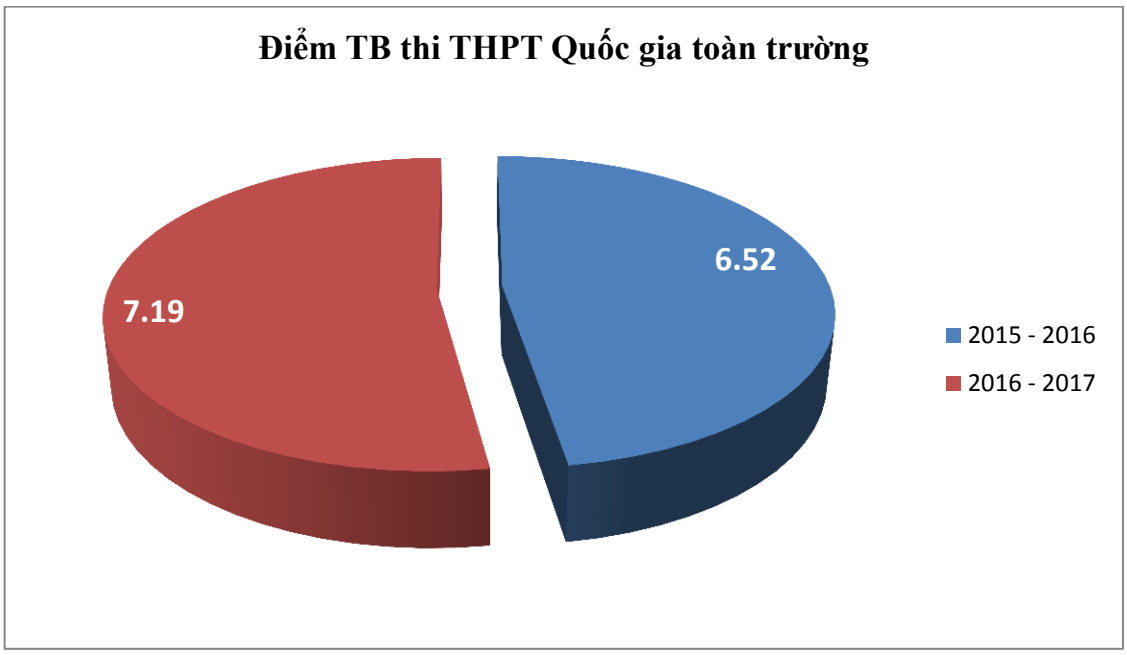

Biểu đồ 8: Thống kê điểm TB thi THPT Quốc gia năm 2016 và năm 2017

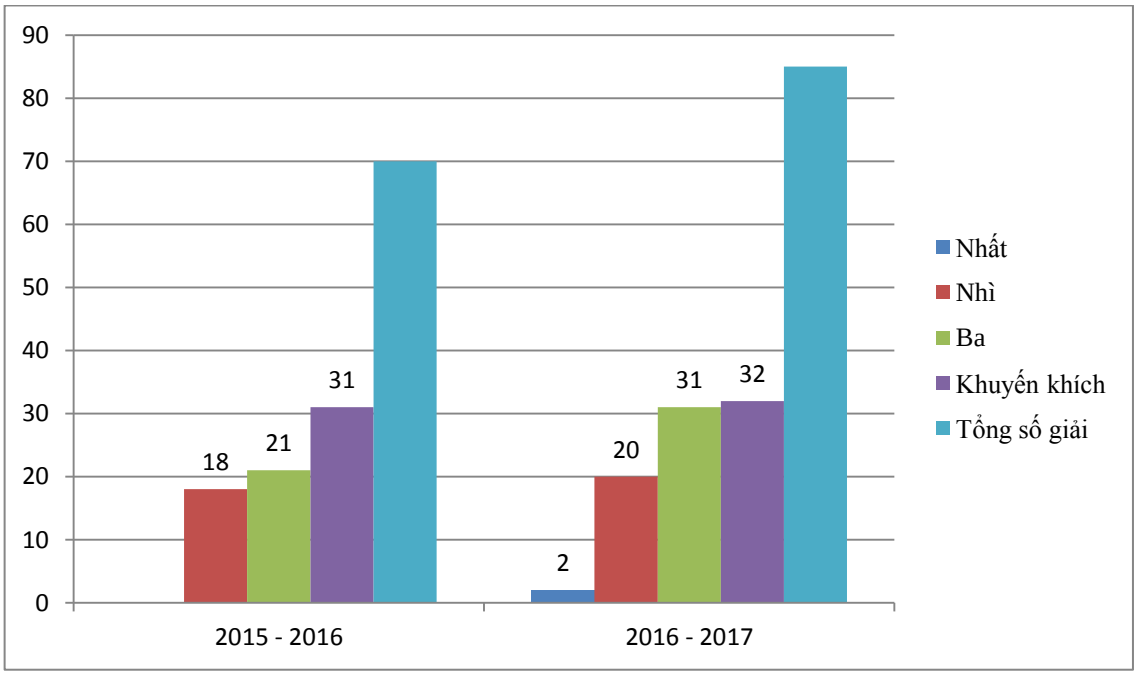

Biểu đồ 9: Thống kê giải Quốc gia năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017

Về tỉ lệ đỗ đại học

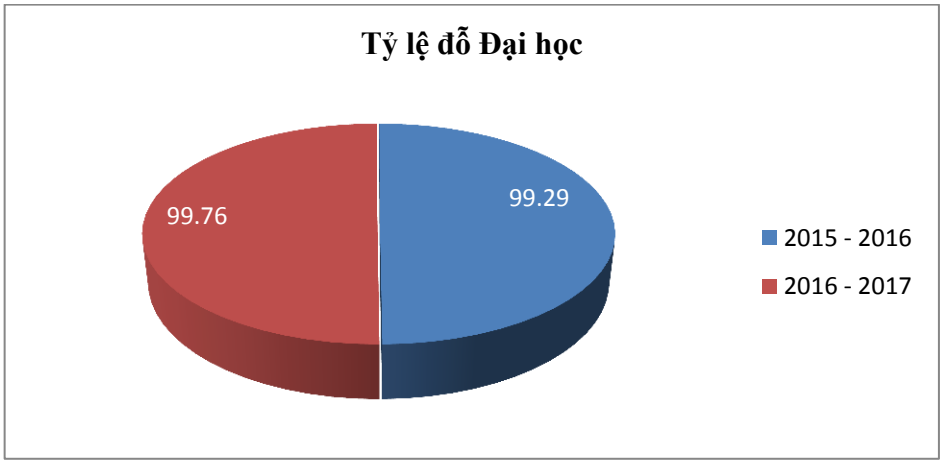

Biểu đồ 10: Tỷ lệ đỗ đại học năm học 2015 - 2016 và 2016 - 2017